

# CỎ THƠM

TAM CÁ NGUYỆT SAN



VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT – BIÊN KHẢO  
SỐ 43 – HẠ 2008



# CỎ THƠM



**CHỦ NHIỆM**  
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

**PHÓ CHỦ NHIỆM**  
PHAN KHÂM

**NHÓM CHỦ BÚT**  
NGÔ TĂNG GIAO.  
TRẦN BÍCH SAN. BÌNH HUYÊN.  
PHẠM VĂN TUẤN.  
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

**TỔNG THƯ KÝ**  
ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH

**WEBSITE**  
PHAN ANH DŨNG  
NGUYỄN VĂN BÁ  
THỦY SENSER  
[www.cothommagazine.com](http://www.cothommagazine.com)

**TÒA SOẠN**  
11623 CHAPEL CROSS WAY  
RESTON, VA 20194, USA  
TEL. (703) 471-1271  
FAX (703) 471-1196  
Email: [dsenser@yahoo.com](mailto:dsenser@yahoo.com)

## **BAN BIÊN TẬP**

HỒ TRƯỜNG AN. QUỲNH ANH. Ý ANH.  
TRẦN QUỐC BẢO. VIỆT BẰNG.  
HẢI BẰNG H.D.B. NGUYỄN NGỌC BÍCH.  
NGUYỄN THỊ THANH BÌNH. ĐÌNH CƯỜNG.  
HOÀNG DUNG. PHAN ANH DŨNG.  
VŨ THÁI HÒA. VŨ HỐI. PHAN KHÂM.  
VI KHUÊ. HUY LÃM. NGUYỄN LÂN.  
NGUYỄN PHÚ LONG. LÊ LUYẾN. VŨ NAM.  
CAO MỸ NHÂN. ĐẶNG NGUYỄN.  
NGUYỄN VĂN THÀNH. TIỂU THU.  
HỒNG THỦY. TRƯƠNG ANH THUY.  
LÊ THƯƠNG. BÙI THANH TIÊN.  
THANH TRANG. HÀ BÌNH TRUNG.  
TẠ QUANG TRUNG. NGUYỄN ĐĂNG TUẤN.  
NGUYỄN TƯỜNG VÂN. KIM VŨ.

## **ĐẠI DIỆN**

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA  
VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA  
HẢI BẰNG HDB: Chandler, AZ  
VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN  
HỒNG PHÚC: Dallas, TX  
NGUYỄN ĐĂNG TUẤN: Riverview, FL  
TIỂU THU: Québec, Canada  
VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY  
BÌNH HUYÊN: France  
VŨ NAM: Germany



**THÁNG 06 NĂM 2008**

# MỤC LỤC

<b>ĐẰNG GIAO:</b> Tranh Sen Hạ. <b>NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:</b> Lá Thư Vào Hạ.	Trang bìa 4
<b>BIÊN KHẢO</b>	
<b>TRẦN BÍCH SAN:</b> Trào Lưu Lãng Mạng Trong Văn Học Việt Nam	6
<b>H. B. HOÀNG DÂN BÌNH:</b> Phan Thanh Giản – Thân Thế và Sự Nghiệp.	18
<b>PHẠM THỊ NHUNG:</b> Cô Kiều Với Phạm Quỳnh	30
<b>NGUYỄN NGỌC BÍCH:</b> Nguyễn Bình Khiêm	38
<b>NGUYỄN VĂN THÀNH:</b> Một Vài Cảm Nghĩ Về Án Tử Hình	45
<b>HỒ TRƯỜNG AN:</b> Theo Vết Chân Của Nữ Thần Thi Ca Sapho	54
<b>PHẠM VĂN TUẤN:</b> Somerset Maugham	64
<b>THƠ</b>	
Phân Ưu Thi Sĩ Hoàng Trùng Dương	73
<b>NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:</b> Vĩnh Biệt Thi Sĩ Hoàng Trùng Dương	74
<b>CAO NGUYỄN:</b> Tiến Bạ Cùng Thời	75
<b>VI KHUÊ:</b> Hoàng Trùng Dương Hương Linh Siêu Độ	75
<b>PHAN KHÂM:</b> Vĩnh Biệt Phạm Phú Hoàng Anh	75
<b>ĐẶNG NGUYỄN:</b> Đắm Lệ Mùa Xuân	76
<b>PHẠM TẤN TRUNG CHI:</b> Hạnh Ngộ Ngậm Ngùi	76
<b>NGUYỄN PHÚ LONG:</b> Tôi Đã Chết Rồi	77

<b>VIỆT BẰNG:</b> Đường Tình Nhân	77
<b>LÝ HIẾU:</b> Gọi Tình	78
<b>DU SƠN LĂNG TỬ:</b> Tháng Tư Quốc Hận.	78
<b>TRƯỜNG GIANG:</b> Tháng Tư Quốc Hận	78
<b>HUỆ THU:</b> Tháng Tư Đen.	78
<b>BẠCH MAI:</b> Giàn Hoa Không Nở.	79
<b>TẠ QUANG TRUNG:</b> Tính Đảng.	79
<b>VÂN NƯỚNG L.N.C.</b> Đêm Nghe Tiếng Gió.	80
<b>KIỀU ANH:</b> Từ Độ Xa Nhau	80
<b>CAO MỸ NHÂN:</b> Sài Gòn 2008	81
<b>HỒ CÔNG TÂM:</b> Không Hẹn Ngày Về.	81
<b>NGUYỄN T. N. DUNG:</b> Nguyễn Cửu	81
<b>HỒ TRƯỜNG AN:</b> Gửi Người Nhớ Quê Bắc.	81
<b>DỪ THỊ ĐIỂM BUỒN:</b> Anh Lính Cộng Hòa Ồi	82
<b>BÙI THANH TIÊN:</b> Con Mưa Hạ.	83
<b>Ý ANH:</b> Én Hạ	83
<b>QUỲNH ANH:</b> Tơ Tình Vương Vấn	84
<b>PHAN KHÂM:</b> Chiều Mưa Bong Bóng	90
<b>NHẠC</b>	
<b>NGÔ HOÀNG GIA,</b> <b>NGUYỄN PHÚ LONG:</b> Xin hãy Yêu Em	85
<b>NGUYỄN TƯỜNG VÂN, NHƯỢC THU:</b> Áo bay, Cho Gió Theo Cùng	86
<b>HUY LÃM, HOÀNG SONG LIÊM:</b> Về Làng Cũ.	88
<b>VĨNH ĐIỆN &amp; PHAN KHÂM:</b> Chiều Mưa Bong Bóng.	90
<b>VĂN</b>	
<b>VĂN BÁ:</b> Nghi Án Lệ Chi Viên.	93
<b>VÕ ĐÌNH:</b> Ngôi Nhà Trong Rừng Xôi.	104

<b>HOÀNG DUNG:</b> Phận Làm Con.	105
<b>ĐỖ PHÚ:</b> Chút Nghĩa Tình Còn Lại.	110
<b>VŨ NAM:</b> Những Dòng Chữ Cho Mùa Hoa.	104 116
<b>BÌNH HUYỀN:</b> Bên Bờ Sông Nhị.	123
<b>LÊ THƯƠNG:</b> Suy Gẫm Về Các Nền Triết Học Trong Tam Giáo	133
<b>NGUYỄN THỊ XUÂN NGA:</b> Hành Hương Tứ Đại Danh Sơn.	139
<b>TRẦN THY VÂN:</b> Xuân Diệu, Nhà Thơ Đồng Tính Luyến Ái.	149
<b>TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO:</b> Độc Non Nước Đá Vàng.	156
<b>LÊ MỘNG NGUYÊN:</b> Vài Kỷ Niệm Với Nhạc Sĩ Trịnh Hưng.	164
<b>PHAN ANH DŨNG:</b> Hộp Mặt Thường Niên Năm Thứ 13 Của Cơ Sở Cỏ Thơm	185
<b>GIAO ĐIỂM</b>	
<b>THẢO NGUYÊN:</b> Vọng Phu Thạch	167
<b>PHẠM TRỌNG LỆ:</b> Bông Hồng Dù Gọi Tên nào.	169
<b>HOÀNG SONG LIÊM:</b> Cô Đơn	178
<b>VI KHUÊ:</b> Biệt Ca.	180
<b>KIM VŨ:</b> Xét Chung Về Tình Hình Giới Tính	181
<b>PHONG VŨ:</b> Poème À Toi	182
<b>TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO:</b> Bài Thơ Gửi Em.	182
<b>HÌNH ẢNH SINH HOẠT CỎ THƠM</b>	
<b>PHÂN ƯU</b>	
<b>HÀ NGỌC BÍCH</b>	92

<b>GIỚI THIỆU SÁCH</b>	
<b>KHÚC VÔ THANH:</b> Bùi Thanh Tiên	83
<b>ANH HÙNG BẠT MẠNG:</b> Trần Thy Vân	84
<b>TIẾNG HỒN CHÂN MÂY:</b> Trần Thy Vân	84
<b>NHÀ VĂN HẢI NGOẠI:</b> Lê Mộng Nguyên	166
<b>MÙA XUA VỖ CÁNH:</b> Đỗ Bình.	166
<b>NGƯỜI VIỆT NÍN LẶNG:</b> William Hoàng	177
<b>HOA TÂM:</b> Phương Du Nguyễn Bá Hậu	179
<b>CƠ SỞ THƯƠNG MẠI</b> (Từ trang 198)	
<b>Bìa trong trước:</b>	
<b>Hà Nguyễn &amp; Associates</b>	
<b>Bìa trong sau:</b>	
<b>Ivan M. Waldman &amp; Associates</b>	
<b>Phòng Mạch Bác Sĩ Nguyễn T. Kim Dung</b>	
<b>Buddy Photo</b>	
<b>Sovereign Realty, Inc</b>	
<b>Phòng Mạch Bác Sĩ Nguyễn Quốc Quân</b>	
<b>Lạc Việt Gallery</b>	
<b>Phòng Mạch Bác Sĩ Võ Đạm</b>	
<b>Harvest Moon Restaurant</b>	
<b>Danh Sách Mạnh Thường Quân</b>	
<b>Phiếu Tham Dự Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm</b>	
<b>Phiếu Mua Báo</b>	
<b>Tủ Sách Hội Viên Cỏ Thơm</b>	



# LA THÒ VAO HAI

Kính thưa quý vị độc giả và tác giả,  
Mùa Xuân là mùa cỏ cây hồi sinh, trăm hoa đua nở. Nhưng mùa xuân vừa qua đã cướp đi ba văn thi nghệ sĩ thân hữu Cỏ Thơm. Nhiều vòng hoa đã đưa tiễn và phủ lấp nơi an nghỉ cuối cùng của người quá cố.

Thi Sĩ Hoàng Trùng Dương tác giả tập *Thơ Tình Hoàng Trùng Dương*, vừa có bài thơ “Tiễn Biệt” thi sĩ Vương Đức Lệ từ trần ngày 20 tháng 1, thì ngày 29 tháng 3, Hoàng Trùng Dương cũng vĩnh biệt chúng ta, về cõi vĩnh hằng. Ngày kỷ niệm Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm 13 tuổi, 4/13/2008 cũng là ngày mặc niệm người bạn thơ thương mến ấy.

Nhạc sĩ Trịnh Hưng, người đã phổ nhạc bài thơ “Thân Phận” của Hoàng Trùng Dương, vừa được đăng trong Cỏ Thơm số trước, đã từ trần tại Pháp ngày 10 tháng 5, 2008.

Nhạc Sĩ Trịnh Hưng là tác giả những nhạc phẩm nổi tiếng, “Tôi Yêu, Lối Về Xóm Nhỏ, Lúa Mùa Duyên Thắm” và nhiều nữa...

Ngày 25 tháng 5, gia đình và thân hữu đã tổ chức một buổi Tưởng Niệm Nhạc Sĩ Nhật Bằng tại Hội Trường NOVA. Ban nhạc The Night phụ trách phần nhạc có Nhật Hải, Nhật Hùng, Nhật Huấn, Nhật Hào, những hậu duệ của người quá cố. Nhạc sĩ Nhật Bằng bỏ thế gian này đã ba năm, nhưng vẫn được thương tiếc vô cùng.

Trong trận bão tố thổi qua Virginia ngày 4 tháng 6, chúng ta không khỏi bàng hoàng về tai nạn đã cướp mất người nghệ sĩ tân cổ nhạc Phạm Hữu, em trai của anh chị Phạm Minh Xuân và Thái Ninh. Thân hữu đi thăm viếng Phạm Hữu sụt sùi khóc như ngày mưa gió ấy đã vĩnh biệt anh.

Cuối mùa xuân, chúng tôi cũng có tin buồn Nhà Văn Giáo Sư Hà Ngọc Bích, từng cộng tác với Cỏ Thơm, vừa tạ thế ngày 1 tháng 6 tại Pháp Quốc, hưởng thọ 77 tuổi.

Còn biết nói gì hơn là thành kính phân ưu cùng tang quyến và chúc hương linh những người bạn thơ văn nghệ sĩ đáng kính mến được an bình, thanh thản cõi vĩnh hằng.

Chúng ta, những kẻ còn hiện hữu trên trần gian, vẫn phải tiếp tục con đường phục vụ và duy trì văn học nghệ thuật Việt

Nam hải ngoại mà những người anh, người bạn quá cố đã để lại.

Mùa xuân buồn rồi cũng qua đi, Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm Mùa Hè 2008, mang số 43, với bìa “Sen Hạ”, tranh sơn mài của họa sĩ Đăng Giao được phát hành. Năm ngoái anh đã có những buổi triển lãm lớn và thành công rực rỡ tại Houston, Orange County và Virginia. Mời quý vị vào xem bộ tranh phong phú của họ Đăng trong Website Cỏ Thơm: <[www.cothommagazine.com](http://www.cothommagazine.com)>.



Cảm ơn họa sĩ Đăng Giao đã cho phép Cổ Thơm in bìa với tranh tuyệt đẹp của anh.

Trong số này, nội dung Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm, vẫn có tên các tác giả quen thuộc với những bài biên khảo quý báu, những bài văn đặc sắc, những câu thơ truyền cảm. Nhưng vì bài vở gửi đến quá nhiều và vì lý do kỹ thuật, chúng tôi phải giữ lại vài bài, đăng số sau, tuy đã có những bài đã phải trình bày chữ nhỏ hơn các bài khác. Một số bài không thể đăng được vì quá dài mà trang báo thì giới hạn. Cổ Thơm vô cùng vinh dự và trân trọng cảm tạ quý văn thi nghệ sĩ khả kính đã chọn mặt gửi vàng, đã trao sáng tác mang đầy tâm tư, huyết mạch của quý vị cho Cổ Thơm giàn trải trên những trang giấy tươi mát văn chương, trong sáng nghệ thuật.

Có những độc giả nói với chúng tôi, «Cổ Thơm được để đầu giường... Cổ Thơm được đọc không bỏ một chữ... Cổ Thơm được để lên kệ sách theo thứ tự từng số thật đẹp, cả hình thức, lẫn nội dung, thỉnh thoảng muốn đọc lại, tìm thấy ngay...» Thật là một khích lệ lớn lao cho những người cầm bút đã chót mang nghiệp vào thân.

Mặc cho những biến cố chiến tranh Iraq, động đất Trung Quốc, giông tố, lụt lội, đất lở nhà trôi miền Trung Tây, hỏa hoạn California, giá xăng leo thang vùn vụt, bầu cử tổng thống Mỹ gay cấn, sinh hoạt văn học, nghệ thuật của cộng đồng người Việt vùng Hoa Thịnh Đốn vẫn rộn ràng mỗi cuối tuần.

Trong ba tháng vừa qua, người Cổ Thơm hân hạnh được mời tham dự buổi ra mắt sách *Nhà Văn Hải Ngoại* của Văn Thi Nhạc Sĩ Lê Mộng Nguyên và thi phẩm *Mùa Xưa Võ Cảnh*

của Nhà Thơ Đỗ Bình, từ Pháp tới. Nhân dịp này chúng tôi lại được thả hồn theo lời thơ, dòng nhạc thiết tha, réo rắt «Trăng Mờ Bên Suối» của Nhạc Sĩ Lê Mộng Nguyên.

Chúng tôi cũng được tham dự buổi giới thiệu tập truyện ngắn *Trời Đất* của Văn Thi Họa Sĩ Võ Đình và màn trình diễn áo dài vẽ tuyệt vời của Họa Sĩ Lai Hồng, phu nhân tác giả Võ Đình.

Ngày 7 tháng 6, tại tư gia Nhà Báo Hoài Thanh, có buổi hội ngộ cùng Bác Sĩ Nhà Văn Nguyễn Bá Hậu và phu nhân từ Pháp sang. Khách phương xa và người địa phương được dịp trao đổi tặng sách nhau. Chúng tôi được Bác Sĩ Hậu tặng cuốn “Tâm Văn” và được nghe ông nói về thuyết “Tài Mệnh Tương Đố” trong Truyện Kiều của cụ Nguyễn Du.

Chiều ngày 8 tháng 6 có những hai sinh hoạt văn nghệ được tổ chức. Buổi 1 giờ 30 ra mắt thi phẩm “Hoa Tình Nở Muộn” của Nhà Thơ Hoàng Bạch Mai, vào cửa tự do. Buổi 3 giờ trình diễn văn hóa ca vũ nhạc Việt Nam với nghệ thuật cao cường do Cơ Sở Boat People SOS tổ chức gây quỹ định cư cho người Việt tỵ nạn tại Hoa Kỳ, có bán vé. Tuy nhiên cả hai buổi đều đông quan khách tham dự.

Mong rằng Cổ Thơm sẽ đem đến quý vị một mùa hè mát dịu, thoải mái và Cổ Thơm vẫn được quý vị nâng niu, quý mến, ủng hộ để có thể bảo tồn chữ nghĩa Việt Nam hải ngoại được lâu dài.

Chân thành cảm tạ.

**NGUYỄN THÒNG DUNG**

# TRÀO LƯU LÃNG MẠN TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM

TRẦN BÍCH SAN

**T**rào lưu văn học nghệ thuật lãng mạn được phát triển trước nhất ở Anh. *Chủ nghĩa văn học lãng mạn* (romanticism) phát xuất đầu tiên ở Anh và Đức vào cuối thế kỷ thứ 18 và sau đó lan sang Pháp và những nước khác. Trong văn chương Anh, chủ nghĩa lãng mạn được thể hiện qua thi ca của William Blake (1), William Wordsworth (2), Samuel Taylor Coleridge (3), Lord Byron (4), Percy Bysshe Shelley (5) và John Keats (6). Những vần thi ca mơ mộng của Blake không phải lúc nào cũng dễ hiểu vì nhà thơ sáng tạo ra những huyền thoại riêng để diễn tả tư tưởng của mình. Thơ ông biểu lộ sự tưởng tượng đầy nghệ thuật dạt dào sức sống. Byron là thi sĩ nhiều màu sắc nhất của trào lưu văn chương lãng mạn Anh. Thơ Byron có lúc dữ dội, có khi lại mềm mại nhưng luôn luôn nhấn mạnh đến chủ điểm là con người phải được tự do lựa chọn lối sống của mình. Shelley không chỉ là một thi sĩ lãng mạn mà còn là nhà thơ tình vĩ đại của văn học Anh. Keats, với nhiều lối thi ca khác nhau, hướng vào sự vui thích, sung sướng trước cái đẹp của nhân loại, buồn rầu với những đau khổ không thể tránh được xảy đến cho con người. Thơ ông là nhịp cầu giữa thế giới sụp đổ với thế giới vĩnh cửu. Coleridge cùng Wordsworth mở đầu trào lưu văn chương lãng mạn ở Anh và cũng là của thế giới bằng thi tập *Lyrical Ballads* xuất bản năm 1798. Thi phẩm này gồm đa số thơ của Wordsworth nhưng trong đó có bài thơ bất hủ *The Rime of the Ancient Mariner* của Coleridge là một thành tựu lớn nhất của nền văn chương Anh.

Chủ nghĩa lãng mạn đòi hỏi tự do cá nhân triệt để, nhờ thế từ lúc khởi hứng tới khi sáng tác người làm văn học nghệ thuật có những say sưa, thích thú, tâm hồn với lửa đam mê bay bổng nảy sinh ra từ và ý đột khởi độc đáo tạo nên những tác phẩm bất hủ để đời.

## CHỦ NGHĨA VĂN HỌC LÃNG MẠN

*Chủ nghĩa văn học lãng mạn* (romanticism) đề cao cá nhân, tự do sáng tạo, chủ trương phóng túng, không để tâm hồn bị ràng buộc trong khuôn khổ cũ. Trong tiến trình sáng tác thơ văn, sự tưởng tượng và tri giác được đề cao và ngự trị bởi cá thể. Tác gia

văn học trở thành trung tâm điểm trong việc sáng tác. Các nguyên tắc về khuôn mẫu và kiến trúc đã có từ trước của thi ca bị vất bỏ để thỏa mãn nhu cầu cần thiết của bản năng tự nhiên. Ngôn ngữ thơ được viết tự do và tự nhiên không còn bị gò bó trong thể luật. Chủ nghĩa duy lý (rationalism) bị chán ghét, trong khi ngữ cảm và khát vọng tiềm thức được thăng tiến trong văn chương lãng mạn. Tác phẩm là tiếng lòng được thể hiện toàn vẹn, triệt để và vô hạn bằng sự tưởng tượng và xúc động không che dấu, không bị trói buộc bởi những ước lệ luân lý của xã hội.

## SỰ HÌNH THÀNH TRÀO LƯU LÃNG MẠN TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM

Năm 1932 đánh dấu sự thay đổi đột biến của nền văn học Việt Nam, thi văn chưa bao giờ có một thời kỳ phong phú như giai đoạn 1932-1945. Chỉ trong thời gian hơn một thập niên văn học Việt Nam nhẩy vọt từ tình trạng ấu trĩ sang phát triển bằng đôi hia bảy dặm, không thua sút những nền văn học Tây phương. Trước đó tuy có một số nhỏ sáng tác mang tính lãng mạn nhưng còn tản mác, rời rạc chưa tạo được một phong trào. Từ 1931 đã có sự xuất hiện vài bài thơ lãng mạn của Lan Sơn (7), Lưu Trọng Lư (8), Thế Lữ (9). Tác phẩm lãng mạn xuất bản trước 1932 có tập thơ *Khối Tình Con* của Tản Đà (10), *Linh Phương Ký* của Đông Hồ (11) và hai quyển gây được ảnh hưởng một thời gian là *Tổ Tâm* của Song An Hoàng Ngọc Phách (12) và *Giọt Lệ Thu* của Tương Phố (13), nhưng phải chờ tới khi Nhất Linh (14) du học ở Pháp về chủ trương tuần báo *Phong Hóa*, thành lập *Tự Lực Văn Đoàn* (15) hô hào thay cũ đổi mới, và đẩy lên phong trào thơ mới thì trào lưu văn chương lãng mạn mới thực sự có mặt trong dòng văn học Việt Nam. Cùng lúc với *Phong Hóa*, phải kể đến *Phụ Nữ Tân Văn* là tờ báo đã góp công vào việc giúp cho phong trào thơ mới nở rộ bằng những bài thơ lãng mạn của các nhà thơ không cộng tác với nhóm *Tự Lực Văn Đoàn*.

## NGUYỄN NHÂN ĐƯA ĐẾN TRÀO LƯU VĂN HỌC LÃNG MẠN VIỆT NAM

Sau ngày 17/06/1930, Nguyễn Thái Học (16) và 12 yếu nhân của *Việt Nam Quốc Dân Đảng* (17) lên đoạn đầu đài ở Yên Bái, Pháp đẩy mạnh việc đàn áp, khủng bố, bắt bớ, tù đày các nhà ái quốc nhằm dập tắt các cuộc khởi nghĩa từ trong trứng nước để củng cố nền đô hộ. Các phong trào tạm thời lắng xuống, các tổ chức ái quốc bị dao động mạnh buộc phải tạm ngưng các hoạt động rút vào bóng tối nhằm bảo toàn tổ chức và nhân sự. Cuộc khủng bố qui mô toàn quốc những năm 1930 đã gây một không khí hoang mang, lo sợ trong tầng lớp thanh niên và trí thức. Chỉ trong hai năm 1930 và 1931 riêng ở Bắc Kỳ, chính phủ bảo hộ Pháp đã mở 21 phiên tòa đặc biệt gọi là *Hội Đồng Đê Hình* xét xử tất



cả 1094 vụ án chính trị, trong đó có 164 bản án tử hình, 114 khổ sai chung thân, 420 lưu đày biệt xứ. Đây là thời kỳ thoái trào của các hoạt động cách mạng chống Pháp dành độc lập cho đất nước.

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 từ Pháp tràn về Đông Dương thuộc địa như một thiên tai khiến cuộc sống xã hội trở nên khó khăn. Hàng hoá rẻ mạt nhưng lại không kiếm ra tiền, các xí nghiệp kinh doanh thi nhau phá sản, sa thải nhân công. Ngân quỹ nhà nước bảo hộ thất thu không đủ khả năng tuyển dụng thêm công chức, nạn trí thức thất nghiệp là mối lo âu chung của những người được Pháp đào tạo. Trộm cướp, thuốc phiện, bài bạc, đĩ điếm trở thành những vấn đề nan giải. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới càng tăng thêm bi quan cho bầu không khí u ám, buồn thảm vốn đang căng thẳng, ngột ngạt.

Trong khung cảnh đó những người trí thức ấp ủ tinh thần dân tộc mang tâm trạng tiêu cực muốn thoát ly khỏi những vấn đề bức xúc của cuộc tranh đấu dành độc lập. Họ có thái độ chán nản, xa lánh chính trị. Thái độ này được củng cố trên cơ sở mối bất hòa tuyệt vọng giữa họ và hoàn cảnh xã hội đương thời. Sự ra đời của trào lưu văn chương lãng mạn giải quyết được bế tắc, đáp ứng được nhu cầu cho giới trí thức trong bối cảnh xã hội bi quan đó. Con đường làm văn học nghệ thuật bằng chủ nghĩa lãng mạn là lối thoát trong sạch, nơi trú ẩn tinh thần tương đối an toàn có thể gửi gắm tâm sự, và cũng là phương cách bày tỏ lòng yêu nước (18).

Chủ nghĩa lãng mạn đề cao tự do cá nhân đã đáp ứng được khát vọng giải phóng bản ngã, khát vọng tự do yêu đương cho hạnh phúc cá nhân, cho quyền sống cá nhân. Điều này giải thích được quan điểm mỹ học nghệ thuật vị nghệ thuật của những người trong trào lưu văn chương lãng mạn thuộc giai đoạn 1932-1945 của văn học Việt Nam.

## SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRÀO LƯU VĂN HỌC LÃNG MẠN VIỆT NAM

Tất nhiên để có một trào lưu văn học thì bao giờ cũng cần có một hay nhiều người khởi xướng với sự tham gia tích cực của văn giới, và được đón nhận đông đảo của độc giả. Từ 1932 đến 1935 đã nổ ra hàng loạt các cuộc tranh luận văn học sôi nổi được tham gia của nhiều tờ báo và các nhà văn, nhà thơ: tranh luận về thơ mới thơ cũ, tranh luận về bỏ cũ theo mới, tranh luận về hôn nhân và gia đình, tranh luận về nghệ thuật phục vụ cái gì. Các cuộc tranh luận này phản ánh cuộc đấu tranh giữa lễ giáo phong kiến với tự do cá nhân, giữa khuôn sáo và tư tưởng gò bó với cảm xúc cá nhân được tự do bày tỏ. Hai tờ *Phong Hóa* và *Ngày Nay* do Nhất Linh và nhóm *Tự Lực Văn Đoàn* chủ trương là cơ quan ngôn luận cổ vũ mạnh mẽ cho sự thay cũ đổi mới và là nơi qui tụ văn

chương của các nhà văn, nhà thơ trong trào lưu văn học lãng mạn gồm có Nhất Linh, Khái Hưng (19), Thế Lữ, Huy Cận (20), Thạch Lam (21), Xuân Diệu (22), Thanh Tịnh (23), Vũ Đình Liên (24), Đoàn Phú Tứ (25).

Sự thành công của trào lưu văn chương lãng mạn cũng phải kể đến các tờ *Hà Nội Báo*, *Tiểu Thuyết Thứ Bảy*, *Phổ Thông Bán Nguyệt San*, *Tao Đàn*, *Thanh Nghị* với sự tham gia của các tác giả như Lưu Trọng Lư, Chế Lan Viên (26), Hàn Mặc Tử (27), Phạm Huy Thông (28), Bích Khê (29), Nguyễn Tuân (30), Vũ Hoàng Chương (31), Nguyễn Xuân Sanh, v.v. Sự toàn thắng của phong trào thơ mới cũng là tiếng trống khởi hoàn cho trào lưu văn học lãng mạn, chấm dứt hoàn toàn lối thơ văn cũ từ thời *Đông Dương Tạp Chí* và *Nam Phong* trở về trước.

## ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN CHƯƠNG LÃNG MẠN THỜI KỲ 1932-1945

Văn chương lãng mạn đánh dấu một cuộc cách mạng trong văn học Việt Nam đã thay đổi hệ thống tư tưởng thời phong kiến bằng cách thay thế cái ta trong văn chương lịch triều sang cái tôi của văn học hiện đại. *Cái tôi* không còn là cái đáng ghét nữa (32). Trước kia, *cái tôi* cá nhân không có địa vị trong văn học và xã hội. Cá nhân được sử dụng như một hình ảnh tượng trưng và bị hòa tan trong cái chung. Trong nền văn chương lịch triều tính cách *phi ngã* ngự trị hầu hết tác phẩm văn học Việt Nam. Ngay cả những nhà thơ lớn như Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến cũng chỉ nói đến cái tôi một cách sơ sài, mờ nhạt, ước lệ.

Chủ nghĩa lãng mạn thực sự đã thỏa mãn được nhu cầu tự do sáng tác và phát huy bản ngã của người làm văn học nghệ thuật. “*Sự xuất hiện ý thức về cái tôi cá nhân là một bước tiến quan trọng trong hành trình tư tưởng và nghệ thuật của nhân loại. Bởi vì sáng tạo nghệ thuật mang tính đặc thù, đó là sự sáng tạo của một cá nhân... Cho nên sự giải phóng bản ngã, giải phóng cái tôi của chủ thể sáng tạo sẽ phát huy khả năng sáng tạo của nghệ sĩ, làm xuất hiện nhiều phong cách cá nhân*” (33). Nhờ thế, trong giai đoạn văn chương lãng mạn 1932-1945 với 13 năm ngắn ngủi, văn học Việt Nam đã sản xuất được nhiều phong cách cá nhân độc đáo (34). Về thi ca có Thế Lữ với hồn thơ rộng mở, Lưu Trọng Lư mơ màng, Huy Thông hùng tráng, Nguyễn Nhược Pháp trong sáng, Huy Cận ảo não, Nguyễn Bính quê mùa, Chế Lan Viên huyền bí, và một Xuân Diệu tha thiết, rạo rực, bản khoản. Trong văn xuôi, cái tôi khinh bạc, giảng hồ lãng tử thể hiện trong tập *Tùy Bút* của Nguyễn Tuân, cái tôi người hùng có mặt trong hầu hết các tiểu thuyết của Lê Văn Trương như *Một Người*, *Tôi Là Mẹ*, *Chồng Chúng Ta*. Đòi hỏi giải phóng cá nhân ra khỏi những ràng buộc khắt khe của lễ giáo phong kiến được phản ảnh

qua tác phẩm *Nửa Chừng Xuân* của Khái Hưng, *Đoạn Tuyệt*, *Lạnh Lùng*, *Đôi Bạn* của Nhất Linh, *Làm Lễ* của Mạnh Phú Tứ.

## KẾT LUẬN VỀ TRÀO LƯU VĂN HỌC LÃNG MẠN THỜI KỲ 1932-1945

Chỉ trong thời gian 13 năm 1932-1945, văn học Việt Nam đã tiếp thu và chịu ảnh hưởng của tổng hợp hơn 100 năm văn học Pháp từ trường phái lãng mạn hồi đầu thế kỷ thứ 19 như Hugo (35), Lamartine (36), Chateaubriand (37), Musset (38), Vigny (39), đến nhóm thi sơn (40) với Gautier (41), Leconte de Lisle, Sully Prud'homme, qua trường phái tượng trưng (symbolism) với Rimbaud (42), Verlaine (43), Mallarmé (44).

Victor Hugo là người dẫn đạo trào lưu văn học lãng mạn ở Pháp. Thơ cũng như văn của ông biểu lộ tình yêu tự do, công lý và lòng thương người. Cái chết của người yêu đã là nguồn cảm hứng bất tận cho Lamartine qua những vần thơ muôn thuở trong thi tập *Poetic Meditations* xuất bản năm 1820. Chính thi phẩm này đã đóng vai trò chính yếu cho sự phát triển trào lưu văn chương lãng mạn Pháp. Musset cho rằng người làm văn chương *phải thực sự trải qua khổ đau* thì mới sáng tạo được những áng thơ văn tuyệt tác, làm rung động lòng người. Đề tài chính trong thơ văn của Vigny là *sự cô đơn của con người*. Còn Gautier thì lại nhấn mạnh, qua thi phẩm *Enamels and Cameos*, thơ văn muốn hay thì phải *cảm nhận qua sự nhìn thấy, không thể chỉ thuần túy có trong ý tưởng hoặc cảm giác*. Trong tác phẩm *Art* (Nghệ Thuật) xuất bản năm 1857 Gautier khai triển lý thuyết nghệ thuật là *sáng tạo cái đẹp theo đúng tiêu chuẩn mà không lệ thuộc vào luân lý, trí thức, hay những giá trị tình cảm*. Những bài thơ giàu tưởng tượng tạo nên tên tuổi của Rimbaud chính là những bài được sáng tác trong thời niên thiếu xáo trộn khi ông mất niềm tin vào cuộc sống. Mallarmé, người dẫn đạo trường phái tượng trưng, cho rằng nhà thơ *không được quyền mô tả sự vật mà phải dẫn ý*. Thi sĩ phải dụng tâm tạo những hình ảnh thơ thật mơ hồ, thực tế chói gắt phải trình bày trong bầu không khí huyền bí.

Chúng ta không thể nào phủ nhận được sự kiện văn chương Việt Nam giai đoạn 1932-1945 chịu ảnh hưởng nặng nề văn chương thế kỷ thứ 19 của Pháp, nhưng thơ văn Việt đã không có tính cách ngoại lai, vẫn mang bản sắc riêng chứa đựng hồn Việt. Tuy nhiên, vì tiếp thu quá nhanh trong khoảng thời gian quá ngắn nên trào lưu lãng mạn văn học Việt Nam thiếu bề sâu và dễ chuyển biến.

Trên bình diện tư tưởng, sáng tác trong thời gian đầu của trào lưu văn chương lãng mạn đã đáp ứng được khát vọng đương thời về nhu cầu giải phóng tư tưởng, giải phóng cá nhân. Tuy nhiên, vào cuối trào lưu một số tác gia đã rơi vào chủ nghĩa cá nhân cực đoan ca ngợi tình yêu xác thịt, đề cao khoái lạc, triết lý sức mạnh nông nổi, truy lạc và trác táng, điển hình

là tác phẩm *Thanh Đức* của Khái Hưng, *Trường Đời*, *Tôi Thâu Khoán* của Lê Văn Trương, *Tàn Đèn Dầu Lạc* của Nguyễn Tuân, *Thơ Say*, *Mây* của Vũ Hoàng Chương.

Với những thành tựu văn học to lớn của thời kỳ 1932-1945, Tự Lực Văn Đoàn và những người làm văn học nghệ thuật cùng thời đã tạo được trào lưu văn chương lãng mạn có một không hai trong lịch sử văn học Việt Nam. Việc thay đổi quan niệm phong kiến cũ, điển hình là mối quan hệ giữa cá nhân và đại gia đình, đã hẳn là một thành công về phương diện xã hội, nhưng đối với lịch sử văn học Việt Nam thì trào lưu văn chương lãng mạn đã có công đem lại sự thay đổi bộ mặt của các thể loại văn học, làm cho ngôn ngữ Việt gọn gàng, trong sáng và phong phú hơn.

## TRẦN BÍCH SAN

### Tài Liệu Tham Khảo

- Jean Claude Tadié, *Introduction à la Vie Littéraire du 19è Siècle*, nxb Bordas, Paris, France 1984.
- Jennifer Bothamley, *Dictionary of Theories*, nxb Gale Research International, Ltd, United Kingdom, 1993.
- Hoài Thanh & Hoài Chân, *Thi Nhân Việt Nam*, nxb Nguyễn Đức Phiên, Hà Nội, VN, 1943.
- Lê Văn Siêu, *Văn Học Sử Thời Kháng Pháp 1858-1945*, nxb Trí Đăng, Sài Gòn, VN, 12/1974.
- Một số tác giả (Phan Cự Đệ, Trần Đình Hượu, Nguyễn Trác, Nguyễn Hoàn Khung, Lê Chí Dũng, Hà Văn Đức), *Văn Học Việt Nam 1900-1945*, nxb Giáo Dục, Hà Nội, VN, 05/1999.
- Nguyễn Q. Thắng, *Từ Điển Tác Gia Việt Nam*, nxb Văn Hóa, Hà Nội, VN, 09/1999.
- Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên*, Quyển 3, Văn Học Hiện Đại 1862-1945, nxb Anh Phương, Sài Gòn, VN, 1965.
- Phan Cự Đệ, *Văn Học Việt Nam Thế Kỷ XX*, nxb Giáo Dục, Hà Nội, VN, 11/2005.
- Phan Quang Định, *Lịch Sử Văn Học Pháp*, nxb Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội, VN, 1997.
- Terry Eagleton, *Literary Theory*, Second Edition, nxb The University of Minnesota Press, Minneapolis, MN, USA, 1996.
- Vũ Ngọc Phan, *Nhà Văn Hiện Đại*, nxb Tân Dân, Hà Nội, 1942, nxb Thăng Long tái bản, Sài Gòn, VN, 1960.
- Xavier Darcos, *Littérature Francaise*, nxb Hachette, Paris, France, 1992.

## CHÚ THÍCH

1. William Blake (1757-1827): sinh tại Luân Đôn, nhà thơ và họa sĩ sáng chói. Hai bài thơ nổi tiếng của Blake, *The Lamb* (Con Cừu) và *The Tiger* (Con Hổ), được ông gọi là “hai trạng thái đối nghịch của tâm hồn con người” (the two contrary states of the human soul). Tác phẩm: *Songs of Innocence* (1789), *Songs of Experience* (1794).

2. William Wordsworth (1770-1850): những bài thơ nổi tiếng: *Tintern Abbey* (trong thi tập *Lyrical Ballads*), *Michael*, *Lucy*, *The Solitary Reaper*, *Resolution and Independence*. Tác phẩm: *Lyrical Ballads* (1798, viết chung với Coleridge), *The Prelude: Growth of a Poet's Mind* (viết giữa 1798 và 1805, in năm 1850), *The Excursion* (1814).

3. Samuel Taylor Coleridge (1772-1834): thi sĩ và nhà phê bình triết học của trào lưu văn chương lãng mạn Anh. Những bài phê bình văn học của ông hầu như ảnh hưởng đến tất cả các nhà phê bình sau này. Tác phẩm: *Lyrical Ballads* (1798, chung với William Wordsworth), *Biographia Literaria* (1817, phê bình văn học).

4. Lord Byron (1788-1824): tên thật George Gordon Byron, có cuộc sống đầy phiêu lưu mạo hiểm. Thơ Byron thú vị như cuộc đời giang hồ của tác giả, phản ánh cuộc sống và niềm tin của ông. Tác phẩm: *Hours of Idleness* (1807), *Childe Harold's Pilgrimage* (1812), *The Bride of Abydos* (1813), *The Corsair* (1814), *Manfred* (1817), *Cain* (1821).

5. Percy Bysshe Shelly (1792-1822): thử nghiệm nhiều văn phong và đã ảnh hưởng lâu dài đến những nhà văn sau này, đặc biệt là với Robert Browning, Algernon Charles Swinburne, William Butler Yeats, George Bernard Shaw, và Thomas Hardy. Tác phẩm: *Mont Blanc* (1816), *Ode to the West Wind* (1819), *Prometheus Unbound* (trường thơ, 1818-1819), *The Witch of Atlas* (1920), *Epipsychidion* (1921) và *Hellas* (1921).

6. John Keats (1795-1821): với nhiều lối thi ca khác nhau, Keats sử dụng những hình ảnh chói sáng để diễn tả những cảm giác sâu đậm của ông. Tác phẩm: *Poems* (1817), *Endymion* (1818).

7. Lan Sơn (1912-1954): tên thật Nguyễn Đức Phong, sinh quán Hải Phòng, chánh quán phủ Anh Sơn, Nghệ An. Học trường Hải Phòng, Tourane và trường Bưởi Hà Nội. Công chức sở Công Chánh, Hải Phòng. Viết cho các báo Phong Hóa, Ngày Nay, Tinh Hoa. Tác phẩm: *Anh với Em* (1934).

8. Lưu Trọng Lư (1911-1991): kiện tướng của phong trào thơ mới, quê làng Cao Lao Hạ, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, sau cư ngụ ở Huế và Hà Nội, thuộc gia đình Nho học. Học trường Quốc Học Huế sau bỏ dở học, cộng tác với các báo Phụ Nữ Tân Văn (Sài Gòn), Sông Hương (Huế), Phụ Nữ Thời Đàm, Tiến Hóa, Tân Thiếu Niên, Tao Đàn, Hà Nội Báo (Hà Nội). 1933 chủ trương Ngân Sơn Tùng Thư ở Huế. Từ 1955 làm việc ở Bộ Văn Hóa Hà Nội, từng giữ chức Tổng Thư Ký Hội Nghệ Sĩ Sân Khấu VN, Ủy Viên

Ban Chấp Hành Hội Nhà Văn VN. Tác phẩm: *Tiếng Thu* (1939), *Khói Lam Chiều* (1941), *Chiếc Cánh Xanh* (1941), *Tỏa Sáng Đồi Bờ* (1959), *Mùa Thu Lớn* (1978), *Nửa Đêm Sực Tỉnh* (1989).

9. Thế Lữ (1907-1989): thành viên TLVD, cây bút cột trụ của Phong Hoá và Ngày Nay, tên thật Nguyễn Thứ Lễ, sinh tại Thái Hà Ấp, Hà Nội, nguyên quán làng Phù Đổng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Học ở Hải Phòng, bỏ học năm thứ 3 trung học, lên Hà Nội dự thính trường Cao Đẳng Mỹ Thuật một năm. Từng giữ các chức vụ: Ủy Viên Thường Vụ Hội Văn Nghệ VN, Chủ Tịch Hội Nghệ Sĩ Sân Khấu VN. Tác phẩm: *Mấy Vần Thơ* (1935), *Vàng và Máu* (1934), *Ba Hồi Kinh Dịch* (1936), *Bên Đường Thiên Lô* (1936), *Đòn Hẹn* (1939), *Gói Thuốc Lá* (1940), *Gió Trăng Ngàn* (1941), *Trại Bò Tàng Linh* (1941), *Mấy Vần Thơ, tập mới* (1941), *Dương Quý Phi* (1942), *Thoa* (1942).

10. Tản Đà (1888-1939): tên thật Nguyễn Khắc Hiếu, quê làng Khê Thượng, huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây (nay thuộc Ba Vì ngoại thành Hà Nội), con An Sát Nguyễn Danh Kế. Thi mãi không đỗ, hưởng về làm báo, sáng tác văn chương. Chủ bút báo Hữu Thanh, chủ nhiệm An Nam Tạp Chí, viết cho Tiểu Thuyết Tuần San, Đông Pháp Thời Báo ở trong Nam. Tác phẩm: *Khởi Tình Con I & II* (1916, 1918), *Giấc Mơng Con I & II* (1916, 1917), *Thẻ Non Nước*, *Tản Đà Tùng Văn* (1922), *Trần Ai Tri Kỳ* (1924), *Tản Đà Xuân Sắc* (1934),

11. Đông Hồ (1906-1969): tên thật Lâm Tấn Phác, quê làng Mĩ Đức, tỉnh Hà Tiên (nay thuộc thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang), xuất thân là nhà giáo, sau bỏ dạy viết cho Nam Phong Tạp Chí, Phụ Nữ Tân Văn, Đông Pháp Thời Báo, Việt Dân, Mai, Tri Tân, Bách Khoa, Tân Văn, Tin Văn, Văn Hóa Nguyệt San. 1950 lập nhà xuất bản Bốn Phương. 1953 chủ trương tạp chí Nhân Loại. Tác phẩm: *Thơ Đông Hồ* (1932), *Lời Hoa* (1934), *Linh Phượng* (1934), *Cô Gái Xuân* (1934), *Bội Lan Hành* (1969).

12. Song An (1896-1973): nhà văn lãng mạn tiên phong, tên thật Hoàng Ngọc Phách, quê làng Đức Phong, xã Đông Thái, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, tốt nghiệp trường Cao Đẳng Sư Phạm Đông Dương, viết văn và dạy học nhiều nơi. Nổi tiếng ngay sau tác phẩm *Tố Tâm*. 1945-1951 giám đốc học khu Bắc Ninh. 1947-1948 giám đốc giáo dục khu XII. 1951 giám đốc trường Cao Đẳng Sư Phạm Trung Ương. Từ 1952 làm tại Ban Tu Thư Bộ Giáo Dục. Tác phẩm: *Tố Tâm* (1925), *Thời Thế với Văn Chương* (1941), *Đâu là Chân Lý* (1941), *Chuyện Trường Bưởi* (1989).

13. Tương Phố (1898 – 1973: nhà thơ lãng mạn tiên phong, tên thật Đỗ Thị Đàm, quê làng Bối Khê, tổng Cẩm Khê, phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, học trường Nữ Hộ Sinh sau bỏ học, thi vào học trường Sư Phạm Hà Nội. Vào làng văn từ 1927, nổi tiếng qua *Giọt Lệ Thu* đăng trên Nam Phong số 131 (07/1928). Tác phẩm: *Giọt Lệ Thu* (1929), *Mưa Gió Sông Tương*, *Tình quê*, *Chia Phôi*.

14. Nhất Linh (1905-1963): tên thật Nguyễn Tường Tam, gốc ở Cẩm Phô, tỉnh Quảng Nam, sinh ở Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. 1926 học trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà Nội. Du học Pháp đỗ Cử Nhân Khoa Học (1930) và nghiên cứu thêm về báo chí, xuất bản. 1931 về nước dạy tư thục Thăng Long. 1932 chủ trương tuần báo *Phong Hóa* rồi thành lập TLVĐ. 1936 báo bị đình bản, ông ra tờ *Ngày Nay*. 1946 giữ chức Bộ Trưởng Ngoại Giao trong chính phủ liên hiệp, trưởng phái đoàn Hội Nghị Đà Lạt đàm phán với Pháp. 1958 chủ trương tập san *Văn Hóa Ngày Nay*. 1963 uống thuốc độc tự vẫn để phản đối việc chính phủ Ngô Đình Diệm đem ông ra tòa xét xử. Tác phẩm: *Nho Phong* (1926), *Hai Chị Em* (1927), *Người Quay Tơ* (1927), *Đoạn Tuyệt* (1936), *Lạnh Lùng* (1937), *Hai Buổi Chiều Vàng* (1937), *Nắng Thu* (1938), *Đôi Bạn* (1938), *Bướm Trắng* (1941), *Xóm Cầu Mới* (1960), *Dòng Sông Thanh Thủy* (1961), *Mối Tình Chân* (1961). Viết chung với Khái Hưng: *Gánh Hàng Hoa* (1934), *Anh Phải Sống* (1937).

15. TLVĐ có 7 thành viên: Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Tú Mỡ, và Xuân Diệu (căn cứ trên dòng chữ *Trong Tự Lực Văn Đoàn* đề dưới tên tác giả của tác phẩm thì TLVĐ gồm 6 người, riêng Xuân Diệu thì được căn cứ trên bút tích của Nhất Linh).

16. Nguyễn Thái Học (1901-1930): đảng trưởng VNQDDĐ, quê làng Phố Tang, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên, học trường Cao Đẳng Sư Phạm và Cao Đẳng Thương Mại Đông Dương. 1927 thành lập VNQDDĐ. Khởi nghĩa ngày 20/02/1930, bị bắt cùng ngày tại làng Cổ Vịt, huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương, bị Pháp xử tử hình cùng 12 đồng chí ngày 17/06/1930 ở Yên Bái.

17. 12 liệt sĩ VNQDDĐ là Phó Đức Chính, Bùi Tư Toàn, Đào Văn Nhật, Nguyễn Văn Tiềm, Hà Văn Lao, Bùi Văn Chuẩn, Nguyễn Văn Thịnh, Nguyễn Văn A, Bùi Văn Cửu, Nguyễn Như Liên, Ngô Văn Du, và Đỗ Văn Tú.

18. *Đôi Bạn*, *Đoạn Tuyệt* của Nhất Linh, *Tiêu Sơn Tráng Sĩ* của Khái Hưng là những tác phẩm được dùng để gửi gắm tâm sự tác giả, có khuynh hướng yêu nước.

19. Khái Hưng (1896-1947): thành viên TLVĐ, cây bút nòng cốt của Phong Hóa, Ngày Nay, tên thật Trần Khánh Giư, quê làng Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Hải Dương. Tác phẩm: *Hồn Bướm Mơ Tiên* (1933), *Nửa Chừng Xuân* (1934), *Trống Mái* (1936), *Dọc Đường Gió Bụi* (1936), *Tiếng Suối Reo* (1936), *Tục Lụy* (1937), *Gia Đình* (1938), *Đợi Chờ* (1939), *Cái Ấm Đất* (1940), *Thoát Ly* (1940), *Hạnh* (1940), *Đẹp* (1940), *Những Ngày Vui* (1941), *Đồng Bệnh* (1942), *Đội Mũ Lếch* (1942), *Thanh Đức* (1943), *Cái Ve* (1944). Viết chung với Nhất Linh: *Anh Phải Sống* (1934), *Đời Mưa Gió* (1934).

20. Huy Cận (1919- ?): tên thật Cù Huy Cận, quê làng An Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, học ở Huế, đậu Tú Tài Pháp, học trường Cao Đẳng Nông Lâm. Viết cho

các báo Ngày Nay, Trùng An, Sông Hương. Tác phẩm: *Lửa Thiêng* (1940), *Kinh Cầu Tự* (1942).

21. Thạch Lam (1910-1942): thành viên TLVĐ, viết cho Phong Hoá, Ngày Nay, tên thật Nguyễn Tường Lân, em Nhất Linh, sinh tại Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, đậu bằng Thành Chung năm 17 tuổi (1927). Tác phẩm: *Gió Đầu Mùa* (1937), *Nắng Trong Vườn* (1938), *Ngày Mới* (1939), *Theo Giòng* (1941), *Hà Nội 36 Phố Phường* (1942).

22. Xuân Diệu (1916-1985): thành viên TLVĐ, kiện tướng đua phong trào thơ mới tới thành công, tên thật Ngô Xuân Diệu, sinh quán làng Gò Bồi, xã Tùng Giản, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, công chức sở Thương Chánh. Đại Biểu Quốc Hội Khoá I (1946-1960), ủy viên trung ương Liên Hiệp Văn Học Nghệ Thuật. Tác phẩm: *Phấn Thông Vàng* (1939), *Thơ Thơ* (1938), *Gửi Hương Cho Gió* (1945), *Trường Ca* (1945), *Triều Lên* (1958), *Riêng Chung* (1960), *Hai Đợt Sóng* (1967), *Tôi Giàu Đôi Mắt* (1970), *Cây Đời Mãi Mãi Xanh Tươi* (1971), *Hồn Tôi Đôi Cánh* (1976), *Thanh Ca* (1982),

23. Thanh Tịnh (1911-1988): tên thật Trần Thanh Tịnh, quê làng Dương Nổ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên (nay thuộc ngoại ô thành phố Huế), học trường Đông Ba, Pellerin Huế, đậu bằng Thành Chung, dạy các trường tư ở Huế. Cộng tác với các báo Phong Hóa, Ngày Nay, Hà Nội Báo, Tinh Hoa, Tiểu Thuyết Thứ Năm. Sau 1954 chủ nhiệm tạp chí Văn Nghệ Quân Đội một thời gian. Tác phẩm: *Hận Chiến Trường* (1937), *Quê Mẹ* (1941), *Chị và Em* (1942), *Ngậm Ngải Tìm Trâm* (1943), *Xuân và Sinh* (1944), *Những Giọt Mưa Biển* (1956), *Đi Giữa Một Mùa Sen* (1973).

24. Vũ Đình Liên (1913-1996): nổi tiếng với bài thơ *Ông Đồ*, quê làng Châu Khê, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, học trường Hàng Vôi, trường Bưởi, Đại Học Luật Hà Nội, dạy trường Thăng Long, làm Tham Tá Thương Chánh ở Hà Nội. 1954 dạy Đại Học Sư Phạm Hà Nội. Có thơ đăng trên các báo Phong Hóa, Thanh Nghị, Loa, Tinh Hoa, Phụ Nữ Thời Đàm.

25. Đoàn Phú Tứ (1910-1989): quê làng Tử Nê, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đỗ bằng Tú Tài Pháp, cộng tác với các báo Đông Tây, Phong Hóa, Ngày Nay, Hà Nội Báo, Tinh Hoa, Thanh Nghị. Làm thơ và viết kịch. Trưởng nhóm thi phái Xuân Thu Nhã Tập.

26. Chế Lan Viên (1920-1989): tên thật Phan Ngọc Hoan, sinh tại thị xã Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, học trường Quốc Học Qui Nhơn, đậu bằng Thành Chung, dạy học ở Thanh Hóa. Tác phẩm: *Điều Tàn* (1937), *Vàng Sao* (1942), *Gửi Các Anh* (1954), *Ánh Sáng và Phù Sa* (1960), *Vào Nghề* (1962), *Hoa Ngày Thường*, *Chim Báo Bão* (1967), *Hái Theo Mùa* (1977), *Hoa Trên Đá* (1985).

27. Hàn Mặc Tử (1912-1940): mắc bệnh phong, sinh tại Lệ Mỹ (Đồng Hới), tỉnh Quảng Bình, làm ở sở Đạc Điền, Qui Nhơn. 1935 xin nghỉ việc vào Sài Gòn giữ trang



văn chương cho các báo Sài Gòn, Công Luận, Tân Thời, Trong Khuê Phòng. Tác phẩm: *Gái Quê* (1936), *Thơ Hàn Mặc Tử* (1957).

28. Phạm Huy Thông (1916-1988): quê làng Đào Xá, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, tốt nghiệp Tiến Sĩ Văn Chương và Thạc Sĩ Sử Học ở Pháp. Làm thơ, viết kịch. Tác phẩm: *Anh Nga* (1934), *Tần Ngọc* (1937), *Huyền Trân*, *Tiếng Địch Sông Ô* (1945),

29. Bích Khê (1916-1946): tên thật Lê Quang Lương quê xã Phước Lộc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Mở trường tư ở Phan Thiết. Có thơ đăng các báo Tiếng Dân, Tiểu Thuyết Thứ Năm, Ngày Mới. Tác phẩm: *Tinh Huyết* (1939), *Tinh Hoa*, *Mấy Dòng Thơ Cũ*.

30. Nguyễn Tuân (1910-1997): quê xã Nhân Mục, huyện Từ Liêm, Hà Nội, nguyên quán Thanh Hóa, cộng tác với các báo Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Tao Đàn, Hà Nội Tân Văn, Trung Bắc Chủ Nhật, Thanh Nghị. Tác Phẩm: *Ngọn Đèn Dầu Lạc* (1939), *Nhà Bác Nguyễn* (1940), *Vang Bóng Một Thời* (1940), *Một Chuyến Đi* (1941), *Tùy Bút* (1941 & 1943), *Tàn Đèn Dầu Lạc* (1941), *Chiếc Lư Đồng Mắt Cua* (1941), *Thiếu Quê Hương* (1943), *Quê Hương* (1943), *Tóc Chì Hoài* (1943), *Chùa Đàn* (1944), *Nguyễn* (1945), *Thăng Càn* (1953), *Đường Vui* (1949), *Tình Chiến Dịch* (1950), *Tùy Bút Kháng Chiến* (1955), *Truyện Một Cái Thuyền Đất* (1958), *Sông Đà* (1960), *Chuyên Nghề* (1976).

31. Vũ Hoàng Chương (1916-1976): quê ở Nam Định, học trường Albert Sarraut, bỏ dở trường Luật Hà Nội đi làm ở sở Hỏa Xa Bắc Kỳ. 1941 thôi việc đi dạy học tư. 1954 di cư vào Nam, sống ở Sài Gòn. Sau khi Miền Nam thất thủ năm 1975 bị bắt đi học tập cải tạo, chết trong trại tù của Việt Cộng. Tác phẩm: *Thơ Say* (1940), *Mây* (1943), *Thơ Lửa* (1947), *Rừng Phong* (1954), *Hoa Đắng* (1959), *Cảm Thông* (1960), *Tâm Sự Kể Sang Tần* (1961), *Tâm Tình Người Đẹp* (1961), *Trời Một Phương* (1962), *Lửa Từ Bi* (1963), *Thi Tuyển* (1963), *Bút Nở Hoa Đàm* (1967), *Ánh Trăng Đạo* (1966), *Cành Mai Trắng Mộng* (1968), *Loạn Trung Bút* (1970), *Ta Đợi Em Từ 30 Năm* (1971).

32. Ernest Fisher: chủ nghĩa lãng mạn thể hiện cái tôi (le moi) chống lại tất cả cái gì không phải là cái tôi (le non-moi).

33. Phan Cự Đệ, *Trào Lưu Văn Học Lãng Mạn Chủ Nghĩa*, (Văn học Việt Nam Thế Kỷ XX, trang 28).

34. Hoài Thanh và Hoài Chân, *Một Thời Đại Trong Thi Ca* (Thi Nhân Việt Nam, trang 29).

35. Victor Marie Hugo (1802-1885): tác phẩm: *The Orientals* (Đông Phương, thơ, 1929), *Leaves of Autumn* (Lá Thu, thơ, 1931), *The Hunchback of Notre Dame* (Thằng Gù Nhà Thờ Đức Bà, 1831, tiểu thuyết), *The Contemplations* (Trầm Tư, thơ, 1856), *The Legend of the Centuries* (Huyền Thoại Thế Kỷ, thơ, 1869) *Les Misérables* (Những Kẻ Khốn Cùng, 1862, tiểu thuyết).

36. Alphonse de Lamartine (1790-1869): tác phẩm: *Poetic Meditations* (1820), *Jocelyn* (1836), *The Fall of an Angel* (1838).

37. Francois-René de Chateaubriand (1768-1848): tác gia quan trọng trong trào lưu văn học lãng mạn Pháp. Tác phẩm: *Atala* (tiểu thuyết, 1801), *The Spirit of Christianity* (tiểu thuyết, 1802), *Memoirs from Beyond the Grave* (hồi ký, 1848).

38. Alfred de Musset (1810-1857): thi sĩ, nhà văn, kịch tác gia, người tình của nữ sĩ George Sand. Tác phẩm: *Tales of Spain and Italy* (thơ, 1829), *Comédies et Proverbes* (kịch, 1840).

39. Alfred de Vigny (1797-1863): kiện tướng của trào lưu văn học lãng mạn Pháp. Tác phẩm: *Poèmes Antiques et Modernes* (thơ, 1826), *Cinq-Mars* (tiểu thuyết, 1826), *Chatterton* (kịch, 1835), *Military Service and Greatness* (tập truyện, 1835), *Les Destinées* (thơ, 1864).

40. *Phái Thi Sơn* (Parnasse): Parnasse là tên một đỉnh núi ở Hy Lạp nơi ngự trị của thần Apollo, vị thần của cái đẹp, mang ý nghĩa không phải ai cũng đạt được cái đẹp, phải nỗ lực mới đạt được tới cái đẹp.

41. Théophile Gautier (1811-1872): thi sĩ, nhà văn, phê bình gia. Tác phẩm về thơ: *Enames and Cameos* (1852), *Art* (1857). Tiểu thuyết: *Mademoiselle de Maupin* (1835), *The Novel of the Mummy* (1858), *Captain Fracasse* (1863).

42. Arthur Rimbaud (1854-1891): bạn thân của Verlaine. Những bài thơ nổi tiếng của Rimbaud được sáng tác trong 5 năm xáo trộn tuổi trẻ từ 15 đến 20 tuổi. *Le Bateau Ivre* (Con Tàu Say, 1871), bài thơ đầu tiên khiến Rimbaud được chú ý tới, tượng trưng cho những khát vọng của con người về một thế giới mới. Nhìn chiếc tàu giả trong công viên, ông dùng sự tưởng tượng phong phú đưa con tàu căng buồm phiêu du qua những đại dương với cảnh sắc chói sáng. Tác phẩm: *Les Illuminations* (1886), *Une Saison en Enfer* (1873).

43. Paul Verlaine (1844-1896): bạn thân với Rimbaud. Những năm đầu thập niên 1870 Verlaine du lịch qua Anh, Hòa Lan, và Bỉ cùng với chàng thiếu niên Rimbaud, người bạn thơ của ông. Tình bạn của hai người chấm dứt năm 1874 khi Verlaine bắn Rimbaud bị thương trong một cuộc cãi nhau. Sau khi ở tù một thời gian ngắn, ông cho ra đời thi tập *Sagesse* (1881). Tác phẩm: *Fêtes Galantes* (1869), *Art Poétique* (1871-1873), *Romances sans Paroles* (1874).

44. Stéphane Mallarmé (1842-1898): thi sĩ, phê bình gia, nổi tiếng với tập thơ đầy mơ mộng *L'Après Midi d'un Faune* (1865). Bài thơ cuối cùng của ông: *Un coup de dés jamais n'abolira le hasard* (1897).

# PHAN THANH GIẢN (1796-1867)

## THÂN THỂ và SỰ NGHIỆP

### HẢI BẢNG HOÀNG D. BÌNH

**P**han Thanh Giản vốn dòng dõi nho gia. Lúc còn nhỏ, ông được một nhà sư nuôi dạy. Lớn lên, cụ theo học với nhiều bậc túc nho. Vì vậy, tư duy của Phan Thanh Giản tất nhuần thấm tư tưởng của Phật Thích Ca và Khổng Tử khiến cụ trở thành một nhân vật suốt đời sống với đạo Từ Bi và với đức Nhân, Trí, Dũng của hai vị đại triết nhân này. Lúc sắp trao thành cho quân Phú Lãng Xa tức quân Pháp, nhằm tránh cho lê dân khỏi bị nạn binh đao trước mắt, cụ đã để lại một bức thư tuyệt mệnh trong đó có câu:

*“Hỡi các quan và lê dân! Các người có thể sống dưới sự điều khiển của người Phú Lãng Xa. Những người này chỉ đáng sợ trong lúc chiến tranh mà thôi. Nhưng lá cờ ba sắc[cờ Pháp] không thể bay phất phới trên một thành lũy mà nơi ấy Phan Thanh Giản còn sống”*

(Trích thư của cụ Phan gửi cho hai vị quan Tổng Đốc Miền Tây)

Do sự kiện Pháp quân chiếm mất thành trong lúc điều đình mà vua quan triều Nguyễn hồi đó đã giáng cách cụ để trút trách nhiệm mất đất lên vai cụ. Sau này, khi Việt Minh Cộng Sản cầm quyền, cụ cũng bị gán tội phản quốc và do đó, Tượng Phan Thanh Giản dựng tại sân Trường Phan Thanh Giản, Cần Thơ bị chính quyền Cộng Sản đập

bỏ ngay sau 30 Tháng Tư, 1975; ảnh cụ bị đập của cán bộ CS bắn xuyên qua tim (coi: Đặc San Phan Thanh Giản & Đoàn Thị Điểm, Cần Thơ, Houston, Texas, 2007, trang 23-24 ).

#### PHAN THANH GIẢN

Vậy thì,

Phan Thanh Giản là ai?

Cụ được nuôi dưỡng và dạy dỗ như thế nào?

Con đường thi cử của cụ như thế nào?

Cụ làm quan với những chức vụ gì?

Tại sao cụ bị giáng chức tới năm lần?

Tại sao cụ trao thành Vĩnh Long cho Pháp và uống thuốc độc tự vẫn.

Tại sao một số các vua quan Triều Nguyễn lên án cụ?

Tại sao Đảng Cộng Sản VN đã lên án cụ?

Hiện nay cụ được CSVN phục hồi danh dự của cụ như thế nào?

Người dân tôn vinh cụ như thế nào?

Cụ có xứng đáng được vinh danh là bậc đại trí, đại dũng, và đại nhân không?

#### THÂN THỂ PHAN THANH GIẢN

Phan Thanh Giản sinh Giờ Thìn, Ngày 12 tháng Mười, Bính Thìn (1796), đời Lê Cảnh Hưng; mất vào đêm mồng Bốn rằm ngày mồng Năm tháng 7 năm Đinh Mão (1867) sau

khi tuyệt thực 17 ngày rồi uống thuốc độc tự vẫn; hưởng thọ 72 tuổi. Linh cữu an táng tại làng Bảo Thạnh, Kiến Hòa.

Phan Thanh Giản lấy tên tự là Tịnh Bá và Đạm; hiệu là Lương Khê; biệt hiệu là Mai Xuyên. Sau khi thi đậu, cụ cưới vợ người đầu tiên người làng Cần Giuộc. Bà này mất, cụ tục huyền với bà Trần Thị Hoạch ở Quảng Trị và đưa vợ về Kiến Hòa để lo phụng dưỡng cha mẹ. Trong dịp này, cụ làm một bài thơ để tạ ơn vợ đã thay cụ báo hiếu cha mẹ.

Từ thuở vương xe mới chỉ hồng  
Lòng này ghi tạc có non sông  
Đường mây cười tở ham dong ruổi  
Trưởng liễu thương ai chịu lạnh lùng  
Ốn nước, nợ trai đành nổi bận  
Cha già, nhà khó, cậy nhau cùng  
Mấy lời dặn bảo cơn ly biệt  
Rằng nhớ, rằng quên, lòng hỡi lòng

(tham khảo: Vĩnh Long Xưa và Nay của Huỳnh Minh, 1967)

Tương truyền tổ phụ cụ Phan Thanh Giản là Phan Thanh Tập, hiệu là Ngẫu Cừ, sống dưới đời Nhà Minh. Sau đó Phan Thanh Tập di cư sang Việt Nam cư ngụ tại Phủ Hoài Sơn, Bình Định. Phan Thanh Tập có một con trai là Phan Thanh Ngạn tục kêu là Xán. Năm 1771, gia đình ông Ngạn di vào Nam, ngụ ở Thanh Trông, Định Tường. Sau dời về Mân Thích, Vĩnh Thanh, Vĩnh Long; rồi lại dời về Huyện Bảo An, Hoàng Tri, Vĩnh Long. Cuối cùng, ông lại dời về thôn An Hòa, Tân Thạnh, Vĩnh Bình., phủ Định Viễn, Trấn Vĩnh Thạnh; nay là xã Bảo Thạnh, Bai Tri, Bến Tre. Ông cưới vợ là bà Lâm Thị Bút sinh hạ ra Phan Thanh Giản.

Năm 1802, Phan Thanh Giản được 7 tuổi thì bà mẹ qua đời. Bà mẹ kế là bà Trần Thị Dường rất yêu quý ông và cho ông thụ giáo với nhà sư Nguyễn Văn Noa ở chùa làng Phú Ngãi. Năm 1815, cha của Phan Thanh Giản bị tù oan. Phan Thanh Gian xin với quan cho ông được ở tù thế cho cha. Quan không thể giúp được nhưng tạo cơ hội cho ông ở gần cha và trau dồi kinh sử. Sau khi cha mãn tù, Phan Thanh Giản ở lại Vĩnh Long tiếp tục học để tạo sự nghiệp.

### SỰ NGHIỆP

Năm 1825, cụ đậu Cử Nhân Khoa Ất Dậu. Năm sau, cụ đậu Đệ Tam Giáp đồng Tiến Sĩ. Cụ là người đậu Tiến Sĩ khai khoa ở Nam Bộ. Cụ từng giữ nhiều chức vụ: dưới ba triều Minh Mạng, Thiệu Trị, và Tự Đức: Lang Trung Bộ Hình, Tham Hiệp Quảng Bình và Giám Khảo Thi Hương Thừa Thiên; Hiệp Trấn Quảng Nam, Hàn Lâm Viện, Phó Sứ sang Nhà Thanh, Đại Lý Tự Khanh Cơ Mật Viện, Kinh lược Trấn Tây, Bố Chánh Tỉnh Quảng Nam, Hộ Lý Tuần Phủ Quan Phòng, Nội các Thừa Chỉ, Tả Thị Lang Bộ Hộ, Thị Lang Bộ Hộ, Binh Bộ Tả Thị Lang, Tham Tri Bộ Binh, Chánh Chủ Khảo Trường Thi Hà Nội, Hình Bộ Thượng Thư, Lại Bộ Thượng Thư, Kinh lược Sứ, Nam Kỳ Kinh lược Phó Sứ, Gia Định Tuần Vũ (coi giữ Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, và Hà Tiên), Chánh Tổng Tài Quốc Sử Quán biên soạn bộ Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục, Quốc Tử Giám Sự Vụ, được cử đi sứ tại Pháp, Trung Hoa, và nhiều nước khác. Năm 1852, Vua Tự Đức ban cho cụ tấm kim khánh khắc “Liêm,

Bình, Cẩn, Cán” [Ngay Thật, Công Bằng, Cẩn Thận, Siêng Năng].

Cụ bị giáng chức 5 lần. Lần thứ nhất lúc cụ bị thất bại khi dẹp loạn Cao Gông ở Chiên Đàn, phía bắc Quảng Nam. Lần thứ hai cụ bị giáng chức vì can gián Vua Minh Mạng trong chuyến ngự du Quảng Nam với lý do là dân tình Quảng Nam lúc đó đang đói kém. Lần thứ ba cụ bị giáng vì lỗi thuộc viên sơ ý không đóng dấu triện vào một tờ sớ. Lần thứ tư cụ bị giáng vì ông không ký vào bản án Cơ Mật Viện buộc tội Tổng Đốc Bình Định xin vua hủy bỏ bản tòng Lôi Phong Pháp lý do vỡ tuồng có lời lẽ bôi bác, chế nhạo Trời, Đất, và các Thần Minh. Lần thứ năm, cụ bị kết tội bất cẩn khi ông làm Phó Chủ Khảo Trường Thi Thừa Thiên. Cuối cùng, cụ bị giáng cách vì thực dân Pháp tráo trở chiếm đoạt thành Vĩnh Long trong lúc còn đang điều đình. Thực tế, cụ xét thấy tình thế không thể cứu vãn được nữa và để cứu lê dân trước mắt khỏi bị nan binh đao, nên cụ trao thành cho Pháp rồi uống thuốc độc tự vẫn. Vua và một số quan lại xiểm nịnh lên án cụ nặng nề khiến cho sau này Đảng Cộng Sản lợi dụng cơ hội cũng biếm nhục cụ đủ điều. Nhưng tấm lòng son sắt của cụ đối với quốc gia và dân tộc đã được trời xanh soi sáng và ngày nay tên tuổi của cụ đã được phục hồi. Xét cuộc đời và sự nghiệp văn thơ, chính trị của cụ, cụ quả xứng đáng là một bậc đại trí, đại nhân, và đại dũng.

Mặc dầu trên vai cụ nhiều gánh nặng quốc gia phải chu toàn, cụ Phan vẫn hoàn tất nhiều tác phẩm rất giá trị về văn học và chính trị như sau:

*Lương Khê Thi Thảo (454 bài thơ); Lương Khê Văn Thảo; Sứ Thanh Thi Tập; Tây Phù Nhật Ký; Ước Phu Thi Tập; Tích Ung Ca Hội Tập; Sứ Trình Thi Tập; Việt Sử Thông Giám Cương Mục; và Minh Mạng Chính Yếu.*

Năm 1864, lúc làm Kinh Lược trấn nhậm Vĩnh Long, cụ Phan và Nguyễn Thông phụ tá xây dựng Văn Thánh Miếu thờ Đức Khổng Tử và Văn Xương Các làm nơi hội họp xướng họa thi văn. Tại Vĩnh Long ngày nay, Tòa Văn Xương Các có thờ chân dung của cụ và bài vị của Võ Trường Toản. Năm 1966, Tỉnh Trưởng Vĩnh Long Huỳnh Ngọc Diệp và thân hào nhân sĩ tỉnh dựng tượng đồng để tưởng nhớ công đức của cụ.

### VÀI NÉT VỀ ĐẤT NAM KỲ THUỞ XA XƯA

Đất Nam Kỳ xưa kia được khai khẩn và mở mang do công lao của ai? Theo tài liệu trong cuốn Vĩnh Long Xưa và Nay của Huỳnh Minh (1967) thì, kể từ năm 1679, xảy ra có một số tướng sĩ Nhà Minh, Trung Quốc chạy sang Việt Nam lánh nạn khủng bố của Nhà Mãn Thanh. Họ được Chúa Nguyễn Hiền Vương ở Huế chấp thuận cho vào khai khẩn miền Nam. Nhóm thứ nhất do Huỳnh Tấn dẫn đầu đến lập nghiệp tại khu vực Bà Rịa và Biên Hòa bây giờ. Nhóm thứ hai do Dương Ngạn Địch dẫn bộ hạ theo đường sông vào định cư ở Gò Công, Định Tường. Nhóm thứ ba do Mạc Cửu lập nghiệp ở Hà Tiên. Đến thời Chúa Nguyễn Phúc Chu (1725- 1738) mới có thêm đất Vĩnh Long (1732).

Nam Kỳ dưới thời Chúa Nguyễn được mở mang khai khẩn và được chia làm 3 dinh

(Dinh: là đơn vị hành chính tương đương với Vùng hay Khu ngày nay) và một trấn. Đó là Biên Dinh (Biên Hòa), Phiên Dinh (Gia Định), Long Hồ Dinh (Vĩnh Long), và Hà Tiên Trấn (Hà Tiên). Đất Vĩnh Long được hình thành từ năm 1732 dưới thời Chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Chu (1725-1738) mang tên là Châu Định Viễn, thuộc Long Hồ Dinh [Long Hồ Dinh, và mở thêm 4 huyện là Long Xuyên, (Cà Mau), Kiên Giang (Rạch Giá), Trấn Giang (Cần Thơ), và Trấn Di (Bắc Bạc Liêu)]

Đất Vĩnh Long hay là Châu Định Viễn hồi đó rất rộng lớn bao gồm một phần Bến Tre ở phía bắc và Trà Vinh ở phía nam, và là bộ mặt văn hóa của Miền Tây (tương tự như thành phố Tây Đô Cần Thơ bây giờ). Cho tới năm 1756, vua Chân Lạp là Nặc Nguyên thua và phải dâng Chúa Nguyễn Phúc Khoát hai phủ Tầm Bôn (Tân An) và Lôi Lạp (Gò Công). Hai phủ này sáp nhập vào Châu Định Viễn. Thế là hồi đó, đất Vĩnh Long bao gồm cả Tân An và Gò Công bây giờ.

Năm 1759, một lần nữa, Nặc Tôn (con Nặc Nguyên) lại dâng thêm đất Tầm Phong Long tức vùng Châu Đốc và Sa Đéc bây giờ. Các miền đất mới này lại được sáp nhập vào Châu Định Viễn, Long Hồ Dinh. Công lao mở mang đất mới này là của Nguyễn Cư Trinh, một vị quan tài kiêm văn võ. Để bảo vệ hữu hiệu hơn và vì tính cách quan trọng về giao thương, Nguyễn Cư Trinh cho dời Long Hồ Dinh qua Tầm Bào (nay là Thị Xã Vĩnh Long) và chọn nơi này làm thủ phủ của Miền Tây. Tại đây, khoảng những năm đầu của thập niên 1770, đã diễn ra nhiều trận đánh giữa quân của Nguyễn Lữ (Tây Sơn) và quân

của Tổng Phước Hiệp, Nhà Nguyễn có trợ lực của quân Xiêm.

Năm 1787 quân Chúa Nguyễn bắt đầu thắng thế và lấy được Thành Gia Định, rồi chiếm được toàn Miền Nam. Từ đó đất Miền Nam chính thức mang tên là Gia Định và chia làm 4 trấn: Phiên Trấn (tức Gia Định cũ), Biên Trấn (Biên Hòa), Vĩnh Trấn hay Hoằng Trấn (Vĩnh Long, Châu Định Trấn, hay Long Hồ), và Định Trấn (Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu).

Năm 1808, Vua Gia Long đổi tên Hoằng Trấn thành Vĩnh Thanh Trấn và ấn định thêm một trấn mới nữa là Hà Tiên Trấn gồm Hà Tiên, Rạch Giá và Cà Mau. Trong đời Gia Long, đất Vĩnh Long được cai quản bởi 3 vị Tổng Trấn là Quận Công Nguyễn Văn Nhân (1801-1805); Tổng Trấn Lê Văn Duyệt (1806-1815); và Tổng Trấn Quận Công Nguyễn Huỳnh Đức (1816 — 1819).

Năm 1820, Vua Minh Mạng lên ngôi, đất Vĩnh Long vẫn mang tên là Vĩnh Thanh Trấn cho tới năm 1832 mới đổi tên thành Vĩnh Long Trấn. Đây là giai đoạn Vua Minh Mạng hài tội Lê Văn Duyệt một cách độc đoán mặc dầu Lê Văn Duyệt đã qua đời khiến dân chúng bất mãn và con nuôi của ông là Lê Văn Khôi công phần nổi lên chống Triều Đình. Ngay sau khi Tổng Trấn Lê Văn Duyệt mất, Vua Minh Mạng bãi bỏ chức vụ Tổng Trấn Gia Định và chia đất Miền Nam thành 6 tỉnh gọi là Nam Kỳ Lục Tỉnh gồm 3 tỉnh Miền Đông là Gia Định, Biên Hòa, Định Tường và 3 tỉnh Miền Tây là Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Mỗi tỉnh đứng đầu là quan Tuần Phủ. Hai hay ba tỉnh có một quan cai quản gọi là Tổng Đốc.

Dưới thời Tự Đức, nhà vua đặt ra một chức để cai quản toàn Miền Nam gọi là Kinh lược Đại Sứ. Năm 1850 (Tự Đức Thứ Ba), Thượng Thư (Bộ Trưởng bây giờ) Bộ Công Nguyễn Tri Phương được cử làm Kinh lược Đại Sứ Nam Kỳ, kiêm Tổng Đốc Định-Biên (Gia Định + Biên Hòa), kiêm Tổng Đốc Long-An (Vĩnh Long + An Giang).

Năm 1851, Phan Thanh Giản được cử làm Kinh lược Phó Sứ phụ tá cho Nguyễn Tri Phương. Bấy giờ Phan Thanh Giản đặt Tổng Hành Dinh tại Thành Vĩnh Long và bắt đầu từ đó cụ khởi sự trách nhiệm đối phó với ý đồ xâm lấn của thực dân Pháp.

Bối Cảnh Xã Hội: Triều Đình  
Cấm Đạo và Bế Môn Tỏa Cảng  
- Dân Tình Bất Mãn  
- Tây Phương Gây Hấn

Nước ta khởi sự dính líu với người Pháp bằng Hiệp Ước Versailles ký ngày 28.11.1787 giữa Chính Phủ Pháp và Bá Đa Lộc, đại diện cho Nguyễn Ánh tức vua Gia Long sau này. Trong chuyến đi, Bá Đa Lộc dẫn theo Hoàng Tử Cảnh, 4 tuổi, làm con tin. Nội dung hiệp ước: Pháp giúp cho Nguyễn Ánh 4 tầu chiến, 1200 lính, 200 pháo binh, 250 lính Phi, quân trang, quân phí, v.v. Đổi lại, triều đình phải dành cho Pháp quyền sở hữu tuyệt đối về Cảng Hội An và Đảo Côn Lôn. Tuy nhiên vì tình thế nước Pháp rối loạn nên hiệp ước không thi hành được. Bá Đa Lộc phải vận động một số tư bản Pháp hùn nhau bỏ tiền mua tầu và súng sang giúp Nguyễn Ánh.

Trong thời gian đầu sau khi thành công trong việc triệt hạ Nhà Tây Sơn và thống nhất đất nước, Vua Gia Long còn tỏ ra biết

ơn và ưu đãi người Tây Phương. Trong một lá thư viết hồi tháng 7.1802, giáo sĩ Labartette nhận định: “Nhà vua [Gia Long] ưu đãi đạo thánh của chúng ta vượt quá sự mong muốn. Nhà vua biết ơn sâu xa Bá Đa Lộc - người đã cứu giúp bản thân nhà vua và dòng họ ông - và mỗi lần nhắc tới giám mục thì ông lại rưng rưng nước mắt”. Nhưng trong một lá thư viết vào năm 1812 thì giáo sĩ bày tỏ một sự e ngại: “Chừng nào nhà vua còn trị vì thì chúng tôi vẫn còn hy vọng được tự do hành đạo. Nhưng sau khi nhà vua mất đi thì e rằng mọi việc sẽ thay đổi hết.” Sự kiện này chứng tỏ Vua Gia Long trong lòng không ưa gì người Pháp.

Điều e ngại này đã trở thành sự thật. Sau này, Giáo sĩ Louvet ghi nhận: “Năm 1817, Gia Long chọn ông Hoàng Chi Đảm [tức Minh Mạng] nối ngôi. Sự lựa chọn này bị phần đông quan lại chỉ trích [trong đó có Nguyễn Văn Thành và Lê Văn Duyệt] và trở thành một tai họa lớn cho quốc gia và cho nhà thờ ở xứ sở này. Ông vua kế vị Gia Long đã quyết tâm cự tuyệt người Phương Tây và nền văn minh của họ. Ông ta xô đẩy triều đình lao vào việc tàn sát đẫm máu. Để rồi sau 40 năm dẫn đến cuộc can thiệp của người Pháp và sự phân liệt quốc gia. Chưa bao giờ vua Gia Long lại thiếu ý thức bằng cái ngày ông ta quyết định một sự lựa chọn như vậy, mặc dầu những viên quan cận thân nhất đã hết sức ngăn cản Vua.”

Thực vậy, ngay sau khi Gia Long nằm xuống, vua Minh Mạng thi hành ngay chính sách bài Gia Tô Giáo và “bạch quỷ” Tây Phương: lãnh sự Pháp không được thừa nhận; đặc sứ Pháp không được tiếp kiến; thuyền

trường Pháp không được lên bờ; giáo sĩ bị tử hình v.v. Vua Minh Mạng từ chối ký kết hiệp ước thương mại với vua Louis XVIII và nói với ông Chaigneau, một viên quan Pháp phục vụ cho triều đình bấy giờ rằng: “Cần gì có hiệp ước thương mại. *Nước Pháp ở quá xa nước chúng tôi. Làm sao thần dân của chúng tôi lại có thể đi buôn bán với người của nước ông được?*” Ông Chaigneau nhắc nhở: “Nếu nhà vua từ chối ký hiệp ước thì nước Pháp sẽ có ý nghĩ không tốt về nhà vua.” Vua Minh Mạng trả lời: “Người ta không thể đòi hỏi khác được vì tôi không muốn ký một hiệp ước mà xem ra nó chẳng có ích lợi gì.”

Sau này Minh Mạng có thay đổi tư duy, cử người sang Pháp điều đình, nhưng bị vua Pháp từ chối tiếp kiến vì vua Pháp coi “Minh Mạng là kẻ thù của Gia Tô Giáo.” Vua Thiệu Trị và Tự Đức kế vị sau đó càng tỏ ra kỳ thị “bạch quỷ” tây phương ngặt nghèo hơn và sự “cởi mở” hay “mở cửa” đón tây phương của triều đình sau đó mới áp dụng thì đã muộn. Bắt đầu từ năm 1850, Nã Phá Luân III quyết định thực hiện dùng võ lực xâm chiếm VN.

Tóm lại, sự bất tài và tinh thần thủ cựu và tự tôn của các vua Triều Nguyễn thể hiện trong chính sách bế môn tỏa cảng, bài bác Gia Tô Giáo, và khinh miệt người Tây Phương là những nguyên nhân chính dẫn tới sự kiện dân tình bất bình, đất nước loạn lạc, và rồi mất vào tay Pháp. Thật vậy, trong thời vua Gia Long có tới 70 cuộc nổi dậy; trong thời Minh Mạng có tới 230 cuộc tạo loạn; và trong 7 năm ngắn ngủi của Thiệu Trị có 50 cuộc nổi loạn; và trong thời Tự Đức có 40 cuộc nổi dậy. Tiếng oán thán của dân chúng thể hiện trong bài hịch của Nông Văn Vân:

Mười lăm năm đức chính có chi?  
Kho hình luật vẽ nên hùm có cánh  
Ba mươi tỉnh nhân dân đều oán  
Tiếng oan hào kêu dậy đất không lông

**PHÁP KHỞI HẤN CHIẾM VĨNH LONG:  
PHANH THANH GIẢN LÃNH SỨ MẠNG  
ĐIỀU ĐÌNH RỒI TỰ VẤN**

Ngày 22.4.1857, Napoléon III quyết định thành lập “Hội Đồng Nam Kỳ” với nhiệm vụ duyệt xét lại Hiệp Ước Versailles nhưng thực chất là hợp thức hóa việc đem quân qua xâm chiếm nước ta.

Ngày 31.8.1858, Đô Đốc Rigault de Genouilly phối hợp với quân Tây Ban Nha bắt đầu nổ súng vào Cảng Đà Nẵng. Viên Trấn Thủ Đà Nẵng được lệnh “an binh bất động”. Nguyễn Tri Phương được cử làm Tổng Chỉ Huy mặt trận Đà Nẵng - Quảng Nam.

Ngày 10.2.1859, Pháp đánh chiếm Vũng Tàu và ngày 17.2 Pháp tiến đánh Thành Gia Định. Lúc này cuộc chiến giữa Trung Hoa và Pháp nổ ra khiến Pháp phải rút một phần lực lượng ở Đà Nẵng và Saigòn qua Trung Hoa. Triều đình lúc đó không nắm được cơ hội ngàn năm một thuở này để tổng phản công; lại để cho Tướng chỉ huy Mặt Trận Gia Định lúc đó là Tôn Thất Hiệp “án binh bất động” với hy vọng “làm nản lòng địch”! Sau này, Nguyễn Tri Phương được điều động thay thế Tôn Thất Hiệp lại chủ trương “công và Thủ” tức là vừa đánh vừa giữ. Ông cho đắp đồn Kỳ Hòa dài 3000 mét, ngang 1000, chia làm 5 khu ngăn cách nhau bằng hàng rào gỗ. Thành xây bằng đất sét cao 3 mét 50, dày 2 m.



Ngày 25.10.1860, chiến tranh Trung Hoa kết thúc, quân Pháp lại trở qua nước ta và quyết nhanh chóng thôn Nam Kỳ. Ngày 23.2.1861, quân Pháp mở cuộc tấn công phá đại Đồn Chí Hòa. Tướng Charner, Tổng Tư Lệnh quân đội Pháp, ghi trong nhật ký: “Quân địch kháng cự rất mãnh liệt ... Quân ta tổn thất khá nhiều: 225 lính bị loại khỏi vòng chiến. Ngày 12.3.1861, quân Pháp coi như đã chiếm xong vùng Gia Định. Một báo cáo của Tổng Chỉ Huy Nguyễn Bá Nghi gửi về Triều Đình Huế tâu: “Tình thế đã đến lúc “đánh và giữ” đều không được. *Trừ một chút Hòa, tôi chỉ còn chịu tội.*”

Trong giai đoạn chống Pháp này, toàn dân khắp nơi đều tự động nổi lên chiến đấu. Nhưng các lực lượng này phần lớn là tự phát và không có kết hợp với nhau. Một tác giả Pháp, Pallu de la Barrière, ghi chép rằng: “Thực tế đâu đâu cũng là trung tâm kháng chiến. Cuộc kháng chiến có cơ sở và hệ thống khắp nơi. Có thể nói rằng có bao nhiêu người Việt thì có bấy nhiêu trung tâm kháng chiến. Đúng hơn là phải xem mỗi người nông dân đang bó lúa là một trung tâm kháng chiến. (Xem: Histoire de L'expédition de Cochinchine en 1861, Paris, 1864, tr. 248).

#### HÒA ƯỚC 5.6.1862: MẤT BA TỈNH MIỀN ĐÔNG

Đồn Kỳ Hòa bị mất. Nguyễn Tri Phương bị trọng thương phải đưa về Kinh chữa trị. Ngày 1.4.1861, Quân Pháp thừa thắng tiến đánh Định Tường. Triều đình sai Nguyễn Tri Phương đem hai vệ quân phối hợp với quan của Nguyễn Ba Nghi vào cứu viện. Quân cứu viện chưa tới nơi thì quân Pháp đã tiến

đánh Thành Vĩnh Long ngày 20.3.1862. Tổng Đốc Trương Văn Uyển bỏ thành chạy. Như vậy, kể từ tháng 9 năm 1858 đến tháng 3, 1862, Pháp quân chiếm được 4 thành: Gia Định, Định Tường, Biên Hòa, và Vĩnh Long.

Trước tình thế đó, triều đình cử Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp đứng ra thương thuyết chuộc lại đất. Do đó, Hòa Ước ngày 5/6/1862 ký tại Saigon hình thành gồm 12 điều khoản trong đó có điều khoản quy định 3 tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, và Đảo Côn Lôn tức Côn Đảo phải nhượng đứt cho Pháp. Ngoài ra triều đình còn phải trả cho Pháp và Tây Ban Nha trong vòng 10 năm một khoản tiền bồi thường chiến phí là 4 triệu đồng tương đương với 288 ngàn lượng bạc. Đổi lại, Pháp sẽ trả lại Vĩnh Long với điều kiện Triều đình phải có biện pháp chấm dứt các cuộc khởi nghĩa chống Pháp.

Trong phái bộ Việt Nam đi ký hòa ước có một linh mục người Việt tên là Đặng Đức Tuấn, người kể lại sự kiện ký hòa ước trong bài “Lâm Nạn Phụng Quốc Hành” như sau:

Làm hai tập nữa dâng vào  
Thánh Thượng ngự lãm định giao cuộc hòa  
Dạy quan Cơ Mật truyền ra  
Tư cho các tỉnh hay qua chuyện này  
Triều đình đã định làm vậy  
Sai Đặng Đức Tuấn vào Tây giảng hòa

...

Vì còn nhiều việc khả nghi  
Chưa biết bàn định lẽ gì cho hay  
Thượng quan đòi Tuấn hỏi ngay  
Tây xin làm vậy, Tuấn bày làm sao?  
Tuấn rằng “Ông Lớn lượng cao  
Sớ tâu Hoàng Đế xin vào Đồng Nai  
Cho tôi tòng phái với Ngài

Tôi dám quả quyết không ai làm gì  
Hòa đặng thì ta hòa đi  
Bằng hòa chẳng đặng, ta thì về ngay  
Quan Lâm vào tấu nội ngày  
Vua ban sắc hạ y rày lời xin  
Quan Phan ở cửa nghe tin  
Cũng vào thính chỉ đặng in như lời  
(Xem: Tinh Hoa Công Giáo Ái Quốc  
Việt Nam, 1970, Saigon, Lam Giang, Võ  
Ngọc Nhã, Đặng Đức Tuấn).

Việc chuộc 3 tỉnh bất thành, Vua Tự Đức và nhóm quan lại nịnh thần đã khiến trách Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp không làm tròn nhiệm vụ nhưng vẫn cử Phan Thanh Giản làm Tổng Đốc Vĩnh Long và chỉ thị tiếp tục cố gắng tìm cách thương thuyết lại với Pháp. Nhưng các nỗ lực thương thuyết đều không có kết quả. Đời sau có kể dựa vào việc Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp ký vào hiệp ước trên mà quy tội cho hai ông bằng câu “Phan, Lâm bán nước, triều đình coi thường dân chúng) và sau đó, Đảng Cộng Sản Việt Nam cũng lợi dụng câu nói trên để lên án cụ Phan là phản quốc. Tuy nhiên, trong vài thập niên gần đây đã dấy lên nhiều cuộc hội thảo đòi Cộng Sản VN phải phục hồi danh dự cho cụ Phan.

Ngày 4 tháng Ba, năm 1863, để tìm cách chuộc lại 3 tỉnh Miền Đông, Vua Tự Đức bèn cử Phan Thanh Giản dẫn đầu phái đoàn đáp Tàu L'Européen qua Pháp điều đình với Hoàng Đế Napoleon III. Cùng đi với cụ Phan có Phạm Phú Thứ, Ngụy Khắc Đản, và 53 tùy viên trong đó có Trương Vĩnh Ký làm thông dịch viên. Trước khi lên

đường, cụ Phan làm bài thơ Thuật Hoài để giải bày tất lòng như sau:

Chút nghĩa vương mang phải gắng đi  
Tang bồng đành rõ chí nam nhi  
Thuyền ngô phơi phơi giăng hồn bạc  
Khói đá phăng phăng lướt tích ti  
La Hán dang tay chờ khách đến  
Tướng quân ghé mắt hẹn ngày về  
Phen nay miễn đặng hòa hai nước  
Nổi tở xin đừng bận bịu chi!

Đề nghị giảng hòa tố cáo tâm trạng tuyệt vọng của Tự Đức nếu không muốn nói đó là thái độ đầu hàng. Tình trạng hòa hoãn này làm cho các quan đầu tỉnh bó tay không dám động tĩnh gì. Lợi dụng tình thế đó, quân Pháp sức tiến chiếm đoạt Nam Kỳ.

Sau một tháng điều đình (khoảng giữa tháng 6 đến giữa tháng 7), Aubaret, đại diện chính phủ Pháp và Phan Thanh Giản ký bản hiệp ước gồm 21 điều khoản. Đại cương: Pháp trả lại cho nhà vua ba tỉnh miền đông nhưng vẫn làm chủ Saigon, Thủ Dầu Một, và Mỹ Tho. Triều đình Huế phải thừa nhận sự bảo hộ của Pháp trên lục tỉnh. Các điều khoản khác về thương mại, truyền giáo, v.v. vẫn giữ nguyên như trong Hòa Ước 1862.

Thỏa ước Aubaret-Phan Thanh Giản này bị nhiều nhân vật Pháp trong đó có Bộ Trưởng Bộ Hải Quân và Thuộc Địa Chasseloup Laubat cực lực phản đối. Một trong ba bức thư hiện tìm thấy tại Kho Lưu trữ Quốc Gia Paris, Pháp khẩn thiết yêu cầu không cho Phan Thanh Giản chuộc đất nói lên ý đồ của thực dân Pháp muốn trước sau thôn tính nước ta. Nội dung lá thư được sơ lược như sau:

“Tôi thừa nhận phái bộ An Nam hiện đang ở Paris là cơ hội cho các điều đình về thương mại tất yếu sẽ dẫn tới việc chinh phục hoàn toàn toàn xứ này. Nhưng không phải vì vậy mà chúng ta rút đạo quân viễn chinh về nước để đổi lấy một khoản bồi thường chiến phí dù khoản đó lớn đến bao nhiêu đi nữa ... Việc chinh phục dứt điểm Nam Kỳ sẽ mở rộng ảnh hưởng của Pháp ... Phan Thanh Giản, sứ giả của An Nam đầu tiên và đồng thời cũng là Phó Vương của ba tỉnh còn lại và là Tổng Đốc Vĩnh Long. Tốt hơn hết là chúng ta lôi kéo cho được nhân vật quan trọng này ...”

Cuối cùng Napoléon III quyết định hủy bỏ tạm ước. Tuy nhiên, về phía triều đình Huế, Vua Tự Đức lại cử Phan Thanh Giản làm Khâm Sai Đại Thần ở ba tỉnh miền tây và tiếp tục thi hành lệnh giải giới quân đội và nghiêm trị những người nổi loạn. Kết quả của hành động này giúp Pháp chóng và dễ dàng thôn tính nước ta mà trước mắt là chiếm ba tỉnh miền tây: Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên khiến Phan Thanh Giản đã không thể làm gì hơn là bỏ trống thành cho Pháp rồi tự vẫn.

#### MẤT BA TỈNH MIỀN TÂY: PHAN THANH GIẢN TỰ VỠ

Từ mờ sáng ngày 17.6.1867, Tướng Pháp De Lagrandière hội 1400 quân tại Định Tường rồi kéo qua vây hãm Thành Vĩnh Long đồng thời trao tời hậu thư buộc Phan Thanh Giản dự cuộc hội đàm ngay trên tàu của Pháp. Cuộc hội đàm diễn ra ngắn ngủi và bất lợi, cụ Phan xin đình lại để hỏi ý kiến Triều Đình. Lợi dụng lúc cụ Phan xuống tàu điều

đình, quân Pháp đổ bộ chiếm thành Vĩnh Long. Rồi những ngày kế tiếp, quân Pháp kéo rốc xuống chiếm An Giang và Hà Tiên một cách dễ dàng.

Trong tình cảnh đó, cụ Phan ung dung vào ngục trong một chòi tranh và bắt đầu tuyệt thực. Thật đúng là thái độ của bậc hiền nho, quân tử: “thung dung tự nghĩa” có nghĩa là bình thản đón cái chết cho tròn nghĩa. Triều đình Huế nhận được tin mất ba tỉnh miền tây bèn gửi chiếu chỉ vào bãi chức cụ và cho đục tên cụ trên bia tiến sĩ ngoài Huế để trút hết trách nhiệm của triều đình lên vai cụ. Cuộc tuyệt thực kéo dài tới 17 ngày mà cụ vẫn chưa chết. Có lẽ nỗi oan ức phải nín lặng đã khiến cụ không dễ gì nhắm mắt. Cuối cùng cụ phải uống thuốc độc và ra đi vào lúc nửa đêm mồng 4 rạng mồng 5 tháng 7 năm Đinh Mão (1867); lúc đó cụ được 72 tuổi.

Linh cữu của cụ Phan được đem về mai táng tại làng Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, Bến Tre. Rất nhiều quan An Nam và Pháp tới phân ưu. Cụ Tú Tài Nguyễn Đình Chiểu ở Chợ Ba Tri làm một bài thơ khóc cụ, coi cụ như một vị trung thần vị quốc vong thân.

Non nước tan tành hệ bởi đâu?

Dầu dầu mây trắng cõi Ngao Châu

Ba triều công cán vài hàng số

Sáu tỉnh cương thường một gánh sầu

Trạm bóng ngày chiều, tin điệp vắng

Thành Nam, đêm quạnh bóng quyên sầu

Mình tinh chín chữ lòng son tạc

Trời đất từ đây mặc gió thu

Sau khi cụ Phan mất, các con của cụ là Phan Tôn, Phan Liêm vâng lời di chúc tuyệt đối không hợp tác với Pháp mặc dầu người

Pháp hứa ban cho nhiều bổng lộc. Hơn thế nữa, hai ông còn đứng lên gọi đàn, tổ chức nghĩa quân kháng Pháp tại Vĩnh Long, Trà Vinh, Sa Đéc, Bến Tre. Sau đó hai ông ra Hà Nội chiến đấu trong hàng ngũ của Nguyễn Tri Phương. Hai ông bị bắt làm tù binh ngày 20.11.1873, rồi được trao trả cho Triều Đình Huế sau Hòa Ước năm Giáp Tuất (1874). Cụ Nguyễn Đình Chiểu bày tỏ lòng cảm phục nghĩa khí của Phan Liêm, Phan Tôn qua 10 bài thơ điệu Phan Công Tông Tử Nghĩa ở Giồng Gạch. Trích mấy câu như sau:

Trống nghĩa Bảo An nghe sấm dậy

Cờ đề Công Tử guộng mây qua

Trái với sự dự đoán của Pháp, sau khi cụ Phan qua đời, nghĩa quân nhiều nơi, hết nhóm này tới nhóm khác, liên tục nổi lên chống Pháp như Đinh Sâm ở Láng Hầm, Phong Điền, Cần Thơ; Phan Lữ, cháu cụ Phan tử trận tại làng Phù Ngải, huyện Bảo An, Bến Tre. Ngày 16.6.1868, Nguyễn Trung Trực nổi lên ở Rạch Giá và Phú Quốc. Năm 1870 đến 1872, Quản Hớn lập chiến khu ở 18 Thôn Vườn Trầu tại Gò Vấp, Hóc Môn, Bà Điểm. Nguyễn Hữu Huân người Định Tường khởi nghĩa từ 1859. Năm 1864 ông bị bắt và bị đày đi Cayenne (Nam Mỹ). Trở về, ông lại tiếp tục chiến đấu. Cuối cùng Nguyễn Hữu Huân bị bắt giải về xử tử tại Bến Tranh, Mỹ Tho ngày 19.5.1875.

#### GÁN GHÉP TỘI VÀ PHỤC HỒI DANH DỰ CHO PHAN THANH GIẢN.

Triều đình Nhà Nguyễn gán ghép tội cho cụ Phan như thế nào?

Trước hết phải kể tới sự kiện triều đình Tự Đức gán ghép tội cho cụ. Sau khi Pháp

chiếm trọn 6 tỉnh miền Nam, Triều Đình Tự Đức trút hết trách nhiệm cho cụ về tội để mất thành với những lời buộc tội rất nặng nề như: “Xét phải tội chết chưa đủ che được tội.” và *quyết định*: “*truy đoạt lại chức hàm và đẽo bỏ tên ở bia tiến sĩ, để mãi mãi cái án giam hậu.*”

Sự thật cụ Phan có đầu hàng Pháp và để mất thành không? Các nhà phân tích sử liệu sau này căn cứ vào tư cách và nhân cách cao quý của cụ Phan để đưa ra kết luận là: Trước họa xâm lược của Pháp, vua tôi triều Nguyễn tỏ ra rất bị động và lúng túng. Trong triều chia ra người chủ chiến, kẻ chủ hòa, người lo chống giữ lâu dài. Vua Tự Đức thì tỏ ra phân vân và có thái độ chủ hòa hơn là chủ chiến nên nhà vua đã cho lệnh “tư cho quan Kinh Lược không đánh nhau với quân Pháp, tự phải rút lui. Tư liệu lịch sử cho thấy Phan Thanh Giản không đầu hàng và không nộp thành cho giặc như miêu tả trong một số tư liệu của Pháp. Việc mất ba tỉnh Miền Tây là hậu quả của chủ trương sai lầm của Vua Tự Đức. Tuy nhiên, năm 1886, Vua Đồng Khánh cho khôi phục nguyên hàm và khắc lại tên cụ trên bia tiến sĩ.

Đảng Cộng Sản VN đã lên án cụ Phan và phục hồi danh dự cho cụ như thế nào?

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp năm 1945-54, Đảng Cộng Sản VN muốn đưa ra “đấu tố” trên tòa án văn học chính trị một nhân vật điển hình để răn đe tư tưởng chủ hòa của quân, dân, cán, chính. Đảng đã cho Viện Trường Viện Sử Học, Giáo Sư Trần Huy Liệu, viết bài lên án cụ Phan.

Tháng 10.1963, Tạp Chí Nghiên Cứu Lịch Sử công bố bài viết tổng kết của GS

Trần Huy Liệu với nhan đề “Chúng Ta Đã Nhất Trí về Nhận Định Phan Thanh Giản”. Qua bài đó, Trần Huy Liệu đã lên án cụ Phan rất gắt gao và đầy hắc ám: “Công đức đã bại hoại thì tứ đức [bốn Đức của Vua Tự Đức ban cho cụ Phan: Liêm, Bình, Cẩn, Cán] còn gì là đáng kể?”; “*Phan trước sau vẫn rơi vào thất bại chủ nghĩa, phản lại quyền lợi tối cao của dân tộc, của nhân dân.*” và “*Phan đã dâng hiến thành cho giặc*”. Khi Miền Nam bị rơi vào tay Cộng Sản, do những lời kết tội thâm độc đó, tất cả những gì liên hệ đến cụ Phan như thơ văn, đền thờ, tượng đài, tên trường học, tên đường phố, v.v. đều bị các cán bộ hay chính quyền địa phương thẳng tay triệt hạ.

Năm 1994, trước những dư luận nổi lên từ nhiều phía trong và ngoài nước yêu cầu phục hồi danh dự cho Phan Thanh Giản, một cuộc hội thảo được tổ chức tại Vĩnh Long có lẽ là vì nơi đây còn di tích của cụ để lại như Văn Miếu và Văn Xương Các (có chân dung của cụ đặt tại đây) trong khu đất Văn Thánh ở Long Hồ. GS Phan Huy Lê, Chủ Tịch Hội Khoa Học Lịch Sử VN, đọc bài tổng kết có đoạn như sau: “Chúng ta đều nhất trí không nên quy kết cho ông cái tội ‘bán nước’ hay ‘phản bội tổ quốc’”.

Ngày 16 tháng 8 năm 2003, một cuộc tọa đàm diễn ra tại Saigon do Tạp Chí Xưa & Nay tổ chức với chủ đề - và cũng chính là nhan đề của cuốn sách - “Thế Kỷ thứ 19: Nhìn Về Nhân Vật Lịch Sử Phan Thanh Giản”. Khoảng trên một trăm nhân vật tham dự buổi tọa đàm này trong đó có những cán bộ đảng viên cao cấp như: Võ Văn Kiệt, Trần Văn Giàu, và Trần Bạch Đằng. Không

thấy có bài tổng kết nào được đưa ra trong cuộc hội họp này. Tuy nhiên, sau đó, nguyên cựu thủ tướng Võ Văn Kiệt viết một bài đăng với tựa đề “*Những Suy Nghĩ Sau hai cuộc Hội Nghị về Nhân Vật Phan Thanh Giản*” trong có đoạn viết:

Tôi khẳng định rằng Phan Thanh Giản là một người yêu nước, thương dân mà lo không tròn bổn phận, cụ đã tự làm bản án cho chính mình: đó là cái chết. *Một cuộc đòi thanh sạch đáng để lại gương soi cho hậu thế. Sau cuộc tọa đàm tháng 8/2003, tôi đã về thăm mộ cụ PTG và thấp nhang lạy hương hồn cụ. Và tôi cũng quyết định sửa sang lại khu mộ phần và nhà thờ Cụ bởi mộ đã bị thời gian bào mòn quá nhiều.* [trích bài “140 Năm Sau” của Nguyễn Như Hùng (Santa Clara, CA) đăng trong Đặc San PTG & ĐTD Cần Thơ, tr. 23]

Như vậy, phải chờ tới 40 năm kể từ cuộc hội thảo lần thứ nhất vào năm 1963 trong đó Trần Huy Liệu gắt gao lên án cụ PTG là “chủ bại”, “phản lại quyền lợi của dân tộc”, “dâng thành, hiến đất cho giặc”, đến năm 2003, Đảng CSVN mới cho Võ Văn Kiệt nói lên lời cải tội cho cụ Phan rằng cụ là người yêu nước thương dân.

Cộng Sản VN có thực tâm phục hồi danh dự cho cụ Phan không? - Không. Vấn đề phục hồi danh dự cho cụ Phan cũng như phục hồi danh dự cho nhóm Nhân Văn Giai Phẩm của cụ Phan Khôi thực ra chỉ là những hành động mà người CS làm cho có hình thức và vì nhu cầu của tình thế cần vuốt ve dư luận bất mãn của đông đảo quần chúng mà thôi. Nên nhớ một sự thật là người cộng sản không bao giờ thật tâm làm bất cứ một

điều gì cả. Họ đối trá ngay cả với chính bản thân họ để tồn tại.

### TỔNG KẾT

Trong hậu bán thế kỷ thứ 19 tức là thời của cụ Phan Thanh Giản, nước ra lâm vào một tình trạng vô cùng loạn lạc: các vua Triều Nguyễn chỉ lo hưởng thụ; triều thần chia rẽ bè phái; nhiều cựu công thần bị bạc đãi; lòng dân bất phục triều đình; nhiều hào kiệt nổi dậy chống triều đình; và đặc biệt là quân Pháp xâm lấn.

Phan Thanh Giản là người có tiếng là tài đức vẹn toàn nên được bổ dụng vào nhiều chức vụ quan trọng. Nhưng chính vì các đức “Liêm, Bình, Cần, Cán” mà cụ không có tiền để “quà cáp” với các quan trên nên cụ bị nhiều quan trong triều ganh ghét. Đời cụ bị tới năm lần giáng cấp, nhưng cụ vẫn không bất mãn (như trường hợp của Cao bá Quát), không hề ca thán, và cụ vẫn chăm lo phục vụ. Tại sao một viên quan bị giáng cấp nhiều lần như vậy mà vẫn được nhà vua cử làm chánh sứ đi Pháp, đi Trung Hoa? Tại sao không phải là một vị quan nào khác trong hay ngoài hàng ngũ tôn thất? Như vậy rõ ràng cụ phải là một nhân vật độc đáo của thời đại không ai thay thế được: cụ phải là con người bao gồm đủ cả ba đại đức Nhân, Trí, Dũng và đó chính là ba đức lớn của người quân tử, của kẻ Sĩ mà Khổng Tử đã nói tới trong sách Luận Ngữ rằng “có thể đem vận mệnh quốc gia mà giao cho họ; dẫu có gặp nguy hiểm đến tính mạng thì cũng không làm dao động được họ.”

Một câu hỏi khác: tại sao cụ không vượt thoát ra ngoài để tiếp tục chiến đấu? - Không, cụ không thể làm như vậy được giản dị là vì những lệnh vua Tự Đức đã ban ra là “hưu binh”, “giải giáp”, và nhà vua còn lệnh cho PTG dụ Trương Định giải tán lực lượng nghĩa binh chống Pháp. Trong hoàn cảnh đó, chỉ có cái chết mới giải thoát cho cụ cái sứ mạng không thể làm được (mission impossible) là lấy lại các tỉnh miền tây đã lọt vào tay quân Phú Lãng Xa.

Nhưng, tại sao cụ lại chọn cái chết kéo dài bằng tuyệt thực mà không tự vẫn ngay với một chén thuốc độc? - Rõ ràng là cụ muốn tỏ ra bình thản đón cái chết - cái mà thường ai cũng sợ - để chứng tỏ với nhóm triều đình khiếp nhược và với bọn quân Pháp hung hãn rằng giống nòi Việt vẫn có những con người coi cái chết nhẹ như lông hồng và không thể khuất phục họ được. Cái chết từ từ đó chính là cái chết mang ý nghĩa trong câu nói “Thung dung tự nghĩa” vậy.

Nhìn lại cuộc đời sự nghiệp của cụ Phan Thanh Giản, chúng ta sẽ có lỗi nếu không làm cho thật sáng tỏ con người của cụ, một con người có đầy đủ phong cách của một bậc hiền nhân, quân tử không tì vết. Cụ quả có dư điều kiện để xứng đáng phải được vinh danh là một danh nhân trên thế giới như trường hợp của cụ Nguyễn Trãi đã được UNESCO của Hiệp Quốc năm 1980 công nhận là Danh Nhân Văn Hóa Thế Giới.

**HẢI BĂNG HOÀNG D. BINH**  
(Arizona)

# *Cô Kiều Với Phạm Quỳnh*

*Es Phạm Thị Nhung*

(Kỳ 2)

## THAY LỜI GIỚI THIỆU

\*\*\*

*Trước tình cảnh gia vong quốc phá,  
Cố nâng cao văn hoá cho dân.  
Nam Phong phổ biến xa gần:  
Bảo tồn quốc túy, chuyên cần tiếng ta.  
Vì giúp nước cứu nhà hoạn nạn  
Kiều với Quỳnh đầy đặn như nhau,  
Đào tơ, quân tử, nát nhàu,  
Giấy hoen, hồn giữ một màu trung trinh.  
(Bình Huyền)*

2.3. Những Tháng Năm Làm Báo Nam-Phong (1917-1932)

2.3.1 Lý Do Thành Lập Báo Nam-Phong Năm 1917 phủ Toàn-Quyền Pháp, qua đại diện Louis-Marty, đề nghị Phạm Quỳnh đứng ra lập một tờ báo quốc văn làm cơ quan tuyên truyền tin tức trong nước.

"Mục đích chính trị cấp thời (là) phục vụ cho việc chiến thắng của Pháp trong trận giặc bảy giờ ... Marty cũng nhắm một mục đích lâu dài hơn, là đem cái hay cái đẹp của văn minh Pháp tuyên truyền ra dân chúng dưới khẩu hiệu "khai hoá", gây một cơ sở vững chắc là cơ sở tinh thần cho cuộc bảo hộ."

Trước đề nghị ấy, Phạm Quỳnh nghĩ gì? Nói một cách khác, đâu là những lý do chính yếu khiến Phạm Quỳnh chấp nhận đứng ra thành lập Nam-Phong Tạp-Chí?

Qua bài phỏng vấn của Đào Hùng trên báo Phụ-Nữ Tân-Văn, Sài Gòn ngày 18-6-

1931, Phạm Quỳnh cho biết: "Tôi sở dĩ nhận mở báo Nam-Phong là vì chính phủ tự lòng cho phép chứ không phải tôi yêu cầu. Và tôi cũng muốn lợi dụng làm một cơ quan bồi bổ quốc văn." (Tài liệu Phạm Thế Ngũ, *Lịch Sử Văn Học Việt Nam*, q.III, Phạm-Thế xb 1965, in lần thứ 3, Phạm Ngũ Lão 1972)

Và qua một số bài của Phạm Quỳnh đăng rải rác trên Nam-Phong, ta dần dần phanh phui thêm được những lý do khác đã đưa ông tới quyết định chấp nhận hợp tác với Pháp thành lập tờ báo Việt ngữ này.

Thật thế, trong hoàn cảnh quốc phá gia vong bấy giờ, Phạm Quỳnh nhận thấy, Pháp không chỉ đánh bại ta bằng vũ lực, mà còn đang tấn công ta trên mặt trận văn hoá và giáo dục. Cái học cũ nay mai được bãi bỏ, cái học mới mỗi ngày một tràn lấn, các tư tưởng văn hoá tây phương đang được Pháp chủ tâm truyền bá sâu rộng trong đại chúng. Văn hay cái học mới ấy, những tư tưởng cấp tiến và thực tiễn của tây phương ấy, bấy giờ rất cần thiết cho ta trên đường văn minh tiến bộ để theo kịp người; các nhà ái quốc chẳng đã nhận thấy như thế nên nhất trí cổ vũ, truyền truyền đó sao? Nhưng ta cần phải hiểu rằng, chính nó cũng đang phá hoại tận gốc rễ ý thức hệ của dân tộc ta, đang làm xáo trộn xã hội ta.

Theo Phạm Quỳnh, nếu "đồng nhân" không được đưa đường, chỉ nẻo, thì sẽ dễ dàng đi vào cao trào duy tân một cách hấp

tấp, vô ý thức, dần dần sẽ đi đến tình trạng bị "tiêu hồn", "mất gốc", "tây hoá", đúng theo sở ý của thực dân Pháp. Đó mới thật phần nguy hại, vì "xưa kia có mất nước, song hồn hã còn, mà hồn còn thì nước không đến nỗi mất hẳn, nay có khác là nước mất mà hồn cũng thoi thóp thì nguy hiểm biết dường nào!"

Nhìn thấy trước mắt cả một "xã hội sốc nổi" giao thời Âu Á, cự tân, bày ra lăm trờ lố lằng, "thương phong hoá, bại cương thường", Phạm Quỳnh không khỏi rùng mình. Ông thăm nhủ: "Vận mệnh là vận mệnh chung cả một nước, mỗi người tất có một phần trong cái vận mệnh ấy...Mỗi người phải tùy theo sức, ghé vai mà gánh vác." Riêng ông, "Đường học mới được thiệp-liệp đôi chút, nền nếp xưa chưa đến nỗi sao lãng hẳn, tưởng cũng có một phần việc nhỏ trong cái công lớn lao tô-bồi cho tổ quốc buổi ấy". Phần việc nhỏ đó chính là "đem hết trí tuệ mà nghiên cứu những vấn đề hiện thời, tìm phương pháp giải quyết cho thoả đáng...chi bảo cho đồng nhân biết". Theo Phạm Quỳnh, "nghĩa vụ đó đủ cao thượng, đủ xứng đáng cho kẻ trí thức nước ta tận tụy mà làm cho trọn." (Thư Cho Bạn, 1919, Thượng-Chi Văn Tập, IV).

Sau hết, Phạm Quỳnh còn có một mục đích tối thiết nữa là dùng tờ báo làm phương tiện vận động, xây dựng văn hoá dân tộc, nhằm phát huy chủ nghĩa quốc gia, và gây lấy tinh thần tự lập cho quốc dân để mong có ngày giải phóng cho dân tộc: "Ta phải tìm cách gây lấy một nền tảng văn hoá riêng, tham bác cả hai tinh thần Âu Á...chính là một sự yếu cần cho lẽ sinh tồn...phải biết rằng dân tộc ta muốn tìm đường giải phóng, tìm đường tự lập, duy có cách đó mới mong kiến hiệu

được...Xin quốc dân ta nhớ cho rằng cứ tình thế nước ta ngày nay, vận động về đường chính trị không bằng vận động về đường văn hoá..." (Bàn phiếm về văn hóa Đông Tây, Nam Phong số 84, 1924).

Tóm lại, theo Phạm Quỳnh, "cái vốn chung của một nước chính là gồm những công phu rêng của mỗi người" (Nghĩa Vụ Là Gì, 1917). Như thế không nhất thiết đánh giặc, hoạt động cách mạng mới là yêu nước, mà làm văn hoá có lợi cho dân tộc, giúp "cho quốc hồn được tỉnh táo, cho quốc vận được sáng sủa" cũng là yêu nước!

"Nhưng muốn hoạt động thì phải có phương tiện". Ngày nay mọi sinh hoạt của ta đều bị chính quyền bảo hộ kiểm soát gắt gao, hoạt động cách mạng văn hoá ôn hoà như nhóm Đông-kinh Nghĩa-thục cũng bị Pháp bóp chết. "Vả lại, làm văn hoá không phải là một công tác ngắn hạn, nó đòi hỏi ta nhiều cố gắng và sự liên tục lâu dài. Nay tự đứng Pháp trao vào tay ta cái phương tiện cần có ấy để hoạt động, nó lại là cái bóng cho ta núp, sao ta không nắm lấy, lợi dụng nó để phục vụ cho cái lý tưởng hướng dẫn đại chúng và tài bồi cho nền văn hoá nước nhà?!"

Cái chí đã đặt ở việc nước như vậy nên Phạm Quỳnh biết "lấy việc thịnh suy nước nhà làm trọng hơn sự lợi hại cho mình"(Thư Cho Bạn). Thế là Phạm Quỳnh quyết định chấp nhận thành lập Nam-Phong Tạp-Chí, không quản ngại hợp tác với Pháp, dẫu rằng người sáng lập và bảo trợ cho tờ Nam-Phong lại là Louis-Marty, Trưởng toà Chính trị phủ Toàn quyền!

Phạm Quỳnh tự nghĩ, "Nếu mình đem hết cả tâm hồn, sức lực ra làm việc, thung dung mà tự được cái nghĩa cả kia, thì rồi cũng có ngày tấm lòng son của mình đối với quốc gia dân tộc sẽ được quốc dân và sách sử soi xét thấu."



Khi bắt tay vào việc thực hiện tạp chí Nam-Phong, Phạm Quỳnh đã phải đương đầu với nhiều vấn đề hết sức khó khăn, phức tạp và tế nhị.

Về thực tế, đây là một tờ báo của người Pháp lập ra, họ nhắm vào một mục đích rõ rệt là muốn dùng tờ báo, một cơ quan ngôn luận, để phục vụ cho quyền lợi chính trị của họ. Nhưng Phạm Quỳnh, chủ nhiệm kiêm chủ bút (về phần Việt ngữ) cùng những người cộng tác với tờ báo Nam-Phong có phải họ chỉ biết nhắm mắt phục vụ cho chủ trương ấy không?

Tất nhiên là không! Thật vậy, ngay trên bìa báo, nếu ta để ý nhận xét một chút, ta sẽ thấy có biết bao sự lúng túng ở bên trong; từ đó ta có thể đoán được là đã có sự tranh chấp gay go giữa người Pháp/người Việt, nói rõ hơn, giữa Louis-Marty/Phạm Quỳnh. Nhưng cuối cùng mọi chuyện đã được dàn xếp, đôi bên đều phải chấp nhận nhau vì cùng muốn lợi dụng nhau để tờ báo được ra đời.

Này nhé, nơi trang nhất bìa báo, bên trên hàng chữ tên báo NAM-PHONG được in lớn và đậm nét, là mấy hàng chữ nhỏ viết bằng chữ Pháp:

L'Information Francaise

La France Devant Le Monde – Son Rôle

Dans La Guerre Des Nations

Dưới hai chữ Nam-Phong cũng có một hàng chữ nhỏ:

Văn Học – Khoa Học – Tạp Chí

Dưới nữa, phía tay phải, ghi một câu danh ngôn của Tổng thống Mỹ Roosevelt bằng cả chữ Việt và chữ Pháp: «Có đồng đảng mới bình đẳng được.», «Il n'y a que ceux qui sont des égaux qui sont égaux».

Và cuối bìa báo, in hình con gà trống Gaulois nổi bật trước một hình triện tròn, giữa hai vòng là ba chữ: Liberté-Egalité-

Fraternité, biểu tượng và tiêu ngữ của Pháp quốc(xem phóng ảnh đính kèm trang sau).

Giở qua bìa báo trang hai, trong phần ghi mục đích báo Nam-Phong, ta đọc được những dòng chữ:

"Mục đích của báo Nam-Phong là thể hiện cái chủ nghĩa khai hoá của Nhà-nước, biên tập những bài bằng quốc văn, Hán văn, Pháp văn, để giúp sự mở mang trí thức, giữ gìn đạo đức trong quốc dân An-nam, truyền bá các khoa học của Thái-tây, nhất là học thuật, tư tưởng Đại-Pháp, bảo tồn cái quốc tuý của nước Việt Nam ta...Báo Nam-Phong lại chủ ý riêng về sự tập luyện văn quốc ngữ cho thành một nền quốc văn An-nam."

Những dòng chữ này còn được đăng đi đăng lại không ngừng trên nhiều số báo Nam-Phong kế tiếp.

Như thế, chủ đích của chính quyền bảo hộ đã được phơi bày "chành ình" ngay từ những số ra mắt của Nam-Phong tạp chí rồi.

- Chủ đích cấp thời là lo việc tuyên truyền cho sự thắng lợi của Pháp trong cuộc Âu-chiến hiện tại.

- Chủ đích thứ hai là thực hiện chính sách khai hoá, gieo rắc văn minh Thái-tây, mà Toàn-quyền Albert-Sarraut đã đề ra.

Còn về phía người Việt, trên bìa báo đó đã nói lên được những gì?

- Câu danh ngôn của Tổng thống Mỹ Roosevelt "Có đồng đảng mới bình đẳng được", Phạm Quỳnh coi đó là một châm ngôn nhắc nhở ông nhắm hoạt động của mình vào việc phổ thông giáo dục, nâng cao dân trí cho bằng người, để mong sớm đưa dân tộc đến ngày tự do. (Phạm Quỳnh trong Độc Thư Tạp Ký còn chép:"Trong kinh Coran của đạo Hồi có lời tuyên ngôn:"Trong bọn tôi tớ nhà người, có kẻ nào biết làm đơn xin giải phóng thì người

xét có xứng đáng nên giải phóng cho nó". *Hết thầy quyền tự do ở đời không phải kẻ làm chủ làm thầy muốn hay không muốn cho mà được...Nói rằng biết làm đơn xin thì sẽ xét cho, nghĩa là trước hết phải biết đọc biết viết đã, phải cố gắng cho tới cái địa vị làm người tự do, biết trách nhiệm...biết bổn phận của mình, bấy giờ chí mình đã quyết thì quyền tự do của mình còn ai lấy được nữa."* (Georges Deherme, T.C.V.T. II)

- Và trong đoạn văn nói về mục đích báo Nam-Phong, Phạm Quỳnh ngoài quyết tâm "giúp sự mở mang trí thức", còn chủ trương "Giữ gìn đạo đức trong quốc dân – bảo tồn cái quốc túy của người Việt Nam – tập luyện văn quốc ngữ cho thành một nền quốc văn An-nam."

Rõ ràng đây chỉ là một vài vấn đề văn hoá của người bản xứ, chẳng dính gì đến chính trị cả, nên cuối cùng Louis-Marty chấp nhận được .

Sau này, càng có dịp đọc những bài luận thuyết của Phạm Quỳnh liên quan đến vấn đề quốc văn, quốc học, quốc túy, ta càng hiểu được cái thâm trầm, cái ý nhị của họ Phạm muốn gửi gắm qua mấy câu đơn sơ đó. Phạm Quỳnh muốn nhấn cho độc giả ông biết rằng, ông sẽ dùng chúng như một chiến thuật để "bẻ gãy", để "vô hiệu hoá" cái dã tâm của thực dân muốn truyền bá văn minh tư tưởng học thuật Pháp, chẳng phải vì lý tưởng khai hoá "nhân đạo" gì, mà thực ra cốt đưa dân ta đến chỗ bị "đồng hoá" để đời đời làm nô lệ cho họ.

Lại nữa, chính những chi tiết xác định tờ Nam-Phong là của chính quyền Pháp, như vừa được trình bày ở trên, cũng như ở nơi trang nhất bìa báo (từ số 23 trở đi), phần giới thiệu những người sáng lập tờ

Nam-Phong, giữa tên Phạm Quỳnh (Chủ bút phần quốc ngữ) và Nguyễn Bá Trác ( chủ bút phần chữ Nho) là tên Louis-Mart với cả danh phận "Trưởng toà Chánh trị ở phủ Toàn quyền". Là Phạm Quỳnh muốn "lưu ý" độc giả rằng: Đã là báo của chính quyền bảo hộ, thì tất nhiên họ đòi hỏi phải nói đến những cái hay cái đẹp của dân tộc họ, khen-lao những việc làm của chính họ. Phạm Quỳnh mong đồng bào hiểu và thông cảm cho tình cảnh éo le của ông, mà đừng chấp nhất đến những lời nịnh nọt, tán tụng Pháp trong đó làm chi.

Phạm Quỳnh, một trí thức thông minh, tài hoa, đã phải bôi tro trát trấu ra hợp tác công khai với chính quyền bảo hộ, phải để chính ngòi bút của mình cùng vài ngòi bút khác của Nam-Phong viết một số bài "nịnh tây", hay nói như một số dư luận chống đối bây giờ là "hót tây", làm "bồi tây", hay tệ hơn nữa, là phải "đánh đĩ ngòi bút" để phục vụ cho quan thầy bảo hộ, cũng chỉ vì muốn mua chuộc cảm tình, lấy lòng tin của họ cho mình được yên thân lo việc phù thế giáo, cho mình được yên thân hoạt động văn hoá phụng sự dân tộc. Dầu đã được trang bị bằng những lý lẽ cao thượng thế nào chẳng nữa, Phạm Quỳnh vẫn không khỏi có nhiều lúc đau lòng, thương thân, nỗi niềm không thể bày tỏ cùng ai. Cuối cùng ông đã tìm thấy ở cô Kiều một nguồn an ủi : một người bạn tâm sự, một người đồng cảnh ngộ!

Như chúng ta đã biết, cô Kiều, trong tác phẩm Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du, là một thiếu nữ thông minh, tài hoa, diễm lệ tuyệt vời. Cô đã có một mối tình tha thiết với chàng Kim Trọng; chỉ vì gặp cảnh gia biến, cô phải bán mình cho Mã-Giám-Sinh, một khách phương xa, để lấy tiền hối lộ cứu cha, và giữ được vẹn toàn cho gia đình:

*Thà rằng liều một thân con  
Hoa dù rã cánh, lá còn xanh cây.*

Để rồi bị họ Mã lừa mà phải đẩy đoạ  
trong kiếp gái lầu xanh.

Những đêm về sáng chợt tỉnh giấc, cô  
Kiều xiết bao tủi thương cho thân phận  
hiện tại của mình:

*Mặt sao đầy gió dạn sương  
Thân sao bướm chán, ong chường bấy thân.*

Sống ở nơi đây, cô phải gương sầu  
làm vui ; nhưng vui làm sao được, vì có ai  
hiểu mà san sẻ nỗi niềm tâm sự :

*Vui là vui gượng kẻo mà  
Ai tri âm đó, mặn mà với ai.*

Như thế, qua một cái nhìn đại cương,  
ta thấy quả đã có sự tương ứng, trùng hợp  
giữa Phạm Quỳnh và cô Kiều, từ giá trị  
nội tại, cảnh ngộ éo le đến tâm sự cô đơn.  
Từ đó, ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy  
trong bài "Cô Kiều với tôi", Phạm Quỳnh  
đã viết những câu như "*Cô Kiều đối với  
tôi có cái thanh khí thâm trầm...có khi âm  
thâm nào nuốt như tiếng gọi xa xăm của  
một âm hồn "tri kỷ" từ chín suối đưa lên ...  
tưởng như người ấy sống luôn bên mình".*  
Và mới hiểu vì sao trong nhiều đoạn văn  
viết, bất cứ dưới đề mục nào, Phạm  
Quỳnh cũng thường xen vào một hai câu  
thơ Kiều, không chỉ để thêm "mặn mà",  
thêm "ý nhị", mà chính vì Phạm Quỳnh  
muốn cô Kiều luôn luôn hiện diện ở bên  
ông, để nâng đỡ và chia sẻ với ông những  
nỗi vui, buồn trong cuộc đời.

\*\*\*

*Giúp dân bớt coi khinh quốc ngữ,  
Lại hô hào dùng chữ văn nô,  
Tiếng người tra dịch sớm hôm,  
Văn chương Âu, Á thâu gồm tinh hoa,*

*Tránh nói, viết đem pha tây ngữ,  
Chuyển Pháp, Tàu thành chữ Việt Nam,  
Quốc hồn đến tỵ quốc âm,  
Duy trì chủng tộc trong tâm đồng bào.*  
(Bình Huyền)

2.3.2 Hoạt Động Văn Hoá – Gây  
Dựng Một Nền Học Mới

2.3.2.1 *Đắp xây cơ sở và vun trồng cho  
văn quốc ngữ.*

Sau 15 năm thành lập báo Nam-  
Phong, Phạm Quỳnh chủ nhiệm kiêm chủ  
bút, qua bài *Quốc Học với Quốc Văn* (NP  
số 164, tháng 7-1931), đã xác định rõ lập  
trường thờ chủ nghĩa quốc gia, bằng những  
hoạt động phụng sự cho văn hóa nước nhà  
bấy nay như sau:

*"Báo Nam-Phong từ ngày ra đời đến giờ  
vẫn theo đuổi một mục đích: gây lấy một  
cái tản-văn để vừa làm cơ quan vừa làm  
cơ sở cho quốc học sau này ; vì chúng tôi  
vẫn đinh ninh rằng, không có quốc học thì  
không sao có độc lập về tinh thần được,  
không có độc lập về tinh thần thì không  
sao có được độc lập về chính trị được.*

*"Ấy quốc văn nó quan hệ cho quốc học  
như vậy, quốc học quan hệ cho quốc vận  
như vậy", thế nên "Nhà văn muốn thờ  
nước thì không có cái phương tiện nào hay  
bằng giúp cho nước có một nền quốc văn  
xứng đáng.*

*Đó là cái chủ nghĩa của tôi bấy lâu  
nay, mà là cái tín điều thứ nhất trong đạo  
quốc gia của tôi vậy."*

Lời xác định này đã soi sáng cho lý  
tưởng phụng quốc bằng văn hoá của Phạm  
Quỳnh khi ông nhận lời thành lập báo  
Nam-Phong. Thế nên, vừa có phương tiện  
trong tay, Phạm Quỳnh thảo ngay một kế  
hoạch hoạt động lâu dài để tiến tới việc

xây dựng một nền quốc học trong tương lai, mà cấp vụ đầu tiên là phải gây lấy một nền quốc văn xứng đáng.

Do đó, báo Nam-Phong ngay số ra mắt, Phạm Quỳnh đã đặt vấn đề xây dựng quốc văn làm mục tiêu chính của tờ báo :

"Vấn đề quan trọng nhất trong nước ta ngày nay là vấn đề văn quốc ngữ. Vấn đề ấy có giải quyết được thì sự học mới có thể tấn tới, dân trí mới có thể mở mang, bước tiến hoá sau này mới có thể mong mỏi được. Đến ngày chữ quốc ngữ dùng làm quốc văn được thì người nước Nam mới thái độ được các khoa học mới mà gây thành một nền học thích hợp với trình độ, mới phát biểu được tinh thần cốt cách của mình ... Nói rút lại, quốc ngữ có phát đạt thì nền quốc học mới gây dựng được, quốc dân ta mới không đến nỗi chung kiếp đi học mượn, viết nhờ như từ trước đến nay" (Văn Quốc Ngữ).

Để giải quyết vấn đề quốc văn "mới nở còn non nớt chưa đủ sức" buổi ấy, Phạm Quỳnh đã phải nỗ lực hoạt động trên nhiều lãnh vực.

Phạm Quỳnh cổ võ đồng bào tham gia chiến dịch gây dựng tài bồi cho văn quốc ngữ bằng cách viết văn, đọc văn.

Vì nhận thấy dân mình bấy giờ thường có thái độ "coi thường, coi khinh, thờ ơ" với văn quốc ngữ, vì lẽ: học để không đáng học – quá non nớt, yếu kém so với văn Tàu, văn Tây – vô tích sự vì không mưu sinh được, nên ông ra công kêu gọi bằng cách khơi động lương tâm và lòng ái quốc của họ.

Văn quốc ngữ nước ta ngày nay ví như đứa trẻ "đương buổi ấu trĩ này, phải có người chăm chút, phải có người trông nom, phải có người phù trì mà cũng phải có người tưởng lệ, thì mới mong ra khỏi

tuần mǎng sữa, hết thời kỳ sài đẹn, mà đến tuổi lớn khôn mạnh mẽ."

Thế nên, ông khích lệ những nhà Tây học, cùng những nhà cựu học, hãy "viết văn quốc ngữ, đem sở học, sở trường của mình đóng góp công đức vào việc xây dựng tô bồi cho nó."

Không những kêu gọi người viết văn, Phạm Quỳnh còn kêu gọi cả người đọc quốc văn (để phấn khởi người viết văn), khi cho rằng, "ngày nay người nào chịu tập văn nôm là làm một việc công đức, người nào chịu xem văn nôm là làm một việc nghĩa vụ. Công đức ấy, nghĩa vụ ấy, người có lòng có dạ với nước, há lại chẳng nên vui vẻ mà làm ru? Chữ quốc ngữ chính là cái bè từ để cứu vớt bọn ta trong bể trảm luân...Xin đồng bào chớ lãng bỏ, chớ khinh rẻ văn quốc ngữ. Tương lai nước ta chính ở đó." (Văn Quốc Ngữ, N.P. số 1, 1917)

Riêng phần mình, Phạm Quỳnh một lòng cung-cúc, tận tụy đắp xây cơ sở và vun trồng cho quốc văn. Trước hết bằng những bài biên dịch thiên về đường tư tưởng, nghị luận, vì theo Phạm Quỳnh, "lúc quốc văn mới nhúm thành...ta cần phải dịch sách người hơn là làm sách mới"

Sao vậy? Vì họ Phạm muốn nhắm vào những mục đích:

. Luyện cho câu văn quốc ngữ được "sắc sảo, mềm mại".

. Học lấy và truyền bá lối văn học vấn, văn nghị luận, thuyết lý mà ta chưa có.

. Sau nữa là có dịch, có đối chiếu với văn người mới biết mình thiếu tiếng gì mà phiên dịch, tân tạo những tiếng mới, bổ khuyết vào, cho quốc văn thêm phong phú.

Trong bài "Báo Nam-Phong Được Mười Tuổi" (N.P. số 119, 1927), nhóm biên tập cũng đã lưu ý về những điểm này như sau:

"Về việc đoàn luyện quốc văn, chúng tôi nghiệm ra, vận văn của nước ta nhờ các tiền nhân tập luyện đã đến bậc tinh xảo lắm. Thi ca mà như truyện Kiều thì sánh với thế giới tưởng cũng không kém. Duy tản văn xưa nay hầu như chưa có, mà tản văn mới là văn nghị luận, văn thuyết lý. Vậy việc cần cấp là phải gây ra một lối tản văn thích dụng cho sự truyền bá tư tưởng ngày nay. Cái khuyết điểm thứ nhất của văn quốc ngữ là còn thiếu các danh từ để chỉ những sự vật cùng nghĩa lý mới. Bởi thế nên trong mấy năm chúng tôi hết sức tra cứu các sách Tây, sách Tàu mà nhặt lấy hoặc dịch ra những chữ cần dùng, 'phát hành' kể có hàng ngàn tiếng mới."

Những chữ mới này đã được xuất hiện đều đặn trên mấy tờ "Tự Vượng" trong mỗi số Nam-Phong, được thích nghĩa rõ ràng, để giúp cho sự học trong nước và cho người làm văn khỏi dùng sai lầm. (Lê Thanh, trong bài "Ba người thợ cần mẫn: Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Nguyễn Khắc Hiếu" đăng trên báo Tri Tân số 172 ngày 28-11-1941, viết "Trong một câu chuyện văn chương, ông Đào Duy Anh cho tôi biết rằng cái mục Tự Vượng đã giúp sự học của ông rất nhiều và có lẽ chính những trang giải nghĩa danh từ mới ấy là cái mầm những từ điển của ông...") Lâu dần chúng trở thành quen thuộc, thông dụng. Bao nhiêu chữ mới như : quan điểm, chủ nghĩa, xã hội, văn minh...đã thấy tái hiện trên sách báo, và làm công cụ diễn đạt tư tưởng cho người Việt chúng ta từ bấy lâu nay.

Lại nữa, câu văn quốc ngữ chưa có kỹ luật gì nên Phạm Quỳnh đã nêu ra vấn đề văn pháp, và gợi ý các nhà tân cổ học viết văn quốc ngữ nên biết những ưu, khuyết

điểm của mình, bổ túc cho nhau để tạo một lối riêng cho văn quốc ngữ:

"Quốc văn ta đã chịu ảnh hưởng của chữ Hán trong mấy mươi đời, nay muốn gây dựng ra quốc văn phải nhận ảnh hưởng đó mà lợi dụng ra (những người chủ trương bỏ hết chữ nho cùng những lối văn nho đã dung hoà với quốc âm từ bao giờ đến giờ là nghĩ sai cả). Nay ta học tiếng Pháp nhiều, tất cũng phải chịu ảnh hưởng của Pháp văn"... "Người thuần cựu học thì có nhiều chữ dùng mà cách sắp đặt còn lộn xộn, không biết chấm câu theo lối mới, rất là quan hệ cho văn chương. Người thuần tân học thì thuộc phép đặt câu mà chữ dùng thường thiếu thốn, không đủ tiếng mà nói hết cái ý của mình."

Nay đem hai lối văn ấy mà "hoà lộn với nhau, lẫn cho nhau, nhờ đó mà không bao lâu quốc văn ta thành được, gồm cả tinh hoa của Âu Á "...Tuy "lấy Hán văn, Pháp văn làm mẫu " là cốt "theo thể thức hay, phương pháp khéo của người ", còn mình vẫn phải "cố giữ lấy tinh thần riêng của tiếng An-nam mình ", đến thế quốc văn mới gọi là hoàn toàn được (Văn Quốc Ngữ).

Bảo vệ tiếng Việt:

- Phạm Quỳnh hô hào chỉ nói rờng tiếng Việt.

Thấy phái Tây học có thói quen "hễ nói chuyện gì cao xa một chút thời dùng tiếng tây ", hay "đương nói chuyện tiếng ta đem pha ít nhiều tiếng tây vào ", Phạm Quỳnh phản nản, lối nói chuyện đó không những "bác tạp khó nghe", mà "còn rất phương hại cho tiếng nói nước nhà, như vậy thời tiếng Việt Nam ta bao giờ mới thành văn được?"

Và theo họ Phạm, "chỉ nên nói tiếng nước mình, không những dùng để nói những câu chuyện thường, phải dùng để

nói những chuyện cao xa nữa, dầu lúc đầu có không đủ tiếng dùng, hơi khó một chút, mà dùng mãi thành quen ". (Bàn về diễn thuyết, 1921, Thượng Chi Văn Tập II)

- Phạm Quỳnh phản đối chủ trương dùng tiếng Pháp thay tiếng Việt.

Trong nước bấy giờ có người đề xướng lấy tiếng Pháp thay thế tiếng An-nam làm tiếng nói phổ thông trong nước, sau lại được một số trí thức tân học nhất là trong Nam hưởng ứng, Phạm Quỳnh đã cực lực phản đối qua bài *Chữ Pháp Có Dùng Làm Quốc Văn Được Không?*(1918, T.C.V.T. VI)

Người ta lấy có "tiếng An-nam ta nghèo ngặt, thiếu thốn không đủ dùng", Phạm Quỳnh đã hết sức bênh vực nó mà cho rằng, đó "là một câu nói hàm hồ ... vì không khi nào tiếng nói trong nước lại không theo kịp trình độ của quốc dân. Tiếng nói trong nước nghèo là trình độ quốc dân thấp, nếu trình độ cao hơn tất tiếng nói phải giàu thêm cho xứng đáng ... Thử đem một câu ca dao ta mà dịch ra tiếng tây, một lời tục ngữ ta mà dịch ra tiếng tàu, chắc cũng không sao mà hết ý nghĩa được. Như vậy chữ Pháp, chữ Nho lại nghèo hơn tiếng ta hay sao?

"Nay phần nhiều nói tiếng ta nghèo chỉ vì ta chưa có đủ những danh từ về cách trí, khoa học, kỹ nghệ... Người mình cứ nên gia công giải cứu cho thật thâm, và thứ nhất là phải có cái chí muốn đem những điều mình học được nói ra tiếng mình...khiến cho người không học cũng có thể hiểu được, mỗi người mỗi làm như vậy, thiếu chữ gì thì đặt chữ mới ra cho gọn ghẽ, hoặc mượn chữ ngoài cho tiện dùng, như vậy thì mấy nỗi tiếng An-nam lại chẳng được phong phú bằng nhiều tiếng nước khác hay sao ?"

Huống chi "Quốc âm là tiếng nói tự nhiên đặc biệt của một giống người...Có nói bằng tiếng ấy mới tỏ được hết tâm tình...đã là đặc biệt chỉ riêng cho một giống người...thời tất biểu hiệu được tâm hồn của giống ấy...cho nên quốc âm tức là một biểu hiệu tự nhiên của quốc hồn".

Như thế, "Tiếng nói là phần cốt yếu làm thành một nước... nước sống về tiếng nói, tiếng nói còn, nước sẽ không thể mất được..."

... Coi như dân Ba-lan (Polonais), dân Tiệp Khắc (Tchèque) bên Âu-châu, tuy quốc thể không còn, người một giống làm tôi mấy nước, mà quốc âm vẫn giữ được, nên chủng tộc không đến nỗi mất, và nhờ cuộc chiến tranh này (1914-18) lại khôi phục được quyền độc lập, từ nay lại có tên trên bản đồ thế giới."

(Còn tiếp)

### *Gs Phạm Thị Nhung*

Xin đón đọc kỳ tới :

- Phạm Quỳnh chống lại nghị định học vấn thi cử của Albert-Sarraut như thế nào?
- Ông đưa dân tộc lên đường tiến bộ bằng cách nào?
- Ông gửi thư cứu quốc, Bàn về tinh thần lập quốc, ra sao?
- Phạm Quỳnh giúp bảo tồn và phát huy văn hoá dân tộc;
- Ca ngợi tiếng Việt và Văn Chương truyền khẩu;
- Phát hiện nghệ thuật Truyện Kiều;
- Khai Trí Tiến Đức Học Xá.

# NGUYỄN BÌNH KHIÊM

## QUA MẤY BÀI THƠ XÁC-ĐỊNH ĐƯỢC NIÊN-ĐẠI

### NGUYỄN NGỌC BÍCH

**M**ột trong những thiếu sót lớn của văn-học-sử Việt-nam, như ta biết cho đến gần đây, là tính-cách độc-chiều (one-dimensionality) trong việc xử lý tâm-hồn cũng như tư-tưởng của các tác-giả cổ-điển của ta. Nếu cách xử lý này có thể biện-hộ được ít nhiều trong trường-hợp những tác-giả như các thiền-sư đời Lý mà đa-phần chỉ còn lưu lại một hai bài kệ thì càng về sau, càng gần ta hơn, cách làm việc này xem ra có phần tắc trách nếu không muốn nói là làm biếng hay cẩu thả, không chấp nhận được. Một tác-giả như Nguyễn Du (1765-1820), riêng chỉ thơ chữ Hán thôi cũng đã để lại tới ba tập tổng-cộng 250 bài, viết trong 28 năm, với nhiều bài có ghi đầy đủ những tình-tiết nào dẫn đến việc nhà thơ làm ra những bài thơ đó.<sup>1</sup>

Trường-hợp Nguyễn Trãi (1380-1442), sống trước Nguyễn Du gần 400 năm, cũng đã để lại cho ta khoảng 340 bài thơ, cả Hán (105 bài) lẫn Nôm (254 bài, trong đó có lẫn một số bài của người khác), một gia-tài không nhỏ. Cách đây ít lâu, tôi đã cố gắng đi tìm ra những bài mà ta có thể xác-định được niên-đại sáng-tác, để thử phân-tích xem tư-duy của Úc Trai (bút-hiệu của Nguyễn Trãi) có đổi thay qua khoảng bốn chục năm trong đời của ông không.<sup>2</sup> Trong bài này, tôi sẽ cố gắng làm một việc tương-

tự với thơ của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm.

Sinh năm 1491, Nguyễn Bình Khiêm sống qua mấy chục năm thật nhiều nhưng sau khi vua Lê Hiến-tông băng hà (1504), với Lê Túc-tông chỉ làm vua được có sáu tháng, Lê Uy Mục lên làm vua nổi tiếng tàn ác (đến nỗi bị dân gọi là Quỷ-vương), đến Lê Tương Dực nổi lên giết Uy Mục chiếm ngôi mà Tương Dực cũng không khá gì hơn Uy Mục (nên bị gọi là Vua Lợn), rồi đến hai vua Chiêu-tông (1516-24) và Cung Hoàng (1524-27)<sup>3</sup> thì bất lực, thành thử khi Mạc Đăng Dung lên chiếm ngôi vua, dựng nên nhà Mạc thì không ít người cho đó là một sự giải thoát chứ không phải là tiếm vua (như lịch-sử sau này đã được viết lại bởi các sử-gia thời Lê Trung-hưng).

Cũng vì thời thế nhiều nhưng thế nên Nguyễn Bình Khiêm chỉ biết vùi đầu vào cái học, để cuối cùng đến năm 1535, ông mới đi thi ở tuổi 44 và đỗ Trạng.<sup>4</sup> Đến lúc này thì cái học của ông đã vượt xa cái học thường-tình của các sĩ-phu, chỉ nhắm thuộc lâu Tứ Thư Ngũ Kinh để thi đỗ ra làm quan. Ông đi vào Dịch-học và lý-số, để có thể tiên-đoán được bước đi của lịch-sử, dùng cái học thâm sâu và uyên bác của mình để có thể gỡ đất nước ra khỏi chiến-tranh, giúp cho nhà Mạc tồn tại thêm gần 100 năm nữa khi lui về Cao-bằng, giúp cho nhà Trịnh đời đời làm chúa thờ vua Lê, và giúp cho nhà Nguyễn ở Đàng Trong thực-hiện cuộc Nam-tiến (rồi Tây-tiến) đến

những biên-giới cực-Nam của đất nước ta ngày nay và tồn tại đến năm 1945.

Ông là một ông quan cương trực nên khi, đề giải-quyết vấn-đề tham-những dưới thời Mạc Phúc Hải (trị vì 1540-46), ông đề nghị giết 18 vị quan lộng quyền mà không được nghe theo, ông đã cáo bệnh từ quan ở tuổi 52, sau có 8 năm ra tham-dự chính-quyền.<sup>5</sup>

Từ đó cho đến khi mất vào tuổi 94 (1585), ông ở ẩn, dạy học nhưng vẫn được trọng-vọng bởi các đời vua (nhà Mạc) cho đến hai dòng Chúa, Trịnh (Kiêm) và Nguyễn (Hoàng), đáng được ghi nhận như người độc-nhất vô nhị trong lịch-sử VN có khả-năng “nhất ngôn khả dĩ hưng bang,”<sup>6</sup> một lời có thể làm hưng vượng cả một nước.

### Hai bài thơ trước tuổi 40?

#### “Sinh chẳng gặp thuở Đường Ngu”<sup>7</sup>

Tuy bài này không có niên-đại chắc chắn nhưng ta có thể đoán mà không sợ nhầm là nó được làm ra khi Nguyễn Bình Khiêm hãy còn trong “thuở hàn vi.” Do vậy mà ông còn có thể cười mình:

Sinh chẳng gặp thuở Đường Ngu

*(Tức một ông vua hiền)*

Lần thân liền nên mỡ đũa vu

*(Mỡ đũa vu: ta chỉ là một anh không đâu)*

Tạp nhạp tài hèn: cây núc nác

*(Núc nác: loại cây gỗ xấu)*

Lơ thơ nghề tiện: tổ bồ cu

*(Tiện: mọt. Tổ bồ cu: nhà làm bằng đồ tạp)*

Và câu cuối (câu 8) nói: “Khéo thì khổ nhục, vụng phong lưu,” Khéo thì chỉ đi hầu

người khác (khổ nhục) còn chuyên phong lưu thì vụng về, chẳng biết.

#### “Thánh bốn mươi tuổi chẳng còn ngờ”<sup>8</sup>

Bài này ta biết chắc Nguyễn Bình Khiêm làm năm ông 40, nghĩa là vào năm 1530, bởi ông so ông với Khổng-tử, mà ở đây ông gọi là “Thánh,” người đã từng tuyên-bô: “Tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc” (“30 thì [ta] đứng một mình, 40 thì [cái biết vững vàng] không còn ngờ chi nữa”):

Thánh bốn mươi tuổi chẳng còn ngờ

Ta tuổi bốn mươi vẫn lú lo

*(Lú lo: như ta nói ngày nay, đia)*

Đạo lý nẻo xa đen nữa mực

*(Đạo lý ở xa nên tối mù (đen) hơn mực)*

Văn chương nghề cũ, xác như vờ!

*(Xác như vờ: nghèo xác xơ)*

Hai câu cuối (7-8) nói đến một bệnh mà ông không chữa được:

Mắc một bệnh này, chữa chẳng khỏi:

Đã thôi chén rượu, lại câu thơ!

*(Khi ngưng uống rượu thì lại làm thơ)*

Như vậy, ta có thể khẳng-định được rằng khi trẻ, thậm chí đến cả tuổi 40, Nguyễn Bình Khiêm vẫn nhìn mình với một con mắt khôi hài, hay ít nhất cũng nhún mình, tự-trào, không mấy xem mình là quan-trọng. Cái nét này, ta hình như không thấy có ở Nguyễn Trãi: ở Nguyễn Trãi nhún nhường thì có nhưng cười mình, tự-trào thì xem chừng như không có. Nhưng ở Nguyễn Bình Khiêm, ông không những cười ông, đùa với ông, ông còn đùa cả với vợ ông như ta sẽ thấy trong một bài thơ ông làm để tặng “bà xã” ở tuổi chín mươi khoảng 60 (sẽ được trình bày sau).



## Đỗ Trạng và ngành lý-số

Năm 1535, ở tuổi 44, Nguyễn Bình Khiêm đỗ Trạng-nguyên trong kỳ thi hội thứ hai được tổ-chức dưới thời nhà Mạc (Mạc Đăng Doanh), lần đó lấy 27 người.<sup>9</sup> Ông đỗ đầu. Biền-cổ này liệu có làm cho tính-cách thơ của ông đôi khác đi không? Ta hãy xét tiếp.

Đỗ Trạng, ông được vời vào làm quan trong triều nhưng hình như cũng không mấy được cất nhắc. Tác-giả Đông Phong trong *Bọc trịnh* viết: “Ông ra làm quan với nhà Mạc, được cử làm Đông Các Hiệu Thư, một chức quan nhỏ, rồi lên chức Lại Bộ Tả Thị Lang kiêm Đông Các Đại Học Sĩ, cũng chỉ là quan thế yếu quyền nhỏ, bậc Tam phẩm, không là Tể Tướng hay Thừa Tướng, Nhất phẩm hay Nhị phẩm.”<sup>10</sup> Chức Đông Các Đại Học Sĩ cũng là chức được vua Gia Long phong cho Nguyễn Du sau này sau khi ông làm Tri huyện Phù-dung (1802) rồi thăng Tri phủ Thường Tín, xong được cử đi đón sứ nhà Thanh, trước khi ông được thăng chức Cai bạ (cũng tương-tự như chức Tỉnh-trưởng ngày nay) Quảng-bình (1809). Như vậy, xem ra trong quan-trường, Nguyễn Bình Khiêm quả đã không được trọng-dụng. Tầm quan-trọng của ông nằm ở chỗ khác, ở khả-năng lý-số của ông, một khả-năng xuất chúng mà có thể là do người mẹ ông truyền lại một phần.<sup>11</sup> Chính khả-năng này đã đưa các vua chúa đến tìm, đến thỉnh ý ông trong những thời-điểm nghiêm trọng trong đời họ.

Song nhờ có đức lớn, ông đã không dùng cái biết nơi ông để tìm cái lợi cho mình mà vẫn giúp cho dân tránh được chiến-tranh và giúp cho:

1/ Nhà Mạc kéo dài được triều-đại thêm ba đời nữa sau khi đã mất Thăng-long vào tay Trịnh Kiểm và vua Lê (Năm 1592, Trạng đã trọng tuổi và lâm trọng-bệnh, Mạc Mậu Hợp sai con đến thăm và vấn kế tương-lai, cụ nói: “Cao-bằng tuy thiếu, khả diên số thế,” Cao-bằng tuy nhỏ nhưng cũng có thể kéo dài được vài đời.)<sup>12</sup>

2/ Nhà Lê trung-hưng được gần 200 năm (từ 1592 đến 1788) dù như phải chịu sự kềm kẹp của các chúa Trịnh. (Khi thấy vua Lê Trang-tông không có con, Trịnh Kiểm muốn nhân cơ-hội truất-phế nhà Lê để xưng vương, song còn e ngại lòng dân Bắc-hà nên bí-mật cử người đến hỏi ý-kiến Nguyễn Bình Khiêm. Cụ quay mặt vào bảo người nhà như một lời đáp gián-tiếp: “Năm ngoái mất mùa, thóc giống không tốt, đi tìm giống cũ mà gieo mạ.” Rồi cụ lại sai tiểu-đồng ra quét sân chùa, dâng hương mà nói: “Giữ chùa thờ Phật thì ăn oản.” Hiểu ý, Trịnh Kiểm phải cho người đi đón Lê Duy Bang ở Thanh-hoá về để lập lên làm vua. Sau đó, còn nhiều lần các chúa Trịnh cũng tính tiếm ngôi vua nhưng nhớ lời cụ dặn, lại thôi, nhất là câu: “Lê tồn, Trịnh tại. Lê bại, Trịnh vong.” Quả như thế, vì khi Lê Chiêu Thống mất ngôi thì nhà Trịnh cũng suy vong theo.)<sup>13</sup>

3/ Nhà Nguyễn lập nghiệp được ở Đàng Trong từ năm 1558 đến 1945, nghĩa là gần 400 năm, với lời khuyên “Hoành-sơn nhất đá, vạn đại dung thân,” Hoành-sơn một dải có thể dung thân được muôn đời. Tuy 400 năm chưa phải là muôn đời song câu nói của cụ Trạng quả là linh thiêng.<sup>14</sup>

## Những bài thơ có thể tìm ra niên-đại ở tuổi già

Như đã nói ở trên, ông cáo bệnh về hưu ở tuổi 52 sau tám năm ra làm quan. Phần bất mãn vì không được vua nghe cũng có song cũng rất có thể ông thích chữ Nhân như trong bài:

Được thua thấy đã ít nhiều phen,<sup>15</sup>

Đề rẻ công danh đổi lấy nhân.

Am Bạch-vân rồi nhân hứng,

*(Rồi: rồi rồi, nghĩ ngợi)*

Dặm hồng-trần vắng ngại chen.

*(Hồng-trần: bụi hồng, tức thế-gian)*

Nói là ông thích nhân chứ thật ra ít có ai năng nỗ hơn ông trong tuổi già. Theo *Lịch triều hiến chương loại chí* (Văn tịch chí) của Phan Huy Chú thì Nguyễn Bình Khiêm để lại 10 quyển thơ (*Bạch Vân am thi-tập*) với khoảng 1000 bài chữ Hán và *Bạch-vân quốc-ngữ-thi*, 2 quyển, với khoảng 170 bài được xem là của ông. Ngày nay, tuy một số đã mất, ta vẫn còn khoảng 500 bài thơ chữ Hán của ông để cho thấy một tổng-tác-phẩm đồ sộ mà Phan Huy Chú mô-tả là “đại để thanh tao, tiêu sái, hồn hậu, phong nhã, có ý thú tự nhiên... Lời và ý nhẹ nhàng, nhân nhã, có thể thấy được chí không thích làm quan.”<sup>16</sup>

Bất đãi đầu chương tiện giải trâm,<sup>17</sup>

Điền viên cựu ước hảo trùng tâm...

Chẳng đợi đưa râu, cứ cỡi trâm

*(Cỡi trâm: tức bỏ quan mà về)*

Ước cũ điền viên hãy vội tầm...

“Thừa nơi xuất xứ, đâu là phải?”<sup>18</sup>

Tuy nói thế song Nguyễn Bình Khiêm cũng không hẳn là đã quyết-định về “cái

lựa” không thương tiếc, như cách nói của ta ngày nay. Trong đời ông, vấn-đề “xuất - xứ” không phải là dễ: đối với người sĩ-phu ngày xưa, “xuất” là ra với đời, là trả một món nợ với xã-hội, đem cái tài của mình ra thi thố với người và giúp dân, giúp nước, giúp rập một ông vua; “xứ” tức lui về ở ẩn, chỉ là chuyện bất đắc dĩ, như khi có giặc ngoại-xâm (trường-hợp Nguyễn Trãi ở Đông-quan khi nhà Minh sang xâm-chiếm nước ta) hoặc khi ta không được toại nguyện trong ước-vọng giúp nước, thương dân. Chính vì thế mà hơn một lần, Nguyễn Bình Khiêm ray rút:

Vội vội xuân xanh nữa tên!

*(Vùn vụt xuân đi nhanh hơn tên bắn!)*

... Thừa nơi xuất xứ, đâu là phải?

*(Nay chỗ nào là phải, ra làm quan hay về?)*

Ở ất nên, về cũng ất nên!

“Ắt đã từng phụ lộc triều-quan”<sup>19</sup>

Bài này không rõ làm ra năm nào nhưng gần như chắc chắn là phải làm ra sau khi ông đã về hưu ở tuổi 52 (1542), vì nó mô-tả cảnh về “nhàn dưỡng tuổi tàn” của ông tuy vẫn còn nhớ đến ơn vua:

Ắt đã từng phụ lộc triều-quan,

*(Ta đã quay lưng vào bổng lộc làm quan)*

Lại được về nhàn dưỡng tuổi tàn!

Nước tuyết hâm trà dưới bếp;

Bút hoa điểm sách trên yên.

*(Yên: bàn nhỏ, dưới có học đưng sách)*

Nương song, ngày tiết mùi hương lọt;

*(Nương song: tựa cửa sổ. Tiết: nhớ)*

Nổi chén, thêm âu bóng quế tan.

*(Áu: lo. Bóng quế: bóng trăng)*

Đến chốn nào vui chốn ấy,

Dầu ta tự tại, có ai han!

*(Dầu: tuy. Có ai han: chẳng ai chất vấn)*

Ngẫu thành thi (I)<sup>20</sup>

*Nhãn niễm niên du lục thập cường,  
Lão lai tự tiểu thái sơ cuồng...  
chốc đà sáu chục năm thừa,  
Cười ta càng tuổi, càng già trong ngang.*  
(Nguyễn Văn Bách dịch)

Bài này như vậy tối-thiểu là viết sau năm 1550, có thể là đôi ba năm. Và ta vẫn lại thấy cái thói tự-trào của Nguyễn-ông ở đây.

“Ba đời Chúa”<sup>21</sup>

Ba đời Chúa được phúc tình cờ:  
Ôn nặng chưa từng báo tóc tơ...  
(Tóc tơ: mây may)

Bài này sớm nhất là viết vào năm 1547 khi Mạc Phúc Nguyên lên làm vua (trị vì 1546-61), bởi Nguyễn Bình Khiêm đỗ Trạng dưới thời Mạc Đăng Doanh (trị vì 1530-40), phục-vụ tới năm 1542 là dưới thời Mạc Phúc Hải (trị vì 1541-46), sống qua triều Mạc Phúc Nguyên và sống đến hết đời Mạc Mậu Hợp (trị vì 1562-92) rồi mới mất 3 năm sau đó. Do vậy ta có thể ngờ là bài thơ cũng được viết khoảng năm 1550, như bài thơ trên.

“Yêng nhủ mu”<sup>22</sup> (Tui biểu bà nghe)

Bài thơ “dạy vợ” này cũng không rõ làm năm nào nhưng ta có quyền ngờ là làm vào khoảng này khi cả Nguyễn Bình Khiêm lẫn vợ ông đều đã lớn tuổi (một trong ba bà, nhưng có lẽ là bà cả, họ Dương, hiệu Từ Ý, khoảng 60?):

Vững bởi hay ngăn vững mới đầy!

Quen thân, yêng nhủ mu lời này:  
(*Do quen thân, tui mới dám nói bà nghe*)  
Trà sen, sáng đãi người đưa khát;  
Rượu thánh, hôm mời khách uống say.  
(*Hôm: tối*)

Lợi lộc mặc duyên, chẳng ý chớ!  
(*Chẳng ý chớ: đừng quan tâm hay chú ý*)  
Đôi co dầu thế, chớ cho hay!  
(*Dù thế-gian có đôi co, chớ cho thế là hay*)  
Thế-gian có hỏi: “Lời ai nhủ?”  
Mụ hãy rằng: “Lời khách đại ngây!”  
(*Khách đại ngây: một người khờ dại*)

Ba bài ở tuổi 70 hay gần đó (nghĩa là viết trước sau năm 1560)

Trung Tân quán ngu hứng (VI)<sup>23</sup>

*Niên tương thất thập vị huyện dư,  
Trùng ức kê tuyên thủy trúc cư...  
Tuổi gần bảy chục chưa về?  
Bên nhà nhớ trúc, suối khe nước dào!  
Luống thu vạt cúc ông Đào,  
(*Ông Đào: tức Đào Tiềm*)*

Ngoa-long nằm khểnh trong lều Khổng Minh.  
Nghiêng bên, nhớ gió trăng thanh;  
Song mai mở sách, ngả mình ghé tron.  
Bệnh như tới muộn, chớ hờn!  
Ý trời hậu đãi, biết còn phần ta.  
(Nguyễn Văn Bách dịch)

Tư-thuật<sup>24</sup>

*Niên phương thất thập dĩ hưu quan,  
Trùng trưởng u thê mịch cố san.  
Tân quán nhật cao miên vị khởi.  
Thanh vân thanh tự Bạch Vân nhàn.  
Tuổi vừa bảy chục đã hưu quan,  
Vắng vẻ màn che, tìm cố-san.*

Tân-quán, ngủ say nào biết muộn,  
Thanh-vân thua hẳn Bạch Vân nhân.  
(Đình Gia Khánh dịch)

Trung Tân quán ngư hứng (XII)<sup>25</sup>

Sổ gian giang quán phủ giang tân,  
Thủy quốc vì mang lưỡng ngạn phân...  
Vài gian nhà lá tựa bên sông,  
Thấp thoáng hai bên, giữa một dòng.  
Gió lặng, buồm xuôi, trăng bên lạnh;  
Trời quang, rỗng hiện, núi mây hồng.  
Xóm chài lửa rọi, chiều nghiêng bóng,  
Chùa nội chuông rền, tiếng vắng không.  
Tính đốt tuổi già hơn bảy chục,  
Xa vua đâu phải đã nguôi lòng?  
(Bản dịch của Hoàng Việt Thi Văn Tuyển)

“Quá bảy mươi tư” (1565)

Xuân đán cảm tác<sup>26</sup>

Hành niên thất thập tứ niên dư,  
Hỉ đắc đầu nhân phóng cụ cư...

Cảm tác ngày Tết  
Tuổi đời đã quá bảy mươi tư,  
Mừng được về nhà, thăm chốn xưa.  
Năm mới, khắp xem tân vũ trụ,  
Nhà nghèo, riêng sẵn cụ Thi Thu.  
Tre hoang, hoa đẹp, ba xuân tốt;  
Cửa sáng, trăng trong, nhà trống trơ.  
Ai phải, ai sai, thôi chẳng nói!  
Tự cười già nhác lại cuồng khờ.  
(Đình Gia Khánh dịch)

“Bảy tám mươi”<sup>27</sup> (1560-70)

Rất nhân sinh bảy tám mươi!  
(*Rất hiếm ai sống đến 70-80!*)

Làm chi lão đảo, nhọc lòng người?  
(*Lão đảo: chạy ngược chạy xuôi*)  
Bạch Vân am vắng, chim kêu muộn;  
Kim Tuyết dòng thanh, cá mát tươi.  
(*Kim Tuyết: sông Hàn nơi quê tác-già*)

Ưu ái một niềm hằng nhớ Chúa!  
Công danh hai chữ đã nhường người.  
Giàu lẫn khó, yên đòi phận:  
Rất nhân sinh bảy tám mươi!

“Đã ngoại tám mươi già”<sup>28</sup>

Tuổi đã ngoại tám mươi già,  
(*Tám mươi già: hơn 80*)  
Thoắt thoắt xem bằng bóng ngựa qua!  
Mai bạc lạnh / quen nhiều tháng tuyết;  
(*Bạc: trắng*)  
Cúc vàng thơm / đôi mấy phen hoa.  
Sang có phận / là ơn chúa;  
Được làm người / bởi đức cha.  
Am, quán ngày nhàn rồi mọi việc,  
(*Am, quán: Bạch-vân am, Trung-tân quán*)  
Dầu ta tự tại, mặc dầu ta!  
(*Dầu: thả cho. Mặc dầu: kệ cho*)

**Nguyễn Ngọc Bích**

Đồng Xuân, 27 tháng 5, 2008

**Chú thích**

<sup>1</sup> Xem Mai Quốc Liên, chủ-biên, *Nguyễn Du Toàn tập*, Tập I (Thơ chữ Hán), Nhà xb Văn Học: Trung tâm nghiên cứu Quốc học, 1996. *Thanh Hiên thi tập* bắt đầu vào năm 1786 và *Bắc hành thi tập* kết thúc vào năm 1814 khi Nguyễn Du đi sứ nhà Thanh về.

<sup>2</sup> Xem Đào Duy Anh, chủ-biên, *Nguyễn Trãi Toàn tập* (In lần thứ hai, có sửa chữa và bổ sung), Hà Nội: Nhà xb Khoa học xã

hội, 1976. Bài của chúng tôi, “Tâm-sự Nguyễn Trãi qua mấy bài thơ có thể tính ra niên-đại,” được đăng lần đầu ở *Cổ Thơm* số 40 (Thu 2007), trang 4-11, và gần đây nhất được in lại trong *Nhịp Sống* số 13 (2008), trang 18-24. Theo ước-đoán của chúng tôi thì thơ Nguyễn Trãi được viết từ khoảng ông 20 đến năm ông mất ở tuổi 62, nghĩa là trong vòng 40 năm hơn.

<sup>3</sup> Đây là kể theo sự tóm lược của tác-giả Nguyễn Văn Nhiệm trong sách *Đường vào Triết học Việt Nam*, Đức-quốc: Phù Đồng, 2008, trang 196.

<sup>4</sup> Nguyễn Q. Thắng, *Từ điển Tác gia Việt Nam*, Sài Gòn: Nhà xb Văn Hoá, 1999, trang 715.

<sup>5</sup> Lại Nguyên Ân, *Từ điển Văn học Việt Nam*, Nhà xb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001, trang 351.

<sup>6</sup> Đông Phong, *Bọc trướng*, Arlington, VA: Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ, 2005, trang 42.

<sup>7</sup> Những thơ được trích trong bài này chủ-yếu lấy từ sách *Thơ Nguyễn Bình Khiêm*, Kiều Văn tuyển soạn, Nhà xb Đồng Nai, 2000. Bài này nằm ở trang 58.

<sup>8</sup> Như trên, trang 56.

<sup>9</sup> Viện Sử học, *Biên niên lịch sử cổ trung đại Việt Nam*, Hà Nội: Nhà xb Khoa học xã hội, 1987, trang 289.

<sup>10</sup> Đông Phong, *sđd*, trang 48. Nguyễn Q. Thắng, *sđd*, trang 716, cho rằng ông lên đến chức Thượng-thư bộ Lại thì không chắc đã

đúng dù như năm 1544, vua Mạc Phúc Hải có phong cho ông tước Trình Tuyền Hầu (ý nói ông có công khơi nguồn Lý-học như hai anh em Trình Di, Trình Hạo ở bên Tàu) rồi sau lại phong cho ông tước Trình Quốc Công. Do vậy mà ông được biết trong lịch-sử nước ta dưới danh-hiệu là Trạng Trình.

<sup>11</sup> Tương-truyền ảnh-hưởng ông về mặt lý-số và tướng-pháp, là bà mẹ của ông. Xem Phạm Đan Quế, *Giai thoại và Sám Trạng Trình*, Nhà xb Văn Nghệ TP-HCM. Lại có nguồn tin cho rằng khi ông học với Lương Đắc Bằng, ông thầy này đã trao cho ông quyền *Thái Ất thần kinh* nên ông trở nên rất tinh-thông về lý-số và tướng-số-học (theo Nguyễn Q. Thắng, *sđd*, trang 716).

<sup>12</sup> Theo Đông Phong, *sđd*, trang 50.

<sup>13</sup> Như trên, trang 43.

<sup>14</sup> Như trên, trang 42-43 và 50.

<sup>15</sup> Nguyễn Văn Nhiệm, *sđd*, trang 201.

<sup>16</sup> Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí* (Bản của Tổ phiên dịch Viện Sử học Việt Nam), Hà Nội: Nhà xb Khoa học xã hội, 1992, Tập III, trang 127-128.

<sup>17</sup> Như trên, trang 128.

<sup>18</sup> *Thơ Nguyễn Bình Khiêm*, *sđd*, trang 31.

<sup>19</sup> Như trên, trang 42.

<sup>20</sup> Như trên, trang 146.

<sup>21</sup> Như trên, trang 43.

<sup>22</sup> Như trên, trang 116.

<sup>23</sup> Như trên, trang 149.

<sup>24</sup> Như trên, trang 172.

<sup>25</sup> Như trên, trang 152.

<sup>26</sup> Như trên, trang 164.

<sup>27</sup> Như trên, trang 59.

<sup>28</sup> Như trên, trang 36.

# MỘT VÀI CẢM NGHĨ VỀ ÁN TỬ HÌNH

(Tiếp theo Cỏ Thơm số 42)

## NGUYỄN VĂN THÀNH

### Ngày Càng Tiến Gần Đến Máy Chém Guillotine

Truyện thần tiên của Marie Antoinette trở thành thảm kịch được thể hiện qua sự xuất hiện, với số lượng khá lớn, những tiểu sử, tiểu thuyết hư cấu, nhạc kịch, vở kịch, vũ khúc ballet và bút ký. Ngay cả dự án phá hủy để xây dựng lại Cung Điện Versailles chỉ vì phòng của Hoàng Hậu quá nhỏ lại bất tiện. Và, cũng như chương trình cải cách trang phục và trang sức cho ông hoàng bà chúa làm mất đi tính cách tỉnh lẻ đã gây biết bao mệnh phụ nhân phá sản. Nằm trong sáng kiến nghệ thuật trang hoàng cho đời sống vương giả, mỗi năm Hoàng Hậu đặt mua 300 vương miện cũng là đề tài hấp dẫn như các câu chuyện đề cập ở trên rất thích hợp cho kỹ nghệ điện ảnh Hồ Ly Vọng (Hollywood) khai thác sản xuất ra nhiều phim ảnh khá đặc biệt được trình chiếu khắp nơi trên thế giới.

Cuốn phim *Marie Antoinette* do đạo diễn Sofia Coppola thực hiện năm 1938 với ngôi sao Norma Shearer đóng vai Hoàng Hậu và Robert Morley trong vai Vua Louis 16, được coi như một phim cổ



(Ngôi sao điện ảnh Norma Shearer đóng vai Hoàng Hậu Marie Antoinette)

điển tiêu biểu của bi kịch lịch sử được các nhà phê bình ngành điện ảnh rất tán thành và ngợi khen.

Tiếp theo, dựa vào một phần lớn tài liệu trong tác phẩm của nữ sử gia Anh Antonia Fraser viết năm 2001, *Marie Antoinette: The Journey (Marie Antoinette: Cuộc Hành Trình)*, đạo diễn tên tuổi Sofia Coppola lại dựng cuốn phim mới cũng lấy tựa đề Marie Antoinette xoay quanh chủ đề



(Từ trái nam tài tử Jason Schwartzman đóng vai Vua Louis XVI và nữ minh tinh màn bạc Kirsten Dunst trong vai Hoàng Hậu Antoinette)

sau gây kinh ngạc mọi người “Sự kiện lịch sử cho thấy Louis và Marie Antoinette đều là thanh thiếu niên-Louis đang quang năm 19 tuổi, Antoinette năm 18 tuổi-cầm vận mệnh nước Pháp, một trong mấy nước mạnh nhất Âu Châu vào thời đó, phải cam go đối đầu với những biến đổi chính trị làm thay đổi bộ mặt nước Pháp và cả Âu Châu.

### **Thảm Họa Chính Trị**

Không ai hiểu con hơn người mẹ. Trước khi hành trình qua Pháp kết hôn với Louis vào năm 14 tuổi, Antoinette được đặc biệt ngủ chung phòng với Mẫu Hậu Theresa trong một tháng để nhận những lời giáo huấn. Một trong những điều quan trọng nhất được nhắc đi nhắc lại là “không

được xen vào chính trị trong Triều Đình... con phải đứng ra ngoài chính trị.” Bất hạnh thay, khi Mẫu Hậu Maria Theresa trút hơi thở cuối cùng ngày 29 tháng 11 năm 1780 về bệnh tim trong vòng tay của người con trai trưởng tức Hoàng Đế Joseph II, có đối dăng về Louis và Antoinette nhưng vẫn khổ quốc gia Áo cấm trích dịch và phổ biến. Tuy nhiên, phần đông các sử gia Áo nhận định Hoàng Hậu Theresa coi 10 người con gái như con tốt trên bàn cờ Âu Châu, tất cả đều được cưới gả nhằm mục đích duy nhất thắt chặt tình hữu nghị với các quốc gia đồng minh. Vì thế, bà đã đặt tham vọng của bà lên trên gia đình và hạnh phúc của các con cái. Ví dụ như trường hợp của Louis và Antoinette, Hoàng Hậu Theresa và Vua Louis 15 chấp thuận cuộc hôn nhân vương giả đó vì lợi ích chung của triều đại Bourbon và Habsbourg chứ không phải vì hạnh phúc của đôi uyên ương. Và ta cũng không lấy làm lạ Antoinette bị hy sinh cho Liên Minh Pháp Áo coi như con cờ xui xẻo đó vậy.

Từ ngày Mẫu Hậu Theresa qua đời, Antoinette mất phương hướng nên đều làm theo chỉ thị của Đại Sứ Áo Mercy tại Pháp. Ông Đại Sứ này, vừa là nhân viên tình báo vừa là người tâm phúc của Mẫu Hậu Theresa, hơn Antoinette 30 tuổi được coi như người cha đỡ đầu nhưng quan niệm điều dặt Antoinette khác hẳn Maria Theresa. Ông khuyên Antoinette phải nhập cuộc vào công việc triều chính vì nhà Vua quá nhu nhược, không thể sống đóng khung

như trong nhà tu kín được nữa, mà phải lao vào tích cực giúp Louis lèo lái đất nước để đối đầu với những biến động chính trị và xã hội đang làm lung lay Triều Đình.

Hoàng Hậu Antoinette đã hình thành một phe thân Hoàng Hậu rất có thế lực trong triều ủng hộ nhiều quyết định quan trọng liên quan tới chính trị, ngoại giao và thương mại. Ví dụ như ký kết Hiệp Ước Versailles viện trợ cho Chúa Nguyễn Phúc Ánh chẳng hạn.

Theo Biên khảo gia Trần Đông Phong, Hội Truyền Giáo Hải Ngoại còn lưu trữ tài liệu cho thấy, trong thời gian Bá Đa Lộc vận động với Vua Louis 16 xin giúp cho Nguyễn Ánh, đã có rất nhiều quan đại thần trong triều không ủng hộ vì họ cho rằng việc này quá tốn kém, nước Pháp vừa bị thất bại ở Hòa Lan, do đó tài chánh thiếu hụt không lo nổi. Về phương diện quân sự nếu giúp cho Nguyễn Ánh thì Pháp phải mang quân đi hành quân cách xa căn cứ quân sự từ đảo Ile de France (sau này là đảo Maurice thuộc Anh) nếu khi có chiến tranh mà người Anh phong tỏa eo biển Malacca, người Hòa Lan đóng cửa eo biển La Sonde thì Pháp sẽ bị hoàn toàn cô lập ở Cochinchine. Tuy nhiên cũng có một số người khác có thế lực ở trong triều và thân với Hoàng Hậu Antoinette như Đức Hồng Y Loménie de Brienne, nhân vật mà chẳng bao lâu sau đó được cử làm Thủ Tướng, Tổng Giám Mục Narbonne và nhất là Linh Mục Vermond, thầy dạy học của Hoàng Hậu lại ủng hộ

việc này và cho rằng nếu giúp cho Nguyễn Ánh thì nước Pháp sẽ có lợi rất nhiều về chính trị và thương mại.

Tài liệu này cho biết sau cùng thì phe thân Hoàng Hậu thắng thế một phần cũng nhờ “*cậu bé Hoàng Tử Cảnh mới lên tám mà tình cảnh đáng thương, diện mạo lại khả ái khiến cho Hoàng Hậu Marie Antoinette rất cảm mến và do đó đã hết lòng giúp đỡ.*”

Thời kỳ hạnh phúc kéo dài không được bao lâu, nếu bỏ qua những tai tiếng xảy ra vào đầu thập niên 1780, chỉ còn khoảng 7 năm mà đỉnh cao chói vót thể hiện uy quyền thực sự của Vua Louis 16 và Hoàng Hậu Antoinette diễn ra vào các năm 1786 và 1787, năm Pháp Hoàng tiếp phái đoàn Bá Đa Lộc và Hoàng Tử Cảnh sang cầu viện. Tiếc thay quyền lực và uy tín của nhà Vua dần dần suy giảm do ngân sách quốc gia bị kiệt quệ không sao vực dậy được và cũng vì nhiệt liệt ủng hộ cuộc Chiến Tranh Cách Mạng Hoa Kỳ lại càng gây thêm khó khăn không có phương cách nào giải quyết được cuộc khủng hoảng tài chính cả. Nếu xảy ra cuộc chiến toàn diện với Anh Quốc thì thật là một thảm họa khó lường.

### **Nữ Hoàng Thâm Thủng Công Quỹ**

Theo Tổng Trưởng Tài Chánh Calonne, nợ nần quốc gia ngày một chồng chất, riêng trong năm năm nhậm chức, Triều đình đã nuốt một phần lớn món nợ



chín trăm triệu bảng Anh. Vào năm 1786, nợ quốc gia lên tới 5 tỷ bảng Anh chưa kể tổng cộng chiến phí 1 tỷ bảng Anh viện trợ cho cuộc Chiến Tranh Độc Lập Hoa Kỳ, nếu kể cả tiền mặt và cho vay cùng viện trợ quân trang vũ khí, sau chiến tranh, cho đạo quân tinh nhuệ 32.000 người của quốc gia non trẻ Hoa Kỳ thì số viện trợ rất cao.

Sử gia Rupert Furneaux và Saul P. Padover viết: Nước Pháp can dự vào cuộc Chiến Tranh Cách Mạng Hoa Kỳ không hề được hưởng tí lợi lộc gì ngoài trừ nền độc lập của xứ sở này.

Vào đầu năm 1789, tình hình chính trị và xã hội trở nên bất ổn chưa từng thấy. Dân chúng khắp nơi phẫn nộ về sự thiếu hụt thực phẩm trầm trọng, gánh nặng đóng thuế ngày càng tăng, trong khi đó, Vua Louis và Hoàng Hậu Antoinette tổ chức hội hè yến tiệc linh đình liên tục càng gây thêm bất mãn của người dân. Các sách nhỏ pamphlets và báo chí bôi nhọ lại khơi dậy cuộc sống xa hoa phung phí kỳ cục của Hoàng Hậu Antoinette trong bao nhiêu năm, là nguyên nhân chính của sự thâm thủng ngân sách quốc gia đưa tới sự xáo trộn hiện nay.

Thực ra, không phải chỉ có một mình Hoàng Hậu tiêu xài hoang phí mà cả Triều Đình, đặc biệt giới quý tộc đều được hưởng đặc ân cũng có cuộc sống cực kỳ xa hoa nhờ vào công quỹ ban phát như Hoàng Hậu Antoinette vậy. Thực tế cho thấy Hoàng Hậu đã cắt giảm mọi sự chi tiêu ví dụ như giảm đàn ngựa trên 300 con chỉ còn một nửa và cho hơn một trăm nhân viên văn

phòng nghỉ việc. Ngoài ra, Hoàng Hậu còn bỏ ra 250.000 bảng Anh, tiền để dành, cứu trợ dân chúng bị thiên tai. Các sách pamphlets và các báo phỉ báng coi đó là một màn trình diễn để mua chuộc người dân Pháp phản bội đất nước và Vua Louis đã làm mọi việc đều theo sự xúi giục của Hoàng Hậu nhằm làm lợi cho nước Áo mà thôi. Phe đối lập đã thành công cô lập nhà Vua và Hoàng Hậu tách ra khỏi nhân dân Pháp. Trăm tội đều chĩa mũi dùi vào Hoàng Hậu Antoinette gánh chịu một mình tất cả mọi sự sai trái và Hoàng Hậu Antoinette đã trở nên dè dặt thần lý tưởng của chế độ cũ vậy. Và cũng bắt đầu từ đó, Antoinette được danh xưng “Nữ Hoàng Thâm Thủng Ngân Sách” bị phe chống đối đưa ra bêu xấu.

Cái họa không bao giờ đến một lần. Vào mấy tháng đầu năm 1789, nhà Vua và Hoàng Hậu rất lo lắng và phiền muộn về sức khỏe của Hoàng Thái Tử Louis Joseph Xavier Francois ngày một suy giảm thảm hại về bệnh lao xương sống không có thuốc chữa trị. Lúc bấy giờ Hoàng Hậu Antoinette 33 tuổi, héo hon nhìn Hoàng Thái Tử Xavier Francois qua đời tháng 6 năm 1789 được 7 tuổi rưỡi về bệnh nan y. Như vậy Thái Tử Louis Charles 4 tuổi, sẽ nối ngôi người anh trở nên Louis thứ 17 trong tương lai.

Cũng vào tháng 6 năm đó, một biến cố bất thường xảy ra tại Paris báo hiệu cơn bão táp chính trị sắp kéo tới làm đảo lộn trật tự và an ninh xã hội đe dọa xóa bỏ chính thể quân chủ chuyên chế hiện tại bị

giai cấp thứ ba coi như chế độ độc tài cần phải chấm dứt.

Đó là ngày 17 tháng 6 năm 1789, giai cấp thứ ba tự nhận mình là Quốc Hội (the National Assembly), và sau bản ‘Lời thề tại Sân Đá Bàn’, các đại biểu của giai cấp thứ ba thề rằng sẽ không giải tán cho đến khi nào viết xong một bản Hiến Pháp. Đây cũng là một hành động “cách mạng” đòi hỏi chủ quyền quốc gia vào tay một nhóm người từ trước kia không có thẩm quyền pháp lý.

### Cuộc Cách Mạng Pháp 1789



(Phá Ngục Bastille)

Các sử gia miêu tả diễn tiến cuộc Cách Mạng Pháp được tóm lược như sau:

Vào mùa hạ ngày 14 tháng 7 năm 1789, có khoảng 900 người dân Paris thuộc giới lao động, tiểu thương và nông dân lo sợ nhà Vua, do sự thôi thúc của Hoàng Hậu, cho điều động một số lớn lực lượng quân sự kéo về Versailles và Paris, giải tán đại diện Quốc Hội của giai cấp thứ ba.

Đám đông trên tấn công phá ngục Bastille để vào lấy vũ khí và đạn dược. Marie Antoinette cố gắng thuyết phục nhà Vua phải dập tắt ngay cuộc nổi dậy, nhưng né tránh gây ra sự kích động khởi loạn tại các nơi khác. Nếu ta không dẹp những người nổi loạn thì họ sẽ lật đổ chính thể quân chủ của chúng ta. Nhà Vua từ chối vì sợ dân chúng chết. Như vậy, thực tế cho thấy nhà Vua đã nhượng lại Paris cho những người cách mạng rồi. Bá Tước Honoré de Mirabeau, lãnh đạo phe chống chính thể quân chủ chuyên chế, nhận xét Hoàng Hậu Antoinette đã trở nên “một nhân vật chính” trong triều đình.

Quốc Hội đầu tiên của nước Pháp đã tuyên bố vào đêm hôm mồng 4 tháng 8 rõ ràng rằng “*chế độ phong kiến bị bãi bỏ*” đồng thời đặt ra các nguyên tắc áp dụng cho nền trật tự mới. Tiếp đến ngày 26 tháng 8, Quốc Hội đó lại ra “Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền” (the Declaration of the Rights of Man and Citizen) với các điểm chính như sau: (1) Mọi người đều được sinh ra bình đẳng cùng với các quyền lợi bằng nhau. (2) Mọi công dân có quyền bầu các đại biểu để làm ra luật pháp. (3) Mọi người được tự do nói, viết, hay in ra các ý kiến miễn là người đó không lạm dụng đặc quyền này. (4) Số tiền thuế mà một người phải đóng sẽ được căn cứ và số lượng tài sản mà người đó có.

Thiết tưởng cũng cần đề cập thêm, cách đây 60 năm, năm 1948 tại Paris, Liên Hiệp Quốc đã công bố Tuyên Ngôn Quốc

Tế Nhân Quyền (Universal Declaration of Human Rights- 10 December 1948). Sở dĩ Liên Hiệp Quốc chọn Paris là vì, cũng tại nơi này năm 1789, Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền Pháp đã được phổ biến. Đây là bản tuyên dương những quyền con người xuất phát từ giá trị nội tại của con người và những quyền công dân được thừa nhận do tư cách công dân.

Có thể nói Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền là văn kiện quan trọng nhất của loài người đã làm thay đổi hẳn bộ mặt thế giới. Liên Hiệp Quốc công bố Bản Tuyên Ngôn trên tại Paris, với tất cả quốc gia hội viên tham dự, thừa nhận phẩm giá bẩm sinh và những quyền bình đẳng và bất khả chuyển nhượng của tất cả các phần tử trong đại gia đình nhân loại là nền móng của tự do, công lý và hòa bình thế giới.

Vào buổi trưa ngày 5 tháng 10, một đám đông hơn 2000 phụ nữ vũ trang bằng cây thương và lưỡi liềm khởi hành từ Tòa Đô Chính Paris tiến tới Cung Điện Versailles cách Paris 14 cây số về hướng tây nam, phản đối thiếu việc làm và giá bánh mì quá cao. Đến chiều tối, thêm mấy ngàn người, một số mang vũ khí, kéo tới tham gia với đám đông biểu tình tụ tập trước Điện Versailles.

Khoảng 5 giờ sáng ngày mồng 6, những người làm loạn tràn vào Điện Versailles hướng tới phòng ngủ của Hoàng Hậu, giết chết một số cận vệ. Hoàng Hậu khiếp đảm nhảy ra khỏi giường chạy tới phòng của nhà Vua kêu cứu, trong khi Louis dắt đưa con trai lao tới phòng ngủ

nhưng Hoàng Hậu đã đi rồi. Vợ chạy tới phòng ăn, Louis cùng con trai gặp Hoàng Hậu và con gái. Cả hoàng gia tạm ẩn ở đây. May mắn vào đúng lúc đó, Hầu Tước Lafayette, Tư Lệnh Lực Lượng Cảnh Vệ Cách Mạng cũng vừa tới với quân lính, tạm thời tái lập trật tự sau vụ bạo loạn.

Nhưng đám đông khoảng 10.000 người, bắt đầu đòi hỏi Vua Louis 16 phải mang gia đình về Điện Tuileries ở Paris để họ canh chừng. Hoàng gia coi như bị bắt cầm tù được đám biểu tình hộ tống đưa về lâu đài cổ Tuileries, về sau này, Cách Mạng đặt cơ quan hành pháp tại đây.

Louis và Hoàng Hậu không bị nhốt tại Điện Tuileries, nên về lý thuyết vẫn có thể rời Tuileries, nếu muốn, vì nhà Vua



*(vua Louis và gia đình bị vây trong Điện Versailles)*

vẫn là nhân vật đại diện hành pháp chưa bị truất quyền. Louis không muốn thực hiện chức năng của mình tự rút lui sống ẩn dật tại đây. Sử gia Zweig viết: “ Marie Antoinette thay mặt nhà Vua tại lâu đài, họp Hội Đồng Chính Phủ, tiếp các Đại sứ,

*theo dõi trọng trách của họ và duyệt xét mọi công việc khẩn cấp.”* Còn nhà viết tiểu sử Antonia Fraser trả lời trong cuộc phỏng vấn Hãng PBS về Marie Antoinette “ *Hoàng Hậu quyết định dứt khoát khi Louis do dự*” và “ *Hoàng Hậu thật can đảm khi Louis chao đảo*”.

### **Varenes: Định Mệnh Đã An Bài**

Vào tháng 7 năm 1790, Antoinette bí mật gặp nhà lãnh đạo phe chống chính thể quân chủ hiện hành, Bá Tước Mirabeau, điều đình để xin duy trì chế độ quân chủ chuyên chế cho tới khi nào soạn thảo xong Hiến Pháp Quân Chủ Lập Hiến. Tuy nhiên, vào khoảng tháng 12 năm đó, Hoàng Hậu Antoinette chấp thuận kế hoạch chạy trốn từ Paris tới Montmédy, gần biên giới Hòa Lan do đế quốc Áo kiểm soát, được nhóm trung thành với phe bảo hoàng đề nghị, trong đó có Tướng Francois-Claude Bouillé. Tại nơi đó, Louis và Antoinette dự tính một kế hoạch phản cách mạng với quân đội dưới quyền chỉ huy của Tướng Bouillé. Khi Mirabeau từ trần đột ngột tháng 4 năm 1791, quên ghi lời hứa giữ Vua Louis trong nền quân chủ lập hiến.

Do đó, Louis và Hoàng Hậu bắt đầu thực hiện kế hoạch chạy trốn. Đáng lẽ theo lời khuyên của Tướng Bouillé nên đi hai xe nhẹ, giả dạng người đi du lịch thì Hoàng Hậu lại khẳng khái đòi đi một xe lớn do ngựa kéo gọi là xe berlin (xe ngựa hòm). Cả gia đình đi chung một xe với đồ đạc ngổn ngang

như bộ dao nĩa ăn, tủ rượu nhỏ... (Bá Tước Ferson thu xếp tất cả mọi chuyện như trả tiền thuê xe và bảo đảm trả mọi chi phí trong cuộc hành trình tới Montmédy)



*Một cảnh trong cuốn phim mới trình chiếu năm 2006. (Từ trái: Nữ diễn viên Kirsten Dunst và Nam diễn viên Jason Schwartzman)*

Vào khuya tối ngày 20 tháng 6 năm 1791, gia đình hoàng gia ăn mặc giả người dân đi làm, lặng lẽ lướt vào đêm tối, rời kinh đô Paris. Ferson đi theo tiễn gia đình hoàng gia tại Bondy cách hướng đông Paris 16 dặm. Trong khi thay ngựa, Ferson nài xin Vua Louis cho phép tiếp tục cuộc hành trình với gia đình thay vì phải đợi 2 ngày sau như đã dự định mới tới được Montmédy. Louis từ chối. Nhà viết tiểu sử Evelyne Lever cho rằng nhà Vua cảm thấy mất thể diện để cho người tình của vợ mình che chở để bỏ trốn. Cũng như sử gia Fraser trả lời trong cuộc phỏng vấn của hãng phim PBS, Louis không muốn để cho

mọi người nghĩ rằng một người ngoại quốc đã giúp cho nhà Vua thoát đi khỏi Paris.

Bá Tước Thụy Điển Axel Ferson, trong 4 năm theo học tại các quân trường nổi tiếng tại Anh, đã được huấn luyện chu đáo về cách giải cứu con tin và kỹ thuật xâm nhập cũng như thoát ra khỏi vòng vây của địch nên thừa sức giúp hoàng gia đối phó trong mọi tình huống để tới Montmédy như trù tính. Ferson đã ở lại. Đó là một điều ân hận khôn nguôi và Ferson tự trách mình không có mặt tại Varennes hướng dẫn hoàng gia tới vùng an toàn, dù có phải ở lại với tốp dân làng võ trang cũng không sợ gì miễn sao Antoinette sống sum họp với gia đình tại Montmédy.

Xe ngựa berlin chạy dọc đường hướng về Varennes gần biên thùy vùng Lorraine, cách Paris 130 dặm về hướng đông, thì bị một đại biểu trong Hội Nghị Quốc Ước J.B, Drouet nhận diện Vua Louis trong chiếc xe công kền đó, liền báo cho đồn biên thùy Varennes bắt giữ nhà vua và gia đình. Một đám dân làng võ trang tiến gần nhà vua và buộc Louis và gia đình phải tới trụ sở thị trấn và tạm giữ để chờ lệnh của Biện lý sở tại. Khi một toán quân bảo hoàng tới giải thoát Louis và gia đình nhưng nhà vua từ chối vì sợ có sự đối đầu giữa quân đội và dân làng võ trang. Louis chờ tướng Bouillé tới. Nếu Ferson có mặt tại đó và với kinh nghiệm thụ huấn 4 năm tại Anh, chắc chắn sẽ hành động dứt khoát và quyết liệt rất hữu hiệu để hướng dẫn nhà vua rời khỏi Varennes đến khu an

toàn không bao xa. Nhưng Lafayette Tư Lệnh Lực Lượng Cảnh Vệ đã tới cùng quân lính trước tướng Bouillé, đọc lệnh của Quốc Hội bắt Vua Louis và gia đình phải trở về Điện Tuileries ở Paris.

Cuộc chạy trốn bất thành. Louis mất tín nhiệm và cách mạng không còn tin tưởng nhà vua nữa. Tuy nhiên, Quốc Hội Lập Hiến vẫn tiếp tục vừa cai trị xứ sở, vừa soạn thảo Hiến Pháp vẫn giữ Louis đứng đầu hành pháp cho tới khi soạn thảo xong Hiến Pháp.

Vào tháng 2 năm 1792, Ferson trở về Stockholm thuyết phục vua Thụy Điển Gustavus III cũng là nhà lãnh đạo cuộc thánh chiến chống lại phong trào cách mạng, hỗ trợ kế hoạch mới thực hiện cứu Louis và Antoinette trốn qua ngả Normandie. Vua Thụy Điển chấp thuận kế hoạch sẽ cho điều động tàu thuyền đợi ngoài khơi Normandie.

Bá Tước Ferson dũng cảm và mưu trí quay trở lại Pháp-bấy giờ bị coi như kẻ sống ngoài vòng pháp luật trong vai trò giúp Louis và gia đình bỏ trốn-lọt qua toán cảnh vệ canh gác cận mật Điện Tuileries và trải qua 30 tiếng đồng hồ với Antoinette. Cuối cùng Vua Louis xuất hiện bác bỏ âm mưu chạy trốn của Ferson qua ngả Normandie. Khoảng nửa đêm hôm sau, Marie Antoinette chào vĩnh biệt Ferson vào lần chót cuộc gặp gỡ này.

Ferson trở về Kinh đô Stockholm được Vua Gustavus III phong cho cấp Thống Chế và đảm trách chức cố vấn tối cao trong triều

đình. Dù rằng sống trong cảnh quyền cao



chức trọng, Ferson vẫn day dứt khôn cùng đã không cứu được Antoinette mà đáng lẽ cứu được vào ngày 20 tháng 6 năm 1791 lúc tiễn Antoinette rời Bondy đi Varennes vì việc đó nằm trong tầm tay của mình. “Tại sao và tại sao ta không chết thay cho Antoinette?” Ferson nhắc đi nhắc lại câu đó trong cuốn nhật ký viết về Antoinette. Và, cách 19 năm sau cũng vào ngày 20 tháng 6 năm 1810, Ferson cưỡi ngựa tiêu sấu tại vùng thôn dã khá xa Stockholm, bị một đám dân quê ném đá và dùng gậy gộc đánh Ferson té ngựa vỡ sọ chết đứng vào ngày định mệnh đề cập trên. Sau đó, dân làng phát giác ra đã giết lầm vì kẻ đầu độc người kế vị Vua Thụy Điển không phải là Ferson.

Lìa trần thế năm 55 tuổi, Ferson đã giữ trọn lời thề năm xưa khi viết thư cho cô em út mà Ferson vô cùng thương mến, tâm sự thề sẽ không bao giờ lập gia đình nữa bởi lẽ “anh đã không lấy được người thật lòng yêu anh thì anh không còn thiết gì chung sống với ai khác nữa.”

Các sử gia cố gắng tìm hiểu sự thật về mối tình nóng bỏng giữa Ferson và Antoinette nhưng đều thất vọng vì cuốn nhật ký của Ferson xóa bỏ và thêm bớt phần chủ yếu nên khó phân biệt được thực hư của câu chuyện tình.

Tuy nhiên, sử gia Vincent Cronin khẳng định toàn là những tường thuật sai lầm và không hề có chuyện ngoại tình. Còn Antonia Fraser nhận xét cho rằng chỉ là sự ve vãn, ve vãn vô tội mà thôi, nhưng thực tình Marie Antoinette yêu tha thiết Ferson. Sử liệu Pháp ghi một câu ngắn gọn “ Ferson rất quyến luyến Marie Antoinette” (*très attaché à Marie-Antoinette*), và trang sử đã lật qua.

(còn tiếp)

## NGUYỄN VĂN THÀNH

Arlington, Virginia, U.S.A, Hạ 2008

### Tham khảo và trích các tài liệu sau:

- Marie Antoinette by Richard Covington
- The Unfortunate reality of the deficit- The Life and Death of Louis XVI by Saul K. Padover
- Maximilien Robespierre và Cuộc Cách Mạng 1789- Danh Nhân và Sự Nghiệp tập III của nhà văn Phạm Văn Tuấn.
- Cẩm Nang Nhân Quyền của Luật sư Nguyễn Hữu Thống.



# Theo Hết Chân Của Nữ Chân Thị Ca Sapho

- Những Nữ Sĩ Của Văn Chương Pháp Vào Thời La Belle Epoque -

(Tiếp theo Cổ Thơm 42)

Tặng Lê Trọng Phương và  
Lê Nghĩa Quang Tuấn

**Hồ Trường An**

Natalie Clifford Barney sanh tại Dayton (tiểu bang Ohio, Hoa Kỳ) vốn xuất thân từ gia đình giàu sang trải qua nhiều thế hệ. Cha là Albert Clifford Barney vốn thừa kế sản nghiệp kỹ nghệ làm vật liệu cho ngành hỏa xa thiết lộ nổi tiếng khắp vùng. Mẹ là Alice Pike vốn đẹp cao sang thanh thoát lại có tâm hồn nghệ sĩ, giỏi về môn hội họa, nổi tiếng trong giới văn nghệ sĩ ở Thủ Đô Hoa-thạnh-đốn, Luân-đôn và Ba-lê . Bà thường đưa hai cô gái cùng của mình qua viếng Paris và ở đó trong khoảng thời gian khá lâu để tiếp xúc với các giới tai to mặt bự, giới văn nghệ sĩ Âu Châu lẫn các danh nhân danh sĩ từ khắp hoàn vũ đổ về. Trên Natalie còn có người chị gái là Laura Clifford Barney. Nathalie đẹp, thọ hưởng ở cha mẹ màu tóc hoàng kim óng ánh mà danh kỹ Liane de Pougy tặng cho cô ta cái xước hiệu là Moonbeam (Rayon de Lune/ tia sáng của trăng). Nathalie có nền giáo dục hoàn bị. Cô yêu tiếng Pháp cùng xứ sở và nền văn minh Pháp nên gia tâm học

tiếng Pháp đến mức độ tuyệt hảo toàn bích. Năm 1886 tới năm 1889, cô sang Pháp ở nội trú trường tư thực danh tiếng Les Ruches tại thành phố Fontainebleau. Ở chung đụng với các thiếu nữ kiêu diễm thuộc con dòng cháu giống, cô nhận thấy rõ rệt cái khuynh hướng tình cảm lẫn tình dục của mình: yêu kẻ đồng phái tính. Năm 1889, cô lại trở qua Âu Châu, gặp thiếu nữ giới trưởng giả là Eva Palmer và cô đã hưởng được khoảng thời gian tình ái say đắm tuyệt vời với cô nàng Eva này. Năm 1899, cô định cư luôn ở Paris, để hưởng thú tự do tình dục và xã hội thời thượng trong văn giới. Natalie mua một ngôi nhà có lầu gác ở 20 đường Jacob để tiếp đãi văn nghệ sĩ. Nơi đó cũng là chỗ tụ họp các cô “lết”, cô “bi” trong những cuộc tế lễ nữ thần thi ca Sapho mà cô mệnh danh là Temple de l’Amitié (Đền Thờ Tình Bằng Hữu).

Mối tình say đắm đầu tiên của Natalie Clifford Barney là danh kỹ Liane de Pougy. Cô giốc tiền túi hàng ngày để mua hoa tặng Liane de Pougy. Liane cảm ơn qua những bức thư du dương tha thiết:

*“Hai vòng bánh xe lăn, một tiếng  
nghe rít trên cát, này đây cô em Natty của  
tôi đã đi, thế là hết, em mang theo cái hình*

*ảnh tóc vàng xinh đẹp của tôi. Và người ta vào nhà tôi, giao lại cho tôi những bông hoa tặng của em, đó là những đóa hồng trắng trính, những đóa hồng đỏ thắm, những hoa tử la lan (pensées), hoa thanh thủy (bleuets), những hoa thủy tiên và hoa lưu ly thảo lại nhiều hơn”.*

*“Kể si tình tôi, ấy là em đấy! Và em lại buồn bã, nhưng ngày mai em sẽ trở lại và chúng ta sẽ cùng đi dạo, xa khuất hẳn nghe em, trong một góc nào đó của kinh thành Paris”.*

*“Tôi cảm thấy xa tất cả, tất cả. Natty ơi, em có yêu tôi không? Ta phải chịu u sầu suốt ngày thứ sáu khi trời giăng mưa. Cô em Natty bé bỏng của tôi, những gì tôi làm có thể được dùng vào việc gì đây? Hãy cho tôi can đảm, hãy vượt ve linh hồn chết héo của tôi, hãy để tôi ngủ thật lâu, phải, thật lâu, Natty nhé, và hãy đánh thức vào tháng năm xuyên qua khung trời nắng ấm...”.*

Trong thời gian đan diu với Liane de Pougy, Natalie Clifford Barney vào năm 1990 cho xuất bản tác phẩm đầu tay của mình. Đó là thi tập “Quelques Portraits - Sonnets de Femmes” (Vài Chân Dung-Thi Phẩm Của Nữ Lưu). Trong bài Tựa, Natalie giải thích rằng mình viết tác phẩm này bằng tiếng Pháp, bởi vì đó là thứ ngôn ngữ độc nhất làm cho cô trầm tư một cách thi vị. Cô cũng tin tưởng rằng tâm hồn cô là nắm mồi của các thi sĩ Pháp. Và cô kết luận rằng: “Sau hết, không có gì làm cho quý ngài phải ngạc nhiên về tôi: Tôi là một phụ nữ Hoa Kỳ”.

\*

\* \*

Natalie Clifford Barney không thể giữ mãi Liane de Pougy làm người tình muôn thuở của mình vì Liane cần phải hành nghề buôn hương bán phấn mới có bạc tiền ăn xài huy hoác. Đã là kỹ nữ, người đẹp Caroline Otéro tuyên bố một câu ngon ơ: “Tiền bạc đâu thể đến với cô gái điếm ban đêm ngủ một mình!”. Nữ sĩ xinh đẹp Natalie Clifford Barney tuy giàu sụ, nhưng cũng chỉ thừa kế của cải phụ âm, đầu bằng những kỹ nghệ gia tiền rừng bạc biển, đầu bằng các nhà quý tộc và các lãnh chúa có ruộng đất bao la thu hoạch hoa lợi hàng năm cả núi bạc đụn vàng. Và lại đan diu với Natalie Clifford Barney mà phải chơi trò đánh chập chũa đêm này sang đêm nọ, Liane de Pougy vốn là mụ “bi” đâm ra thêm thú xỏ kim. Cho nên Liane phải trở về cuộc đời bán dạng thuyền duyên như cũ. Tới tuổi 41, nàng kết hôn với ông hoàng Lỗ-ma-ni với tước hiệu quý tộc Comte de Ghika, nhỏ hơn nàng 15 tuổi.

Rồi đó, Natalie Clifford Barney gặp Renée Vivien, một cô thiếu nữ Anh mới bước vào làng văn chương nữ giới nước Pháp. Nữ sĩ “lết” Lucie Delarue Madrus miêu tả cô ta như sau:

*“Đó là một thiếu nữ tóc vàng, trẻ trung, vai xuôi, mắt nâu, phục sức không theo thời trang thanh lịch, dáng dấp thật là dân Anh. Giọng nói cô ta mềm nhão, nhưng đúng là giọng dân Anh (...). tuy nhiên có một điều là ở cô ta, chúng ta không thể quên: đôi mí mắt mỏng, chiu nặng và đôi rèm mi đen lánh. Người ta có thể bảo rằng cái đặc sắc*



*của cô ta chỉ hiển lộ khi cô ta hạ cặp mắt nhìn xuống...”*

Marcelle Tinayre\*\*, một nữ sĩ “lết” khác khi Renée Vivien vừa tới Paris liền viết:

*“Renée Vivien xuất hiện dưới mắt tôi là một thiếu nữ xứ Anh, cao ráo, kiều nhược, tóc màu hạt dẻ lợt vẫn còn giữ ánh phản chiếu óng vàng gần như mờ nhạt của màu tóc vào tuổi ấu thơ. Đôi mắt u tối, một cái miệng nhỏ xanh xao, một cái cằm thật dày, một giọng nói dịu nhẹ, thánh thót. Cô ta mặc chiếc áo màu hoàng hôn xám, có in hoa, với sợi giây nịt kết hoa hồng trắng, hoa trở nên óng bạc trong ánh sáng và trở nên màu lục trong bóng tối. Trên mái tóc chải phồng lớn chiếc nón bằng thứ lụa the lông lánh sắc hoàng kim, có giắt lông chim đen”.*

Marcelle Tinayre là bạn thân của Renée Vivien, nhưng không có sách vở nào nói cô ta đã từng đánh chập chửa với nhà thơ nữ kiều nhược kia không? Ngày đưa đám Renée, Marcelle cũng có đi dự và cùng với Bá tước phu nhân Hélène de Zuylen và em gái của Renée là Antoinette Alston phải tốn nhiều nước mắt.

Renée Vivien rất ngưỡng mộ sắc đẹp quý phái và tài hội họa của bà Alice Pike Barney, mẹ của Natalie Barney. Bà ta đích thân vẽ chân dung của các cô bạn gái của Natalie treo đầy phòng khách của cô ái nữ của mình. Renée Vivien đã ca tụng người trung niên mỹ phụ ấy như sau:

*Sự huyền bí chập chờn trên nhan sắc sát nhân của người*

*Chẳng có chút lạnh lẽo của bầu trời quê hương chúng tôi*

*Và đôi mắt người, nơi đó giấc mộng phương Đông rù rợn*

*Giống như tìm kiếm hoài hoài Tổ Quốc xa xăm.*

Natalie đối với Renée qua hai tính chất: khi thì như một tình lang, khi thì như một tình nương, nghiêm khắc như thái tử Hamlet và xanh xao như tiểu thơ

Ophélie trong vở bi kịch “Hamlet” của Shakespeare. Cho nên Renée Vivien cảm hứng qua bài thơ:

*Người đi qua, trong ánh chớp của cơn diên tuyệt đẹp*

*Cũng như Nàng tặng những bài hát và những bông hoa*

*Cũng như Chàng, dưới niềm kiêu hãnh tước đoạt những cơn đau đón của người*

*Dù rằng cái nhìn chăm chú của người lờ đi.*

\*

*Mỉm cười đi, hỡi cô tình nương tóc vàng, hãy mơ mộng đi, hỡi anh*

*tình lang tối tăm*

*Và xác thân người với niềm hăng hái lạnh lẽo của một ngọn nến*

*Con tim bất an của em bối rối khi em thấy*

*Vàng trán người trầm tư như trán ông hoàng và đôi mắt người xanh thẳm như mắt cô trinh nữ*

*Khi thì Kẻ Này, khi thì Người Khác.*

Vốn có tánh bay bướm, Nathalie dan díu với nhiều cô nữ sĩ “lết” khác nên Renée Vivien, có lần mua súng toan giết Olive Custance. Cô nàng Bướm Ngọc này đã từng

gợi hứng cho Renée Vivien những câu thơ như sau:

*Đôi mắt em màu lục biếc như bình minh  
và xanh như sương mù*

*Không gặp gỡ đôi mắt đen huyền bối  
rối của tôi*

*Bởi niềm đau khổ của tôi áp yêu em  
một cách hòa điệu*

*Ôi bông huệ trinh khiết, ôi sắc trắng  
nôn của mây và của bọt biển!*

Sau đó, nhắm không thể ăn ở dài lâu với Natalie Clifford Barney nên Renée Vivien xin rút lui. Nàng sống chung với Nam tước phu nhân Hélène de Ruylen, đáng người mập mập nên thời nhân trong giới văn học nghệ thuật gọi bà ta là La Brioché (ổ bánh mì ngọt phồng to).

Sau khi hay tin Renée Vivien từ trần, Natalie Clifford Barney quá xúc động nên cô thúc trắng năm canh. Cô có cảm đề bằng những câu thơ thấp thoáng bóng dáng tâm linh triết học như sau:

*Và tôi gọi tên em từ hơi thở cuồng nhiệt  
và thuần khiết*

*Và tôi nghe gió đưa đến tôi như tiếng  
thì thào*

*Của giọng nói em: Quá Khứ có phải là  
Tương Lai chăng?*

Rồi trong buổi viếng mộ Renée Vivien tại nghĩa trang Passy, Natalie có đề những câu thơ bằng tiếng Anh, xin được dịch qua bản dịch Pháp văn như sau:

*Này đây cánh cửa mà nơi đó tôi bước ra*

*Ôi những bông hồng của tôi, những  
gai nhọn của tôi!*

*Quan trọng gì đâu thời xa xưa? Tôi say ngủ*

*Vừa chiêm bao những điều thần thánh.*

\*

*Này đây tâm hồn tôi hớn hở*

*Vì nó lắng dịu và ngủ yên*

*Vì được tình yêu của Thần Chết*

*Tha thứ tội ác này: Cuộc Sống.*

Trong thời gian đan dứ với Renée Vivien, Natalie Clifford Barney viết các quyển “Je Me Souviens” (Tôi Nhớ Lại), “Souvenirs Indiscrètes” (Những Kỷ Niệm Phơi Bày), “Autobiographie” (Tự Truyện), “Cinq Petits Dialogues Grecs” (Năm Cuộc Đối Thoại Hy-lạp Nhỏ)

\*

\*\*

Vào thập niên 10, Natalie gặp một văn nhân quý tộc Remy de Gourmont trồng cây si. Ông ta tặng cho nàng cái xước hiệu Amazone\*\*\*.

Remy de Gourmont vốn là ký giả, phê bình gia, tiểu thuyết gia, thi sĩ, nhà biên khảo, triết gia. Ông ta lại là nhà sáng lập tạp chí Le Mercure de France\*\*\*\*

(Giao Thương Của Nước Pháp). Vào thời trẻ, ông ta đẹp trai, thích náo động, bay bướm. Nhưng về già thì ông ta héo tàn bởi bệnh tật, ít muốn tiếp xúc với thiên hạ, trừ văn nghệ sĩ và trừ những kẻ có liên quan với nghề nghiệp ông ta. Ông ta vẫn biết Natalie Clifford Barney thích ăn nằm với phụ nữ. Nhưng điều đó mà nhằm nhò chi đối với ông ta khi ông ta được tiếp xúc với cô nàng nữ sĩ gốc Hoa Kỳ có cái tinh thần cứng rắn của trang hảo hán trượng phu nhưng vẫn giữ một thân vóc kiêu mị uyển chuyển của một mỹ nhân kia.

Trong lúc kết bạn tâm giao, Natalie Clifford Barney quyết kéo Remy de Gourmont thỉnh thoảng ra khỏi cái thế giới bút mực và cái thế giới thời thượng từ bến tàu Voltaire, đến hai tiệm cà-phê Flore và Aux Deux Magot và đến bàn giấy ông ta để ông ta tiếp xúc với đời sống, với thiên nhiên. Cô ta lôi ông ra khỏi tháp ngà ẩn cư, rồi dùng ô-tô đưa ông đi dạo rừng Boulogne đập diu tài tử giai nhân, để ông ta ngắm ánh trăng lóng lánh trên hồ. Cô tặng cho ông bạn trí thức kia nào là bưu ảnh, giấy Nhật Bản cho ông viết thư, cái tráp nhỏ đan bằng cỏ và nhất là hoa. Đặc biệt nhất là cây đèn tọa đàng để ông ta thắp trên án thư, để ông ta đọc sách hay viết lách.

Remy gửi thường trực cho Natalie Clifford Barney những bức thư từ tháng giêng dương lịch năm 1912 đến tháng 10 dương lịch năm 1913 đăng lần lượt trên tạp chí *Le Mercure de France*. Đó là những bức thư sau này được gọi là “*Lettres Intimes A L’Amazone*” ( *Những Bức Thư Thân Mật Gửi Cô Nàng Amazone*).

Đệ nhất Thế Chiến bùng nổ. Natalie không chạy trốn qua Hoa Kỳ. Cô ta cương quyết ở lại nước Pháp và cho rằng Remy cần cô ta. Nhưng cô ta không có dịp thăm viếng Remy Gourmont khi ông ta nằm tại bệnh viện Boucicault và ông ta từ trần vào ngày 27/09/1915. Natalie xin với người em của Remy là Jean de Gourmont trả lại cây đèn tọa đàng mà cô ta đã tặng cho Remy. Và tại biệt thất của mình, đêm đêm cô ta thắp đèn lên hoài niệm một văn nhân tuy

kết bạn với mình chưa được bao năm nhưng mỗi thâm giao vô cùng nồng thắm.

Trong thời gian đan dứu với Renée Vivien và trong thời kỳ làm bạn Remy de Gourmont, Natalie Clifford Barney tặng tịu với và vài phụ nữ nữ khác, chẳng hạn: Nữ Công tước Elizabeth de Gramont, nữ sĩ Lucie Delarue Madrus, Dolly Wilde (cháu gái của văn hào Oscar Wilde)... Vốn là con gái của Công Tước Duc de Gramont và Quận Chúa Beauveau-Craon, Elisabeth de Gramont sinh năm 1875, lớn hơn Natalie một tuổi. Bà kết hôn với Công Tước Philippert de Clermont-Tonnerre vào năm 1896 và ly dị vào năm 1920. Kết quả cuộc hôn nhân kéo dài 24 năm là hai cô con gái Diane và Beatrix. Khi viết lách, bà không lấy tước hiệu quý tộc của chồng làm bút danh mà lấy tước hiệu quý tộc của mình là Elisabeth de Gramont. Bạn bè thân của bà gọi bà là Lily. Bà ham mê đọc sách gần như cuồng tín. Kiến thức của bà rộng mênh mông. Sắc diện bà rực ánh hồng tươi, mắt bà xanh như thủy ngọc nhưng có ánh phản chiếu màu Bích ngọc. Các anh bà đùa: “Lily có cặp mắt con sò”. Bức chân dung của bà do nữ danh họa “lết” Romaine Brooks vẽ được in trên nhiều báo chí và nhất là trong sách vở của văn nghệ sĩ đương thời. Bà viết quyển hồi ký đầy cộm tựa đề là “*Souvenirs du monde*” (Kỷ Niệm của Thế Giới) gồm 4 quyển: “*Au Temps Des Équipages*” (Vào Thời Gian Của Các Hành Đoàn), “*Les Maronniers en Fleur*” (Cây Ma-rông Nở Hoa), “*Clair de Lune et Taxi-auto*” (Ánh Trăng và Xe Tắc-xi), “*La*

Troisième Heure” (Giờ Thứ Ba). Tất cả đều do nhà xuất bản Grasset chăm lo. Bà còn viết một quyển về văn hào Proust, tài liệu không được bao nhiêu, nhưng kỷ niệm giao du giữa văn hào và bà thì khá nhiều. Bà ăn xài hào phóng, giao du với các văn nghệ sĩ nổi danh đương thời, từ Maurice Barrès cho đến Anatole France. Trong nhóm dân mondaine kia, bà gặp ông Rappoport. Đó là một chánh trị gia dùng đủ mọi điều ngôn xảo ngữ để lôi kéo bà vào vòng tin tưởng rằng chủ nghĩa Cộng Sản sẽ đem lại cho nhân loại một thế giới mới. Thích thú trước cam ngôn mỹ từ của Rappoport, bà bị lọt vào tròng của nhà chính trị say mê chủ thuyết Mác & Lê kia. Sau Đệ nhất Thế Chiến, bà sang viếng Nga hai lần, rồi chẳng hiểu bà có sáng mắt sáng lòng với cái chủ nghĩa bánh vẽ kia không, nhưng bà không ưa màu đỏ. Mỗi khi có nhóm diễn hành ngoài đường phố, thoáng thấy màu cờ đỏ là bà sa sầm nét mặt. Bà nổi tiếng là nhà ngoại giao tài ba đã từng hòa giải cuộc hờn giận giữa Bá Tước Robert de Montesquiou (thi sĩ, tác giả thi tập nổi tiếng “Hortensia Bleu”/ Hoa Dương Tú Cầu Xanh) và văn hào Marcel Proust, tác giả bộ trường giang tiểu thuyết “A la Recherche du Temps Perdu” (Đi Tìm Thời Gian Đã Mất) khi cả hai ông “gai” này tranh cãi thiếu điều cắn xé với nhau.

Lucie Delarue Madrus là một phụ nữ đẹp không thua Natalie Clifford Barney. Nàng đã từng được Đại Úy Pétain (sau này nhào qua lãnh vực chánh trị leo lên đến chức Thống Chế) câu hôn, nhưng song thân

bà từ chối. Khi chưa chồng, nàng ốm yếu, nhất là yếu phổi. Khi Bác sĩ Madrus cưới nàng về thì vào đêm tân hôn, ông khám phá ra vợ mình chớm bị bệnh lao, mình còn da bọc xương. Ông săn sóc nàng cho tới khi lành bệnh, mình mẩy đầy đặn. Nàng cạo nhỏ lông măng để có một tấm thân trắng ngòn ngòn như bột và mịn mát như lụa, như xa-teng.

Lucie Delarue Madrus được Bá Tước Robert de Montesquiou lôi xê vào trong các buổi hội họp văn chương. Số là ông ta ghét cay ghét đắng người em họ nổi tiếng về thơ là Bá Tước Phu Nhân Anna de Noailles (vốn là Quận Chúa Brancovan, tác giả thi tập nổi tiếng “L’Ombre des Jours” (Bóng Tối Của Những Ngày). Mụ em này hay đỏng đảnh phách lối với ông. Cho nên ông muốn đem Lucie Delarue Madrus làm khác tinh của mụ, cốt để làm hào quang mụ phai úa chút ít. Ai ngờ sự thành công của Lucie Delarue Madrus dù không lấn át nổi Anna de Noailles, nhưng nổi tiếng lừng lẫy trong giới văn chương phụ nữ đương thời.

Lucie Delarue Madrus cảm lòng không đậu trước cái đẹp sắc sảo và trước cái duyên dáng thâm trầm của Natalie Clifford Barney. Cho nên trong thi tập “Nos Secrètes Amours”\*\*\*\*\* (Những Mối Tình Bí Ẩn Của Chúng Tôi), Lucie hạ bút đề thơ như sau:

*Những sợi tóc em còn mãi trong đáy  
thẳm của cái nhìn của tôi*

*Cũng như kỷ niệm của ánh trăng*

*Và tôi yêu dấu cái đốm quái chường ấy*

*Nó trải nhẹ khắp nơi và chiếu sáng lại trong buổi chiều.*

Riêng người đẹp tóc hung Eva Palmer và nữ thi sĩ Renée Vivien cũng thêm muốn ăn nằm với Lucie Delarue Madrus.

Lucie Delarue Madrus là một nữ sĩ có trên 70 tác phẩm vừa thơ, vừa truyện ngắn, truyện dài, tiểu sử, biên khảo, phê bình. Đó là không kể những bài vở như những câu chuyện kể, những bài phê bình về văn chương và âm nhạc, những bài tường thuật về những chuyến du lịch đăng trên báo chí. Về tiểu thuyết, Lucie đã cho xuất bản những cuốn tiêu biểu như sau: “Marie, fille-mère” (Marie, Cô Gái Mẹ), “L’Ange et le Perverse” (Thiên Thần và Thối Xấu), “Une Femme d’Âge Mur” (Người Đàn Bà Luống Tuối)... Còn về thơ, nàng đã có những thi tập tiêu biểu, đại khái như sau: “A Maman” (Gửi Về Mẹ), “Mort et Printemps” (Cái Chết Và Mùa Xuân)... Tiếc thay tên tuổi nàng dần dà bị mai một trong bóng tối quá khứ một cách bất công.

Bác sĩ Madrus, chồng của Lucie Delarue Madrus có lần thổ lộ với Natalie Clifford Barney là muốn có một đứa con với cô ta, và đề nghị cô ta cùng sống với vợ chồng ông theo kiểu bộ ba (ménage à trois) nhưng Natalie dầy dạn đạch không ưng. Riêng cái đàn ông tính rục rở của ông càng làm cho Renée Vivien thêm tởm thêm ghét.

Natalie Clifford Barney còn dung dăng dung dẻ với với nữ sĩ Yvonne Vernon, tức là Nữ bá tước Sabini được mệnh danh là “người đẹp tóc hoàng kim” (la beauté

blonde). Nữ sĩ quý tộc này ưa du lịch xứ Trung Hoa và xứ Nhật Bản, viết sách về hai xứ này để giới thiệu khách du lịch ưa mơ tới miền Viễn Đông. Yvonne Vernon biến căn apartment của mình thành ra một thiên đường Đông phương. Nhà thơ Paul Leclercq mô tả thiên đường ấy như sau:

*“... một căn phòng nhỏ huyền bí được cang những thú lụa xưa (...), nơi đó mùi trầm hương thấm sâu khứu giác trộn lẫn mùi trà xanh, và có trải những chiếc chiếu Trung Hoa trên thảm”.*

Bày biện trang hoàng theo kiểu Viễn Đông này về sau được Renée Vivien nối gót. Yvonne Vernon nghiện ngập bạch phiến, về sau chết vào năm 1918, bởi tiêm nhiều bạch phiến. Nhà văn Paul Morand thường lui tới với Yvonne Vernon và để lại cho chúng ta bức phác thảo về cảnh chích choác của Yvonne Vernon trong quyển “Journal d’Un Attaché d’Ambassade” (Nhật Ký Của Người Tùy Viên Sứ Quán):

*“Yvonne lụi sâu ống tiêm vào lưng run rẩy như mũi tên cắm vào mông con sư tử cái vùng Suse ( bút giả chú thích: thuộc đại lục nước Ý); một mẫu thuốc lá ở ngậm xéo ở góc môi, nàng dạo trong apartment, mẫu bông gòn cầm trong tay”.*

Trong quyển “Une Femme m’Apparut” (Một Người Đàn Bà Xuất Hiện Đến Tôi) trong kỳ tái bản, Renée Vivien tả Yvonne Vernon huy hoàng hơn, vẻ vang hơn: “Nàng thiếu nữ có nụ cười gợi thêm của người đàn bà si tình”.

Yvonne Vernon đi viếng Nhật, viếng Trung Hoa và Thổ-nhĩ-kỳ trước Renée

Vivien. Nàng ngợi ca Mytilène một eo biển gần đảo Lesbos. Nơi đây, các cô “lết” cũng đến chiêm bái Nữ thần Thi ca Sapho cũng như ở tại Lesbos. Yvonne có óc quan sát tinh nhuệ trong công việc mô tả không kém nữ sĩ Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội của văn chương chúng ta:

*“Mytilène có cái hình thức uốn cong và căng thẳng như cây thụ cầm bập bênh trên sóng. Những mũi nhô ra đâm ánh trắng đường như bọc vẩy. Không khí no bú mùi hương vanille, và biển bằng phẳng như in những vệt nhiễu khúc khuỷu, những vệt ấy giống như những vết móng tay vẽ trên một khối hồng ngọc”.*

Yvonne Vernon có hai quyển du ký để Jean-Paul Goujon viết về Renée Vivien. Đó là “Terre de Lumière” (Đất Ánh Sáng do Ollendorf xuất bản (1902) và quyển di cảo Chine-Japon- Stamboul phải đợi tới 1920 mới được Tolmer xuất bản. Nàng thích trang hoàng chỗ ở theo kiểu Viễn Đông đã đành, mà còn thích phục sức theo gái Đông Phương Á Châu. Xin cùng đọc những giòng ghi chú của Paul Morand vào tháng chạp dương lịch năm 1916 :

*“Tối hôm qua, ghé qua nhà Yvonne Sibini. Nàng ăn mặc theo gái An Nam, quần áo bằng lụa đen bóng, cổ đeo râu trên châu; tóc nàng chải ngược ra sau, nàng quá xanh xao, quá thay đổi”.*

Vốn thích du lịch các xứ phương Đông, Yvonne Vernon mô tả xứ Thổ-nhĩ-kỳ vào năm 1907 như sau:

*“Cái xứ sở mà nơi ấy còn giữ lại thú thưởng ngoạn nước chảy xiết, đáng vẽ*

*xanh biêng biếc, những hợp điệu màu sắc bông cháy, êm dịu và dữ dội đồng thời thú ngắm sự xa hoa đơn giản và thi vị do sự kết hợp của đá hoa cương và thú ngắm vẻ hoa mỹ của nghệ thuật thủ bút hoặc là lấy ở một đoạn kinh Coran viết bằng chữ hoàng kim để trang hoàng mộ bia và ở suối nước của đường phố, hoặc ở một quán xá hoàng gia, và còn nét đường viền của một trong các thánh điện với men sứ rang ngời lên tất cả vẻ dịu dàng của biển cả qua những cái bóng phản chiếu của rong biển và của lam ngọc nửa chi”.*

\*

Mối tình lâu dài nhất của Natalie Clifford Barney là mối tình giữa nữ danh họa Romaine Brooks và cô ta. Họ gặp nhau vào năm 1912 hay vào năm 1915, không cụ thể nào nhớ rõ. Á này tuyên bố trước Đệ nhất Thế Chiến. Cô kia tuyên bố là trong thời gian Đệ nhất Thế Chiến. Gặp ở đâu? Họ cũng quên nốt. Cả hai chỉ nhớ mang máng hình như trong buổi tiệc trà tại tư thất của Lady Anglesay và cũng có thể tại biệt thất huy hoàng của vương phi Lucien Murat. Mối tình này kéo dài nửa thế kỷ, trải qua hai cuộc thế chiến. Tuy đan díu với nhau, nhưng nhà ai ấy ở. Natalie Clifford Barney ở đường Jacob, còn Romaine Brooks ở đường Passy.

Trong tác phẩm “Souvenirs Indiscrets”; Natalie Clifford Barney có đoạn trang tặng:

*Gửi về Romaine, về người nghệ sĩ duy nhất và cô đơn*

*Mỗi kẻ trong những bức chân dung của nàng thú nhận niềm bí mật của nàng.*

*Cái nhìn của nàng là của thiên thần -- một thiên thần có cá tánh mạnh*

*Nhờ tình bạn của chúng tôi, nhờ những mối tình đầu của chúng tôi*

*Tôi thấy lại quá khứ bùng cháy lửa của tôi và sau đó nó rục rở ánh sáng*

Romaine Brooks từ nhỏ bị mẹ bỏ phế cho cô thợ giặt ủi ở New York và sau đó được người cô cho ở nội trú ăn học trước khi qua Âu Châu sum họp với mẹ. Mẹ cô chỉ thương yêu thằng em mắc bệnh thần kinh của cô thôi và tỏ ra nghiệt ngã đối với cô. Từ tuổi ấu thơ cô chịu cảnh bỏ rơi, nghèo đói, sợ hãi trước viễn ảnh tối đen. Cô tình nguyện trốn tránh trong thế giới màu sắc và hàng đồng núi sách. Về phục sức, cô chọn ba thứ màu đen, xám và trắng. Cô bỏ học hát và chọn môn hội họa. Năm 1902, mẹ cô qua đời, cô kết hôn với nghệ sĩ dương cầm John Ellingham Brooks, bị chồng chèn ép phải bị đẩy đến giải pháp ly dị. Để có tiền sanh nhai, cô vẽ chân dung cho các mệnh phụ phu nhân. Năm 1910, cô cho triển lãm tranh lần đầu tiên của mình tại Durand-Ruel, gặt hái thành công rực rỡ. Báo Figaro nói về sự chói dật, cái đẹp nguyên thủy cùng những nét duyên dáng của họa phẩm cô. Báo Gil Blas cho rằng:

*“ ... Từ sau các bà Cecilia Beaux và Mary Cassat, cái tên Romaine Brooks là cái tên độc nhất của những tên kiều khách ở hải ngoại được tồn tại”.*

Thi sĩ Guillaume Apollinaire thì cho rằng:

*“ Nữ họa gia này vẽ một cách kín đáo, nhưng buồn bã, vâng, thật quá buồn bã!”.*

Nỗi buồn ấy được Natalie Clifford bồi xòa trong cuộc sống lú đờ của cả hai, nhưng nó vẫn được Romaine Brooks thể hiện lên các họa phẩm chân dung mà cô ta vẽ thi sĩ kiêm điện ảnh gia Jean Cocteau và thi hào nước Ý Gabriele d’Annunzio. Ông thi hào này cũng đã có một thuở tặng tịu với nữ danh họa Mỹ kiều kia. Ông có cảm khái 4 câu thơ về cô ta như sau:

*Không có định mệnh nào chế ngự được em, không do sắt cũng không do lửa*

*Ôi, viên kim cương bí mật của trái tim thơ trình em*

*Đứng sững giữa khung trời sẫm buồn và sóng bạc đầu*

*Em không sợ cú va chạm của đợt sóng thứ mười.*

Trong thời gian kết bạn chiếu chẵn với Romaine Brooks, Natalie Clifford Barney vẫn tiếp tục sáng tác thêm các tác phẩm quan trọng như sau: “Les Nouvelles Pensées de l’Amazone” (Tư Tưởng Mới của Cô Amazone) , “Le Trait d’Union” (Gạch Nối), “Traits et Portraits” (Đường Nét và Chân Dung)... Trong cuốn tiểu sử viết về văn hào Marcel Proust, Georges D. Painter cho rằng Natalie Clifford Barney cùng Colette, Bá tước Phu nhân Anna de Noailles và Nữ Bá Tước Marthe Bibesco là 4 nhà văn lớn. Natalie khiêm tốn bảo nhà văn Jean Chalon, người đã viết cuốn tiểu sử của cô ta (cuốn “ Portrait d’Une Séductrice”

(Chân Dung Người Đàn Bà Quyến Rũ) như sau: “ Ông Painter đưa tôi lên tận mây xanh, nhưng từ trên đó tôi muốn rút trở lại trần gian để hôn bạn đấy”.

\*

Renée Vivien ( tên thật là Pauline Tarn) làm một nữ sĩ có thể cùng Anna de Noailles, Natalie Clifford, Lucie Delarue Madrus xếp hàng đầu vào thời La Belle Epoque. Nàng là trưởng nữ của John Tarn, vốn giàu sang vì kế nghiệp tiệm bán bàn ghế và đồ trang hoàng nhà cửa do phụ thân ông để lại . Mẹ của Renée Vivien là Mary Gillett Bennett vốn người Mỹ sinh ở Detroit (Michigan), nhưng thiên cư qua Honolulu (Hawaii) từ nhỏ. Bà này vốn lựu đạn, dâm dăng, ích kỷ, thích được thiên hạ ngưỡng mộ. Khi chồng bà còn sống, bà đã cấm sùng chồng rồi . Dưới Renée Vivien còn có cô em Harriet Antoinette Tarn mà người thân thuộc gọi là Toinette. Hai chị em mồ côi cha lúc Renée Vivien 9 tuổi. Gặp phải bà mẹ đàng điếm, tiêu xài hào phóng cho mình mà keo kiệt với con cái nên hai chị em thương yêu nhau lắm. Nhưng Toinette thì nhu thuận. Còn cô chị thì ưa phản kháng nên bà mẹ thêm thù ghét. Tới khi gần tắt hơi, trên giường bệnh, Renée Vivien chỉ nói một câu độc nhất: “Tôi nguyện rửa mẹ tôi”. Tuy nhiên trước đó, khi chưa nổi tiếng Renée Vivien có trước tác bài thơ “ A Ma Mère Chérie” (Gửi Mẹ Yêu) như sau:

*Mẹ giống hoa soan trắng*

*Khi tháng tư mơn khuyết từng bùng hoa nở,*

Ôi bước chân mẹ nhẹ nhàng, êm ái  
*Thiên hạ sẽ bảo rằng êm như hoa rụng.*

\*

*Đúng ra mẹ rất tươi trẻ như đó là chị của tôi  
Lúc nào cũng óng vàng mái tóc, lúc nào  
cũng xinh đẹp*

*Mắt mẹ tươi cười một cách dịu dàng  
Vẻ duyên dáng của mẹ man mác buồn.*

\*

*Đó là mẹ! Nàng tiên mắt xanh lơ  
Rất dễ thương và tự hào bước qua  
Nắng chiếu trên tóc vàng của mẹ  
Biến thành những sợi chỉ ánh sáng.*

\*

*Dù có đau khổ lâu dài  
Mẹ vẫn giữ mùa xuân vĩnh cửu  
Trong nỗi sầu muộn, trong trái tim  
Giữ mùa xuân vô tận  
Trên vàng trán.*

\*

*Mắt mẹ với bóng rợp mịn nhung  
Mẹ thường an ủi và không hề nói gì cả  
Và ta sẽ nhớ mãi  
Cái đẹp của nụ cười mẹ.*

\*

*Khi ta đau đớn bởi niềm bất hạnh sâu nặng  
Mẹ là kẻ đến trước  
Đặt tay mát dịu lên vàng trán của bạn  
Như một thiên thần bạn nguyện cầu.*

(Còn Tiếp một kỳ nữa)

**Hồ Trường An**

(France)



Văn Hào

# SOMERSET MAUGHAM

(1874 – 1965)

## Nhà Văn Danh Tiếng của Nước Anh

### PHẠM VĂN TUẤN

**W**illiam Somerset Maugham là nhà viết kịch, viết tiểu thuyết, viết truyện ngắn người Anh. Đây là một trong vài tác giả danh tiếng nhất trong thập niên 1930 và còn là nhà văn được trả tiền tác quyền cao nhất.

#### 1/ Cuộc đời của Nhà Văn Somerset Maugham.

W. Somerset Maugham chào đời vào ngày 25/11/1874 tại thành phố Paris, nước Pháp, và qua đời ngày 16/12/1965 tại tỉnh Nice, nước Pháp.

Cha của William là ông Robert Ormond Maugham, một luật sư lo các công việc pháp lý tại Tòa Đại Sứ Anh ở thành phố Paris. Vì luật lệ của nước Pháp quy định rằng các trẻ em sinh ra trên đất Pháp sẽ bị gọi vào quân đội, nên ông Robert Ormond đã xếp đặt để cậu bé William chào đời bên trong Tòa Đại Sứ Anh, như vậy cậu bé này được coi như sinh đẻ trên đất Anh và sẽ không bị động viên

vào các cuộc chiến tranh tương lai của nước Pháp.

Ông nội của cậu William, hay Willie là tên gọi thân mật lúc còn nhỏ, cũng có tên là Robert, là một luật sư xuất sắc và cũng là người sáng lập nên Hội Luật Anh Quốc (The English Law Society). William Somerset Maugham còn có một người anh lớn tên là Frederick Herbert Maugham, cũng theo ngành luật pháp và về sau đã trở nên Thủ Tướng (Lord Chancellor) của nước Anh trong 2 năm 1938-39. Như vậy với truyền thống gia đình danh tiếng này, người ta tin rằng cậu Willie sẽ nối tiếp con đường của cha anh để lại.

Bà mẹ của cậu Willie tên là Edith Mary, đã mắc bệnh lao phổi, vào thời bấy giờ, các bác sĩ đã tin rằng việc sinh con có thể chữa được bệnh này. Vì vậy mặc dù cậu Willie đã có 3 người anh khá lớn tuổi và khi cậu Willie lên 3, bà mẹ của cậu sinh thêm một đứa con nữa. Việc sinh con này đã không chữa được bệnh phổi và bà Edith Mary Maugham đã qua đời ở tuổi 41, 6 ngày sau khi sinh đứa con trai cuối cùng và đứa bé này cũng chết ngay khi lọt lòng mẹ. Sự qua đời của bà mẹ đã khiến

cho cậu Willie rất đau buồn trong suốt cuộc đời và cậu đã đặt tấm ảnh của bà mẹ bên cạnh giường ngủ của mình cho tới ngày cuối của đời mình.

Hai năm sau đó, cha của cậu Willie cũng qua đời rồi cậu bé này được gửi về nước Anh để cho ông bác chăm sóc. Ông bác Henry MacDonald Maugham là vị mục sư tại Whitestable, trong hạt Kent, là một người lạnh lùng và tàn nhẫn về mặt tình cảm. Cậu Willie được gửi theo học nội trú trong trường King (the King's School) thuộc hạt Canterbury, đây cũng là một nơi cực khổ đối với Willie bởi vì cậu bị các bạn bè chế riễu do vóc người thấp lùn, một nét di truyền từ người cha, và do kém tiếng Anh bởi vì tiếng Pháp là ngôn ngữ đầu tiên. Cũng vào thời kỳ này, Willie bắt đầu nói cà lăm (nói lắp), khuyết tật này không thường xuyên mà tùy theo hoàn cảnh, theo trạng thái tâm hồn.

Cuộc sống của Willie trong giáo khu của ông bác đã dạy cho cậu phải kiềm chế mọi cảm xúc, không được bộc lộ sự nóng giận cũng như khi gặp gỡ các bạn bè khác phải hạn chế biểu lộ các tình cảm, trong khi đó Willie là một con người rất tò mò, nhưng đã phải giữ yên lặng, phải sống trong cảnh riêng tư. Kết quả là Willie cảm thấy rất đau khổ ở nhà cũng như ở trường, và đã khiến cho sau này, nhà văn Maugham phản ánh các vết thương tình cảm qua các nhân vật bên trong nhiều tác phẩm của mình.

Vào tuổi 16, Somerset Maugham không muốn theo học trường King nữa nên

được ông bác cho phép đi du lịch qua nước Đức, tại đây William theo học tiếng Đức, học văn chương và triết học tại trường đại học Heidelberg. Vào giai đoạn này, Somerset Maugham khám phá thấy mình thuộc về loại người đồng tính luyến ái (homosexual) cho nên càng trở nên lo lắng và rồi tìm cách ẩn mình, ít tiếp xúc với xã hội chung quanh.

Khi trở về nước Anh, Somerset Maugham được ông bác kiếm cho công việc làm trong một văn phòng kế toán nhưng sau một tháng, William đã bỏ cuộc, sự việc này khiến cho ông bác rất bất bình. Ông bác này muốn Somerset Maugham theo lối đi của cha và ba người anh, họ đều là các luật sư xuất sắc trong khi đó nghề mục sư cũng không thích hợp với William bởi vì chàng nói cà lăm. Cuối cùng, một bác sĩ địa phương đã khuyên ông bác cho Somerset Maugham theo học nghề y khoa trong khi mà William thực sự muốn theo nghề viết văn. Cuối cùng William Somerset Maugham đành phải tới thành phố London để theo nghề y khoa tại trường St. Thomas trong 5 năm.

Nhiều người cho rằng theo học ngành y khoa sẽ tiêu hủy tinh thần sáng tác văn chương nhưng trái lại, Somerset Maugham đã cảm thấy vui vẻ khi sinh sống tại thành phố London sống động, khi gặp các người thuộc giai cấp thấp, khi thấy họ ở trong các hoàn cảnh lo lắng và William đã nhận thấy ý nghĩa của đời sống của họ. Somerset Maugham đã hồi tưởng khi còn là một sinh viên y khoa: "Tôi đã nhìn thấy

người ta qua đời như thế nào. Tôi đã nhìn thấy họ phải chịu đau khổ ra sao. Tôi đã chứng kiến cảnh hy vọng ra sao, sợ hãi ra sao, xoa dịu ra sao".

Somerset Maugham đã ghi vào các sổ tay các suy nghĩ của mình trước các hoàn cảnh của con người trong khi đang theo học để dành lấy mảnh bằng. Kết quả là cuốn truyện đầu tiên đã ra đời: "Lisa của miền Lambeth" (Lisa of Lambeth, 1897). Đây là tác phẩm thứ hai của Somerset Maugham, viết về giới lao động khi ông là một sinh viên y khoa 22 tuổi, lo công việc đỡ đỡ tại khu vực Lambeth nghèo nàn của thành phố London.

Cuốn truyện này được nhiều người đón đọc, kể cả các người điếm sách rồi trong vòng vài tuần lễ, tác phẩm thuộc đợt in đầu tiên đã được bán hết. Sự việc này khiến cho Somerset Maugham yên tâm để từ bỏ ngành y khoa mà bước vào ngành viết văn, và ông đã nói khi mới bước vào nghề mới này như sau: "Tôi bước vào nghề này như một con vịt bước xuống nước".

Nghề viết văn khiến cho Somerset Maugham phải đi và sống tại nhiều nơi, như tới xứ Tây Ban Nha hay hòn đảo Capri, nhưng sau 10 tác phẩm được xuất bản, Somerset Maugham đã không đạt được thành công như cuốn truyện "Lisa của Lambeth".

Tới năm 1907, Somerset Maugham lại thành công với vở kịch "Bà Frederick" (Lady Frederick), rồi qua năm sau, ông có 4 vở kịch được trình diễn tại London và kết quả kể trên khiến cho tạp chí Punch đã

phổ biến một tranh vui, vẽ hình Đại Văn hào Shakespeare phải "cắn móng tay" khi nhìn vào các tấm bảng quảng cáo các vở kịch của Somerset Maugham.

Vào năm 1910, Somerset Maugham nổi tiếng do 10 vở kịch và 10 cuốn tiểu thuyết. Bởi vì tuổi cao hơn tuổi đồng viên nên không thể gia nhập quân đội khi Thế Chiến Thứ Nhất bùng nổ, Somerset Maugham đã qua đất Pháp, gia nhập Hồng Thập Tự Anh và phục vụ trong "Nhóm tài xế văn chương chạy xe cứu thương" (Literary Ambulance Drivers), nhóm này gồm 23 nhà văn danh tiếng như Ernest Hemingway, John Dos Passos, E.E. Cummings...

Trong thời gian phục vụ cho công tác Hồng Thập Tự này, Somerset Maugham đã gặp Frederick Gerald Haxton, một người trẻ từ thành phố San Francisco, anh này trở nên một người bạn đồng hành và một "người yêu" (lover) của Somerset Maugham cho đến khi Haxton qua đời vào năm 1944. Nói rằng Haxton là người yêu bởi vì Somerset Maugham là một con người lưỡng tính (bisexual).

Chính trong giai đoạn này và ở vào lúc không bận công tác xe cứu thương, Somerset Maugham đã viết và đọc lại bản thảo của cuốn "Về Cảnh Nô Lệ của Con Người" (Of Human Bondage, 1915) tại một địa điểm gần Dunkirk.

Các nhà phê bình văn học đã mô tả tác phẩm "Về Cảnh Nô Lệ của Con Người" là một trong các tiểu thuyết quan trọng nhất của thế kỷ 20. Cuốn truyện này giống như

cuốn tự thuật của tác giả trong đó nhân vật Phillip Cary là một bác sĩ, có tật nói cà lăm, và mục sư của miền Whitestable trở thành mục sư của miền Blackstable. Sự hiện diện chặt chẽ giữa hư cấu và không hư cấu đã trở nên một nét đặc thù của Somerset Maugham, rồi về sau, vào năm 1938, ông đã viết rằng: "Sự kiện hiện thực và hư cấu đã được trộn lẫn trong các tác phẩm của tôi và khi đọc lại, tôi không còn phân biệt được thứ nọ với thứ kia".

Vào khoảng năm 1914, Somerset Maugham đã tư tình với bà Gwendoline Maud Syrie Barnado, vợ của một nhà tài phiệt về thuốc tây, là ông Henry Welcome, sinh ra đứa bé gái đặt tên là Elizabeth Liza Mary Maugham (1915-1998). Chồng của bà Syrie vì vậy đã nộp đơn xin ly dị bà vợ này. Tối tháng 5/1916, Somerset Maugham và bà Syrie lập hôn thú với nhau.

Khi Somerset Maugham đã trở về nước Anh và không thể phục vụ trong đội quân xe cứu thương, bà vợ Syrie đã dàn xếp để Somerset Maugham gặp một nhân viên tình báo cao cấp của chính quyền Anh, bí danh là "R", rồi tối tháng 9/1915, Somerset Maugham qua Thụy Sĩ, hoạt động như một nhà văn nhưng bí mật thu lượm các tin tức tình báo. Somerset Maugham là một con người yên lặng và giỏi quan sát nên có đủ đức tính của một nhân viên tình báo. Ông tin rằng mình đã thừa hưởng được các đặc tính này từ người cha, nhờ vậy, ông biết suy xét rõ ràng và không để ai lường gạt vì vẻ bên ngoài.

Năm 1916, Somerset Maugham đã du lịch trong vùng Thái Bình Dương, tìm kiếm tài liệu và khởi đầu viết cuốn tiểu thuyết "Mặt Trăng và 6 Xu" (The Moon and Sixpence) căn cứ vào cuộc đời của họa sĩ Paul Gauguin. Đây là lần đầu tiên đi thật xa, để sau này, trong thập niên 1920 và 1930, nhà văn này đã tới thăm viếng thế giới của các miền đất thuộc địa như Ấn Độ, Đông Nam Á, Trung Hoa và các hải đảo Thái Bình Dương. Trong các lần đi xa này, Somerset Maugham đều có anh chàng Haxton đi kèm, bởi vì nhà văn là một người e thẹn trong khi Haxton là con người tâm hướng ngoại (extrovert), dễ dàng thu nhận các tài liệu hay dữ kiện về con người địa phương để cho nhà văn Somerset Maugham chuyển thành các cuốn tiểu thuyết.

Vào tháng 6 năm 1917, Sir William Wiseman, người đứng đầu Cơ Quan Tình Báo Anh Quốc (The British Secret Intelligence Service, sau này được đặt tên là MI6) đã gặp Somerset Maugham và yêu cầu nhà văn sang nước Nga để lãnh một nhiệm vụ đặc biệt, đó là làm sao giúp cho các đảng viên Mensheviks nắm chính quyền và nước Nga sẽ ở trong tình trạng chiến tranh. Hai tháng rưỡi sau, nhóm Bolsheviks đã thắng thế và công tác của Somerset Maugham coi như không thực hiện được dù cho nhà văn này đã nói rằng nếu ông qua nước Nga sớm hơn 6 tháng thì có lẽ ông đã thành công. Nhờ các kinh nghiệm về tình báo, Somerset Maugham đã không để mất cơ hội chuyển các điều

hiểu biết về do thám này thành một loạt các truyện ngắn với nhân vật gián điệp là Ashenden, một người lịch sử, hoàn hảo và tháo vát. Các truyện Ashenden (Ashenden stories) của Somerset Maugham về sau trở nên căn bản cho cuốn phim hồi hộp "Nhân Viên Mật Vụ" (The Secret Agent) của Alfred Hitchcock. Cách viết truyện phản gián của Somerset Maugham cũng ảnh hưởng tới nhà văn Ian Fleming với viên gián điệp danh tiếng James Bond.

Năm 1922, Somerset Maugham đã đề tặng cuốn truyện ngắn "Về bức màn Trung Hoa" (On a Chinese Screen, 1923) cho bà Syrie nhưng rồi cặp vợ chồng này đã ly dị nhau vào năm 1927 bởi vì bà vợ Syrie đã quá ghen tức do ông chồng Somerset thường hay đi du lịch vắng nhà và liên hệ với anh chàng Haxton.

Vào năm 1928, Somerset Maugham đã mua Biệt Thự Mauresque nằm trên mảnh đất rộng 12 mẫu tại Cap Ferrat thuộc vùng biển danh tiếng Riviera của nước Pháp. Đây là tòa nhà nghỉ ngơi của nhà văn này trong các năm cuối đời và cũng là một trong các địa điểm tụ họp lớn của giới Văn Chương và Xã Hội trong các thập niên 1920 và 1930. Các vị khách được mời tới Biệt Thự Mauresque là những nhân vật như Winston Churchill, Garson Kanin, Ian Fleming, Evelyn Waugh, Cecil Beaton, Rudyard Kipling và Rebecca West... Cũng tại nơi này, sức sáng tác phong phú của Somerset Maugham tiếp tục được duy trì, ông đã viết ra các vở kịch, truyện ngắn, tiểu

thuyết, các bài bình luận và các sách du lịch. Trong thập niên 1930, danh tiếng của Somerset Maugham tại châu Âu còn lớn lao hơn tại nước Anh, là quê hương của ông.

Tới năm 1940 khi Thế Chiến Thứ Hai lan tới miền Nam của nước Pháp và khi chính phủ Pháp đầu hàng quân Đức Quốc Xã, Somerset Maugham phải rời khỏi miền Riviera để đi lánh nạn qua Hoa Kỳ, ông trở thành một người tị nạn rất giàu có và cũng là người giàu nhất trong số các nhà văn danh tiếng viết tiếng Anh.

Khi Thế Chiến Thứ Hai diễn ra, Somerset Maugham ở tuổi 60, đã sống phần lớn thời gian tại Hollywood để viết nhiều kịch bản phim (scripts), nên ông cũng là một trong các tác giả kiếm được nhiều tiền nhất do công việc chuyển các cuốn tiểu thuyết danh tiếng sang các cốt truyện phim. Trong khi sinh sống tại Hoa Kỳ vào thời kỳ này, chính quyền nước Anh đã yêu cầu ông viết ra và đọc các bài diễn thuyết ái quốc để cổ động Hoa Kỳ giúp đỡ nước Anh đồng thời cũng là một nước đồng minh tham chiến.

Năm 1944, Gerald Haxton qua đời nên Somerset Maugham di chuyển về nước Anh rồi tới năm 1946, ông dọn nhà, trở về Biệt Thự Mauresque tại miền Nam của nước Pháp và sống cho tới ngày cuối đời. Sự vắng bóng anh chàng Haxton đã khiến Somerset Maugham thay thế bằng Alan Searle. Ông đã gặp anh chàng này vào năm 1928. Searle là một người trẻ tuổi, xuất thân từ khu vực nghèo khó

Bermondsey của thành phố London và đã từng sinh sống với các người đồng tính luyến ái (homosexuals) lớn tuổi hơn. Searle cũng là một người tận tụy với Somerset Maugham và còn là một người bạn đồng hành khịch lệ của nhà văn này.

Vào các năm cuối đời, Somerset Maugham đã phạm nhiều lỗi lầm căn bản trong cách phán xét nên đã gây ra nhiều tiếng xấu và vì vậy có người cho rằng ông đã đi dần tới tình trạng mất trí nhớ (dementia), trái hẳn với thời kỳ ông còn trai trẻ, là người quá khôn ngoan và lịch thiệp. Một trong các vụ tai tiếng là những lời chê trách bà vợ Syrie đã quá vãng, trong tác phẩm hồi ký "Nhìn Lại" (Looking Back) của ông, viết vào năm 1962. Cũng vào các năm này, Somerset Maugham chấp nhận anh chàng Alan Searle làm con nuôi để thừa hưởng tài sản để lại, sự việc này đã bị cô con gái Liza và chồng là Lord Glendevon đưa ra tranh tụng trước công lý và khiến cho nhà văn danh tiếng Somerset Maugham bị nhiều người chê cười.

## **2/ Vài nhận xét về Nhà Văn Somerset Maugham.**

Somerset Maugham là nhà văn rất thành công về phương diện thương mại nhờ số sách truyện bán được rất cao, nhờ viết ra các vở kịch thành công, nhờ một loạt các kịch bản phim hấp dẫn, nhờ cách đầu tư tinh khôn vào thị trường chứng

khoán, tất cả đã khiến cho nhà văn này sống một cuộc đời rất tiện nghi và đầy đủ.

Khi còn nhỏ tuổi, Somerset Maugham là một người yếu đuối và không cao lớn, nhưng ông đã chịu đựng bền bỉ để viết ra rất nhiều cuốn truyện hay mà tác giả rất hãnh diện. Thế nhưng, mặc dù các thành công về thương mại, Somerset Maugham đã không được giới phê bình văn học và các nhà văn bạn kính trọng bởi vì đã có lần tác giả này thú nhận rằng trong văn chương của ông thiếu đi "phẩm chất trữ tình" (lyrical quality), số từ vựng trong các tác phẩm không dồi dào và ông không có tài khi dùng các "ẩn dụ" (metaphor).

Tuy nhiên, có vẻ như nhà văn Somerset Maugham bị đánh giá quá thấp bởi vì ông đã viết văn theo thể trực tiếp (a direct style). Khi đọc một cuốn sách, một cuốn truyện của Somerset Maugham, độc giả không cần tới các nhà phê bình (critics) cắt nghĩa về nội dung, về cách diễn tả... Somerset Maugham đã suy nghĩ minh bạch, viết ra rõ ràng, diễn tả các quan niệm hay ý tưởng đôi khi yếm thế, chua chát bằng các lời văn đẹp đẽ, văn minh. Cách duy trì cốt truyện (plot) của Somerset Maugham rất khéo léo khiến cho các nhà phê bình văn học đã so sánh ông với Guy de Maupassant, là nhà văn danh tiếng người Pháp. Ông đã viết văn vào thời kỳ mà các nhà văn thực nghiệm mới (experimental modernists) như William Faulkner, Thomas Mann, James Joyce và Virginia Woolf đang được đại

chúng chú ý và được các nhà phê bình văn học ca ngợi.

Khi viết ra các tiểu thuyết hư cấu, Somerset Maugham có khuynh hướng đồng tính luyến ái (homosexual), đã mô tả các người đàn bà hấp dẫn như các đối thủ tình dục (sexual rivals) theo một cách khác biệt với các tác giả danh tiếng đương thời. Các người đàn bà trong các tác phẩm như "Liza của Lambeth" (Liza of Lambeth), "Bánh Ngọt và Rượu Bia" (Cakes and Ale), "Cạnh sắc của dao cạo" (The Razor's Edge)... là những người thích thú tình dục mà không quan tâm tới kết quả.

Sự mô tả về thích thú tình dục (sexual appetites) của Somerset Maugham đã không được các địa phương mà ông từng đi qua du lịch chấp nhận, bởi vì ông đã không lên án các thói xấu của những nhân vật mô tả trong các vở kịch hay các tiểu thuyết hư cấu. Vào năm 1938, Somerset Maugham đã có lần thú nhận rằng "lỗi tại tôi, bởi vì tôi đã không bị xúc động bởi các tội lỗi của họ trừ khi họ ảnh hưởng tới cá nhân tôi".

Nhiều người đồng ý rằng tác phẩm chính của Somerset Maugham là cuốn "Về Cảnh Nô Lệ của Con Người" (Of Human Bondage). Đây là cuốn tiểu thuyết tự thuật (an auto-biographical novel) trong đó nhân vật chính Philip Carey có đời sống giống như tác giả, đã bị mồ côi và được một ông bác nhân từ nuôi dưỡng.

Các truyện ngắn được nhiều người đọc ghi nhớ nhất là về đời sống cô đơn của các người thuộc địa phương tây (Western

colonists), phần lớn là người Anh, tại vùng Viễn Đông và các truyện tiêu biểu gồm "Mưa" (Rain), "Vết Chân trong Rừng Nhiệt Đới" (Footprints in the Jungle) và "Nơi Tạm Cư" (The Outstation)...

Somerset Maugham đã nói rằng nhiều truyện ngắn của ông là do ông được nghe kể lại trong các chuyến đi du lịch, trong các vùng ngoại vi của Đế Quốc Anh. Là một trong các nhà văn viết về du lịch quan trọng nhất trong các năm giữa hai cuộc Thế Chiến, ông đã sáng tác nhiều truyện liên quan tới các hành trình qua các xứ Miến Điện, Thái Lan, Cam Bốt, Việt Nam, Trung Hoa...

Somerset Maugham là nhịp cầu nối các nhà văn thuộc trường phái cổ điển, truyền thống, như Christopher Marlowe, Ben Johnson và Daniel Defoe, với các nhà văn hiện đại như Graham Greene, John Le Carré, John Dickson Carr, Alec Waugh và Ted Allbeury.

Vào năm 1947, Somerset lập ra Giải Thưởng Somerset Maugham (the Somerset Maugham Award) để trao tặng cho nhà văn gốc Anh nào dưới 35 tuổi có truyện xuất bản vào năm vừa qua. Các người lãnh giải danh tiếng gồm Kingsley Amis và Thom Gunn.

Trước khi qua đời vào ngày 16/12/1965 tại Nice, nước Pháp, nhà văn Somerset Maugham đã ủy tặng các tác quyền cho Quỹ Văn Học Hoàng Gia (The Royal Literary Fund).

Một số ít nhà văn sau này đã ca ngợi Somerset Maugham, gồm có Anthony

Burgess, là người đã mô tả chân dung hư cấu của Somerset Maugham trong cuốn tiểu thuyết "Các Sức Mạnh Trần Thế" (Earthly Powers) và nhà văn George Orwell cũng xác nhận rằng lối hành văn của ông chịu ảnh hưởng của Somerset Maugham.

### 3/ Một số tác phẩm của Văn Hào Somerset Maugham.

- Lisa của miền Lambeth (Liza of Lambeth, 1897).
- Định Hướng (Orientations, 1899).
- Bà Craddock (Mrs. Craddock, 1902).
- Một người đàn ông danh dự (A Man of Honour, 1903).
- Áo phủ ngoài của ông Giám Mục (The Bishop's Apron, 1906).
- Người làm trò quỉ thuật (The Magician, 1908).
- Penelope, 1909.
- Bà Frederick (Lady Frederick, 1912).
- Jack Straw, 1912.
- Bà Dot (Mrs. Dot, 1912).
- Về Cảnh Nô Lệ của Con Người (Of Human Bondage, 1915), quay thành phim năm 1934: đạo diễn John Cromwell, năm 1946: đạo diễn Edmund Goldig, năm 1964: đạo diễn Henry Hathaway, Ken Hughes.
- Mặt Trăng và Sáu Xu (The Moon and Sixpence, 1919), quay thành phim năm 1943: đạo diễn Albert Lewin.
- Vòng Tròn (The Circle, 1921), quay thành phim năm 1925: đạo diễn Frank Borzage.

• Sadie Thompson, 1921, quay thành phim năm 1928: đạo diễn Raoul Walsh, tài tử Gloria Swanson, Lionel Barrymore; Sade/ Miss Sadie Thompson, 1953), đạo diễn Curtis Bernhardt, tài tử Rita Hayworth và Mel Ferrer.

- Rung rinh cành lá (The Trembling of a Leaf, 1921).
- Phía đông của Kênh Suez (East of Suez, 1922), quay thành phim năm 1925, đạo diễn Raoul Walsh.
- Trên bức màn Trung Hoa (On Chinese Screen, 1922).
- Our Better, 1923, quay thành phim năm 1933, đạo diễn George Cukor.
- Bức màn có vẽ hình (The Painted Veil, 1925), quay thành phim năm 1934, đạo diễn Richard Boleslawski.
- Người vợ không đổi (The Constant Wife, 1925).
- Cây Casuarina (The Casuarina Tree, 1926).
- Bức Thư (The Letter, 1927), quay thành phim năm 1940, đạo diễn William Wyler.
- Ngọn Lửa Thiêng (The Sacred Flame, 1928), quay thành phim Quyền Sống (The Right to Live) năm 1935, đạo diễn William Keighley.
- Ashenden, 1928, quay thành phim Nhân Viên Mật Vụ (Secret Agen) năm 1936, đạo diễn Alfred Hitchcock, tài tử John Gielgud, Madeleine Carroll, Peter Lorre, Robert Young, Percy Marmont.
- Kẻ Kiếm Sống (The Breadwinner, 1930).



- Bánh Ngọt và Rượu Bia (Cakes and ale, 1930).
- Người đầu tiên số ít (First Person Singular, 1931).
- Mưa (Rain, 1932), đạo diễn Lewis Milestone, tài tử Joan Crawford, Walter Huston.
- Sưu tập các vở kịch (Collected Plays, 1931-34).
- Góc Hẹp (The Narrow Corner, 1932).
- Về Dịch Vụ Thuê (For Services Rented, 1932).
- Sưu tập các vở kịch (Collected Plays, 1933).
- Sheppey, 1933.
- Ah King, 1933.
- Thế Giới (Cosmopolitans, 1936).
- Rạp Hát (The Theatre, 1937), quay thành phim năm 2004, đạo diễn Istvan Szabo, tài tử Annette Bening, Jeremy Irons, Shaun Evans.
- Tóm Lược (The Summing Up, 1938).
- Ngày Nghỉ Giáng Sinh (Christmas Holiday, 1939), quay thành phim năm 1944, đạo diễn Robert Siodmark.
- Hợp Chất như trước kia (The Mixture as Before, 1940).
- Lên từ Biệt Thự (Up at the Villa, 1941), quay thành phim năm 2000, đạo diễn Philip Haas, tài tử Kristin Scott Thomas, Sean Penn.
- Hoàn toàn cá nhân (Strictly Personal, 1941).
- Giờ trước Rạng Đông (The Hour before the Dawn, 1942).
- Cạnh Sắc của Dao Cạo (The Razor's Edge, 1944), quay thành phim năm 1946: đạo diễn Edmund Goulding, năm 1948: đạo diễn John Byrum, tài tử Bill Murray, Theresa Russell và Denholm Elliott.
- Trước Kia và Ngày Nay (Then and Now, 1946).
- Sinh vật của hoàn cảnh (Creatures of Circumstances, 1947).
- Catalina, 1948.
- Sổ Ghi của Nhà Văn (A Writer's Notebook, 1949).
- Các Truyện Ngắn Toàn Tập (The Complete Short Stories, 1951).
- Tâm Trạng Lang Thang (The Vagrant Mood, 1952).
- Các Tiểu Thuyết Tuyển Chọn (Selected Novels, 1953).
- 10 Tiểu Thuyết và các Tác Giả (Ten Novels and Their Authors, 1954).
- Xa và Rộng (Far and Wide, 1955).
- Các Truyện Ngắn Hạng Nhất (Best Short Stories, 1957).
- Các Quan Điểm (Points of View, 1958).
- Nhìn Lại (Looking Back, 1962).
- 17 Truyện Thất Lạc (Seventeen Lost Stories, 1969).
- Người Lữ Khách (A Traveller in Romance, 1984)/.

**PHẠM VĂN TUẤN**  
(Virginia)

# PHÂN ƯU

Vô cùng thương tiếc

## THI SĨ HOÀNG TRÙNG DƯƠNG

### PHẠM PHÚ HOÀNG ANH

Đã mệnh chung ngày 29 tháng 3 năm 2008

Tại Fair Oak, Virginia - USA

Hưởng thọ 60 tuổi

Xin thành kính chia buồn cùng **HOÀNG PHU NHÂN** và tang quyến.  
Nguyện cầu hương linh của người quá cố sớm phiêu diêu Miền Cực Lạc.

#### **BAN TRỊ SỰ và BAN BIÊN TẬP TAM CÁ NGUYỆT SAN CỔ THƠM**

đồng thành kính phân ưu

Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Ngô Tăng Giao, Bình Huyền,  
Trần Bích San, Phạm Văn Tuấn, Phan Anh Dũng, Đỗ Tràng Mỹ Hạnh,  
Hồ Trường An, Kiều Anh, Nguyễn Văn Bá, Trần Quốc Bảo, Hải Bằng HDB,  
Việt Bằng, Nguyễn Ngọc Bích, Phạm Thị Ánh Bích, Nguyễn Thị Thanh Bình,  
Đình Cường, Hoàng Dung, Hoàng Cung Fa, Tâm Hảo, Diễm Hoa, Vũ Thái Hòa,  
Vũ Hối, Vi Khuê, Huy Lãm, Nguyễn Lâm, Đàm Xuân Linh, Nguyễn Phú Long,  
Tiên Sha Lê Luyến, Hoàng Bạch Mai, Vũ Nam, Đặng Nguyên, Cao Mỹ Nhân,  
Nghiêm Thái Phượng, Nguyễn Văn Thành, Tiểu Thu, Trương Anh Thụy,  
Lê Thương, Bùi Thanh Tiên, Thanh Trang, Hà Bình Trung, Tạ Quang Trung,  
Nguyễn Đăng Tuấn, Nguyễn Tường Vân, Yên Vi, Kim Vũ.



# VĨNH BIỆT THI SĨ HOÀNG TRÙNG DƯƠNG

Trước sự ra đi đột ngột của Nhà Thơ Hoàng Trùng Dương, trước cái tang đau đớn này, Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm, không biết nói gì hơn là xin thành thật chia buồn cùng chị Hoàng Trùng Dương cùng tang quyến, và xin có vài lời cảm tạ Nhà Thơ đã cộng tác với Cỏ Thơm từ nhiều năm nay.

Cỏ Thơm rất hân hạnh đã là nhà xuất bản tập Thơ Tình Hoàng Trùng Dương của anh. Trong dịp Tết vừa qua chúng tôi mời anh chị tới nhà họp mặt Cỏ Thơm, anh nói không được khỏe không đến được, nhưng sẽ cố gắng tham dự ngày kỷ niệm 13 năm Cỏ Thơm vào ngày 13 tháng 4. Tôi cũng nhắc với anh khi nào anh muốn ra mắt tập thơ thì anh chị em Cỏ Thơm sẽ làm. Anh nói để khi lấy được nhiều sách về thì sẽ tính.

Cỏ Thơm rất ân hận không kịp ra mắt sách cho anh nhưng Cỏ Thơm đã may mắn có bài tiểu sử về anh và bài anh Ngô Tăng Giao giới thiệu Thơ Tình Hoàng Trùng Dương trong số báo Mùa Xuân phát hành vào dịp kỷ niệm Cỏ Thơm 13 tuổi. Trong số báo này còn có bài thơ Anh Hoàng



Trùng Dương “Tiễn Biệt Anh Vương Đức Lệ” và bài thơ *Xuân Lạnh* thật tha thiết nồng nàn, anh tặng hiền thê.

Anh Phan Khâm cùng anh Đăng Nguyên và Vũ Hối đã đem số báo mới này đến thăm anh Hoàng Trùng Dương đúng một tuần trước ngày anh ra đi. Anh đã cười hài lòng và khen báo đẹp.

Ôi, Anh Hoàng Trùng Dương, hương linh anh còn phảng phất nơi đây, xin chứng giám lòng thương tiếc chân thành của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm và các văn, thi, họa, nghệ sĩ thân hữu. Hình ảnh và tiếng thơ của anh sẽ còn lưu mãi trong vườn thơ Cỏ Thơm, trên Website Cỏ Thơm và Thi Văn Đàn Việt Nam Hải Ngoại. Cầu mong hương linh anh sớm phiêu diêu miền cực lạc.

(Điều văn đọc trước linh cữu HOÀNG TRÙNG DƯƠNG ngày 4/2/2008).

**NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG**

## TIỄN BẠN CÙNG THỜI

Chuông giáo đường thơ thánh thoát ngân  
Báo bạn tri âm biệt cõi trần!

(Tiễn bạn thơ **Hoàng Trùng Dương**  
vừa ra đi đêm qua)

Bạn cùng thời bỏ ta đi  
về bên kia núi còn gì để vui  
biệt ly lời ý ngậm ngùi  
án thơ gác bút bồi hồi cố nhân!

Bạn cùng thời khóc cười chung  
mệnh ta, vận nước đã cùng cuu mang  
lệ buồn thấm thấu trần gian  
còn vương thương khúc bạt ngàn núi sông!

Bạn cùng thời về hư không  
khép tròn cõi tạm một vòng tử sinh  
bỏ qua thời ngắm tuổi mình  
chân mây cõi hạc đặng trình chân như!

Xác thân hạt bụi trầm du  
hồn phiêu lãng cuộc nhã từ tâm an  
chân kinh vọng niệm hương ngàn  
tiễn người về chốn vĩnh hằng phúc yên!

29 Mar 2008

## CAO NGUYỄN

SỐ 43

## HOÀNG TRÙNG DƯƠNG HƯƠNG LINH SIÊU TỊNH ĐỘ

Hoàng hoa thủy trúc cõi siêu nhiên  
Trùng điệp âm ba diệu nhất huyền  
Dương hải khơi xanh niêm bất tận  
Hương trầm tỏa biếc ý vô biên  
Linh thiêng tiếng nước dòng Hàn thủy  
Siêu việt lời mây đỉnh Tản Viên  
Tịnh lạc nhân lành sinh quả đẹp  
Độ tha tự độ ước như nguyên.

**VI KHUÊ** (02 tháng tư, 2008)

## VĨNH BIỆT ANH PHẠM PHÚ HOÀNG ANH GÌN VÀNG GIỮ NGỌC HỒN THƠ HOÀNG TRÙNG DƯƠNG

KIỆP LƯU VONG làm THƠ TÌNH  
sáu mươi năm với  
bóng hình HOÀNG ANH  
Bên bờ ly biệt tử sanh,  
Vô vãn ngấn lệ  
chảy thành TRÙNG DƯƠNG.  
Đón đau khôn xiết vô lường  
Biết rằng nơi cõi vô thường...  
sắc không.

## PHAN KHÂM

75

# ĐẨM LỆ MÙA XUÂN

(khóc bạn Hoàng Trùng Dương)

Đắm lệ mùa Xuân, khóc bạn hiền  
THƠ TÌNH còn nặng nợ tình riêng  
HOÀNG ơi ! mới đó mà xa cách  
ANH đã đi về với cõi thiên.

Cõi thiên về đó, có hay không !  
Bằng hữu thơ văn chung tấm lòng  
Văn Bút từ nay đành vắng bạn  
TRÙNG DƯƠNG ơi ! xa cách muôn trùng.

Muôn trùng vĩnh biệt TRÙNG DƯƠNG ơi !  
Tri kỷ tri âm có mấy người ?  
Sinh ký tử quy đành chịu vậy  
CỎ THƠM còn lại chút hương đời.

Virginia, 29-3-2008

## ĐĂNG NGUYÊN



# HẠNH NGỘ NGÂM NGÙI!

Phạm kia danh tánh ở đời  
Phú là Thiên Phú cho người:  
Ý Thơ — Tiếng nói — Nụ cười:  
(Hoàng Anh)  
Biết Chú cùng lúc: Tử Sanh!  
Ngâm ngùi suy nghĩ bao quanh  
“Thơ Tình” ai viết ” Tình Anh” ?  
“Vô Thường”: đã Quán không tranh!  
“Không Đề” đã rõ : Hoàng Anh!  
“Hoàng Hôn” lại ta? Khúc quanh!  
... Ai ngờ hồn đã chuyển sanh  
“Bồng Lai Tiên Cảnh”: Hoàng Anh (trở về)

Trùng Dương ơi hỡi Trùng Dương!  
Quy Về một nẻo: “Vô Thường”  
Trùng phùng Duyên khởi Trùng Dương!  
“Thơ Tình” để lại tình thương  
Cỏ Thơm bầu bạn vẫn vương  
Người đi thanh thoát... lạ thường!  
“Chơn Như bốn tánh”... Quê Hương!

Kính tặng Chú Phạm Phú Hoàng Anh  
(bút hiệu **HOÀNG TRÙNG DƯƠNG**)

## PHẠM TẤN TRUNG CHI

(Từ Thành Nguyên)  
03-30-2008

## TÔI ĐÃ CHẾT RỒI

Tôi đã chết, song đừng mang ra bề.  
Vi những hải hùng còn để trong nhau.  
Nước mênh mông...Kìa! Mảnh ván thân tàu,  
Ôm mỗi hận chìm sâu, xa nhân thế!

Tôi đã chết với lời lời đẹp đẽ.  
Chẳng hẹp hòi, bạn kể lẽ câu thơ!  
Cáo phó, phân ưu...đủ mặt thân sơ,  
Vòng hoa tươi cũng thẩn thờ thương hại.

Nơi khung cửa cứ bình thường thoải mái,  
Sau trước một lần chớ ái ngại tôi!  
"Hồng Hồng Tuyết Tuyết" dĩ vãng lâu rồi!  
Cám ơn giây phút tuyệt vời diễm ảo!

Vô tích sự và suốt đời kiêu ngạo,  
Sống chết tôi thừa, giá áo túi cơm.  
Phúng điếu, tiễn đưa, đèn nến, hương thơm,  
Thời sự qua mau, lửa rơm tàn tạ!

Tôi đã chết, đất trời không gì lạ.  
Bà con ngày tháng tắt tả mưu sinh,  
Người dương sớm tối mài miệt cuộc tình.  
Đâu dám trách, sống cho mình khó nhọc.

Tôi đã chết, nằm xếp hàng ngang dọc,  
Cây cỏ xanh tươi, chim chóc lú lo,  
Ba sinh hương lửa...Ai nhi? Hẹn hò,  
Mai một đầu thai lò mò gặp lại.

**NGUYỄN  
PHÚ  
LONG**  
(Virginia)

SỐ 43

## ĐƯỜNG TÌNH NHÂN

Hỡi người em má hồng da phấn,  
Có hạt thơ buồn rụng giữa đêm...

VB

Giữa mùa Xuân nắng ấm  
nhớ về sinh nhật em  
nhớ bờ môi tô đậm  
nhớ tóc xòa vai mềm

Nơi em ở,  
quê hương của cá hồi vẩy bạc  
của biển xanh trắng cánh ngỗng trời  
và trên tất cả:  
dáng em tươi mát giữa ngàn hoa.

Có phải em là một giá trị?  
từ khước mắt, mầu môi  
và những đường cong tuyệt mỹ  
mà không phải đồ trang sức để kiếm  
hiếm như hạnh phúc  
một lần tan chảy  
như cục đá trong ly Café  
em đang uống  
khi trời chiều trút xuống những đam mê

Gặp gỡ bao lần  
mà thân thương quá đổi  
thương những mùa Xuân  
và thương cả tình nhân.

Có ai qua miền Northwest  
cho tôi thăm hỏi những tên đường  
- Đường đi Bellevue, Issaquah  
- Đường về Tacoma  
Đường tình nhân còn nhớ dấu chân người.

## VIỆT BẰNG

San Jose, 14 - 05 - 2008

77

## GỌI TÌNH

Ngựa già nhớ gió thảo nguyên  
Thiên đường mai một bên triền núi cao  
Nghiêng đời mệt giấc chiêm bao  
Đỉnh trời náo động sóng gào cõi hư  
Hỏi trăng đầu núi trầm tư  
Có nghe thác đổ ngôn từ biển dâu?  
Lũng xa gió hú âu sầu  
Gọi người chơi với lạc câu ân tình

## LÝ HIỂU

(Virginia)

## THÁNG TƯ QUỐC HẬN

### Bài xương

Quốc hận ba mươi tràn máu lệ!  
Giặc thù cưỡng chiếm phải lia què.  
Bao năm viễn xứ lòng đau xót,  
Nửa kiếp xa nhà, dạ tái tê.  
Nhớ bạn: lao tù sầu vạn ngã!  
Thương anh: cải tạo, khổ trăm bề...  
Đồng tâm nhất trí ngày Quang Phục,  
Dân chủ, Tự do, đã cận kề.

Chủ nhật, 06 tháng 4, 2008

## DU SƠN LÃNG TỬ

### Bài họa (1)

## THÁNG TƯ QUỐC HẬN

Vi Đảng, toàn dân cam đồ lệ,  
Hải hùng, thống hận bỏ làng quê.  
Xứ người nhớ nước, lòng già xót,  
Đất khách thương nhà, dạ trẻ tê.  
Chôn chặt cương thường, đau vạn nẻo,  
Vùi sâu đạo lý, nhục nghìn bề.  
Giống nòi Hồng Lạc cần ghi nhớ,  
Giặc cộng tiêu ma, ắt phải kê.

08-4-2008

## TRƯỜNG GIANG

(San Jose)

### Bài họa (2)

## THÁNG TƯ ĐEN

Mỗi tháng Tư Đen trời đẫm lệ...  
Khắp nơi phố thị đến đồng quê  
Biển Đông sóng dữ càng hăng hái  
Cải tạo còn đau những tái tê  
Lại những bao vây từ bốn phía  
Tham quan hà lạm khắp ba bề  
Mạng người cò rác thôi đành chịu  
Khi súng gươm kia cứ cồ kê...

## HUỆ THU

(San Jose)

Tháng Tư ngày 8 2008

## *Giàn Hoa Không Nở*

Em trở lại vườn xưa hạnh phúc,  
Tìm lại anh kỷ niệm ban đầu,  
Nhưng sao rụng trắng mờ vô thức,  
Để nỗi buồn chen lấn mắt nâu!

Trong lồng ngực, tim còn ấm lửa,  
Tình muộn u sầu, mãi ngổn ngang.  
Yêu nhau hòa hợp nghìn năm nữa  
Phá vỡ mây hồng bóng nguyệt quang.

Nhớ những buổi, vườn hoa trắng gió,  
Xiết tay nhau lá rụng ngàn thông,  
Ngập ngừng run rẩy cùng cây cỏ,  
Dao động hồn ghen chuyện viễn vong.

Dây phím còn ngân lên dạ khúc,  
Cõi thiên nhiên như động ngàn hoa  
Thương thân tủi phận duyên trần tục,  
Ánh nguyệt loang trong mắt lệ nhòa.

Tim se thắt nường vào nhịp thở,  
Anh hỏi anh! Sao vội chia xa!  
Môi em run giàn hoa không nở  
Đời mất anh rồi hết trở hoa!

## *Bạch Mai* (Virginia)

SỐ 43

## TÍNH ĐẢNG

-Phải đề cao cảnh giác,  
chuyên chính vô sản là:  
Đảng lãnh đạo tuyệt đối,  
và toàn diện các ngành.

Trong sinh hoạt nhân dân,  
cán bộ ở các cấp,  
phải đề cao nguyên tắc,  
của giai cấp đấu tranh!

Trong văn học, nghệ thuật,  
cán bộ ở các ngành:  
nhạc, kịch, họa, thi, văn  
phải đề cao Tính Đảng.

-Kính thưa ban Lãnh Đạo  
xin vui lòng chỉ giáo:  
ở thời kỳ quá độ,  
có muôn vàn khó khăn  
trong bức họa tả chân  
vẽ một cặp nông dân,  
và một cặp công nhân,  
không mảnh vải che thân,  
đang lao động tay chân,  
phải vẽ Đảng ra sao?  
Chỗ nào là Tính Đảng?

-Thay mặt ban Lãnh Đạo,  
Tôi vui lòng dạy bảo,  
do thắc mắc của anh,  
anh được đi cải tạo.,  
không có ngày trở về,  
để biết Đảng ra sao,  
thế nào là Tính Đảng.

Sài Gòn Thu 1975

## **TẠ QUANG TRUNG**

(Những Bài Thơ Viết Từ  
Tầng Đầu Địa Ngục)

79



## ĐÊM NGHE TIẾNG GIÓ...

Bóng tà dương mây trôi khói phủ  
Cõi trần gian bao phủ sương khuya  
Gió như gợi nhớ thương về  
Lao xao rừng lá – lê thê canh trường  
Vượt qua ngàn dặm biên cương  
Gió sông gió núi quê hương chan hòa  
Từng cơn gió nổi canh tà  
Vấn vương trôi nổi xuyên qua bầu trời

## ...ĐÓN TRĂNG LÊN

Bốn bề sương khói mù khơi  
Canh khuya tĩnh mịch bầu trời lặng không  
Trăng lên chim núi hải hùng  
Tiến kêu vang vọng một vùng lũng xa  
Trên đồi cây tựa tuyết pha  
Vầng trăng huyền ảo, tờ ngà dằm sương  
Có người lữ thứ tha phương  
Trạnh niêm trước cảnh đêm trường nhớ quê.

**VÂN  
NƯỜNG  
L.N.C.**

(France)



## TỪ ĐỘ XA NHAU

Từ độ xa nhau trăng nghiêng về xứ ấy  
Nắng thôi hồng sắc nắng cũng tàn phai  
Sương chẳng đọng  
long lanh trên thảm cỏ  
Nhỏ lệ buồn thương nhớ mãi từ đây  
Thu chưa về sao lá úa xác xơ bay  
Đêm chưa lại gió lùa lạnh lạnh thổi  
Lòng ta đó biển triều dân sóng nổi  
Xuân qua đi  
xuân biển biệt thảng năm dài  
Từ độ xa nhau  
trăng vẫn nghiêng về bên xứ ấy  
Đêm u buồn gió, hát điệu ru ai  
Sao không mọc, trời đen đầy tăm tối  
Em lạc mất rồi...  
giữa sâu lắng mênh mông  
Từ độ xa nhau...  
giọt mưa trong theo anh về phương ấy  
Giọt buồn tênh rơi mãi nơi này...

**KIỀU  
ANH**

Minneasota

(Xướng)

## SÀI GÒN 2008

Sài Gòn lẻ tám Y 2 K [kê]  
Chỉ một mình thôi ngó tứ bề  
Nam Bắc phân chia, sầu vợ vợ  
Tây Đông cách trở, buồn lê thê  
Bạc bẽ quên bằng thời tân, cựu  
Phố xá phơi bày nét tỉnh, quê  
Vàng cứng, đỏ mềm, Xuân với Tết  
Cháu, con hồn túi chuyện đi, về

Sài Gòn 20-2-2008

## CAO MỸ NHÂN

Họa (1)

## KHÔNG HẸN NGÀY VỀ

Giấc Nam Kha chữa chín nỗi kê  
Gà gáy sang canh rộn bốn bề  
Đã ngấy đầu trường trò cầu trệ  
Lại buồn gia đạo chuyện phu thê  
Hỡi người mất nước còn thương nước  
Đây kẻ xa quê vẫn nhớ quê  
Dâu biển hỡi ơi từ dạo ấy  
Ra đi ai dám hẹn ngày về

Texas 03/01/ 2008

## HỒ CÔNG TÂM

SỐ 43

Họa (2)

## NGUYỄN CẦU

Mặc kệ “oai”, “tu”, “ka” với “kê”  
Nguyễn cầu thế giới đẹp muôn bề  
Súng gươm thôi hết gây tang tóc  
Bom đạn hãy ngừng giáng thảm thê  
Cây lúa, hạt cơm thơm đất mẹ  
Nụ hoa, nhánh cỏ thắm vườn quê  
Bầy con, đàn cháu xa ngàn dặm  
Lễ Tết, nhà xưa lại trở về

Virginia 03/02/2008

## NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

Họa (3)

## GỬI NGƯỜI NHỚ QUÊ BẮC

Người nhớ bên trời bát cháo kê  
Giữa mùa tuyết trắng lạnh trăm bề  
Giang sơn bàng bạc màu tang tóc  
Lịch sử hằn in nét thảm thê  
Mái ngói vẫn buồn trên bến nước?  
Khói rơm còn tỏa giữa chiều quê?  
Hẹn mùa đào nở, sơn ca hát  
Trong ánh thiếu quang hướng nẻo về.

France 05-06-2008

## HỒ TRƯỜNG AN

81

# ANH LÍNH CỘNG HÒA ƠI

Thuở đó tâm hồn em trắng trong  
Như ánh trăng thanh trải ruộng đồng  
Như lúa mạ non vờn nắng sớm  
Lấp lánh sương mai rức ánh hồng

Én liệng lưng trời xanh, rất xanh  
Xuân, hè hoa nắng nở long lanh  
Chiếc lá vàng bay, mưa phai phái  
Gió thoảng hương thu thoảng qua màn

Rồi ngày Quân Lực đến mỗi năm  
Những chàng trai trẻ chốn xa xăm  
Bôn ba khắp nẻo đường đất nước  
Mừng đón anh về, hôn hoa đăng

Thành phố từng bừng, nhạc trống vang  
Lơ lửng Dù hoa gió mây ngàn  
Hoa Rừng, hoa Biển, hoa Đồng Nội  
Sắc áo màu cờ quyện giang san

Bến Hải, Cà Mau, Huế, Bình Long  
Anh trai hào kiệt giống Lạc Hồng  
Bụi chiến trường xa vương áo lính  
Cô bé năm xưa xao xuyến lòng

Từ dạo chúng mình quen biết nhau  
Anh chưa thệ ước dưới trăng sao  
Chẳng đón đưa em chiều tan học  
Chinh nhân ơi! Da ngựa, chiến hào

Làm sao em hờn trách được anh?  
Người đi làm rạng rỡ sử xanh  
Hiếm trở, giải đầu nơi chiến tuyến  
Chỉ mong đất nước sớm an lành

Ba mươi tháng Tư, giặc tràn vào!  
Đày anh rừng thẳm, biển, núi cao  
Bao năm vật vã trong tù ngục  
Thế xác héo mòn! Dạ chẳng nao

Cờ vàng trong nắng phấp phới bay  
Chiến sĩ tấm lòng khó chuyển lay  
Dù nay sức yếu, thân chùn gối  
Quyết tâm đào luyện những người trai

Bản Giốc, Hoàng Sa, đến Trường Sa  
Việt Cộng dâng hiến cho Trung Hoa  
Tội đồ thiên cổ! Ai bán nước?  
Xao xác hồn em! Mắt lệ nhòa

Năm Châu đoàn kết các thanh niên  
Trai Việt Nam ơi, khắp mọi miền  
Tị nạn Cộng thù, hay du học  
Cùng đưa đất nước khỏi xích xiềng

Hải ngoại mọi người xiết chặt tay  
Trẻ già chung sức dựng tương lai  
Cộng Sản tan tành trên cố quốc  
Hãy vững lòng tin, có một ngày

Đường phố hôm nay rộn nói cười  
Mừng Ngày Quân Lực, nắng hồng tươi  
Anh lính Cộng Hòa muôn năm đó  
Sống mãi trong tim của mọi người

## DU THỊ DIỂM BUỒN

California

## CƠN MƯA HẠ

Cơn mưa hạ đưa ta vào nỗi nhớ  
Ngàn yêu thương cháy rục cả con tim  
Lòng mênh mang tha thiết buổi chiều im  
Bao hình bóng yêu kiều nơi viễn xứ...

Hạt mưa nào quện chân người lãng tử  
Butchart Gardens(1) mộng thơ đầy quyến rũ  
Khăn quàng cổ tặng em, hương quá khứ  
Vườn cây xinh nghe tiếng má hồng phai...

Dàn hoa tươi đầy lối, vẻ trang đài  
Môi em thắm tô thêm bờ cung ái  
Tay đan tay như trao gởi nụ tình  
Gió biển nhẹ lâng lâng màu kỷ niệm...

Cơn giông tới bất ngờ, chân mây tím  
Đợt mưa chiều mở dấu lớp sơn môi  
Nét hoang vu hiu hắt đã lâu rồi  
Cành mai núi (2) ... nhớ em... mưa mùa hạ!

Sóng trong lòng bỗng mềm hơn lệ đá  
Em nhìn tôi âu yếm thoảng mùi hoa  
Hơi thở ấm... tình dâng lên ngậy ngất  
Uống môi em... nghe man mác niềm say...

VA, tháng 5, 06 (kỷ niệm đi tàu thăm đảo  
Victoria/Canada, tháng 5, 05).

## BÙI THANH TIÊN

(1) Vườn hoa đẹp nổi tiếng ở Victoria

(2) Sau Vườn Butchart có núi rừng,  
con suối cao nước đổ trắng xóa.

## ÉN HẠ

Tưởng em chỉ về báo tin xuân tới  
Bất ngờ vui thấy em giữa nắng hè  
Mở cửa sáng bừng một trời xanh hồi  
Đà Lạt của em! không, Đà Lạt của tôi!

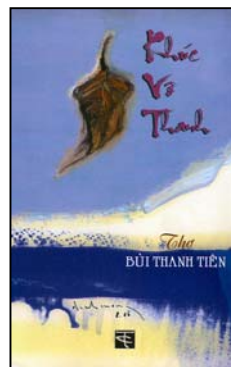
Thân chào em, én ngoan trời Đà Lạt  
Một sáng trưa em riu rít hỏi mừng  
Gặp lại em một niềm vui bất chợt  
Trời hạ cao và em lượn lầy lừng.

Tưởng em chỉ về báo tin xuân tới  
Bất ngờ reo gặp em đón nắng hè  
Em mừng tôi, người về thăm Đà Lạt?  
Đà Lạt của em! ừ, Đà Lạt của em!

## Ý ANH (Maryland)

**KHÚC VÔ THANH** của nhà thơ **Bùi**

**Thanh Tiên.** Gồm  
90 thơ tình thật lãng  
mạn và những bài  
thơ Phật đạo thật  
thấm thiết. Biên  
khảo gia Nguyễn  
Ngọc Bích giới thiệu.  
Bạt: Vương Thảo  
Hương. Bìa do Đinh  
Cường vẽ. Cơ Sở Cổ



Thơ xuất bản. Ấn phí: \$18 Mỹ kim.  
Liên lạc: Bùi Thanh Tiên: 3423  
Springlane Lane #202 - Falls Church, VA  
22041 - USA; Email: tienbui@yahoo.com.

## TỜ TÌNH VƯƠNG VẤN

Khi tình đã lìa xa  
Mệnh mang tràn bóng tối  
Nhạt nhòa dấu yêu xa  
Rồi sầu thương bối rối

Đường xưa dù quên lối  
Chốn cũ vẫn đợi chờ  
Tờ tình vương trăm mối  
Huyền mộng chót vu vơ

Lời xưa nương cánh gió  
Lang thang cuối chân trời  
Còn chập chờn dấu đó  
Để xót xa cuộc đời

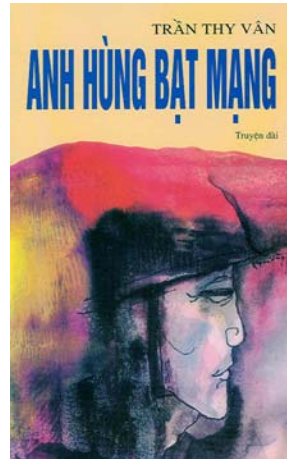
Tình hồ ta lỡ nhận  
mây lãng đãng về ngàn  
Để mộng ước phù vân  
Để đau đớn vô vàn.

## QUỲNH ANH

(Virginia)



## ANH HÙNG BẠT MẠNG,



truyện dài,  
tái bản lần  
thứ ba của  
nhà văn

**Trần  
Thy  
Vân.**

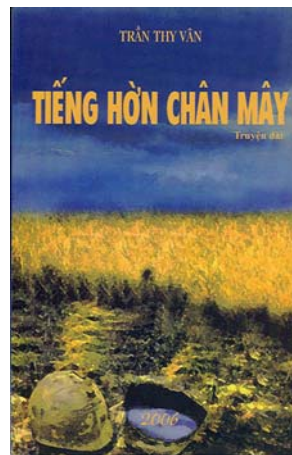
200 trang.  
\$12 Mỹ kim.

Liên lạc:  
Trần Thy  
Vân,

P.O. Box

2085, Westminster, CA 92684 – USA.

## TIẾNG HỒN CHÂN MÂY,



truyện dài,  
tái bản lần  
thứ nhất, của  
nhà văn

**Trần  
Thy  
Vân.**

236 trang.  
\$15 Mỹ kim.

Liên lạc:  
Trần Thy  
Vân,

P.O. Box

2085,  
Westminster, CA 92684 – USA.

# Xin Hãy Yêu Em

Nhạc: NGÔ HOÀNG GIA - Thơ: NGUYỄN PHÚ LONG

Xin hãy yêu em từ đáy lòng. Bề ngoài giả bộ cứ như không. Sĩ  
mê thời trước em thắm lộng. Ngày ấy đôi lần cũng nhớ mong. Xin  
hãy yêu em như bấy lâu. Như nắng mùa hè hộp hoa dâu. Tô  
bày khơi dậy không cần nữa. Hy vọng gì đâu sẽ tới đâu.  
Xin hãy yêu thắm lộng. Gấp đây nhấc nhấc để làm chi. Vào  
đôi hoa mộng nhiều vương vấn. Hai đóa bây giờ hai lối đi. Xin  
hãy yêu em thế đó rồi. Nắm B ở hữ khó nhau thôi. Cấm  
chưa tình nghĩa đừng phai nhạt. Cịn giữ cho đời đẹp mãi thôi.

# Áo bay, cho Gió theo cùng

Thơ : Nhược-Thu  
Nhạc : Nguyễn Tường-Vân

Alto

Áo bay cho gió theo  
3 cùng Lỡ căng dầy nhớ xin đừng trốn nhau Tóc  
7 em cột nhớ lên cao Thơ anh rón rén leo vào nhờ  
10 chung Mắt em mộng chứa ngàn trùng Thơ anh vào  
14 ngõ lạc không lối về Mọi em mong dò chiều  
18 hè Gió theo bên áo lòng se se lòng Đây là nụ

22  
 hờng gửi hờng lên mái nư hôn theo gió bẻnh bồng ngấn

25  
 nư Đêm nằm len len vào thơ rồi ôm nhớ nư

29  
 thầm mơ mái hờng Thơ anh chín nư hương

33  
 nờng, nư hôn em gọi gió lờng lờng say

36  
 Vội vàng anh tóm vào tay Nư hôn lọt

39  
 kê gió bay về đồng Khi

42  
 không áo dò theo chờng giầu trong vạt áo côi lòng người

45  
 đi Thơ buồn dò pháo vu - qui, Gió không

49  
 còn gió không còn áo lấy gì vờn chung



# Về làng cũ

1

Thơ: Hoàng Song Liêm  
Nhạc: Quỳdenver

A

Ôi, mùi hoa soan trên lối ngõ về làng, Chợt thức  
dây lòng tôi xao xuyên quá. Năm tháng cũ lang thang trên bờ cỏ. Con đê  
dài dòng sông biếc quanh co. Gót chân về môn vệt bước phiêu du.  
Tôi chắt chiu từng mảnh vỡ thiên đường. Thành chuỗi ngọc tươi hồn nhiên sắc  
biếc. Tiếng cu gáy vườn xưa ngày tiễn biệt. Bên ao đình còn đó gốc đa  
xưa. Cội soan già, hàng cau biếc non tơ. Ôi, quê  
hương gọi nhớ thuở nào xa. Hông tuổi đại nghe lời ru của mẹ.  
Bài ca dao, ơi bài ca dao thuộc làm lòng tím bé. Thương cái cò, thương cái

cò lặn lội mãi bờ ao. Thương cái cò, thương cái cò chim giấc ngủ tôi  
sâu. Lối chim sâu riu rít ngọn tre già. Đàn bướm  
lượn vòng quanh ngoài cửa lớp. Xanh trái sấu thủa đầu đời đi học. Trên môi  
còn vị chát chát chua chua. Con chuồn chuồn còn đậu đó ngủ ngơ.  
Con đường nghiêng gồ mống bước trâu về. Chùm khế ngọt, giậu mướp vàng xóm  
giếng. Ôi, nhớ quá tháng Ba hoa gạo đỏ. Một chân trời tím ngắt dưới chân  
đê. Ngang lưng trời lũ cò trắng bay qua...



Ảnh: ĐÀN CAO LÍNH

# CHIỀU MƯA BONG BÓNG

Thơ : Phan Khâm

Nhạc : Vĩnh Điện

Khoai thai (gợi nhớ kỷ niệm)

The musical score is written in treble clef with a 3/4 time signature. It consists of four staves of music. Each staff begins with a triplet of eighth notes. The lyrics are written below the notes, with some words appearing on multiple staves. The lyrics are: "Chiều mưa bong bóng, trước hiên nhà xưa, em nhờ mắc võng, mắc vào dây dưa. Chiều mưa bong bóng, trước hiên nhà xưa, em nhờ mắc võng, mắc vào dây mơ. Chiều mưa bong bóng, trước hiên nhà xưa, em nhờ mắc võng, mắc vào tương tư. Chiều mưa bong bóng, yêu thương giao".

## CHIỀU MƯA BONG BÓNG

Chiều mưa bong bóng  
Trước hiên nhà xưa  
Em nhờ mắc võng

Mắc vào dây dưa  
Chiều mưa bong bóng  
Trước hiên nhà xưa  
Em nhờ mắc võng  
Mắc vào dây mơ  
Chiều mưa bong bóng  
Trước hiên nhà xưa  
Em nhờ mắc võng

Mắc vào tương tư  
 Chiều mưa bong bóng  
 Giao mùa yêu thương  
 Chiều mưa bong bóng  
 Một trời tơ vương  
 Hàng cây ngôn ngữ  
 Thuốt tha tình tự  
 Bên bờ du dương  
 Chiều mưa bong bóng  
 Bong bóng trời cho  
 Chiều mưa bong bóng

Bong bóng vòng vo  
 Sông dài bể rộng  
 Sao đời quanh co  
 Ôm hoài âu lo  
 Đong đầy tâm thức  
 Trôi vào ký ức  
 Cánh bướm nhấp nhô

**PHAN KHÂM**  
 (Maryland)

mùa, chiều mưa bong bóng, tơ vương một trời. Hàng cây ngôn ngữ, thiết tha tình  
 tự, bên bờ du dương. Chiều mưa bong bóng, bong bóng trời cho, chiều mưa bong  
 bóng, bong bóng vòng vo, chiều mưa bong bóng, rơi xuống biển rộng, sao đời quanh  
 co. Chiều mưa bong bóng, đong đầy kỷ niệm,  
 chiều mưa bong bóng ôm hoài âu lo.

# PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

Giáo Sư Nhà Văn

## HÀ NGỌC BÍCH

đã qua đời ngày 01 tháng 06 năm 2008 và  
an táng ngày 04 cùng tháng tại Nghĩa Trang Bois Guillaume, Rouen,  
Seine-Maritime, Pháp Quốc.

Ông HÀ NGỌC BÍCH sinh ngày 10/08/1931 tại Tường-Lộc, Vĩnh Long, VIỆT NAM,  
vốn là giáo sư Vật Lý Đại Học Khoa Học Sài Gòn trước 1975.

**Toàn thể Cơ Sở Tam Cá Nguyệt San CỎ THƠM, Virginia, U.S.A.**

**\* Thành kính chia buồn cùng tang quyến:**

**Bà quả phụ HÀ NGỌC Joséphine Claire,  
Trưởng Nam HÀ NGỌC Harry cùng gia đình,  
Thứ Nữ HÀ ÁNH NGUYỆT cùng gia đình,**

**\* Cầu chúc hương hồn Người quá cố  
sớm về Cõi Vĩnh Hằng.**

Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Ngô Tăng Giao, Trần Bích San, Bình Huyền,  
Phạm Văn Tuấn, Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Phan Anh Dũng, Nguyễn Văn Bá,  
Hồ Trường An, Quỳnh Anh, Ý Anh, Trần Quốc Bảo, Việt Bằng, Hải Bằng H.D.B.,  
Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Thị Thanh Bình, Đinh Cường, Hoàng Dung, Vũ Thái Hoà,  
Vũ Hối, Vi Khuê, Nguyễn Lân, Nguyễn Phú Long, Vũ Nam, Cao My Nhân,  
Đặng Nguyên, Tiểu Thu, Hồng Thủy, Trương Anh Thụy, Lê Thương,  
Bùi Thanh Tiên, Thanh Trang, Hà Bình Trung, Tạ Quang Trung,  
Nguyễn Đăng Tuấn, Nguyễn Tường Vân, Kim Vũ, Văn T. Kiều Anh.

# LÊ THÁI TÔNG - NGUYỄN TRÃI - THỊ LỘ

## NGHI AN LỆ CHI VIÊN

### VĂN BẢ

Năm 1980, UNESCO làm lễ truy niệm 600 năm sinh nhật của Nguyễn Trãi một danh nhân Việt Nam. Học giả uyên thâm, yêu nước chân thành, tận tụy với quốc dân, ông lại là nhà mưu lược đại tài, nhà ngoại giao lỗi lạc, nhà văn ưu tú, tiên phong dùng chữ nôm để làm thơ. Ông được đứng chung với các vĩ nhân thế giới từng tranh đấu cho nền giông, hòa bình và nhân loại.

Bị tru di tam tộc oan ức vì âm mưu thâm độc của gian thần, ông được tẩy oan 22 năm sau, và hậu thế tôn thờ ông như một bậc công thần.

#### Thân thế và sự nghiệp Nguyễn Trãi.

Nguyễn Trãi (1380-1442) sinh năm 1380 ở Thăng Long tại nhà ông ngoại là quan tư đồ Trần Nguyên Đán.

Thân Sinh Nguyễn Trãi là Nguyễn Ứng Long, gốc làng Nhị Khê tỉnh Hà Đông, thời nhỏ sinh nổi tiếng văn hay chữ tốt, được quan tư đồ Trần Nguyên Đán mời dạy cho trưởng nữ Trần Thị Thái. Ứng Long dan díu với Thái, Thái có mang. Ứng Long sợ bỏ trốn. Trần Nguyên Đán gọi về tha tội và gả con cho. Sau Ứng Long đỗ Bảng Nhãn (1374) nhưng vì lỗi xưa thượng hoàng Trần Nghệ Tông không bổ quan, phải về Nhị Khê sống nghề dạy học.

Lên năm tuổi Nguyễn Trãi theo ông ngoại hưu trí về Côn Sơn, được ông chăm nom dạy dỗ. Năm năm sau ông ngoại qua đời Nguyễn Trãi về với cha tại làng Nhị Khê để tiếp tục kinh sử cùng ba em trai.

Lúc bấy giờ cơ nghiệp nhà Trần xiêu đổ. Năm 1400 Phụ Chính Lê Quý Ly truất phế vua Trần Thiếu Đế, mới ba tuổi, rồi tự xưng làm vua, niên hiệu là Hồ Quý Ly.

Khi nhà Hồ mở khoa thi Thái Học Sinh đầu tiên, Nguyễn Trãi vừa đúng hai mươi tuổi thi đỗ, được bổ chức chánh chương đài ngự sử. Năm 1402 Ứng Long đổi tên là Phi Khanh được nhà Hồ phong chức Hàn Lâm Học Sĩ.

Năm 1407 quân Minh mượn cớ phù Trần diệt Hồ, để xâm chiếm Việt Nam.

Hồ Quý Ly bị thua. Cuối tháng sáu năm 1407 giặc Minh bắt được cha con Hồ Quý Ly và một số quan tướng trong đó có Phi Khanh, cha Nguyễn Trãi giải về Kim Lăng.

Nguyễn Trãi theo cha đến biên giới Việt Hoa, rồi tuân lời cha trở về nước lo trả thù nhà rửa nhục nước.

Năm 1417 Lê Lợi khởi nghĩa, Nguyễn Trãi cùng em họ là Trần Nguyên Hãn vào Lam Sơn xin gia nhập đoàn giải phóng.

Trần Nguyên Hãn dâng kiếm báu của nội tổ Trần Quang Khải, Nguyễn Trãi dâng « Bình Ngô sách ». Chủ trương đánh vào lòng người. Lê Lợi khen hay, dùng Nguyễn Trãi làm Hàn Lâm thừa chỉ lo việc thảo văn thư, chiếu hịch, tham dự bộ tham mưu và dùng Trần Nguyên Hãn làm quan võ.

Năm 1428, kháng chiến toàn thắng Nguyễn Trãi được phong tước Quan Phục Hầu, Trần Nguyên Hãn được thăng tả tướng.

Nhưng rồi đến lúc chim đã hết thì cung nỏ bỏ đi, muôn thú không còn thì chó săn bị ăn thịt, giặc tan hết thì công thần cũng chết.

Trần Nguyên Hãn bị vua Lê Lợi ra lệnh tự tử, ông nhảy xuống sông mà thác. Nguyễn

Trãi bị giam một thời gian rồi được tha ra, về Côn Sơn ẩn dật.

Năm 1433, Lê Lợi mất, Lê Thái Tông lên nối ngôi lúc mới 11 tuổi. Nguyễn Trãi được gọi ra làm phụ chính, nhưng ít lâu nhận thấy nịnh thần gièm xiểm, triều đình rối loạn, ông trở về Côn Sơn.

Trong khi Nguyễn Trãi về Côn Sơn, Thị Lộ nàng hầu của Nguyễn Trãi, người rất am tường kinh sử, được phong « Lễ nghi Học sĩ », lưu lại tại kinh thành để dạy cung nữ và giảng sách cho vua, được vua ngày đêm kề cận tin dùng.

Năm 1442, vua Lê Thái Tông, vừa đúng 20 tuổi, đi duyệt binh ở Chí Linh, có Thị Lộ theo hầu. Lúc về nghỉ đêm ở trại vải gần Côn Sơn. Nửa đêm, nhà vua băng hà một cách đột ngột. Thị Lộ bị cáo là đã giết vua, bị án tử hình Nguyễn Trãi bị tru di tam tộc.

Từ xưa các nhà sử học đều cho là vua Lê Thái Tông vì quá ái ân với Thị Lộ tại Lệ Chi Viên từ trần vì «Thượng mã phong». Lúc bấy giờ nhà vua mới đúng hai mươi tuổi, Thị Lộ ba mươi.

Chứng « thượng mã phong » chết trên bụng người phụ nữ trong lúc làm tình, do nhiều cảm xúc gây ra bởi người phụ nữ quá đẹp, quá trẻ, mới lạ. Giây thần kinh giao cảm của người đàn ông xúc động quá sức, tim đập quá mạnh quá nhanh, rồi bị liệt ngừng đập.

Thị Lộ theo hầu vua Lê Thái Tông từ lúc vua mới mười một tuổi, giảng sách cho vua, và có lẽ là người đầu tiên chỉ dẫn nhà vua làm tình.

Tại Lệ Chi Viên lúc bấy giờ Thị Lộ chẳng còn mới lạ gì đối với vua Lê Thái Tông. Bà đã quá thì, không còn cái đẹp mơn mớn đào tơ của thiếu nữ đôi tám xuân xanh. Nhà vua đầu ái ân suốt đêm với Thị Lộ, chứng « thượng mã phong » không thể xảy ra được.

Chúng ta hãy xem lại việc này từ đầu.

Vua Lê Thái Tông có người vợ đầu tiên là Dương Thị Bi, được phong Hoàng Hậu, sanh ra hoàng tử Nghi Dân được giữ ngôi Đông Cung

thái tử. Ít lâu sau Dương Thị Bi và Nghi Dân bị truất phế.

Người vợ thứ nhì của Lê Thái Tông là Nguyễn Thị Anh, được phong Hoàng Hậu và đưa con bà, Hoàng tử Bang Cơ được lập Đông Cung thái tử. Cùng lúc ấy thứ phi Ngô Thị Ngọc Dao con thái úy Ngô Tử có thai. Điều sai lầm lớn của bà là khoe khắp nơi chiêm bao thấy Ngọc Hoàng sai một vị tiên xuống đầu thai vào bụng mình.

Lẽ dĩ nhiên Thị Anh sợ rằng một khi bà Ngọc Dao sanh quý tử sẽ chiếm ngôi thái tử của Bang Cơ, nên vu Ngọc Dao ngoại tình và dùng bùa ngải mê hoặc vua. Nguyễn Trãi, Thị Lộ đem Ngọc Dao giấu ở chùa Huy Vân. Vài tháng sau Ngọc Dao sanh ra một trai đặt tên là Tư Thành (vua Lê Thánh Tông sau này).

Để tránh khỏi Thị Anh mưu hại, Nguyễn Trãi, Thị Lộ đưa hai mẹ con bà Ngọc Dao ra An Bang (Quảng Ninh). Từ đấy Thị Anh thâm thù Nguyễn Trãi, Thị Lộ.

Thị Anh là người nhiều tham vọng, muốn đặt con mình là thái tử Bang Cơ lên ngôi Hoàng Thượng, sớm chường nào hay chường ấy, và bà sẽ nắm quyền nhiếp chính. Ngôi Hoàng Hậu và thái tử rất mong manh. Nếu nhà vua gặp người thứ phi nào đẹp và khôn khéo hơn bà, thì bà sẽ bị truất phế như Dương Thị Bi, và luôn cả thái tử Bang Cơ.

Tham vọng và hiểm sâu như Thị Anh thì không hành động sát nơn nào mà bà từ thoái. Muốn đạt mục đích thì vua Lê Thái Tông phải bị hy sinh. Bà mượn tay hai thái giám hầu cận ám sát vua và sau đó bà cho thủ tiêu hai thái giám. Thế là ổn.

Về truyền thuyết rắn báo oán bà Thị Anh đã tìm ra được mưu thâm quỷ quyết. Bắt Thị Lộ đóng cũi giải về kinh. Về đến nơi mở cũi ra chỉ thấy con rắn mãng xà. Vậy thì tiền thân Thị Lộ là mãng xà tinh. Thế là đủ bằng chứng rồi.

Giả thuyết này chúng tôi được đọc trong bài báo của bác sĩ Dương Tấn Tươi đăng trong

tuần báo « Mới », xuất bản tại Saigon khoảng năm 1952.

Từ trước đến giờ các văn gia khi viết về Nguyễn Trãi, Thị Lộ, đều cho rằng Thị Lộ bị tra tấn cực kỳ dã man đã thú nhận hết tội lỗi. Với mưu mô thâm độc của Thị Anh, thì chứng cứ đã rõ ràng, cần chi phải tra tấn.

Thảm kịch Nguyễn Trãi-Thị Lộ chúng tôi đã viết lại trong vở kịch chi viên nghi án.

## LỆ CHI VIÊN NGHI ÁN

### Thảm Kịch 9 hồi

**Nhân vật:** Nguyễn Phi Khanh

Nguyễn Trãi

Trần Nguyên Hãn

Thị Lộ

Lê Lợi

Lê Lai

Phạm Văn Xảo

Lê Thái Tông

Tạ Thanh

Lương Dật

Đình Liệt

Trịnh Khả

Quân nhân Tàu

### HỒI I

#### Tại Ải Nam Quan

Nguyễn Phi Khanh

Nguyễn Trãi

Quân nhân Tàu

*Nguyễn Phi Khanh:* Trãi con ơi, nước Việt Nam ta ngày nay có sự biến loạn như vậy, nỗi quốc gia nghĩ càng đau dạ, cảnh gia đình tan tác phân ly. Con đã đưa cha đến đây là vì phụ tử tình thâm, cha rất cảm động.

Nhưng cha đã già rồi, con cứ coi cha như đã chết ở quê người. Con trở về lo cho vận nước, đánh đuổi quân tham tàn, dành độc lập tự do cho nước nhà, cứu sanh linh ra khỏi cái ách đô hộ bạo ngược của quân Minh, thì dầu cha ở dưới tuổi vàng cũng mãn nguyện.

*Quân nhân Tàu:* Mau mau, đi lên mau.

*Nguyễn Trãi:* Con không đành để cha đi một mình sang đất khách, lúc đau ốm lấy ai săn sóc. Xin cha cho con theo hầu cha, phụng dưỡng cha để đền đáp ơn sinh thành dưỡng dục.

*Nguyễn Phi Khanh:* Con ơi ! Nợ nước nặng hơn tình nhà. Quân Minh đang giầy đạp giang sơn. Bốn phương khói lửa từng bừng. Biết bao thảm họa xương rừng máu sông. Mỗi ngày qua là thêm tang tóc cho dân Việt, không thể trì hoãn được.

Chim khôn tìm cây lành mà đậu, người khôn tìm chân chúa mà thờ. Con là người thông minh, học rộng, nên tìm chân chúa để rửa nhục cho quốc thể và trả thù cha. Đó là chứng minh lòng hiếu thảo của con.

*Quân nhân Tàu:* Mau, mau, đi lên mau.

*Nguyễn Trãi:* Xin trời phật che chở cha nơi đất khách.

*Quân nhân Tàu:* Đi mau lên, đi mau lên.

*Nguyễn Phi Khanh:* Con đừng bịn rịn làm chi. Hãy về lo cho vận nước. Cha đi đây.

*Nguyễn Trãi:* Quân độc ác, tham tàn, đem cha đi đất khách quê người. Ta nguyện không đội trời chung với chúng bây.

*Nhìn cha lần bước dặm khơi*

*Lệ con tâm tã tuôn rơi không ngừng*

### HỒI II

#### Tại Trại Lam Sơn

Bình định Vương Lê Lợi

Tướng Lê Lai

Tướng Phạm Văn Xảo



Nguyễn Trãi và Trần Nguyên Hãn.

### Cảnh Một

**Phạm Văn Xảo** (đi vào thừa) : Bẩm chúa công, có hai tráng sĩ, tôn thất nhà Trần, xin vào yết kiến.

**Lê Lợi** : Được, cho hai tráng sĩ vào.

### Cảnh Hai

**Trần Nguyên Hãn, Nguyễn Trãi** (đi vô).

**Trần Nguyên Hãn** : Trần Nguyên Hãn, cháu nội quan tư đồ Trần Nguyên Đán, đến xin dâng gươm báu họ Trần, lưu truyền từ cố tổ Trần Quang Khải cho chúa công và xin được gia nhập đoàn giải phóng Lam Sơn.

**Nguyễn Trãi**: Nguyễn Trãi, chánh chương đài ngự sử, con quan Hàn Lâm học sĩ Nguyễn Phi Khanh, cháu ngoại quan tư đồ Trần Nguyên Đán, đến xin dâng chúa công « Bình Ngô sách » và xin được gia nhập đoàn giải phóng Lam Sơn.

**Lê Lợi** : Từ ngày dựng cờ khởi nghĩa, thế giặc rất hăng, mà nhân tài rất hiếm, lác đác như lá mùa thu ; tuấn kiệt như sao buổi sáng. Bôn tẩu thiếu kẻ đỡ đần, tính mưu dưới tướng hiếm người bàn bạc. Trông người tài, người càng vắng ngắt, vẫn mịt mờ như trông ra biển.

Dẫu rằng ta có hai tướng tài : Phạm Văn Xảo và Lê Lai trợ giúp, nhưng khôi phục cơ đồ nước Việt là một công trình lớn lao, vài con én không làm nên mùa xuân. Được hai tráng sĩ đến giúp, thật là lòng trời còn tựa nước Việt Nam. Ta nghe tiếng hai tráng sĩ từ lâu, hôm nay được gặp mặt thật rất hân hoan. Ta được hai tráng sĩ giúp cho, thì chẳng khác nào Lưu Bị được gặp Phục Long « Khổng Minh » và Phụng sô « Bàn Thống » (1)

Tráng sĩ Trần Nguyên Hãn sẽ cúng hai tướng Lê Lai và Phạm Văn Xảo coi về võ bị. Tráng sĩ Nguyễn Trãi sẽ giúp ta ở tham mưu.

Chúng ta rút gươm ra cùng thề với trời đất.

(1) **Phục Long, Phụng Sô, được một trong hai người ấy, thì lo gì chẳng yên thiên hạ.**

(*Tam Quốc chí*).

**Lê Lợi, Lê Lai, Phạm Văn Xảo, Trần Nguyên Hãn, Nguyễn Trãi** (đồng ca) :

*Ta tráng sĩ hề gặp thời loạn lạc  
Múa kiếm vung gươm hề ta vẫy vùng,  
Ngang dọc non sông, mặc tình thao túng,  
Lũ giặc kia, thề chẳng đội trời chung.  
Lao khổ gian nam, thề không nao núng  
Dân Việt từ xưa, nòi giống anh hùng.  
Diệt lũ hung đồ đuổi quân cường bạo,  
Quyết tâm phục quốc chẳng nề gian truân.  
Trời đã trao ta thì hành nhiệm vụ,  
Ném mật nằm gai phải vượt đến cùng,  
Một lòng chung sức giải thoát non sông.*

### **Ban Hợp ca hòa tấu bản.**

«Bóng người núi Lam»

và tiếp theo hùng ca bản hành khúc:

« Một ra đi là không trở về »

### **Sử chép :**

Sau 10 năm kháng chiến, vào sanh ra tử, Lê Lợi đã đuổi được quân Minh, khôi phục đất nước, lên ngôi tức vua Lê Thái Tổ.

Nguyễn Trãi thảo bài «Bình Ngô đại cáo» để bá cáo cho nhân dân biết.

Lê Thái Tổ phong thưởng các tướng sĩ.

### **Hồi III**

(Đoạn này viết theo «Bình Ngô đại cáo»)

*Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Phạm Văn Xảo, Trần Nguyên Hãn.*

**Lê Lợi:**

Lam Sơn dấy nghĩa

Chốn hoang dã tương minh

Ngắm non sông căm nổi thế thù,

Thế sống chết cùng quân nghịch tặc.

Đau lòng nhức óc, chốc là mười mấy nắng mưa,

Ném mật nằm gai, há phải một hai sớm tối.

Nghiền ngẫm những pho thao lược đến cả  
quên ăn

Suy tính mưu toan ngày đêm không nghỉ.

Dựng cờ kháng địch, tụ tập bốn phương,

Mở tiệc quân, chén rượu ngọt ngào,

Khắp tướng sĩ một lòng phụ tử.

Thế giặc mạnh, ta yếu, mà ta địch nổi, vì  
ta đánh bất ngờ.

Quân địch nhiều, ta ít mà ta thắng luôn, vì  
ta dùng mai phục.

Đem đại nghĩa để thắng hung tàn,

Lấy chí nhân mà thay cường bạo.

**Phạm Văn Xảo:**

Trận Bồ Đằng, sấm vang sét dậy

Miền Trà Lân trúc chẻ tro bay.

Sĩ khí đã hăng, quân thanh càng mạnh,

Trần Trí, Sơn Thọ, mất vía chạy tan,

Phương Chính, Lý An, tìm đường chạy trốn.

Đánh Tây Kinh phá tan thế giặc,

Lấy Đông Đô thu lại cõi xưa,

Trận Ninh Kiều máu chảy thành sông,

Trận Tốt Động thầy phơi thầy nội.

Trần Hiệp đã thiệt ượng, Lý Lượng lại  
phơi thầy

Vương Thông hết cấp lo lường, Mã Anh  
khôn đường cứu đỡ.

Vua Tuyên Đức nhà Minh hiếu chiến sai  
Liễu Thăng, Mộc Thạnh đem dẫu chữa cháy.

Năm Đinh Mùi tháng chín, Liễu Thăng từ  
Khâu Ôn tiến sang,

Tháng mười Mộc Thạnh tự Vân Nam kéo đến.

Ta phục binh giữ hiểm, đập gãy tiền phong,

Lại sai tướng sĩ chẹn ngang cắt ngăn  
lương đạo.

Ngày mười tám Liễu Thăng thua ở Chí Lăng

Ngày hai mươi Liễu Thăng bỏ thầy ở Mã Yên,

Ngày hăm lăm Lương Minh trận vong,

Ngày hai mươi tám Lý Khánh kế cùng  
đàn thất cố.

**Trần Nguyên Hãn:**

Lưỡi dao ta đang sắc, ngọn giáo giặc phải lùi.

Đánh trận đầu kinh sáu nát thầy

Đánh trận nữa chim muông tan tác.

Thôi Tụ phải quì phục tội.

Hoàng Phúc tự trối để ra hàng.

Lạng Giang, Lạng Sơn thầy chết đầy đường.

Xương Giang, Bình Than máu trôi đỏ nước.

Binh Vân Nam nghẽn ở Lê Hoa, sợ mà vỡ mật,

Quân Mộc Thạnh, tan nơi Cầu Trạm chạy  
để thoát thân.

Lãnh Câu máu đỏ hòa giòng, nước sông  
rền rĩ.

Đan xá thầy chồng chất núi, cỏ nội nhuộm hồng,

Cứu binh hai lộ kéo sang, vừa đến nơi đã  
cắm dẫu chạy trốn.

Cường khẩu các thành khiếp hãi, mau cởi  
giáp ra hàng.

Tướng giặc bắt về, chúng xin thương hại  
vẫy đuôi cầu sống.

**Nguyễn Trãi:**

Thế lòng trời bất sát, ta cũng mở đường  
hiếu sinh.

Bọn Mã Kỳ, Phương Chính được cấp cho  
năm trăm chiếc thuyền, ra đến bể chưa thôi  
trống ngực.

Lữ Vương Thông, Mã Anh thì cho mấy  
ngàn ngựa, về đến Tàu còn đổ mồ hôi.

Chúng sợ chết xin hàng, ngỏ lòng thú phục.

Ta muốn toàn quân là cốt, cả nước nghỉ ngơi.

Giang sơn từ đây mở mặt, xã tắc từ đây  
vững bền.

Nền vạn thế xây nên chẵn chẵn,  
Thẹn nghìn thu rửa sạch lâu lâu.  
Thế là nhờ trời đất tổ tông khôn thiêng  
che chở, giúp đỡ cho nước ta vậy.

**Lê Lợi :**

Đây là lúc phong thưởng cho các công thần.  
Tham mưu Nguyễn Trãi từ nay là Quan  
Phục Hầu.

Tướng Trần Nguyên Hãn lên tá tướng quân,  
Tướng Phạm Văn Xảo, vinh thăng Thái úy.  
Nhưng than ôi ! Rất nhiều chiến sĩ bị hy  
sinh, đau đớn nhất là tướng Lê Lai liêu minh  
cứu cả chúng ta. Truyền cấp cho con cháu Lê  
Lai 100 mẫu ruộng để phụng thờ tổ tiên.

**Dã sử khẩu truyền:**

Nguyễn Trãi trong lúc nhàn rỗi về Côn  
Sơn tu bổ cơ nghiệp của ngoại tổ, truyền cho  
gia nhân dọn các lùm cây trong vườn để lập  
vườn hoa và ao sen. Công việc bắt đầu ngày  
hôm sau lúc 5 giờ sáng (giờ Hợi).

## HỒI IV

### Cảnh 1

#### Trại Côn Sơn

Nguyễn Trãi đang đọc sách, mệt thiu thiu ngủ,  
bỗng thấy một người đàn bà bước vô phòng.

**Người thiếu phụ :** Đội ơn tướng công, mẹ  
con thiếp lâu nay nương nấu trên đất của  
tướng công. Ngày mai tướng công ra lệnh cho  
gia nhân phá các lùm cây, đó là quyền của  
tướng công, mẹ con thiếp sẽ tìm nơi khác  
nương nấu, nhưng xin tướng công hoãn lại một  
ngày cho mẹ con thiếp đủ thì giờ dọn đi ...

Nguyễn Trãi bưng mắt dậy, người thiếu  
phụ biến mất.

### Cảnh 2

Sáng hôm sau Nguyễn Trãi thức giấc  
vừa đúng ngọ.

**Người quản gia** (bước vô thưa) : Bẩm  
tướng công, gia nhân đã dọn sạch các lùm cây  
trong vườn.

**Nguyễn Trãi :** Có chi trở ngại không ?

**Người quản gia :** Bẩm tướng công, có một  
bầy rắn làm ổ trong lùm cây phía Bắc. Gia  
nhân đã giết hết năm con, còn rắn mẹ chạy  
thoát nhưng bị chặt đứt đuôi.

**Nguyễn Trãi :** A !

(rồi dăm chiêu, không nói chi hết).

### Cảnh 3

Tối hôm sau Nguyễn Trãi đang ngồi đọc  
sách bỗng giật mình, một giọt máu từ trên mái  
nhà rơi xuống trang sách ngay chữ « tộc » và  
thấm qua ba trang sách.

Nhìn lên trần con rắn cụt đuôi đang bò  
trên kèo nhà.

Nguyễn Trãi không phải là người tin dị  
đoan, nhưng ông cũng ái ngại.

**Nguyễn Trãi :** Ba trang sách là *tam* đúng  
vào chữ *tộc* là *tam tộc*. Ba thế hệ dẫm máu.  
Tại sao lại ba thế hệ ? Dầu ta có làm tội chi,  
thì tại sao con cháu phải chịu mang hậu quả ?

### Cảnh 4

**Người quản gia** (bước vô thưa) : Trình  
tướng công, có nhà sư Vô Kỵ đến thăm.

**Nguyễn Trãi :** Mời Đại Đức vào.

Nhà sư Vô Kỵ bước vô.

**Nguyễn Trãi :** Đại Đức đến vừa đúng lúc  
lắm. Tôi đang thắc mắc về một điềm quái gở.  
Hôm qua gia nhân dọn vườn đốn cây, có giết  
một bầy rắn. Rắn mẹ bị đứt đuôi chạy thoát.

Vừa rồi tôi đang ngồi đọc sách thì một giọt  
máu trên trần nhà rơi xuống trúng vào chữ «tộc»

và thắm qua ba trang sách. Nhìn lên kèo nhà, tôi thấy con rắn cụt đuôi đang thoát ra ngoài.

**Nhà sư Vô Kỵ** : Điều này thì cũng đáng cho ta suy nghĩ. Nhưng nếu ta đừng phạm ngũ giới của nhà Phật, thì có lẽ tránh được mọi gian khổ, tai nạn : sát, đạo, dâm, vọng, tửu, năm điều nhà Phật cấm, thì ta nên kiên. Như là đừng đam mê tửu, sắc thì tránh được mọi phiền hà.

**Nguyễn Trãi** : Đạo Nho cũng có tứ đồ tương để răn người, tương tự như thế :

*Từu, sắc, tài, khí, tứ đồ tương*

*Đa thiếu hiền ngu tại nội tương*

*Nhược hữu thế nhân khiêu đắc xuất*

*Tiện thị thần tiên nhất hữu phương.*

**Nhà sư Vô Kỵ** : Thánh nhân cũng dạy như lời Phật. Tránh từu sắc, thì tránh mọi phiền não. Lo chi những điều quái gỡ ấy.

**Nguyễn Trãi** : Cám ơn Đại Đức.

**Nhà sư Vô Kỵ** : Ngày mai tôi lại lên đường, đi tá bà thế giới. Xin từ biệt ngài.

**Nguyễn Trãi** : Chúc Đại Đức lên đường được bình an vô sự.

## HỒI V

Trần Nguyên Hãn

Nguyễn Trãi

Thị Lộ (cô bán chiếu)

Nguyễn Trãi cùng Trần Nguyên Hãn đi dạo Hồ Tây.

**Trần Nguyên Hãn** : Chẳng mấy khi được nhàn rồi, đi dạo Hồ Tây như thế này ! Gió mát, trăng thanh, phong cảnh hữu tình.

**Cô bán chiếu** : Hồ ơ, chiếu Hồ Tây đã đầy lại ấm, nhuộm màu tươi thắm, công tôi cực lắm, mưa nắng dãi dầu.

Chiếu này chẳng dễ kiếm đâu, mua để gói đầu những lúc canh khuya. Chiếu này tự tay tôi

dệt lấy, tôi đã chọn từng cọng lác sợi gai, biết bán cho ai, ai người xứng đáng ?

Bọn phàm phu tục tử, mua tôi không bán, thà tôi để tặng không cho bậc tài tử danh nhân, những người văn vật, những trang anh hùng.

**Trần Nguyên Hãn** : Cô bán chiếu này coi bộ danh giá dữ a !

**Nguyễn Trãi** :

*Ở ở đâu đi bán chiếu gon*

*Hỏi thăm chiếu ấy hết hay còn ?*

*Xuân xanh nay được bao nhiêu tuổi*

*Đã có chồng chưa được mấy con ?*

**Trần Nguyên Hãn** : Đại huynh khổ bấy dè ra đó hả ?

**Cô bán chiếu** :

*Tôi ở Tây Hồ bán chiếu gon*

*Việc chi ông hỏi hết hay còn ?*

*Xuân xanh nay được trăng tròn lẽ*

*Chồng còn chưa có, có chi con.*

*Hoa còn phong kín nhị đào*

*Đợi người quân tử anh hào sẽ hay.*

**Nguyễn Trãi** :

*Trẻ trung đẹp đẽ như ai*

*Sao không tìm chốn khuê đài gởi thân ?*

**Cô bán chiếu** :

*Trông ông là bậc văn nhân*

*Liều thơ xin gởi tấm thân cát đẳng.*

**Nguyễn Trãi** :

*Lại đây xem lại cho gần*

*Phỏng còn tin được mười phần cho chăng?*

**Trần Nguyên Hãn** : Xin can đại huynh ! Bà cả ở nhà mà hay được thì chết cả đám đó, đại huynh ơi !

Cô bán chiếu đến gần Nguyễn Trãi cuối đầu thưa :

*Nghìn trùng mong bóng tùng quân*

*Tuyết sương che chở cho thân cát đẳng.*

**Nguyễn Trãi** :

*Đào non mơn mớn trên cành*

Mày ngài mất phượng tánh danh là gì?  
Đã thông chữ nghĩa thế kia  
Sao chi cực nhọc với nghề bán rong?

**Cô bán chiếu :**

Đội ơn chàng có thật lòng  
Thiếp tên Thị Lộ vốn dòng nho gia  
Thông huyền cưỡi hạc đã xa  
Bán buôn độ nhứt cho qua tháng ngày.  
Ngẫm duyên kỳ ngộ mà may,  
Ông tơ Bà Nguyệt xe giầy xích thăng.

**Nguyễn Trãi :**

Rồi ta sẽ tiến cử nàng  
Vào trong nội điện dạy đàn cung phi.

**Thị Lộ :**

Theo chàng em sẽ cùng đi  
Chân trời gốc bể mấy khi ngại ngùng.

**Nguyễn Trãi :**

Cùng nhau ta bước thong dong  
Hai lòng như một.

**Thị Lộ :**

Một lòng như hai.  
(Nguyễn Trãi cầm tay Thị Lộ).

**Trần Nguyên Hãn :** Đại huynh già mà còn  
chơi trống bỏi, thì có ngày thiệt thân đó, đại  
huynh ơi !

## HỒI VI Cảnh 1

Tại phòng khách, Nguyễn Trãi, Thị Lộ  
đang đọc sách, thì Trần Nguyên Hãn bước vô.

**Trần Nguyên Hãn :** Hiền huynh đã biết  
tin chưa ?

**Nguyễn Trãi :** Tin chi ?

**Trần Nguyên Hãn :** Phạm Văn Xảo vừa  
bị khai trừ.

**Nguyễn Trãi :** Vì lý do gì ?

**Trần Nguyên Hãn :** Dững lược át cả chủ thì  
khốn thân, công lớn trùm cả đời là mất thưởng.

**Thị Lộ :** Còn nhiều lý do khác. Vua Lê là  
người cổ cao mũi nhọn, tướng giống Việt  
Vương Câu tiễn, hoạn nạn thì cùng chung lo,  
mà giàu sang thì không cùng hưởng.

**Nguyễn Trãi :** Chim đã hết, thì cung nỏ  
bỏ đi, giảo thủ chẳng còn thì chó săn sẽ bị ăn  
thịt, giặc tan hết thì công thần cũng chết.

**Trần Nguyên Hãn :** Đệ xin từ quan, cáo  
lão qui điền về Sơn Tây quê nhà, để ẩn dật,  
kéo sau này không còn lối thoát.

**Nguyễn Trãi :** Có lẽ ta cũng noi gương  
hiền đệ.

**Trần Nguyên Hãn :** Xin từ giã đại huynh,  
hiền tỷ. Tiểu đệ phải gấp rút lo thoát thân.  
(Trần Nguyên Hãn đi ra).

## Cảnh 2

**Thị Lộ :** Chú Hãn không thoát được đâu !  
Y như lời chú nói vừa rồi : Dững lược át cả chủ  
thì khốn thân, công lớn trùm cả đời là mất  
thưởng. Ngoài ra còn lý do chánh là chú ấy họ  
Trần. Vua quan nhà Minh chưa chịu sắc phong  
cho vua Lê, họ đang tìm một tôn thất nhà Trần,  
được dân chúng yêu chuộng đặt lên ngôi. Vua  
Lê thà thủ tiêu chú Hãn trước, chớ không để  
cho chú Hãn bị vua quan nhà Minh lợi dụng.

**Nguyễn Trãi :** Phần ta chưa quyết định ra sao.

**Thị Lộ :** Tướng công thì không việc gì.  
Tướng công là quan văn trời gà không chặt, thì  
ai sợ tướng công. Vả lại tướng công họ  
Nguyễn, thì vua quan nhà Minh không đến tìm  
tướng công để đặt lên ngai vàng.

**Nguyễn Trãi :** Nhưng giữa triều đình hỗn  
loạn như thế này, gian thần gièm pha, thiệt giả  
khó phân, đục trong ai biết. Ta dù có lưu lại  
tại triều đình, thì cũng chẳng ích gì cho tổ  
quốc, chi bằng ta rút lui chờ một ngày mai tươi

sáng. Ta về Côn Sơn ẩn dật, làm thi phú, còn có ích cho hậu thế hơn là lưu lại đây.

**Thị Lộ** : Nhưng thiếp chưa từng sống ở đồng quê. Thiếp ngại rằng không chịu nổi cuộc đời dân dã ở Côn Sơn.

**Nguyễn Trãi** : Nàng cứ ở lại đây, làm Lễ Nghi học sĩ dạy các cung nữ, cùng giảng sách cho thái tử.

**Thị Lộ**: Thiếp không nỡ rời Tướng công. Tướng công là ân nhân của thiếp. Nhờ Tướng công thiếp mới được bổ chức «Lễ Nghi học sĩ».

Tướng công về Côn Sơn thì ai hầu hạ săn sóc Tướng công ?

Nguyễn Trãi : Nàng đừng lo việc ấy. Ta có nhiều người thân tín ở Côn Sơn. Ngáy mai ta sẽ xin Hoàng Thượng đặc ân cho ta về quê dưỡng lão.

Sử chép :

Trần Nguyên Hãn trên đường về Sơn Tây được lệnh nhà vua bắt tự sát. Uất ức ông nhảy xuống sông tự tử.

Nguyễn Trãi bị giam một thời gian rồi được tha, về Côn Sơn ẩn dật.

Lê Thái Tổ (Lê Lợi) làm vua được sáu năm thì mất. Ấy là năm Quý Sửu 1433. Ngài thọ 49 tuổi.

Vua Lê Thái Tông lên ngôi lúc 11 tuổi. Thị Lộ bấy giờ là Lễ Nghi học sĩ dạy cung nữ và giảng sách cho vua, được vua ngày đêm kề cận tin dùng.

Nhờ có sự hướng dẫn của Thị Lộ mà vua Thái Tông đã trị vì một cách khoan từ sáng suốt. Sử thần Vũ Quỳnh khen : Thị Lộ đã cảm hóa được Lê Thái Tông, thuyết phục vua chăm chỉ đèn sách, lại giúp vua nhiều ý kiến để sửa trị nước, trở thành một minh quân.

Tháng bảy năm Nhâm Tuất 1442, vua Lê Thái Tông đúng 20 tuổi đi duyệt võ ở Chí

Linh. Trong lúc ấy Thị Lộ được về Côn Sơn thăm Nguyễn Trãi.

Lúc vua Lê Thái Tông về ngang Côn Sơn Thị Lộ được lệnh theo nhà vua về triều.

Ngày 9/7 xe giá Thái Tông đến Lệ Chi Viên, tục gọi là trại vải, ở làng Đại Lai huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, xe giá dừng lại đấy một đêm.

## HỒI VII

Cảnh một:

Tại Lệ Chi viên

Vua Lê Thái Tông

Thị Lộ

Hai viên thái giám.

**Thái Tông**: Ta dừng lại đây nghỉ một đêm, thật là tuyệt diệu. Trăm chưa thấy nơi nào phong cảnh hữu tình như đây.

Dọn tiệc rượu trong vườn để ta cùng Lễ Nghi học sĩ thưởng gió mát trăng thanh.

**Thái giám**: Xin tuân lệnh bệ hạ. Lúc này cuối mùa vải, nhưng tại Lệ Chi viên vẫn còn một ít. Hạ thần sẽ chọn những chùm vải ngon dâng cho Hoàng Thượng thưởng thức.

**Thái Tông** quay sang Thị Lộ hỏi: Quan phụ chính Gián nghị đại phụ vẫn khỏe mạnh đấy chứ?

**Thị Lộ**: Tâu bệ hạ, quan Gián nghị đại phụ vẫn khỏe mạnh, nhưng ngài không thiết đến việc triều chính nữa, chỉ khuây khoả trong thơ rượu.

**Thái Tông** : Lễ Nghi học sĩ, khanh hãy đọc cho ta nghe một vài bài thơ của quan phụ chính Gián nghị đại phu.

Thị Lộ : Xin tuân lệnh bệ hạ:

Am trúc hiên mai ngày tháng qua

Thị phi nào đến cõi yên hà ?

Bữa ăn dù chỉ có dưa muối

Aó mặc nài chi lộ gấm là  
Nước dưỡng cho thanh trì thưởng nguyệt  
Đất cày ngô ải luống hương hoa  
Trong khi hứng động bề đêm tuyết  
Ngâm được câu thần đứng đứng ca.

**Thái Tông** : Đúng là tâm sự của nhà ẩn sĩ xuất thế.

**Thị Lộ** : Gián nghị đại phu còn nhiều thơ luân lý đạo đức, như bài « kiên giận ».

Giận làm chi cho tổn khí hoà  
Nào từng có ích, nhọc mình ta  
Nẻo đưa khí huyết quên nhân nghĩa  
Hoà mất nhân tâm, nát cửa nhà.  
Mấy phút âm thầm dưỡng tích lịch  
Một cơn lừng lẫy tựa phong ba  
Đến khi tỉnh mới ăn năn lại  
Nhấn cả xong, thì vụn sự qua.

**Thái Tông** : Hay Đấy! No mất ngon, giận mất khôn.

**Thị Lộ** rót rượu mời Thái Tông :

Mời bệ hạ nhấp chén Quỳnh Tương.

**Thái Tông** : Thơ hay thì phải thưởng thức với rượu nồng. (Bưng chén rượu lên uống cạn)

**Thị Lộ** : Thiếp xin đọc bệ hạ nghe bài Giới Sắc:

Sắc là giặc đam làm chi  
Thừa trọng còn phòng có thừa suy  
Trụ mất quốc gia vì Đất Kỉ  
Ngô lià thiên hạ bởi Tây Thi  
Bại tan gia thất đời thường thấy  
Tổn hại tinh thần sự ích chi?  
Phụ phụ đạo thường chẳng được chớ  
Nói tông hòa phải một hai khi.

**Thái Tông** : Rót cho trẩm một chén rượu nữa. Hay lắm! Hay lắm ! Nhưng Gián nghị đại phu làm bài giới sắc để răn mình hay răn người? Nếu để răn mình thì có lẽ cũng hơi muộn.

**Thị Lộ** : Bệ hạ khe khát quá với Gián nghị đại phu. Tâu bệ hạ bài hoa nhài của Gián nghị đại phu, làm thiếp lo ngại cho tương lai của thiếp.

**Thái Tông** : Bài thơ như thế nào ?

**Thị Lộ** :

Hồng nhan như những cánh hoa nhài  
Một phen mưa gió sẽ tàn phai  
Mấy kẻ hồng nhan thì bạc phận  
Hồng nhan kia chớ cậy mình thay.

Hồng nhan bạc phận. Thiếp lo ngại cho thân phận thiếp.

**Thái Tông** : Trong triều, khanh không được hạnh phúc sao ?

**Thị Lộ** : Tâu bệ hạ, hiện giờ nhờ ơn bệ hạ chiếu cố thiếp rất yên lòng. Nhưng trong triều còn nhiều người ghen ghét thiếp. Một mai nhan sắc tàn phai, bệ hạ không còn chiếu cố đến thiếp nữa, thiếp sợ bệ hạ sẽ sa thải thiếp và những người ghen ghét khai trừ thiếp.

**Thái Tông** : Ai ghen ghét khanh ?

**Thị Lộ** : Thiếp không dám vu cho ai hết.

**Thái Tông** : Khanh muốn nói Hoàng Hậu phải không?

**Thị Lộ** : Tâu bệ hạ, từ ngày thiếp đưa thứ phi Ngọc Dao và Hoàng Thân Tư Thành đi trốn ra An Bang, thì Hoàng Hậu càng thâm thù thiếp. Thứ phi Ngọc Dao là người đoan chánh, trung thành với bệ hạ, và hoàng thân Tư Thành chính là con bệ hạ. Nếu thiếp không cứu hai người ấy thì sau này bệ hạ sẽ mang tiếng là bất công và thất đức.

**Thái Tông** : Trẩm đã rõ việc này và khen khanh rất khéo léo xấp đặt mọi việc yên ổn. Trẩm sẽ luôn luôn bảo vệ che chở cho khanh, không ai dám động đến khanh đâu.

Thôi khuya rồi, Lễ Nghi học sĩ hãy vào trong dọn giường màn cho trẩm nghỉ.

## HỒI VIII

### Cảnh 1

Giữa đêm khuya, Thị Lộ mặc quần áo ngủ, chạy ra ngoài hốt hải kêu lớn:

Thái giám, thái giám, các thái giám đâu rồi? Hoàng Thượng mệt nặng.

Không ai trả lời.

Thái giám, thái giám, Hoàng Thượng mệt nặng, đi tìm ngự y.

Không ai trả lời.

Trời ơi! Mấy ông thái giám đi đâu hết rồi! Biết làm sao đây?

Thái giám, thái giám, Hoàng Thượng mệt nặng.

Hai ông thái giám: Tạ Thanh, Lương Dật đi vào.

**Tạ Thanh** : Việc chi khẩn cấp ?

**Thị Lộ** : Hoàng Thượng mệt nặng.

**Tạ Thanh** bảo Lương Dật : Đi tìm ngự y, ta vào trong chầu Hoàng Thượng.

Lương Dật chạy ra ngoài, Tạ Thanh và Thị Lộ đi vô trong.

### Cảnh 2

Tạ Thanh và Thị Lộ trở ra.

Lương Dật đi vô.

**Tạ Thanh**: Hoàng Thượng đã băng, chỉ Thị Lộ

Chính nhà người đã đầu độc Hoàng Thượng. Chiều hôm qua Hoàng Thượng vẫn khỏe mạnh như thường, có lý nào băng hà một cách đột ngột như vậy?

Quay lại bảo Lương Dật.

Xấp đặt xe giá đưa di thể Hoàng Thượng về kinh. Không tiết lộ cho ai biết, và đóng cũi nhốt Thị Lộ đem về kinh thành tra khảo.

## HỒI IX

Tại Triều.

Tướng Đinh Liệt và Trịnh Khả đọc bản án:

Nguyễn Trãi âm mưu giết Hoàng Thượng, cho một yêu tinh đội lột người đàn bà, lấy tên là Thị Lộ, vào cung để đầu độc vua. Các thái

giám đóng cũi giải Thị Lộ về kinh. Về đến nơi nàng hiện nguyên hình là con rắn mãng xà.

Tội Nguyễn Trãi không còn chối cãi được nữa. Truyền cho tru di tam tộc.

### SỬ CHÉP :

Mùa thu năm Nhâm Tuất 1442 ngày 12 tháng 8, thái tử Bằng Cơ mới 2 tuổi lên ngôi, tức vua Lê Nhân Tông.

Thái Hậu Từ Tuyên, tức Nguyễn Thị Anh làm nhiếp chính. Trịnh Khả làm phụ chính.

Nhân Tông trị vì được 17 năm, thọ 19 tuổi.

Năm Kỷ Mão (1459), Hoàng Tử Nghi Dân giết Nhân Tông và Hoàng Thái Hậu, rồi tự xưng làm vua. Hoàng Tử Nghi Dân, Lạng Sơn Vương, trưởng tử của vua Thái Tông, trước đã làm Thái Tử, sau vì người mẹ Dương Thị Bi phải tội nên bị truất phế.

Các quan đại thần không phục giết Nghi Dân và rước người con thứ tư vua Thái Tông là Bình Nguyên Vương Tư Thành lên làm vua tức vua Lê Thánh Tông. Bình Nguyên Vương Tư Thành con của thứ phi Ngọc Dao, trước nhờ Thị Lộ đưa hai mẹ con trốn ra An Bang, tránh khỏi lưỡi gươm của Thái Hậu Từ Tuyên Nguyễn Thị Anh.

Năm 1464, vua Lê Thánh Tông xuống chiếu tẩy oan cho Nguyễn Trãi, truy phong chức Đặc tiến Kim Tử Vinh Lộc đại phu tước Tấn Trụ bá và cho người con duy nhất trốn thoát nạn là Nguyễn Anh Vũ làm Tri Huyện, và cấp cho một trăm mẫu ruộng để lo việc thờ cúng.

Vua Lê Thánh Tông thọ 56 tuổi, trị vì 38 năm, một trong những triều đại lâu dài và thịnh trị nhất trong lịch sử Việt Nam.

**VĂN BÁ**

(Paris)



# NGÔI NHÀ TRONG RỪNG SỒI VÕ ĐÌNH

Quanh co mãi trên sườn đồi, có đến hơn nửa tiếng mới tìm ra nhà. Hai bên đường cây cối rậm rạp. Những thân cây lớn vươn lên, chạm đầu vào nhau, làm thành một cái vòm lớn, che khuất mặt trời. Bỗng nhiên, từ ngoài nắng chui vào bóng mát, người ngồi trong xe cảm thấy ớn lạnh.

Khu đất nằm trong một cánh rừng nhiều sồi. Những cổ thụ, sum suê cành lá. Tháng năm dương lịch, qua rồi những cơn lạnh cuối mùa, cây cỏ thịnh phát. Ngôi nhà vĩ đại, xây toàn gạch màu hung. Cửa lớn, cửa nhỏ chỉ chút. Đứng ngoài, nhìn lên những ống máng cao, phải ngửa đầu, mắt chói ánh sáng lấp lánh qua đám lá sồi. Ngôi nhà có dáng dấp một lâu đài trung cổ! Chỉ không có cái cổng sắt lờm chớm mũi nhọn và chiếc cầu treo...

Bấm chuông, chờ thật lâu, cửa chính nặng nề, chạm trở ky khu, hé mở. Một người đàn bà Á đông, lớn tuổi, mặc đồ bộ lụa trắng, mặt đầy, quai hàm bạnh, mời khách vào. Tiền sảnh im lìm, mát lạnh. Thảm len trải dài từ cửa chính vào. Trong là một không gian mênh mông. Hai bộ ghế dài khổng lồ, bọc da trắng, nằm im lìm dưới chùm đèn nặng trĩu bóng lánh pha lê. Cuối phòng, trên chiếc sofa đen, một bà cụ ngồi, được người đàn bà lớn tuổi giới thiệu là mẫu thân.

Bà cụ tóc bạc trắng, tằm lại hai bên màng tang. Bà cụ ngồi bất động dưới một chùm đèn khác, toong ten những mảnh nhọn

pha lê đen, xoay qua xoay lại như bánh xe tra tấn trung cổ.

Người đàn bà lớn tuổi mang dép bông trong nhà, lướt đi rồi quay lại, không một âm vang. Bà bung ra một đĩa xoài chín, vàng nâu, cùng những nĩa bạc, nhọn hoắt, mời khách. Khách không ăn, nhìn ra ngoài. Cánh tường hai bên dát toàn mặt kính trong, trông ra những cây tùng cao vút, thẳng tắp. Thẳng như thế ngôi của bà cụ già. Người đàn bà nói: “Mẹ tôi hết nghe rồi, nhưng chi cũng biết. Chỉ hai năm nữa, mẹ tôi được 100 đó” Khách nghĩ: “Một thế kỷ đời người!” Bà cụ 98 tuổi ngồi im, thấy mà không nghe, không nói.

Tháng năm, hết sưởi. Lò củi không có lửa, mặc dù trong nhà se lạnh. Căn phòng lớn, trần cao mênh mông, ánh sáng không lọt vào thẳng nên tất cả ử đều một màu xanh lá cây nhợt nhạt, âm u.

Bỗng nhiên, một luồng khói mỏng chui ra từ chân lò củi, quần quai chui ra như một con rắn trắng. Luồng khói lớn dần, dày dần, toả dần lên, toả dần lên, quấn lấy bà cụ và người đàn bà lớn tuổi. Đám khói bốc cao hơn, che khuất cả những chùm đèn gắn mảnh pha lê và hai bức tường dát gương. Chỉ một chốc sau, tất cả nhạt nhoà, khói trắng lan tràn ngôi nhà.

\*\*\*

Từ ghế sau, trong xe, khách nhìn lui, không thấy ngôi nhà nữa. Chỉ thấy khói trắng ùn lên, toả ra khắp cánh rừng sồi. Đến xa lộ, khách còn ngoái đầu nhìn lui. Cả một vùng xa trắng xoá, như có cháy rừng...

Gửi MN, M, và PTL

**VÕ ĐÌNH**  
(Florida)

# PHẬN LÀM CON

Hoàng Dung

**P**hận làm con cái chúng tôi lúc nào cũng muốn má chúng tôi sống bên cạnh để tiện việc chăm sóc lẫn thương yêu, mặc dù tình cảm giữa chúng tôi với má chúng tôi không đậm thắm cho lắm. Những ngày nhỏ dại và bắt đầu có trí nhớ, chúng tôi lúc nào cũng cảm thấy thiếu thốn tình mẹ con. Không biết tự lúc nào, cũng không biết má chúng tôi thắm nhuần đạo lý như thế nào, mà suốt ngày bà chỉ lo cho "chúng sanh" mà chẳng ngó ngang gì tới chúng tôi. Có những lúc chúng tôi bất mãn, khiếu nại rằng "cảnh nhà thiếu thốn, con cái nheo nhóc bệnh hoạn má không lo, mà cứ đi lo cho những người ngoài đường vậy nghĩa là sao". Má chúng tôi giải thích rằng "mình thiếu thốn mà vẫn giúp cho người khác mới đáng quý, chứ dư giả thừa mứa mới giúp đỡ người khác thì còn nói làm gì, vả lại trời sinh má ra để lo cho chúng sanh mà lại". Lúc đó chúng tôi còn rất nhỏ, không thể hiểu thấu đáo những lời má tôi nói. Thành em tôi nói với má chúng tôi rằng "xin má làm ơn hãy coi chúng con như chúng sanh, vì chúng con rất cần sự thương yêu chăm sóc của má".

Má chúng tôi đối với chúng tôi xa cách làm sao. Ngược lại, những người xa lạ, những người được má tôi giúp đỡ cả vật chất lẫn tinh thần thì thương quý má tôi biết bao. Bởi vậy, bạn bè chúng

tôi ít khi nào nghe chúng tôi nhắc đến má chúng tôi, đến nỗi hồi mới qua Mỹ, có một người bạn lúc nào cũng chỉ nghe tôi nhắc đến ba tôi bèn hỏi "xin lỗi chị, má chị mất rồi sao, mà tôi không nghe chị nhắc tới bác gái bao giờ". Tôi mới chợt nhận ra rằng thì ra trong thâm tâm tôi dường như lúc nào cũng vắng hình bóng của má tôi. Tại tôi bất hiểu hay tại má tôi đã tạo ra khoảng cách xa xăm đó...

Từ hồi nào hồi nào, mỗi lần nghe đến những bài hát nào có mẹ trong đó, là tôi không thích một chút nào. Tôi chưa bao giờ cảm thấy "lòng mẹ bao la như biển Thái Bình" nó như thế nào. Tôi cũng chưa bao giờ cảm nhận rằng "mẹ già như nải chuối như buồng cau, như xôi nếp một như đường mía lau"....

Nhưng sau khi má tôi mất rồi, chúng tôi bây giờ đã lớn lắm rồi, chúng tôi đã già rồi thì đúng hơn, chúng tôi mới có được một chút hiểu biết về cuộc đời, về đạo lý, thì mới hiểu ra rằng những việc má tôi đã làm mà vì lòng nhỏ nhen, ích kỷ, chúng tôi cho là vô lý, thì chính là chân lý. Vô lý, vì ở nhà con cái đau ốm bệnh tật, má chúng tôi không ngó ngang gì tới, lại suốt ngày đi lo lắng chăm sóc cho những người đau ốm ở đâu ở đâu. Hỏi má chúng tôi tại sao kỳ vậy thì má chúng tôi bảo rằng ở nhà em tôi đau ốm bệnh tật má chúng

tôi biết chắc là có người lo, còn những người khác không có ai lo thì má chúng tôi cần phải lo. Nhà có tiền hay không có tiền, má chúng tôi cũng cố xoay xở giúp đỡ những người nghèo khó, cho nên má chúng tôi được rất nhiều người quý mến kính trọng. Nếu tin vào một thuyết nào đó mà cho rằng mỗi con người sinh ra đều có một sứ mệnh, thì má tôi đã hoàn thành sứ mệnh một cách tốt đẹp, và má tôi đã tìm ra chân lý rồi vậy.

Má tôi qua Mỹ ở với chúng tôi được mười năm, thì bà đòi hồi hương. Ba chúng tôi mất đã lâu, bà không có lý do gì ở lại cái xứ Mỹ lạnh lẽo này, con cháu thì đi học đi làm suốt ngày, bà ở nhà thui thủi một mình buồn thúi ruột. Thế là bà gom góp tiền bạc trở về VN, tha hồ giúp người nghèo khó, sửa chùa sửa miếu, xây phòng phát thuốc, xây nhà trong sân chùa cho những người không có nhà có cửa có thể tạm trú trong một thời gian. Tiền chúng tôi gửi về bao nhiêu, bà chơi láng. Thỉnh thoảng, bà gửi cho chúng tôi cả cọc giấy chứng nhận đề tên chúng tôi, cho chùa này một chục cái hòm, cho chùa kia vài miếng đất. Chúng tôi đã biết chuyện nên bớt cần nhần, nhưng cũng vẫn sốt ruột, vì vẫn muốn bà lo cho thân bà trước, rồi hãy lo cho thiên hạ sau. Chúng tôi tuy nói là đã thấu hiểu đạo lý, nhưng vẫn chưa hoàn toàn giác ngộ, thì biết làm sao được. Chúng tôi cũng chỉ là "người trần mắt thịt" thôi mà...

Thế rồi ba năm sau má tôi ngã bệnh. Chúng tôi hốt hoảng tông về VN.

Bà bị bán thân bất toại, nằm một chỗ. Bà đòi trở lại Mỹ. Chúng tôi dò hỏi, người ta đòi 20 ngàn dollars, sẽ có một toán người gồm bác sĩ, y tá, thuê hẳn một khoang trong máy bay đưa má tôi về Mỹ. Tuy nhiên, rồi làm sao trở về Mỹ đây. Bà chưa có quốc tịch, bỏ đi lâu quá, bây giờ phải làm giấy tờ lại. Mọi người bàn, đưa bà trở lại Mỹ thì phải làm sao đây, để ở nhà thì không ai chăm sóc vì ai cũng phải đi làm đi ăn, bỏ vào nhà thương thì bất nhẫn quá, vả lại toàn y tá ngoại quốc thì bà nói chuyện với ai, con cháu thì giỏi lắm vài ba ngày mới vào thăm được một lần, thế thì thà ở lại VN còn hơn. Chúng tôi phải sắp đặt mọi chuyện, muốn được một chị to lớn khỏe mạnh chuyên chăm sóc cho người bệnh, ở tại nhà ông anh chúng tôi, mỗi tháng chi phí ăn uống, chăm sóc, bác sĩ, thuốc men, massage hết 500 dollars. Được vài tháng bà không chịu ở nhà ông anh nữa, bà đòi vào chùa ở cho đỡ tốn tiền. Tưởng bà thương chúng tôi sợ chúng tôi tốn tiền, nhưng không phải, bà muốn lấy số tiền đó để giúp đỡ người nghèo. Thiệt tình đã nằm một chỗ rồi mà má chúng tôi cũng không chịu bỏ cuộc.

Nằm được một năm thì má chúng tôi đành phải bỏ cuộc. Ông anh báo tin bà đang hấp hối, chúng tôi gọi hãng máy bay giữ năm cái vé về VN gấp. Ngày hôm sau ra lấy vé, thì tin tức loan báo cả vùng Đông Nam Á, đang bị dịch SARS (cúm gà) lan ra rất mau lẹ, chúng tôi khựng lại chưa biết tính sao.

Mọi người bàn ra tán vào rằng, đảng nào má tôi cũng sẽ qua đời, nếu chúng tôi ùn ùn kéo về, đúng lúc bệnh dịch đang lan tràn, có khi nào cả năm đứa chúng tôi đi theo má tôi không. Chúng tôi loại ra ba người, còn lại hai người tình nguyện đi là tôi với thằng em trai, thì tối thứ năm ông anh báo má tôi đã qua đời. Vậy phải lấy vé máy bay gấp, không kịp làm Visa, tới phi trường sẽ phải trả 120 dollars cho một người để làm Visa tại chỗ. Nếu thứ Sáu lên đường thì tới VN tối thứ Bảy, nhưng thứ Bảy và Chủ Nhật, văn phòng cấp Visa không làm việc, vậy phải chờ đến thứ Hai. Chúng tôi gọi về VN bảo đợi chúng tôi đến thứ Hai, nhưng ông anh bảo rằng không thể đợi, vì má chúng tôi về VN ở là ở lậu, tiếng mới bây giờ là ở "chui", bây giờ má chúng tôi chết là chết chui, không thể khai báo, vì má chúng tôi không có "hộ khẩu". Úi giờ, má chúng tôi khi còn sống đã rắc rối, bây giờ chết cũng gây rắc rối. Vậy thì chúng tôi quyết định không đưa nào về nữa, vì đảng nào má chúng tôi cũng đã mất rồi. Khi còn sống chúng tôi đã hết lòng hết dạ lo cho bà, bây giờ cho dù có về thì cũng không thấy được mặt bà, vì ở VN không đợi được, đã khâm liệm rồi. Và lại tuy là chỉ có hai đứa về, nhưng mà lỡ bị dịch SARS lây lan, có chuyện gì thì bỏ chồng bỏ vợ bỏ con lại cũng tội nghiệp lắm chứ. Chắc má chúng tôi cũng thông cảm, mà ở VN cũng còn mấy ông anh và mấy đứa cháu nội, có cả cháu cố nữa chứ, đâu

phải không có ai.

Bây giờ tính tới việc chôn cất hay thiêu, phải làm như thế nào đây ?? Khi quyết định hồi hương, má chúng tôi có nói rằng khi bà qua đời, bà muốn được thiêu, rồi cho hài cốt vào chùa, vậy thì quyết định thiêu. Nhưng mấy ông anh ở VN thì nói rằng trước khi qua đời, má chúng tôi trần trối rằng muốn chôn, và lại ở chùa cũng có hứa sẽ tặng má chúng tôi một miếng đất và một áo quan để tẩm liệm, vì bà làm công quả nhiều cho chùa khi bà còn sống. Đám con bên Mỹ thì vẫn nhất định muốn thiêu, đám con bên VN thì nhất định muốn chôn cho đúng với ý nguyện của má tôi. Chị Hai chúng tôi thực tế cho rằng mấy người anh ở VN muốn chôn để có cơ hội moi tiền của chúng tôi bên này. Chúng tôi thì nghĩ đâu đến nỗi tệ như vậy. Chị Hai tôi nói "rồi tụi mày coi". Cuối cùng chúng tôi ở xa nên chịu thua, gửi tiền về cho bên đó làm đám táng. Bên này, chúng tôi đến chùa Pháp Vương xin làm lễ phát tang. Bên VN, các ông anh cúng bái đãi đảng hết ba ngày, có quay phim chụp hình đảng hoàng, nhưng đến khúc chôn cất thì không thấy đâu, hỏi ra thì hôm đi chôn trời mưa dữ dội, máy quay phim bị ướt nên không quay được phút sau cùng.

Bốn mươi chín ngày sau, bên VN cúng bái xong chụp hình gửi sang, chúng tôi dành nhau xem và ngỡ ngàng thấy ngôi mộ của má chúng tôi trông thảm hại quá, chung quanh cỏ hoang mọc um tùm. Ngôi mộ chưa thấy được

đắp đất cao như những ngôi mộ chúng ta thường thấy. Mộ bia cũng không có. Trên nắp mồ là tấm si măng để lăn lóc vài thứ hoa quả, không có được một cái mâm hay cái đĩa nào để đựng. Nói tóm lại, nhìn chung quanh không giống nghĩa trang mà trông giống miếng đất hoang. Thật tội nghiệp cho má chúng tôi. Thằng em trai chúng tôi, kể từ bữa đó nó không ngủ được, trong lòng thấy xoắn xang không yên. Mấy tháng sau, nó chạy tốt về VN, không cho những người ở VN biết. Ra tới chỗ chôn má chúng tôi, nó khóc quá trời. Nó kể rằng tuy ngôi mộ ở gần chùa nhưng không nằm chung trong nghĩa trang như những ngôi mộ khác, mà nằm héo lánh trong một miếng đất thấp, xung quanh là khu dân cư, nhà nào cũng nuôi heo nuôi gà, nên khi rửa chuồng heo thì nước chảy xuống chỗ trũng, mà ngôi mộ má chúng tôi lại nằm đúng chỗ trũng nên lãnh đủ tất cả những cận bã của chuồng heo. Thằng em tôi giận dữ vào chùa hỏi cho ra lẽ. Nó nói rằng "khi còn sinh tiền, má chúng tôi đã hết lòng ủng hộ cho chùa, sửa sang chùa, xây nhà phát thuốc, xây nguyên một dãy chung cư giúp những người vô gia cư ở tạm v..v.., tại sao khi má chúng tôi qua đời lại đối xử với thân xác bà như vậy". Người phụ trách nói rằng "đó là cái nghiệp của bà phải trả cho xong kiếp này, may ra kiếp sau được thành thơ hơn, vả lại khi cho miếng đất nhà chùa có gợi ý rằng nếu trả thêm tiền sẽ được nằm ở chỗ khang trang hơn,

nhưng mấy ông anh ở VN không chịu chi thêm tiền". Thằng em chúng tôi tức điên người. Chúng tôi chưa hề từ chối bất cứ khoản yêu cầu nào, thế mà mấy ông anh không biết nghĩ gì mà để má chúng tôi ra nông nổi này. Thế rồi, thằng em chúng tôi đề nghị với chùa là muốn bốc mộ má chúng tôi đem thiêu. Nhà chùa bảo không thể được vì mới chôn có sáu tháng làm như vậy không nên, tuy nhiên nếu muốn thì phải ra phường xin phép, mà lúc chôn má chúng tôi là chôn "chui" nên phường khóm gì cũng không có hồ sơ, thì làm sao mà xin phép, nên phải thế này... thế kia... mới ổn... rồi cả trăm thứ bà lằng nhằng v..v.. Thằng em chúng tôi hiểu ra rằng vì thấy nó là Việt kiều nên họ muốn làm tiền. Nó hẹn để suy nghĩ rồi sẽ trở lại chùa bàn tính tiếp. Về tới nhà bên vợ của nó, mọi người bu lại giúp ý kiến, và cuối cùng tìm được một nhóm người chuyên môn làm nghề chôn cất, họ có thể giúp thằng em chúng tôi được toại nguyện. Thế là ngay hôm đó, nó cùng mấy người em vợ sắm sửa lễ bộ trở ra mộ má chúng tôi cúng bái và xin phép má chúng tôi cho nó đem bà đi thiêu. Không biết má chúng tôi có bằng lòng không, nhưng nó cứ làm theo ý muốn của nó.

Ba giờ sáng hôm sau, lúc mọi người còn ngủ say, nó cùng hai người em vợ và nhóm người phụ trách chôn cất gồm có bốn người và người nhà chúng tôi tất cả là bảy người, đi ra chỗ ngôi mộ má chúng tôi đang nằm, đem

theo một cái hòm trống. Trời tối đen nhưng cũng thấy lò mờ nhờ những con đom đóm thỉnh thoảng bay xẹt qua. Cả bọn vừa đi vừa dò dẫm như mấy thằng mù hát xẩm. Gần tới nơi, mấy người em vợ của nó đề nghị nó đứng núp trong bụi rậm từ đằng xa, phòng hờ công an biết được ụp vào bắt, mà thằng em chúng tôi là Việt kiều thì nguy to. Thế là nó đứng từ đằng xa nhìn nhóm người xăm xăm tiến đến ngôi mộ má chúng tôi đang nằm, giờ cái nắp si măng ra, giờ cái cuốc chim đập bể nắp hòm rồi lôi má chúng tôi lên. Má chúng tôi, khi liệm họ dùng mấy lớp túi ni lông bọc lại chứ không dùng vải như ngày xưa, cho nên họ kéo từ đáy huyết lên một cách dễ dàng. Nghe tới đây chúng tôi hỏi thằng em "mày có chắc là má không, nhờ đào nhầm mộ người khác thì sao, nhất là ngôi mộ không có mộ bia gì cả". Thằng em chúng tôi nói "em thấy đúng là má rồi mà". Vì má chúng tôi vóc người to lớn nên cũng khó nhầm với người khác. Nó nói tiếp "khi lôi má từ đáy huyết lên cái xác còn nguyên, tóc tai em dựng đứng lạnh đến run lên cầm cập".

Bốn người bốn góc nhắc bổng má chúng tôi lên bỏ lọt thỏm vào cái hòm mới, đập tấm si măng lại y như cũ, không ai biết ở dưới đó bây giờ trống rỗng. Bốn người đập nắp hòm lại, kê vai khiêng cái hòm mới có má chúng tôi trong đó, chạy phom phom đến nơi chuyên môn thiêu xác. Đã hẹn trước nên nhà thiêu đã sẵn sàng, vụt một cái đẩy tuốt cái hòm có má

chúng tôi vào trong lò thiêu, đóng kín lại bật lửa cháy phùng phùng. Cả bọn thở ra nhẹ nhõm, mặc kệ má chúng tôi có bằng lòng hay không.

Nghĩ cũng lạ, má chúng tôi lúc còn sống là người rất độc tài, muốn gì thì muốn cho bằng được, lúc chết vừa muốn chôn, vừa muốn thiêu, bây giờ thì đã được cả hai.

Ngày hôm sau, thằng em chúng tôi tới nhận tro cốt đem tới ngôi chùa khác khang trang và có vẻ đạo hạnh hơn gờì má chúng tôi vào trong đó. Nó giận mấy ông anh ở VN định không báo cho mấy người đó biết những chuyện đã xảy ra, để xem họ sẽ giờ những trò gì. Nhưng cuối cùng không nỡ, trước khi trở lại Mỹ, nó tới gặp mấy ông anh và nói rằng "tôi nói cho mấy anh biết rằng má không còn ở chỗ đó nữa đâu" rồi bỏ đi, làm mấy ông anh ngờ ngác không biết chuyện gì đã xảy ra.....

Con nhỏ em gái út chúng tôi ghen ngào hỏi "lúc còn sống má làm nhiều chuyện từ thiện lắm mà, sao lúc chết lại ra nông nổi này". Tôi giải thích với nó rằng "những chuyện từ thiện mà má đã làm là để tích đức cho tụi mình, và có thể là cho má ở kiếp sau, còn những gì má phải chịu trong kiếp này, có lẽ là do phải trả cho kiếp trước". Không biết tôi giải nghĩa như thế có đúng không, nhưng ít nhất cũng an ủi chúng tôi được phần nào ....

01/05/07

**HOÀNG DUNG**

# CHÚT NGHĨA TÌNH CÒN LẠI

## ĐỒ PHÚ

**T**rời trong xanh, phẳng lặng, vài cụm mây trắng như bông tô điểm nền trời. Chiếc tàu Celebrity chở du khách lướt sóng êm ái trên biển Địa Trung Hải. Chúng tôi ngồi trên boong tàu hứng gió mát và nhìn hoàng hôn xuống dần trên biển. Nhìn biển cả mênh mông, trên trời dưới nước xanh trong ngất một màu cho ta một cảm giác thật dễ chịu, dịu ngọt, lâng lâng, nhưng lại thấy thân phận con người sao quá nhỏ bé, quá mong manh trước biển trời bao la, và thấy rõ cuộc sống giới hạn của con người như bọt sóng. Nhìn những đàn chim bay là là trên mặt biển kiếm ăn, rồi chúng bay xa ra khỏi tầm mắt, biến mất vào màu xanh của biển, đàn chim bay đưa vào mắt tôi một cảnh đẹp siêu thực nhưng rồi tôi lại thấy thân phận chúng sống sao mà chật vật, không biết một đời chúng có bao lần được ăn no, ngủ yên.

Du lịch đã trở thành một nhu cầu của dân chúng. Du thuyền và tàu du lịch không còn là một xa xỉ phẩm dành cho những nhà giàu có, những kẻ có đặc quyền, nó đã trở nên thịnh hành và phổ thông cho hầu hết mọi người từ trên 10 năm qua, đã trở thành một kỹ nghệ của tư bản và thương mại. Hàng

trăm chiếc tàu chở du khách thăm viếng khắp nơi trên thế giới. Châu Âu, châu Á, châu Úc, châu Mỹ, châu Phi nơi nào cũng có hàng chục chiếc du thuyền, du tàu dành cho du lịch. Con tàu chở chúng tôi gồm có 14 tầng, chở 1700 du khách, gần 800 nhân viên phục dịch, gồm thủy thủ đoàn, nhân viên hành chánh, văn nghệ sĩ, giải trí viên, chuyên viên, nhạc công, nhà bếp và nhiều bồi phòng, lao công dọn dẹp v.v...

Tôi đang mơ màng thả hồn theo gió biển, thì một cặp Mỹ Việt lại chỗ tôi, ê Phú há, tôi nhìn kỹ phải vài chục giây sau mới nhận ra Hoài. Hoài dẫn cô bạn Mỹ lại giới thiệu với tôi. Đây là Jennifer, vợ tôi. Hoài giới thiệu rồi thao thao kể cho tôi nghe về anh, về cô vợ đẹp, tươi trẻ. Jennifer có nhiều nét Á Đông, cô thích tất cả mọi thứ có tính Việt, thích ăn đồ ăn Việt như phở, gỏi cuốn, chả giò, ăn được nước mắm, mắm nêm, mặc áo dài khi có dịp, đi lễ chùa, nói tiếng Việt, cô nói còn bệch bệ, và rất giới hạn.

Suốt tuần lễ trên tàu, Hoài và tôi gặp nhau đến chục lần. Vì trước tháng tư năm 1975, chúng tôi gặp nhau thường xuyên và đã chia sẻ với nhau nhiều chuyện buồn vui. Sau khi xong Tú Tài, anh vào Y Khoa tôi vào Luật. Anh hơn tôi ở nhiều khía cạnh, to cao, có nét con trai, khỏe mạnh, đẹp trên trung bình, học khá, có hậu thuẫn mạnh của

gia đình tuy không giàu có nhưng không để anh phải lo tiền bạc. Những ngày nhàn du trên tàu là lúc anh có nhiều dịp suy tư và tâm tình với tôi về cuộc đời. Hoài thích tôi và muốn tôi chia sẻ quá khứ với anh, mà một phần đời anh tôi đã biết, đã chứng kiến và tham dự. Hoài ra đời trong một gia đình hạnh phúc, ông bà cha mẹ, anh em hòa thuận. Những biến động của đất nước không ảnh hưởng nhiều vào đời sống của Hoài; như thời Pháp mạt, bị quân Nhật đảo chánh tháng 3, 1945, vua Bảo Đại được trao trả chính quyền, chánh phủ Trần Trọng Kim được thành lập, rồi quân Tàu vào miền Bắc để giải giới hàng quân Nhật. Nạn đói Ất Dậu, gây nên thảm cảnh người chết la liệt đường phố nhất là ở các tỉnh Nam Định, Thái Bình, số tử vong lên đến 2 triệu người. Tây trở lại với ý đồ tái lập lại thuộc địa nhưng bị toàn dân nổi lên chống đối và cuộc kháng chiến bùng nổ... Hoài được nuôi dưỡng che chở như được sống trong một con tàu lớn ít bị hay không bị sóng nước hay mưa bão làm chao đảo.

### **MỐI TÌNH ĐẦU.**

Hai năm đầu của Đại Học Y Khoa là những năm vất vả nhất, vì bài vở nhiều nếu trượt quá hai lần là đi ra. *Hoài kể:* Khi tôi vào Y Khoa là lúc gia đình tôi có nhiều thay đổi. Bố mẹ tôi có thêm bạn, có nhiều người từ lâu không liên lạc nay lại đến nói lại tình thân. Vào thập niên 50,60, vào Y Khoa rất khó, khi vào được Y Dược là niềm

hãnh diện lớn cho gia đình và họ hàng. Nhiều nhà giàu có, quyền thế đi tìm, đi ngắm sinh viên Y Dược Khoa cho con cái. Tôi thường thấy bố mẹ thì thầm nhỏ to về đám này, đám nọ, cô này cô nọ cho tôi khi tôi trúng tuyển vào Y Khoa. Đến tuổi hai mươi, tôi, hơi muộn, mới thích nhìn mấy cô bạn gái xinh đẹp, trắng trẻo, thích những cảnh đẹp thiên nhiên, thích suy tư vãn vơ, thích mơ mộng. Đã nhiều lần tôi nhìn ngắm say sưa Bảo Liên, Ái Trinh rồi đưa hình ảnh của mấy cô bạn gái nhỏ này vào giấc ngủ êm đềm. Mỗi lần mẹ tôi nhắc đến lấy vợ, nhắc đến cô này cô nọ là tôi tìm mọi cách gạt đi với hàng ngàn lý do như: đang bận học, vấn đề động viên, chưa có thì giờ, chưa làm ra tiền để nuôi vợ..., nên chưa muốn lấy vợ sớm. Bố mẹ tôi sợ nhất ý nghĩ tôi phải bỏ học vì gánh nặng gia đình quá sớm.

Lên năm thứ tư thì vấn đề vợ con lại được bố mẹ tôi nhắc đến. Mẹ tôi nói bà Xuân muốn giới thiệu cho tôi con gái ông bà Lai đang làm công chức, con nhỏ rất xinh đẹp, công dung ngôn hạnh vẹn toàn, cháu cụ phủ Hoài Sơn. Con gái một danh gia vọng tộc, nếu không giám ngay sẽ mất, những lý do cũ tôi đưa ra không còn tính thuyết phục bố mẹ tôi nhất là bà mai. Một đứa con gái đẹp như vậy cả nét lẫn sắc thì dễ gì tìm, mẹ tôi nói con cứ thử gặp xem sao rồi hãy tính. Để chiều lòng hai ông bà già, tôi theo hai cụ đi thăm ông bà Lai và nhìn mặt Bảo Hạnh. Bảo Hạnh bẽn lẽn bung nước ra mời



khách, và đã hợp hồn tôi ngay lần đầu nhìn thấy nàng. Bảo Hạnh có cái nét đẹp tôi ưa thích, hội tụ những điểm của Bảo Liên, của Yên, Loan, Tú Ái, nhất là nàng có một nét gì đó đã ẩn sâu trong tiềm thức của tôi, nét mặt hơi tròn trĩnh, (người thiếu óc thẩm mỹ thì gọi là tiên nữ có cặp má bánh đúc) mũi thẳng, mắt hơi có nét buồn, như

*Đôi mắt người Sơn Tây  
U Uẩn chiều lưu lạc  
Buồn viễn xứ khôn khuấy*  
(thơ Quang Dũng)

Mỗi lần thấy tôi, nàng tỏ vẻ e thẹn, nhưng luôn luôn ban cho tôi một nụ cười tình thật thơ ngây, quyến rũ

*Nhìn anh em cười cả đôi mắt  
Hút thẳng anh vào cõi mộng mơ*

nàng có nhiều điểm, nhiều dáng dấp, hình ảnh của một người tôi yêu, tôi tôn thờ, người đã cả cuộc đời chỉ biết lo cho chồng con, đó là hình ảnh mẹ tôi. Cứ thấy cô nào có nét gì đó của mẹ tôi là tôi yêu, tôi thích, tôi chỉ nhận thức được điều này khi đã thật sự trưởng thành. Sau một thời gian ngắn qua lại tìm hiểu nhau, gia đình Hoài làm lễ ăn hỏi. Bước vào năm thứ tư Y Khoa, bài vở bắt đầu bớt đi nhưng thực tập nhiều hơn, có nghĩa là sinh viên chúng tôi có thể soay sỏa được nhiều thì giờ đi o bạn gái, đánh bài, nhẩy đầm ...

Riêng tôi, tôi dành hết thì giờ đưa Bảo Hạnh đi Vũng Tàu, Đà Lạt, ngồi bên thác

Cam Ly, bên hồ Than Thở, hồ Xuân Hương, nghe suối Lam Tuyền róc rách, Bảo Hạnh rót vào tai tôi những điệp khúc yêu thương, tình tự: vừa thấy anh là em yêu liền, anh như người trời đã dành sẵn cho em, nếu sau này không có anh chắc em sẽ chết mất. Những ngày ở Đà Lạt, chiều nào chúng tôi cũng tản mạn trên những con đường đồi dốc dưới những rặng thông già nghe gió vi vu thổi. Bên cảnh đẹp thiên nhiên, bên cô gái nhí nhảnh, chạy nhảy tung tăng, tôi thấy đời không còn gì đẹp hơn được nữa. Minh như Từ Thức lạc thiên thai.

Cuối năm thứ tư, chúng tôi làm lễ cưới rồi trở lại Đà Lạt hưởng tuần trăng mật, chúng tôi đi thăm lại cảnh cũ, không còn chỗ nào đẹp và được nhắc nhớ đến như một thắng cảnh mà không có dấu chân chúng tôi. Lúc đó chúng tôi cảm nhận được những mỹ từ ban cho thành phố này như: Đà Lạt sương mờ, thành phố của tình yêu, thành phố của thông reo, thành phố của hoa muôn sắc tươi vui..., Đà Lạt của những cô gái bản Thượng sinh tươi tắn trần dưới suối cạn, những dân bản đeo gù trên đường đèo đi về các buôn xa mờ...

Sau bảy năm miệt mài đèn sách, tôi ra trường vào lúc cuộc chiến đang hồi sôi động. Tôi bị động viên mang cấp bậc Trung Úy. Gần 60 tân bác sĩ được tuyển chọn đi các đơn vị, gần 1/3 khoảng 20 tân bác sĩ đã dành được chỗ tốt theo truyền thống COCC (con ông cháu cha, con cháu các ông bà

quyền thế, con giai, con rể các tướng lãnh, ...) các vị này sẽ được tuyển về làm việc tại những nơi an toàn như Tổng Y Viện, quân Y Viện lớn..., theo nghị định bổ nhiệm theo nhu cầu, số còn lại được tuyển chọn hay bốc thăm để đi các đơn vị tác chiến.

Chỗ tốt cấp hai là những nơi như Bộ Tư Lệnh Không Quân, Hải Quân, Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát. Những nơi còn lại như Nhảy Dù, TQLC, Biệt Kích, các sư đoàn bộ binh... được rút thăm cho các tân bác sĩ còn lại. Sau biến cố Tết Mậu Thân 1968, các sinh viên Dân Y đều phải học tập căn bản quân sự, để khi ra trường có thể được động viên và đưa ngay ra các đơn vị tác chiến.

Gia đình bên vợ tôi đã bày tỏ ý định giúp tôi sau khi tốt nghiệp sẽ ở lại làm việc ở Tổng Y Viện Cộng Hòa, cùng lắm là làm việc tại Quân Y Viện lớn như Quân Y Viện Duy Tân Đà Nẵng, Quân Y Viện Nha Trang, tôi gạt luôn ý tốt này của họ. Lúc này vợ chồng tôi có một đứa con trai, đặt tên cháu là Quang Hào, vì mọi sự đối với chúng tôi: hạnh phúc gia đình toàn hảo.

## **ĐẤT LỬ**

Tôi chọn đơn vị Bộ Binh, và được đưa ra Quân Đoàn 1, Vùng 1 Chiến Thuật. Lúc này là lúc chúng tôi phải đương đầu với thực tế của cuộc sống, vợ chồng phải lo nơi ăn chốn ở. Hạnh đưa con ra sống gần chồng ở Huế, được 6 tháng thì bỏ về lại Saigon, tuy ở gần chồng nhưng tôi theo đơn vị đi

biền biệt, có tháng về có tháng không. Bồ mẹ vợ tôi, những người sinh ra và lớn lên trong thời Pháp thuộc, trên 30 năm đã qua rồi mà chưa tỉnh ngủ vẫn giữ nề nếp cũ không thay đổi. Ông bà chỉ muốn cho con cái lớn lên trở thành các quan đốc, quan trạng ( thời Pháp thuộc, một số ít theo Tây và có công với họ, được cho đi học 4 năm trở thành Medecin Indochinoise tương đương với cán sự Y Tế sau này), dân chúng rất nể sợ bọn này và kêu họ là quan Đốc, quan Trạng). Khi con trai đã không thỏa mãn được ước mơ của ông bà, bây giờ họ dồn nỗ lực vào con gái, con rể, họ muốn tôi ra trường ở lại Saigon, ban ngày đi làm, chiều tối mở phòng mạch vừa làm giàu vừa làm cho bố mẹ nở mày nở mặt. Họ quên thời gian đã thay đổi nhanh, giá trị con người không còn tùy thuộc vào danh vị ước lệ, quyền thế ảo mà là học vấn, khả năng thực có, hiểu biết sẵn sàng phục vụ xã hội, con người. Ai cũng phải tối thiểu làm đầy đủ bổn phận của mình, từ một anh công nhân đến các chuyên viên cao, các chính trị gia ... thì xã hội mới thăng tiến được, và như thế mọi người đều được hưởng phúc lợi.

Tình hình chiến sự vẫn đè nặng đều lên người quân nhân, hết chiến dịch này đến chiến dịch khác để ngăn chặn sự xâm lược của Cộng quân tại vùng giới tuyến, mùa hè đốt lửa, tái chiếm Quảng Trị. Ngay sau khi Hiệp Định Paris được ký kết 27/1/1973, Hoa Kỳ nhằm vào việc rút quân trong danh dự, tiếp nhận lại tù binh, giúp VNCH tự lực

qua công cuộc VN hoá chiến tranh, nhưng Cộng Sản luôn luôn vi phạm Hiệp Định qua các vụ xâm nhập, cướp đất dành dân, họ không hề từ bỏ mục tiêu tối hậu là xâm chiếm miền Nam. Là một quân nhân, là y sĩ Đại úy, gia đình sống đôi nơi, nên lúc nào cũng thấy eo hẹp tiền tài. Đời sống vật chất xa xỉ, phù phiếm tại các thành thị lại được phô trương quá mức làm tăng áp lực đến cho gia đình Hoài. Anh đã bắt đầu nghe thấy đôi lời bóng gió về Hạnh nhưng anh tin ở tình yêu mãnh liệt mà Hạnh đã dành cho anh nên không dễ gì làm nằng thay đổi. Sang năm 1974, tin Hạnh bỏ anh và con cho bố mẹ chồng trở thành sự thật. Anh cảm thấy mọi sự chung quanh như đang sụp đổ.

Tháng Ba năm 1975, Ban Mê Thuột bị Cộng quân tiến chiếm, miền Trung hỗn loạn, các đơn vị chiến đấu của ta phân bị tan rã, phần rút vào Nam. Khi Hoài vào tới Saigon, anh chỉ còn kịp đưa cha mẹ, anh chị em và cháu Hào lên tàu Hải Quân rút ra khỏi Saigon và đi Subic Bay. Sau gần 1 tháng ở Subic Bay, rồi Guam, rồi Fort Chaffee, gia đình anh được Hội bảo trợ đưa về New Jersey. Những người bảo trợ giúp mọi người trong gia đình anh tìm việc làm, anh kiếm được một chân phụ y tá trong nhà thương, anh được các bác sĩ Mỹ tận tình chỉ dẫn để học thi lấy bằng tương đương ECFMG. Hoài lao vào công việc lao động mới, anh tìm quên lãng, hành thân sức 12 giờ mỗi ngày, để thời gian choán hết nỗi chán chường, nhưng anh không sao lãng

bổn phận của anh đối với cha mẹ, với Hào. Sau khi lấy được bằng tương đương, anh cũng phải dầy công lắm mới xin được một chỗ tập sự. Khi có chỗ tập sự với lương tập sự, gia đình đã thấy thoải mái. Mất gần 8 năm lăn lộn với việc làm, học tập, thực tập, anh trở lại một bác sĩ nội khoa, được hành nghề với tất cả chức năng của một bác sĩ. Anh như một người bị rút xuống vực thẳm, trời sụp trên đầu, đất lở ngay dưới chân, vợ bỏ, nước mắt, nghề nghiệp cũng mất, đúng là nước mất nhà tan. Anh phải làm lại từ đầu và may mắn đã cho anh toại nguyện.

## DUYÊN TÌNH MIỀN ĐẤT MỚI

Trên chuyến máy bay American Airlines đường dài từ San Francisco đến Nữ Ước, khi máy bay vào vùng trời Ohio, thì loa phóng thanh gọi có quý vị hành khách nào là Bác sĩ trên máy bay, xin vui lòng lên phía trước giúp 1 vị cao niên đang bị đau ngực và bụng nặng, cần giúp đỡ gấp. Anh lên phía trước cùng với các tiếp viên dùng phương tiện và thuốc cấp cứu có sẵn để cứu chữa bệnh nhân. Rất may cơn đau tim giảm và bệnh nhân được cho ngồi tĩnh dưỡng, máy bay không cần phải đáp xuống khẩn cấp. Khi máy bay đáp xuống phi trường Newark, con gái của bệnh nhân tìm Hoài để cảm ơn. Sau 1 tuần lễ họp hành, hội thảo, anh trở về lại San Jose làm việc.

Gần một tháng sau, một cô gái xuất hiện ở văn phòng anh, gặp anh để cảm ơn anh đã

giúp bố cô trong cơn đau nguy kịch trên máy bay. Anh trả lời đó là một việc bình thường của một bác sĩ, ai ở địa vị của anh cũng phải làm như vậy. Từ đó, cô gái tên Jennifer Phyllis thường lại thăm, lúc một mình, lúc đi với bố. Jen ngoài đôi mươi, da trắng mịn, tóc hung, mắt xanh, má hồng, môi mọng như mầu mận, lúc nào cũng sẵn sàng nở nụ cười, hết sức hấp dẫn. Anh tưởng lòng mình đã khô héo, tim đã nặng thương tật, nhưng Jen đã tới hàn gắn nó và làm nó rung động trở lại. Tóc Jen sợi nhỏ, mịn màng lúc nào cũng tỏa ra như bay quanh đầu, quanh cổ cô, như muốn cột lấy Hoài vào cuộc đời cô từ lúc nào, mỗi lần Jen tới thăm anh:

*Em lùa gió biếc vào trong tóc  
Thổi lại phòng anh cả núi non*  
( Thơ Huy Cận)

Jen thổ lộ với Hoài, nàng thích anh ngay từ lần đầu nhìn thấy anh, dáng dấp không chải chuốt, có chút gì phong nhà, chút nghệ sĩ, chút trí thức bất cần đời,

*Lần đầu ân ái trao bằng mắt  
Rời để tình thương xuốt trọn đời*  
(Thơ Hồ Dzếnh)

## NGHĨA TÌNH XƯA

Hoài kể tiếp sau khi Hoa Kỳ nổi lại bang giao với Việt Nam, anh nhờ tìm gia đình bố mẹ Bảo Hạnh thì được biết rằng họ sống trong nghèo túng, vất vả. Anh gửi tiền về giúp đỡ họ. Ông bà Lai ân hận chỉ vì hai chữ danh vọng và tiền bạc, mà ông không tìm thấy ở Hoài, nên đã gián tiếp bằng lòng cho Hạnh bỏ Hoài chạy theo một người giàu có. Hấn tên Khoan, hấn kèm Bảo Hạnh

học thi Trung Học, hấn thâm yêu Bảo Hạnh, nhưng biết thân phận mình không bao giờ được gia đình Hạnh chấp nhận, tình yêu của hấn nếu có, chỉ là đường một chiều, là đường cụt. Không ngờ thời thế đổi thay, hấn chạy theo, bỏ học, đi đổ đờ Mỹ, sau mở Bar ở Cam Ranh, trở nên giàu sụ. Lúc rủng rỉnh tiền bạc, hấn tìm Hạnh đứng vào lúc nàng đang sống eo hẹp, ông bà Lai cũng bị chóang ngợp với đồng quà hấn cung phụng, nên đã siêu lòng ngã về hấn. Thế là hấn chiếm được tình cảm của ông bà Lai và Hạnh.

Khi Cộng Sản xâm chiếm miền Nam, Khoan bị CS chiêu cố, hấn trắng tay, và biến mất. Hoài khuyên khích con về thăm ông bà ngoại, mẹ và mấy đứa em cùng mẹ khác cha sanh sau này, và giúp đỡ họ. Anh tha thứ tất cả những khổ nạn, những ác độc, gia dối, lừa lọc mà con người đã gây ra cho anh, gia đình anh và đồng loại nhưng anh sẽ không bao giờ quên chúng. Anh nghĩ dẫu tình xưa đã hết, đã vào mộ từ lâu nhưng nghĩa vẫn còn.

*Đường đời ta gặp lại nhau,  
mở lòng tha thứ, ban nhau nụ cười.*

Jen đã mang lại cho anh một niềm tin, tình thương và nụ cười.

**ĐỐ PHÚ**

(Virginia)

# Những Dòng Chữ Cho Mùa Hoa

*Dã Nam*

Tôi đặt bút viết những dòng chữ này sau khi nghe xong một bản nhạc do nữ ca sĩ Tâm Hảo trình bày. Tôi thấy trong lòng dậy lên nỗi đau nào đó từ những lời ca này. Giọng ca hay, lời ca hay, lại mang ý nghĩa cao xa triết lý, nhưng tự thâm tâm vẫn dâng trào lên nỗi buồn!

Ngoài kia ánh nắng vàng nhẹ phủ trên cảnh vật. Thời tiết đầu xuân nhưng vẫn còn không khí lạnh. Những màng sương mỏng, lạnh, lẫn trong dải nắng chiều vẫn còn phủ chụp trên cánh đồng, ngọn cây, đôi cỏ, của vùng đất trung tây Âu Châu này.

Cũng đã hơn sáu tháng kể từ ngày tôi leo lên phi cơ từ già Virginia, bắc Cali để trở về lại với trời Âu. Từ những ngày đầu đông, nay đã sắp đến hè. Lòng con người có thể thay đổi. Gió mùa có thể không về và khô cằn có thể làm trần trở cho những nông gia, người khó nghèo. Mưa có thể sẽ đổ xuống mặt đất nhiều hơn và tuyết có thể không còn cho những cánh đồng trắng trong mùa đông, nhưng lòng người không thể vững như thạch trước nỗi căm đố hay những ước mơ cao xa, hoặc những điều tệ hại. Mùa xuân đã bắt đầu hiển lộ trên những cành hoa táo, hoa anh đào. Màu đỏ tươi hay

hồng thắm đã làm những con đường nơi thành phố tôi ở, hay tất cả những thành phố có khí hậu tương tự, sẽ tươi vui hơn vì những màu sắc. Đứng từ trên một vị trí cao xa vợi vợi trên không gian nhìn về trái đất, ắt hẳn sẽ thấy trái đất đã thay đổi màu. Tháng trước đây, cánh đồng cây cỏ còn trơ cây trụi lá của mùa đông, thì nay đã có màu xanh, màu lông của những con kết rừng.

Đâu chi xa. Mùa đông vừa qua ở miền bắc VN mà thỉnh thoảng thấy trên truyền hình là một mùa đông chết! Cây cỏ chết. Súc vật chết và con người, ắt hẳn cũng có những gia đình nghèo ở miền thượng du đã chết, mà chúng ta không biết. Đôi khi nhìn những cảnh trời đất đem đến cho con người, hay cả khi con người mang đến cho con người, những vận xui, những nghèo đói, tôi thấy như có bão trong lòng; nhưng rồi cũng phải mở rộng lòng ra trong ý nghĩ thanh thản vì biết cuộc đời này vốn dĩ không như ý mình mong muốn, mọi việc đôi khi cũng ở ngoài ý muốn, tầm tay của con người.

Chia tay với anh chị văn nghệ vùng Virginia và miền bắc Cali, tôi như chia tay với những sinh hoạt văn thơ nhạc, chia tay với đời sống chữ nghĩa, lời ca tiếng hát, chia tay với những sắc màu, và cả những dung nhan. Nhưng bên cạnh đó, tôi cũng đã chia tay với những tình thân, chia tay với những anh chị, những người tôi đã liên lạc lâu nay, bằng văn thơ, bằng email, internet & Chia tay trong nỗi nhớ vẫn còn quanh quẩn bên mình để về với những điều thực tế thường nhật như có từ trước đến nay.

Ngoài chuyện văn thơ, khi trở về lại bên trời Âu tôi vẫn còn mang theo hình ảnh hai cô gái của miền đất Hoa Kỳ. Một miền đông và một miền tây. Nỗi ám ảnh về hai cô không đến nỗi làm nổ tung cuộc sống thường nhật đã có từ trước, nhưng nỗi nhớ nhưng có thể trải trên những trang giấy những dòng chữ tình yêu tình người tuyệt diệu. Người con gái ở miền đông. Một cô gái -tuy xa mà gần, tuy gần mà xa“. Còn cô gái miền tây, tôi đã gặp khi cô chạy từ Đông Đức qua xin tị nạn chính trị ở Tây Đức như vài chục ngàn người VN khác. Rồi cô lại chạy được đến Mỹ. Giờ cô đang đứng bán hàng cho một tiệm ăn ở trên đất nước Hoa Kỳ. Khi gặp, thấy môi mặt cô rạng rỡ những nụ cười.

Những dòng chữ cho mùa hoa, là những dòng chữ tháng năm với những cánh hoa hiển lộ, khoe đua hương sắc. Hoa rừng, hoa táo, hoa trồng trước nhà, hoa trên đồng cỏ. Tất cả phơi mình trở thành những màu sắc linh hoạt. Nhưng những dòng chữ tháng năm này còn nhắc lại những cánh hoa & người. Những cô gái, nữ sĩ bằng xương bằng thịt, những nét đẹp kiêu sa, những hình dáng sống động mà tôi có dịp gặp trong dịp đến Virginia và sau đó là ở bắc Cali trong tháng mười năm ngoái (2007). Chị Trương Anh Thụy, Nguyễn Thị Ngọc Dung, nữ khoa học gia Dương Nguyệt Ánh, nhà thơ Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Hoàng Dung, chị Diana Duyên Nguyễn, các cô cựu nữ sinh trong học Trưng Vương ở Virginia &. Các chị Nguyễn Phan Ngọc An, Dư Thị Diễm

Buồn, Song Thi, Tiểu Thu, MC Xuân Mai, thi sĩ Huệ Thu &. ở Bắc Cali.

Với dòng chữ này tôi phải nói lên lời cảm ơn. Anh chị Nguyễn Huy Long-Trương Anh Thụy, đã lo cho tôi những ngày ở Virginia thật đáng hoàng, đầy đủ. Giáo sư Nguyễn Ngọc Bích giúp đỡ hỏi han dùm cho giờ giấc, vé xe lửa xe bus đi lại trong tiểu bang. Được tá túc trở lại trong nhà chị Hoàng Xuyên Anh ở bắc Cali. Chị Nguyễn Thị Ngọc Dung với những cử chỉ ân cần cũng làm ấm lòng khách từ phương xa. Anh chị DTDB lo cho một bữa ăn thật là vui nơi nhà anh chị sau khi ra mắt sách ở Sacramento. Và anh chị bác sĩ Thành-Tiểu Thu lúc nào cũng vui vẻ cười đùa.

Đến Virginia vào mùa thu lạnh lạnh, lá vàng rơi vãi đó đây. Thu thường gọi cho lòng người sự buồn bã, nhưng nhớ băng quơ. Nhưng những ngày thu nơi đây, tôi không còn để ý nhiều đến đất trời, khi tôi ở trong nhà chị TAT hay ở trong nhà hàng Harvest Moon trong đêm ra mắt hai tập sách Náo Nức Hội Trăng Rằm của anh Hồ Trường An và Non Nước Đá Vàng của chị Nguyễn Thị Ngọc Dung, do nhà xuất bản Văn Học Cổ Thơm ấn hành. Trong nhà ở và nhà hàng, những màu sắc và âm thanh từ tiếng nhạc, lời ca, tiếng nói từ các thân hữu, anh chị em văn nghệ làm tôi quên mất trời bên ngoài đã vào thu. Một rừng màu sắc từ những chiếc áo dài, áo kiểu của các nữ sĩ, cô gái, ca sĩ, nữ cựu học sinh Trưng Vương & cho đêm RMS này. Ca Sĩ Tâm Hảo, Bạch Mai, Thái Phương &. Họ

duyên dáng và đem hết cả sức mình ra để cống hiến cho quan khách trong đêm hôm ấy. Còn các anh, các nhạc sĩ, ca sĩ như Phan Anh Dũng, Đàm Xuân Linh (với Violon), Hoàng Cung Fa, Hoàng Tiếp.... đã làm tròn bổn phận mình như bấy lâu nay đã làm cho những sinh hoạt cho gia đình Cổ Thơm. *Có những lời nói làm ấm thêm cuộc sống, có những tiếng hát làm khổ đau trầm lắng & Câu hát của nhạc sĩ Lê Khắc Bình, trong bài hát Cho Đời Chút Để Thương tôi từng nghe đâu đó đang trở về trong tôi.*

Ngồi cạnh tôi trong bàn ăn là những người lính từng ngang dọc trong những ngày lửa đạn trên quê hương. Các cựu sĩ quan QLVNCH Nguyễn Phú Long, Lê Thương. Anh Hoạch, cựu đại úy Nhảy Dù. Nhà biên khảo, tiến sĩ Trần Bích San. Ngày xưa tay súng, vào sinh ra tử, nay là những người cầm bút viết xuống, viết lại những bài biên khảo, những mảnh đời thường, những vui buồn theo tháng năm trên quê hương thứ hai. Và những người tôi gặp lần đầu khi đến Virginia như giáo sư Đoàn Viết Hoạt, nhà thơ Phan Khâm, tác giả tập thơ Dòng Sông Thao Thức, nhà văn bác sĩ Trần Long Hồ, nhà văn Trần Hoài Thư, Nhà văn Nguyễn Thị Hoàng Bắc, giáo sư Phạm văn Tuấn, nhà thơ Hà Bình Trung, họa sĩ nhà thơ Vũ Hối, thi sĩ Quỳnh Anh v.v& là những nhân vật, văn nghệ sĩ tôi đọc bài, đọc thơ và nghe tiếng từ lâu, nay mới có dịp gặp mặt, nhân cơ hội tôi đến nhà anh chị Long-Thụy, và buổi chiều xem buổi triển lãm tranh của

họa sĩ Trương Thị Thịnh tổ chức chung với buổi ra mắt tập thơ của thi sĩ Vân Hải.

Ngồi ở bàn khác còn có nhà văn Uyên Thao, đã có thời tên tuổi của anh đã hiện diện hầu như hàng ngày trên báo chí ở Sài Gòn. Tôi có dịp nói chuyện với nhà văn qua điện thoại khi anh qua thăm Âu Châu, vậy mà đến Mỹ tôi không có dịp nói chuyện với anh nhiều. Qua những chuyện anh cho đăng trên Website Cổ Thơm tôi thấy chuyện đời của anh có rất nhiều điều bi phẫn. Anh chắc còn nhiều điều nhiều chuyện phải viết ra, nếu không sẽ mãi mãi hối tiếc. Tôi đoán vậy.

Trong những ngày này tôi gặp nữ sĩ Vi Khuê. Trong một vài phút nói trước quan khách trong đêm RMS, tôi có nói đôi lời cảm ơn chị. Vì không có thì giờ nhiều nên tôi đã không nói đến những người khác và những vấn đề khác, như tôi dự định nói giỡn với nhà văn nữ TAT là: -Vì tôi đã giúp chị -cất" một ngôi chùa ở miền nam nước Đức trong cuốn truyện dài Chuyển Mùa của chị, nên nay tôi đến Virginia chị đã cho tôi ở đậu trong nhà", nhưng tôi kịp dừng lại. Tôi cảm ơn chị VK bởi vì những lời chị đã giới thiệu về tuyển tập một truyện ngắn của tôi lúc chị còn làm tờ báo Phụ Nữ Diễn Đàn với phu quân là nhà báo Chữ Bá Anh. Biết khen chị thế nào bây giờ về cách ăn diện, sắc vóc. Chỉ biết có lời khen. Cũng như những dịp dằng dặc thăm của chị TAT, sự linh hoạt, tinh tế của chị NTND.

~Tôi đến Mỹ lần tháng 10, 2007 này

phải nói là do -công“ anh HTA và chị DTDB. Tôi cảm nhận trên cuộc đời này có những người cứ mãi bị ràng buộc nhau, bó buộc nhau để cùng chịu đựng những lầm than do cuộc sống mang đến, cuộc đời mang lại, hay những hạnh phúc cùng chia sẻ cho nhau. Như chuyện vợ chồng, tình cha con, mẹ con. Hay như trong chuyện tình yêu, tình bạn&, muốn rời nhau cũng không được! Họ như đến cuộc đời này là để chia sẻ đời nhau, những gánh nặng, những niềm vui, họ như hương thơm và gió, hòa quyện vào nhau. Nhưng cho đến một ngày nào đó, rồi theo triết lý Phật Giáo, có hợp thì có tan, cũng là chuyện thường tình.

Tôi đâu có dự định đi Mỹ trong tháng 10, 2007, nhưng rồi cũng đi. Năm 2006 tôi đã đi qua bắc Cali để RMS rồi thì năm nay đi làm chi nữa, vả lại tiền đâu mà cứ đi Mỹ hoài. Nhưng vì một lời hứa mà tôi bị...kẹt! Đó là lúc nhà văn DTDB ở bắc Cali viết email rủ tôi cùng đứng chung nhau trong cuốn Quê Nam Một Cõi do nhà văn HTA viết, hôm đó nhằm ngày vui hay sao tôi lại -ừ“ ngay với chị, và còn hứa nếu chị có ngày RMS thì tôi cũng sẽ qua cho có mặt. Nghĩ là, ôi chuyện RMS chắc cũng còn lâu, lúc đó mình để dành tiền cũng là vừa, lại cũng là dịp thăm lại những người bạn. Ai dè sau đó ban chủ biên cho cuốn sách này làm việc ào ào, mới có hơn hai tháng đã xong, lại còn muốn tổ chức ngay ngày RMS để bày món hàng -nóng hổi vừa thổi vừa ăn“.

Tôi đã từng từ chối đứng chung trong

cuốn Tập Diễm Ngưng Huy, sau người phụ trách cuốn sách này nói quá tôi cũng tham gia, và lưỡng lự góp mặt trong cuốn Giai Thoại Văn Chương do nhà xuất bản Văn học Cổ Thơm đề xướng, nhưng rồi do tình cảm lôi kéo tôi cũng có mặt trong quyển sách này. Nhưng phải nói cuốn Quê Nam Một Cõi tôi -ừ“ rất lạ, có lẽ do tựa cuốn sách (lúc đó tôi chỉ biết có DTDB sẽ có mặt trong quyển sách). Chữ Quê Nam gợi lại cho tôi những mảnh đời vụn vặt khi mình mở mắt chào đời nơi làng đánh cá nghèo ở miền Nam, nơi lớn khôn với biển mặn, với núi đồi, cây dương dầy núi trên một vùng biển du lịch khá nổi tiếng, núi Kỳ Vân, biển Long Hải; gợi cho tôi những ngày mặc quần đùi đi học, chân không bị phỏng những khi trưa nắng vừa đi vừa chạy từ trường về, những ngày trốn học; theo những ngư dân nghèo để xin họ cho phụ gỡ cá dính lưới, đổi lại công cả một buổi trưa là vài con cá mang về cho bà già nấu món cá nấu hành ớt trong buổi cơm chiều cho gia đình.

Nhưng& Ngày đến Bắc Cali, những người trong ban chủ biên cuốn sách mới cho tôi biết vì cuốn sách này mà mấy ngày nay ở bắc Cali có& chuyện& lớn. Ở Đức tôi đã nghe phong phanh, nhưng nếu biết có chuyện lớn như vậy tôi đã& trốn& ở nhà rồi. Dù có náo nức như anh HTA dụ dỗ tôi cũng không còn hứng để đi. Chị TAT muốn mời Vũ Nam ghé nhà. Bạn có dịp gặp mặt các anh chị văn nghệ sĩ vùng thủ đô HTĐ. À mà lần này ngoài TAT và NTND bạn còn gặp các nữ sĩ như VK,



NTTB, NTHB, HTBT&.Sợ tôi chưa chịu đi anh còn thêm, ráng đi đi, sẵn dịp đi qua bắc Cali gặp các nữ sĩ NA, TT, ST, LTTV& Nghe anh -quảng cáo“ cho chuyến đi cũng thấy ham. Xin hãng nghỉ phép một tuần, giải quyết việc nhà xong, nhưng khi gặp trục trặc với việc hội đoàn vào ngày cuối tuần 4 tháng 11, tôi viết email ngay cho chị DTDB là tôi sẽ đi Mỹ nhưng ngày 2 tháng 11 phải trở về lại Đức rồi, không dự buổi RMS ở bắc Cali được. Tôi bị ngay một màng -tru tréo“ (chữ của chị DTDB). Đừng có thấy và ham những người đẹp ở miền HTĐ rồi kiếm cơ ở luôn bên đó mà không qua với tụi này nha, đã đến Mỹ rồi, đến HTĐ rồi mà sao không qua bắc Cali được. Ở miền bắc Cali này cũng có nhiều người đẹp vậy. Anh làm dzậy chết tui rồi! Giấy mời, giấy quảng cáo cho ngày RMS tôi đã gửi đi hết rồi. Đọc lời chị -sĩ vả“ xong tôi lại phải hứa ngay là sẽ nói chuyện với hội đoàn lại và hy vọng sẽ đến với chị. Chị ngưng ngay viết nhạc -kích động“, chuyển qua viết nhạc có điệu Rumba nhẹ nhàng. Phải vậy chớ, tưởng chuyện gì, chớ chuyện hội đoàn thì nhờ người khác làm. Tôi lại phải đi năn nỉ hội đoàn ở đây cho tôi vắng mặt trong ngày thứ bảy, 4 tháng 11, dù trong ngày đó tôi lo về nội vụ cho ngày lễ. Hội đoàn cũng thông cảm cho tôi đi. Họ cũng sợ, nếu không cho, tôi sẽ xin ra khỏi hội, ăn cơm nhà vác gà voi mà, nghỉ được sớm chừng nào tốt chừng đó, nghỉ có lý do.

Sau đó tôi đi mua vé phi cơ và chuẩn bị lên đường. Trong những ngày này trong

đầu lúc nào cũng nghĩ chuyến này đi chắc vui lắm, vì gặp lại những người bạn học, bạn lính KQ cũ, bạn văn nghệ quen nhau nhưng chưa từng biết mặt nhau, và nhất là lại đi với HTA. Vì cứ mỗi lần nói chuyện bằng điện thoại là anh hay nhắc đến những người đẹp, những nữ sĩ mà tôi hy vọng có dịp gặp trong ngày ra mắt sách. Tối ngày thứ sáu, 2 tháng 4, đáp xuống Hoa Thịnh Đốn có các bạn cựu sinh viên sĩ quan KQ đón tiếp. Rất vui (tôi đã có một bài viết riêng cho các bạn). Sáng 3 tháng 4 điện thoại lại nhà chị TAT thì mới biết tin -sét đánh“ anh HTA không đến được trong cuối tuần này vì hãng phi cơ Pháp đình công. Sao đình công lại lựa ngày ông HTA sửa soạn leo lên phi cơ, thế mới có chết cho các chị TAT, NTND, và ban tổ chức ngày RMS không? Vậy là ai sẽ lên nói thay cho diễn giả HTA. Nhưng khi gặp chị NTND ở nhà chị TAT, chị báo cho tin mừng ngay là chị đã nhờ được anh Trần Bích San nói thay anh HTA cuốn sách Non Nước Đá Vàng của chị rồi. Một phần cuốn sách này cho thấy được sự hùng vĩ của vùng Mount Rushmore (National Park Services) với hình bốn khuôn mặt của bốn vị cựu tổng thống lừng lẫy nước Mỹ được tạc trên núi đá cao. Còn cuốn Náo Nức Hội Trăng Rằm thì anh Ngô Tăng Giao giới thiệu, chương trình không có gì thay đổi. Nhưng với tôi, có một tin còn vớt vát lại, hai chị TAT và NTND chắc nghe cũng thấy bình thường, nhưng tôi vui. Là HTA sẽ đến bắc Cali để tham dự ngày RMS, với cuốn Quê Nam Một Cõi. Được tin này

tôi như trút được gánh nặng ngàn&ký. Vì nếu HTA không đến thì ban tổ chức không biết làm sao, và cũng không biết ăn nói sao với bạn đọc, người hâm mộ HTA ở Bắc Cali. Nghĩ lại thấy tội nghiệp cho chị Ngọc An, chị là người có công nhiều nhất cho ngày RMS này. Chị DTDB và HXA cũng có công, nhưng ít thôi. Còn tôi, chị ST, chị TT, anh Phương Triều, Anh Vân chỉ là người từ phương xa đến, có cũng được còn không có cũng chẳng chết thảng Tây nào, không phải -dữ dằn“ như chị DTDB đã than với tôi trong email. Nghĩ lại có lẽ là chị sợ chúng tôi nếu không đến Sacramento, như chị đã quảng cáo với bà con ở đây thì không biết ăn nói làm sao, chớ không phải là ở San Jose.

Ai cũng từng biết, cả ba miền Việt Nam đều có những nhà văn nhà thơ viết rất hay. Do phong thổ, hơi hướng, mỗi miền có những cách viết, cách diễn tả, giọng văn, chữ dùng v.v... Y như giọng nói, mỗi miền mỗi khác, dù cùng là người Việt Nam. Do đó khi đến Bắc Cali để ra mắt cuốn QNMC tôi không mang tâm trạng hãnh diện vì anh HTA viết ca tụng người miền Nam. Tôi trở lại đây, ngoài việc dự RMS còn muốn thăm lại vài người thân, bạn văn nghệ, mà tôi có dịp quen trong lần đến trước. Thăm lại nhà hàng ăn bao bụng (bây giờ thì ở Đức đã có nhà hàng này rồi), thăm lại cựu trung tá Không Quân Võ Quang Tường, mà thỉnh thoảng tôi cứ nghe anh nhắn gửi lời thăm. Thăm những núi đồi trên đoạn đường đi từ San Jose lên San Fransisco, những hơi sương lạnh bốc

lên từ chiếc cầu Golden Gate, những cô gái Việt vùng Bắc Cali, những màu sắc tươi thắm từ những hàng quán trong khu buôn bán của người Việt, đến tô -phở lớn“ ăn không hết nổi...Tất tất đã làm bước chân tôi thấy vui khi ra phi trường trong lúc đầu thu, hơi lạnh và sương thu đang chụp xuống những hàng phi đạo và những cánh chim khổng lồ đang cất cánh sắt tung bay đến các phương trời.

Nhưng khi vừa đến Bắc Cali lòng lại thấy chùng xuống. Nỗi vui buồn mênh mang trong tâm hồn đã dâng lên. Tâm tình người xa xứ -từ Đức đến Mỹ- chưa có lúc nào thấy bơ vơ như thời khắc này! Chuyện văn nghệ nhiều lúc, theo tôi, cho vui trong đời sống đầy biến động, cạnh tranh và ngộp thở ở hải ngoại này. Miếng cơm manh áo, tương lai gia đình, kinh tế v.v..là những điều thiết thực hơn. Chẳng lẽ bỏ cả ngàn đồng cho một chuyến đi để chuốc lấy những tranh cãi, những vô danh hữu danh, những có tài vô tài. Nếu biết vậy chắc tôi đã ở lại nhà, dùng thì giờ này để ngồi viết những truyện về quê hương đất nước, tình yêu con người.

Nhưng dù gì thì với bài viết này tôi cũng xin cảm ơn giới truyền thông ở miền bắc Cali, vượt lên vượt qua những khó khăn trong những ngày này, giới truyền thông, tuyên hình, báo chí cũng đã đăng tin, phỏng vấn anh HTA để quảng cáo cho ngày RMS. Thi sĩ Ngô Đức Diễm mở đầu với bài giới thiệu buổi RMS, nhà văn Diệu Tấn giới thiệu sách QNMC. Anh Lại Đức Hùng, nhạc sĩ kiêm phóng viên tự do Trần

Chí Phúc, các anh rất vui khi tiếp và phỏng vấn tui này. Chị &?(chị của nhà văn Lê Thị Thấm Vân), chị Mi Mi Dương và còn vài chị vài anh nữa mà tên anh chị tui đã ghi trong tấm giấy để trong túi xách, nhưng túi đã thất lạc mất ở phi trường thành ra bây giờ tui không thể viết tên anh chị ra được. Mọi người đều rất vui vẻ khi phỏng vấn anh HTA. Và anh HTA cũng nịnh đầm rất giỏi, ở cô phỏng vấn nào anh cũng khen đẹp.

Tôi cũng phải cảm ơn nhà văn Diêu Tần, nhà thơ Dương Huệ Anh. Những ân tình văn nghệ. Xin cảm ơn các báo VNNB của nhà báo Quỳnh Thi, SaigonUSA, Tiếng Dân có nhà văn Nguyễn Thiếu Nhân làm chủ bút v.v.. đã tường trình và gửi hình ngày ra mắt sách rất thành công này đến đồng đảo độc giả người Việt hải ngoại.

Tôi rất mong anh HTA vẫn còn khỏe mạnh, còn sức viết, còn những hứng khởi để viết về những nhà văn nhà thơ ở các miền của đất nước, để độc giả có dịp biết đến những áng văn thơ hay của các văn thi sĩ.

Trong dịp đến bắc Cali lần thứ 2 này, trong ngày RMS tui hân hạnh nhận được những món quà văn chương từ các văn thi hữu. Nhà thơ Dương Huệ Anh với CD thơ nhạc Thương Về 12 Bến Nước. Những tập truyện ngắn và dài của anh nhà văn Ngô Viết Trọng. Đọc truyện dài Thăm Thăm Trời Xanh của anh làm tui thật buồn. Tuyển tập văn thơ Qua Biển Và Gọi Hồn Dân Tộc của nhà văn nữ Hoa Hương Dương. Cuộc đời chị có những việc quá buồn nhưng chị lại lấy đó để làm động lực

cho việc viết văn làm thơ trong sự giúp đỡ hết lòng của phu quân. Mây Trắng Còn Bay của Mạc Lan Đình. Truyện dài Ấc Mộng Đêm Dài của nhà văn Anh Vân. Thi sĩ Nguyễn Thị Ngọc An với Ngàn Năm Mây Trắng và Từ Miền Biển Sóng& Tôi đã nghe và đọc hầu hết những tác phẩm này. Dù không nhận được những tập thơ văn làm kỷ niệm nhưng sự ân cần đón tiếp của anh (?), trưởng ban tổ chức ngày RMS ở Sacramento, nhà thơ như Hoàng Ngọc Liên (cựu trung tá QLVNCH), nhà thơ Sương Mai, các văn nghệ sĩ vùng thành phố Sacramento và ông xã chị NTDB đã dành cho anh HTA và -phái đoàn“ vẫn còn để lại trong tui một kỷ niệm đẹp từ nơi thủ phủ của tiểu bang California này.

Tôi biết vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn, Virginia, bắc Cali, San Jose thường có tổ chức những buổi đại nhạc hội, ra mắt sách, hội thảo& vào ngày chủ nhật, nên ngày RMS hôm tui tham dự hẳn với những cư dân, độc giả ở những nơi này là chuyện bình thường, nhưng với tui là một ngày vui với vài kỷ niệm đáng nhớ trong đời cầm bút.

Tôi phải trở về với đời thường. Phải từ giã những dòng chữ kỷ niệm này để đến với chuyện áo cơm. Ngoài kia ánh nắng xuân rực rỡ, đời sống sinh động tràn ngập tiếng cười của trẻ con người bản xứ, làm tui cũng thấy vui vui.

Cảm ơn trời đã cho hoa

Để sông núi gọi người xa trở về

*Đã Nam*

(Germany)

# BÊN BỜ SÔNG NHỊ

Đồng Tác Giả BÌNH HUYỀN

- Chú bé kia! Con trai mà lại giống con gái ghê!

Hai, ba người con trai đứng trước cổng một villa nhỏ, gần nhà của Bình. Họ cởi trần, mặc quần đùi chật và ngắn, khoe bộ ngực nở, bắp chân, bắp tay gân guốc. Người nào cũng có nước da đen bóng như tượng đồng, vì phơi nắng. Mỗi lần Bình đi qua, gặp họ, đều bị trêu ghẹo như thế. Lần đầu tiên, Bình tức giận, hai má đỏ hồng lên, cặp mắt to nâu có lông mi cong quắc lên nhìn họ. Mấy người đó càng thú vị, cười hô hố. Một người tên là Thành châu mồm ra:

- Người đẹp nổi giận trông xinh quá!

Lần thứ ba, Bình không giận nữa, mà đứng lại, nhìn thẳng vào mặt mấy người con trai, cây đong, làm cử chỉ bất nhã ngoài đường. Sau một phút, Bình cất giọng thanh thanh, nhưng rấn rỏi:

- Tôi và các anh không quen nhau. Yêu cầu các anh bỏ cách đùa cợt dai dẳng đó đi. Nếu không, người lớn sẽ bị phiền phức đấy.

Mấy người con trai im lặng, bảo nhau đi vào nhà. Từ đó, Bình không bị trêu nữa. Bình nhận được thư của Ngọc-Nga, trong đó có đoạn như sau: «...Em phải ở lại nơi này. Không biết ngày nào em mới được lên thủ đô, để gặp anh. Em theo ba mẹ em về thăm ông bà nội. Định đi một tuần, như anh đã biết. Ông nội em bỗng bị bệnh qua đời. Trước khi nhắm mắt, cụ để lại chúc thư, cho ba mẹ em tất cả tiền bạc, của cải, với điều kiện là ba mẹ em phải dọn về đây ở và săn sóc bà nội em hiện cũng đang ốm yếu. Ba em là con duy nhất, nên

*không thể nào làm khác được. Ba em để mẹ em và em ở đây, trong khi chờ xin đổi chỗ làm. Việc này cũng không khó, vì có nhiều người cùng ngành, muốn xin trở về thủ đô, là quê của họ. Còn em, vì năm học vừa chấm dứt, em ở đây nghỉ hè, rồi xin đổi trường. Ba mẹ em không muốn cho con gái lên thủ đô trọ học, tốn kém và bất tiện. Em còn tùy thuộc gia đình ít nhất ba năm nữa, nên không biết làm sao hơn, ngoài việc vâng lời gia đình... »*

Bình đọc đi đọc lại lá thư của người bạn gái, lòng thấy buồn man mác. Đồng thời, Bình cảm thấy trí óc nhẹ nhõm. Câu chuyện người thiếu nữ trong cơn mơ bệnh hoạn, đã hoàn toàn ám ảnh, chế ngự tâm hồn của Bình. Hình ảnh Ngọc-Nga mờ đi. Sau trận ốm, Bình thấy tâm hồn, thể xác thay đổi khá nhiều. Theo lời bác sĩ, Bình bị cảm lạnh, vì chịu đựng sương gió, trong những buổi cắm trại. Bình cao lên, tiếng nói hơi bị vỡ, nhưng hát vẫn còn hay. Bình thích tập thể dục, bơi lội, đạp xe, chèo thuyền. Đối với phái nữ, Bình mạnh dạn hơn trước.

Cũng thời gian đó, anh Nghiêm theo gia đình đi chỗ khác. Đội Hướng đạo "Nhạn-Trắng" tự giải tán. Một vài người xin gia nhập vào các đội khác. Bình đã hơi chán, nên xin phép gia đình tạm nghỉ một thời gian. Chính đến chơi, cho Bình biết :

- Hiện có phong trào tập thể dục và học võ. Cậu muốn, tôi sẽ chỉ cho.

Bình sáng mắt, nói ngay :

- Tôi muốn lắm chứ. Tập thể nào? Học võ ở đâu?

- Trước hết, cậu phải có sân tập. Trong đó, cậu dựng một cái barre fixe, một bộ barres

parallèles, mua cặp tạ nhỏ để tập tay, cây tạ to nặng độ hai chục kilos để tập vai, một cái extenseur để tập cho nở bắp thịt ngực, một sợi dây để nhẩy cho dai sức. Đồng thời, cậu xin gia đình giấy phép cho tới ghi tên tại võ đường Hoàng-Dũng, ở cạnh Nhà Thờ lớn.

Bình đem việc này nói với ông Phương. Ông bằng lòng ngay :

- Thật đúng dịp. Nhà mình sắp dọn tới căn nhà khác, to hơn, và có vườn rộng rãi. Mình ở tầng một dưới đất và tầng hai. Nhà ở gần đây. Bây giờ cậu cho con giấy phép học võ trước. Còn sân tập, cậu sẽ làm cho con thật đầy đủ, trong một thời gian ngắn.

Từ đó, Bình trở thành võ sinh của võ đường Hoàng-Dũng. Môn phái này huấn luyện cho thanh, thiếu niên, nam nữ, một võ thuật tổng hợp các loại võ của các nước Á châu và cả võ Hồng mao, được chế biến để thích nghi với sức vóc của người nước ta. Mỗi tuần tập ba lần, mỗi lần ba giờ, vào lúc sáng sớm, trên bãi cát của bờ sông Nhị-Hà. Trời nóng cũng như trời lạnh, các võ sinh, trai cũng như gái, phải mặc quần đùi, áo maillot chèn, chân không. Mở đầu mỗi buổi tập, các võ sinh phải chạy theo nhau thành vòng tròn, trong một tiếng đồng hồ. Tiếp đó là tập hô hấp. Đoạn, võ sư bảo mọi người ngồi xung quanh, để nghe ông giảng dạy về triết lý và quy luật của võ phái.

- Các anh, các chị nhớ rằng: Ta tập võ, là để tự vệ, khi thật cần thiết. Không được dùng nó để đánh đập đồng loại. Phải luôn luôn bình tĩnh, khiêm nhượng. Không được kiêu ngạo, phô trương...

Trong một giờ rưỡi sau đó, họ tập ngã, nhào lộn, tập đỡ, tập khoá, tập tấn công bằng tay và bằng chân. Mỗi người phải mang theo khăn để lau mình, và chai nước cam hoặc chanh vắt pha đường, để uống sau khi tập

luyện. Tập xong, mọi người cảm thấy khoẻ khoắn. Mặt mũi hồng hào. Trí não sáng khoái. Ai nấy vui vẻ ra về, chuẩn bị đi học vào đầu buổi chiều. Bình học trường Dũng-Lạc, bên cạnh Nhà Thờ lớn. Bình có một sân tập thật đầy đủ. Ông Phương chiều con, nên tìm mua những dụng cụ đắt tiền, bán tại các cửa hiệu tây. Ông không quên mua cho Bình ba cuốn sách chỉ dẫn đủ cách tập thể dục, theo phương pháp Thụy-Điển rất hiệu nghiệm. Sau một thời gian ngắn, Bình to lớn, vạm vỡ, cử chỉ chắc nịch, đầy lòng tự tin. Các bạn của Bình cũng luyện tập được thân hình nở nang, hùng dũng. Phong trào này được thanh, thiếu niên thủ đô rất ham chuộng. Ở gần trường tiểu học cũ của Bình, có một trường tư mở các lớp dạy Anh, Pháp thực hành đủ trình độ. Nhóm của Bình bảo nhau đến ghi tên học cả hai ngoại ngữ đó. Nhờ thế, Bình rất khá về Anh, Pháp. Khi đến các chỗ giải trí, Bình và các bạn có nhiều dịp thực hành tiếng Anh, tiếng Pháp với người ngoại quốc. Tất cả đều có thái độ, cử chỉ bình tĩnh, mạnh dạn, cách ăn nói lịch sự, hiền hoà, của con nhà văn võ chính tông. Bình thay đổi địa chỉ, quên không cho Ngọc-Nga biết, nên không nhận được thư của nàng nữa. Vì bận học thi lên lớp, để năm sau lấy bằng Phổ Thông, nên Bình không để ý. Trưa thứ Bảy, đi học ngoại ngữ, về gần đến nhà, Bình thấy Ngọc-Nga từ trong cổng đi ra. Gặp Bình, nàng đứng lại, cúi đầu. Bình đến gần, cất tiếng chào:

- Ngọc-Nga ! Em lên bao giờ thế ? Sao không cho anh biết ?

Ngọc-Nga vẫn cúi đầu, im lặng. Bình giựt mình khi thấy những giọt nước mắt rơi lăn xuống mặt đất. Bình lấy tay nâng cằm Ngọc-Nga lên. Đôi mắt to đen ngập lệ, cặp má hồng ửng đẫm, hai cánh mũi và khoé miệng đỏ ửng. Đôi môi rung động, trông giống như cười.

Tiếng thổn thức to dần, thành tiếng khóc trong cổ, cổ nén cho khẽ đi. Bình hỏi dồn dập:

- Em làm sao mà khóc thế ? Nói cho anh nghe đi.

Ngọc-Nga chỉ lắc đầu, nhìn Bình không nói. Bình dắt tay Ngọc-Nga, dẫn vào sân tập. Dù nàng ngồi xuống chiếc ghế dài bằng gỗ, Bình chạy vào trong nhà, cất sách, mở tủ lấy chai nước limonade nhỏ, cái cốc thấp, và cái mở nắp chai. Bình đi ra sân, đến ngồi cạnh cô bạn, mở chai nước, rót một nửa vào cốc, đưa cho Ngọc-Nga. Tay cầm nửa chai nước còn lại, Bình nói hết sức ngọt ngào:

- Em uống nước đi. Thứ limonade em vẫn thích đấy.

Ngọc-Nga ngoan ngoãn đưa cốc nước lên miệng, uống vài ngụm. Tay phải cầm cốc nước, tay trái đưa khăn tay chấm lệ, Ngọc-Nga ngược cặp mắt đỏ hoe nhìn Bình, khẽ nói:

- Em làm phiền anh lắm, phải không ?

Bình lắc đầu, nhìn vào mắt Ngọc-Nga, cất giọng hơi trầm, nhưng mạnh:

- Em không bao giờ làm anh phiền cả. Tại sao em khóc ?

Ngọc-Nga tươi mặt lên, giọng vẫn nhỏ nhẹ:

- Tìm lại được anh, em mừng quá, phát khóc. Chứ có tại sao đâu.

Bình chú ý nghe giọng nói yếu ớt của người bạn gái, xưa nay vốn rất linh hoạt. Một ý nghĩ thoáng qua trong đầu, khiến Bình không nói vội. Vốn là một độc giả say mê của tủ sách gia đình, từ khi mới hơn mười tuổi, Bình sớm thu nhận được rất nhiều tư tưởng của nhiều nhà văn, nhà thơ, trong và ngoài nước, thuộc thế kỷ hiện đại, cũng như thế kỷ trước. Các loại tiểu thuyết, thi ca sáng tác và dịch thuật, thường kèm theo lời dẫn giải, đã cho Bình những hiểu biết rất sớm về tâm lý con

người. Tủ sách được Bình khai thác nhiều lần trong năm năm nay. Bình lại hay la cà đến các thư quán cho thuê sách, truyện, nên có dịp so sánh loại văn chương cũ rất giá trị, với loại văn chương mới cũng có giá trị, nhưng đôi khi còn thiếu đào sâu và trau chuốt. Bình cũng cố gắng tìm đọc nguyên bản của những tác phẩm dịch thuật, và cảm thấy gần với tác giả hơn trước. Nhưng cũng vì thế, Bình thấy mình có thêm một quan niệm mới, về đời sống vật chất cũng như tinh thần. Lắm khi Bình phải định thần, tránh những phản ứng, phát biểu, không thuộc bản chất thực của mình, vốn là một thiếu niên sinh trưởng tại Á đông.

Giờ đây, Bình ngồi trước một thiếu nữ mười bảy tuổi, như trái cây sắp chín, với những biểu lộ tình cảm đầy đam mê. Nàng say mê Bình đến độ cảm lạnh tha thứ lập tức lỗi lầm của Bình, đã không cho nàng đi chỉ mới, để nàng đã phải đau khổ biết bao ngày đêm, với những lá thư bị trả lại, phải lặn lội mấy trăm cây số, tìm gặp Bình cho bằng được. Tình yêu đã làm nàng gần như mất hẳn cá tính, trở thành trái ngược với con người cũ của nàng : Khóc lóc, yếu đuối, ngây dại,...Với kinh nghiệm sách truyện, Bình biết rõ những gì đang và sẽ xảy ra, giữa Bình và cô bạn gái thân nhất trong thời gian này. Tình yêu chưa đến, hoặc có lẽ không bao giờ đến, giữa Bình và nàng. Trước một nhan sắc tuyệt đẹp thế kia, hình như có một sức mạnh vô hình ngăn cản, làm Bình không thấy cảm xúc luyến ái, chẳng khác gì kẻ yêu tranh đứng trước bức danh họa "La Joconde" của Leonardo Da Vinci. Bình cũng nghĩ ngay tới những gì phải làm. Thời gian. Phải, chỉ có thời gian là phương thuốc hiệu nghiệm nhất, để chữa các "tai nạn ái tình". Bình nhìn thẳng vào mắt Ngọc-Nga, vồn vã nói:

- Anh xin lỗi em nhé. Đáng lẽ anh phải xuống thăm em, đáng lẽ anh phải nhớ cho em địa chỉ mới. Nhưng em cũng thông cảm cho anh. Anh phải làm quá nhiều việc. Nào là tập thể dục, luyện võ; nào là học Anh, Pháp; lại còn phải học thi lên lớp, sang năm mới có hy vọng lấy mảnh bằng Trung học Phổ thông. Em đã qua giai đoạn đó rồi, nên chắc em cũng biết cái lo của anh. Sang năm em thi Tú tài một, phải không, Ngọc-Nga?

Ngọc-Nga cười vui trở lại một tí:

- Anh gọi tên, làm em giật cả mình. Vâng ạ, thưa anh sang năm em phải thi làm "cô Tú", đấy ạ.

Bình rung đùi, hát ngân nga:

- "... Hỏi thăm... cô Tú... có chồng... hay chưa...?"

Ngọc-Nga giãy người lên, véo sườn Bình một cái nhẹ :

- Người ta thế này mà anh muốn cho đi lấy chồng, rồi bị chồng bỏ, hử! Anh ác lắm đấy! À mà thôi, không đùa nữa. Anh chưa ăn cơm, thì đi chơi với em, rồi ăn một thể, anh nhé? Lần này, em khao anh.

- Được. Để anh nói với nhà đã.

Ngọc-Nga không mang xe đạp lên, Bình phải đèo nàng đến giữa thủ đô. Dắt xe, đi dạo phố một lúc, Ngọc-Nga đòi tới phố Tàu ăn mì, vằn thắn. Ăn xong, rửa tay, rửa mặt sạch sẽ, hai người lại đi bộ ra bờ hồ, tìm một quán nước quen để ăn chè đậu đãi, uống nước chanh. Ngọc-Nga mặt mũi nở nang, sung sướng, vừa ăn vừa nhìn Bình, không rời mắt. Bà Béo, chủ quán, cứ nhìn Bình, nhe hàm răng cài mả ra cười, làm Bình nóng cả mặt, tí nữa cần phải lườm ! Suốt buổi chiều, Bình đèo Ngọc-Nga đi qua một số địa điểm cắm trại trước đây. Cuối cùng, hai người lên con đê ven sông Nhị-Hà, ngồi cạnh nhau, vừa thủ thỉ, vừa ngắm làn nước nâu đỏ, gợn sóng lăn tăn trên bãi cát.

Gần năm giờ chiều, Ngọc-Nga bảo Bình đèo ra ga xe lửa. Khoá xe cẩn thận, hai người đi vào nhà ga, đến ngồi trên cái ghế dài, chờ chuyển xe lửa năm rưỡi để về tỉnh. Bình hỏi:

- Máy giờ mới tới nơi, hử em?

- Thưa anh, chín rưỡi ạ.

Bình quay lại nhìn Ngọc-Nga :

- Sao hôm nay em nói chuyện lễ phép quá?! Đùa hay thật đấy?

Ngọc-Nga thản nhiên đáp:

- Em lặn lội lên đây, chỉ để được thấy anh và được nói "thưa anh". Đó là điều mà em tâm niệm biết bao đêm ngày, trong khi ở xa anh. Như thế, theo em, nếu nói là lễ phép, thì không đúng, mà là.....

Ngọc-Nga hơi ngập ngừng. Bình hỏi dồn:

- Mà là cái gì, hử em?

Ngọc-Nga nói một hơi:

- Mà là tôn thờ anh, yêu anh trên hết mọi sự. Em đã nói thật với ba mẹ em. Ba mẹ em chiều theo em, vì em là đứa con duy nhất, chỉ khuyên rằng, em phải chờ cho đến khi anh học thành tài. Bây giờ, ba mẹ cho phép cứ hai tháng, em được lên thăm anh một ngày. Thế còn anh, anh có bằng lòng như vậy, hay không?

Bình nghĩ rất nhanh đến yếu tố "Thời gian", nên gật đầu. Ngọc-Nga mừng quá, ôm chặt lấy cánh tay của Bình, ngược mắt nhìn Bình vô cùng say đắm, mặt đỏ bừng như uống rượu. Bình mỉm cười, nhìn lại. Ngọc-Nga sung sướng đến ứa nước mắt. Đôi môi rung rung, nàng thì thầm:

- Anh đừng quên em, đừng bỏ em, anh nhé.

Bình xoa mạnh lưng cô bạn gái đáng thương, nói giọng cả quyết:

- Không bao giờ anh quên em đâu.

Tiếng còi xe lửa xé rách bầu không khí điếm tình. Bình đèo Ngọc-Nga đứng lên. Tay sách túi tằm, tay nắm chặt áo Bình, Ngọc-Nga quay hẳn

lưng lại toa xe lửa, như không muốn rời xa người bạn trai thân yêu. Bình vội bảo:

- Hãy can đảm bước lên xe, cho anh vui lòng nào, Ngọc-Nga!

Ngọc-Nga mỉm cười ngây dại, nói như mơ:

- Thưa anh, em về ạ.

Nàng thần thờ bước lên toa xe lửa, đi hẳn vào ghế trong, ngồi bên cửa sổ, đưa khăn tay lên vẫy. Bình mỉm cười nhìn theo, đưa tay vẫy lại, cho đến khi xe lửa đi khuất mới thôi. Bình đạp xe chậm chậm, đầu nghĩ mông lung. Tuy tự ái được ve vuốt, vì cử chỉ của Ngọc-Nga, Bình cảm thấy rất áy náy khi mường tượng lại sự đam mê nóng bỏng, không bình thường của người con gái, mà Bình chỉ coi như bạn thân khác phái. Cử chỉ đam mê ấy Bình đã từng đọc trong các cuốn tiểu thuyết tình cảm, nhất là tiểu thuyết dịch thuật từ các tác phẩm Âu Mỹ. Không ngờ ngày nay, chuyện đó lại rơi vào một mảnh đời của Bình, trong lúc Bình hẳn còn là thiếu niên vô tư, không có trách nhiệm nào, ngoài việc rèn luyện trí não và thân thể, chuẩn bị cho tương lai còn xa lắc. Bình chỉ muốn giao du với bạn trai, bạn gái, để vui đùa và trao đổi kiến thức. Bình không muốn là sở hữu của ai, mà cũng không muốn ai thuộc về mình. Bình biết chắc chắn, từ nay Bình bắt buộc phải giấu gia đình tất cả những thư từ của Ngọc-Nga gửi đến, hành động mà Bình rất e ngại, mỗi khi phải làm. Cũng may là Bình được hai tháng yên tĩnh, trước khi Ngọc-Nga trở lại. Bình hy vọng, theo kinh nghiệm sách truyện, khoảng trống của thời gian vắng mặt sẽ mang đến những thay đổi. Có thể nhờ đó mà Bình sẽ thoát khỏi tình trạng tiến thoái lưỡng nan này. Thực lòng, Bình không muốn mất người bạn gái như Ngọc-Nga, không muốn thấy nàng đau khổ vì mình. Nhưng lời nói “*Em sẽ chờ cho đến khi anh thành tài*” làm cho Bình vừa buồn

cười, vừa bực mình. Bình thấy Tự Do của mình bị thu nhỏ hẳn lại. Nghĩ đến đây, Bình nhún vai chép miệng: “Cứ để mặc cho mọi sự diễn tiến, xem chuyện này đi đến đâu. Việc gì mà lo lắng.” Có tiếng con trai, con gái, lao xao gọi:

- Bình !

- Anh Bình !

- Đi đâu mà mơ màng thế !

Bình bừng tỉnh, ngừng đầu lên, thấy mình đang đạp xe gần một cái hồ. Hồ này gần nhà Bình, nhỏ hơn hai cái hồ ở phía tây thủ đô, cũng mở quán nước và cho thuê thuyền. Dưới vệ hồ, Bình thấy Lãng, Lan, và Vân, đang ngồi trong một chiếc thuyền gỗ lớn. Họ là các bạn đồng môn của Bình tại võ đường Hoàng-Dũng. Lãng ở cách nhà Bình vài căn. Lan và Vân ở gần nhà nhau, nhưng xa khu phố của Bình và Lãng khoảng một cây số. Mỗi khi đi tập võ, Bình và Lãng đạp xe đến rủ Lan và Vân đi cùng cho vui. Lâu dần thành thói quen. Tuy nhiên, Bình chưa đi chơi với hai cô bạn võ sinh này bao giờ. Lãng từ dưới thuyền nói:

- Bọn tao còn hơn một giờ thuyền nữa, mày khoá xe, xuống đây chèo một lúc cho vui.

Lan nói:

- Anh Bình có sợ nước không đấy ?

Bình cười:

- Nước biển còn chả sợ, sợ gì nước hồ. Nhưng có đủ chỗ không? Nhỡ ụp thuyền, là các cô bị ướt đấy.

Lãng nói to:

- Không sao. Xuống nhanh đi mày, kéo phí thì giờ.

Bình khoá xe vào gốc cây, đi ra vệ hồ, bước nhẹ xuống thuyền, ngồi cạnh Vân.

- Vân hôm nay ít nói quá. Tôi ngồi đây được chứ ?



Vân từ nãy chỉ nhìn Bình đăm đăm. Thấy Bình ngồi cạnh, gợi chuyện, Vân cười để lộ chiếc răng khểnh, nói giọng êm như nhung:

- Tưởng anh quên Vân rồi chứ. Từ nãy anh không thèm nhìn Vân. Hay là hôm nọ Vân làm anh ngã đau, thành ra anh thù Vân đấy hả?

Bình cười hi hi:

- Bị ngã vì Vân là thú lắm ! Không thấy đau đâu. Thành ra không thù gì hết. Vân đừng lo. Thôi, nói đùa Vân một tí đấy. Sự thực là cũng khá đau, nên làm sao mà quên Vân được! Yên trí chưa?

Lan cười rộ lên, thò tay vớt nước hồ, búng vào Bình và Vân, bắt chước giọng đạo mạo:

- Này, ta làm phép cho hai người luôn luôn hoà thuận, cho tới lúc đầu hết xanh, răng hết mọc!

Lăng cười hô hố. Bình và Vân nhìn nhau, tùm tùm, trước tính nét mộc mạc của Lăng và Lan, lúc nào cũng ăn nói, cười đùa ào ạt, không thèm giữ ý giữ tứ. Bốn người bơi thuyền, chuyện trò vui vẻ, đến hết giờ, chèo thuyền về trả. Lăng hỏi Bình:

- Mà y có tiền không? Tao khát nước quá. Chắc Lan và Vân cũng muốn uống.

Bình sờ túi, rút ra mấy tờ giấy bạc, vui vẻ nói:

- Có tiền đây. Mời quý vị cứ tự nhiên gọi nước ngọt mà uống. Đủ cho mỗi người một chai.

Cả bọn tìm bàn gần các nhóm trẻ khác, kéo ghế ngồi xuống. Mọi người đồng ý uống kem soda. Lăng cầm tiền đi mua, mang về chia cho mỗi người một chai nước vàng vàng, ướp lạnh, mở sẵn, có que hút. Vân giở túi tẩm ra nhìn, ngừng lên, nói:

- Ai đói, có thể ăn bánh ngọt. Vân trả tiền cho.

Không thấy ai đòi ăn bánh ngọt. Lan cũng mở túi tẩm ra nhìn, rồi lại cười rộ lên:

- Còn ai muốn ăn chè sen long nhãn, thì... chớ có gọi ! Lần sau Lan mới trả cho được. Lần này, tiền còn ở nhà banque, chưa lấy về! Hề, hề.

Các trai gái ngồi xung quanh, thấy bốn người vui đùa, cũng xô nhau cười, rất nhộn. Trời hơi sẩm tối, Bình và các bạn kéo nhau ra khỏi quán nước nhà thuyền. Bình đạp xe cạnh Vân, Lăng đạp xe cạnh Lan, đi thành hai hàng đôi, nói chuyện ba hoa, trên đường phố bắt đầu lên đèn. Hai người con trai đưa hai cô bạn về tận nhà, rồi cùng nhau trở về khu phố của mình. Chia tay với Lăng ở cửa, Bình dắt xe vào trong sân, cảm thấy nhẹ nhõm, sau một vài giờ vui đùa vô tư với người bạn trai và hai cô bạn gái. Từ đó, chiều thứ Bảy nào, bốn người cũng rủ nhau đi bơi thuyền, uống nước. Thỉnh thoảng, họ mặc sẵn quần áo tắm bên trong, đạp xe ra bờ sông Nhị, xuống bãi cát, giải khăn, cởi quần áo ngoài, nằm phơi nắng. Khi muốn tắm, họ chia phiên, hai người ngồi canh xe và đồ đạc, hai người đi theo bờ cát thoải thoải, ra gần giữa sông, bơi lội, ngụp lặn. Quang cảnh bãi cát bờ sông Nhị, khi nước xuống, giống như bờ biển. Chỉ khác là không có sóng cao chạy từ ngoài vào, rồi đổ xuống ì ầm. Người ta, người tây, rủ nhau ra chơi đùa, tắm tấp, rất náo nhiệt. Lăng và Lan có thói quen tắm rất lâu. Bình và Vân ngồi trên bãi cát ngắm thiên hạ, nói chuyện, hoặc xây lâu đài bằng cát. Vân kếm Bình mấy tháng, nhưng chỉ đứng đến tai Bình. Nàng có nước da bánh mật, mái tóc đen nhánh, dài ngang lưng, buộc nửa chùng bằng dây vải hoa sặc sỡ. Lòng mày hơi thưa, cặp mắt dài hơi xếch, lòng đen mầu hạt dẻ đậm. Mũi khá cao, dài thanh thanh, đầu mũi hơi tròn, lỗ mũi hình nhị hoa sen, thoáng trông giống mũi của Rita Hayworth. Cặp môi hơi đầy, mầu nâu đỏ mọng, một bên môi hơi kên lên, vì trong có chiếc

răng khềnh khá to. Nàng hay mặc quần tây, áo veste cài nhiều khuy. Chân thường đi dép da, có giầy buộc chằng theo kiểu La-mã. Cổ tay cũng đeo đồng hồ, và vòng đồng của người Thượng du. Nàng thích thể thao, võ thuật, hiện đang học đánh kiếm tây. Nàng học trường con gái, và cũng chuẩn bị sang năm thi Trung học Phổ thông. Vân có kiểu nói chuyện mạnh dạn như con trai, không thích được chiều chuộng hoặc tán tỉnh. Mỗi khi đánh võ, nàng xuất thủ rất nhanh, và nổi tiếng có ngón đá ciseaux rất lợi hại : Từ đằng xa lao người tới, nhảy lên cao ngang đầu, hai chân như hai lưỡi kéo, quặp lấy cổ đối phương, quật ngã xuống, một chân kéo vào, một chân đẩy ra. Nếu không biết võ, người bị đánh có thể gãy cổ, hoặc bị kềm chế dưới đất, cho đến khi nghẹn thở. Nếu biết võ, thì phải nhào lộn thật nhanh, để tránh đòn. Bình đã được chỉ định tập ngón này với Vân. Lần đầu tiên hơi chậm, nên mặc dầu tránh được, Bình cũng bị ngã khá đau. Hai người ngồi nói chuyện trên bãi cát, chờ Lăng và Lan. Chờ lâu, Vân nằm nghiêng xuống, gối đầu lên cánh tay, ngủ thiếp đi. Bình lại có dịp ngắm cô bạn kỹ hơn. Vân trông rất khỏe mạnh và cân đối trong bộ áo tắm đỏ, có những chấm trắng khá to. Vân tỉnh dậy, mở mắt ra, thấy Bình nhìn mình, thì mỉm cười, nhắm mắt lại. Một lúc sau, Vân lại mở mắt, thấy Bình còn nhìn, bèn ngồi dậy, vui vẻ nói với Bình:

- Sao anh không nằm xuống nghỉ. Nhìn Vân mãi, có chán không?

Bình cười thẳng thắn:

- Ngồi buồn, chẳng biết nhìn ai hơn là nhìn Vân. Nhưng nếu Vân không bằng lòng, thì thôi.

Vân cười để lộ chiếc răng khềnh, nhìn Bình bằng ánh mắt dịu dịu:

- Vân chỉ muốn biết, nhìn Vân mãi như thế, anh thấy chán hay không thôi. Bạn bè với

nhau, có gì đâu mà bằng lòng với không bằng lòng. Chính Vân cũng hay ngắm anh thật lâu không biết chán. Nhìn nhau có tội tình gì đâu!

Luận điệu của Vân rất ngây thơ, bộc trực, làm Bình cảm thấy quý mến nàng hơn trước. Bình nghĩ thầm: "Giá mà Ngọc-Nga cũng giống như Vân, thì thật là vui." Thấy Lăng và Lan thân thiết nhau hơn mình và Vân, Bình thấy lo ngại cho Lăng, vì Lăng từng thổ lộ với Bình:

- Tao yêu Lan nhiều lắm. Đây là lần đầu tiên tao gặp một người con gái, và bị "coup de foudre" ngay! Lan cũng có vẻ cảm tao. Mà có thấy thế không, hử Bình?

Bình nghe Lăng nói, chỉ cho ý kiến nhè nhẹ:

- Đừng quên, chúng mình còn trẻ quá. Mà có biết câu thơ "*Yêu là chết trong lòng một tí*" không? Đối với Lan, mà phải thực tế và sáng suốt mới được.

Sở dĩ Bình nói như thế với người bạn trai, kể như thân nhất lúc đó, vì Bình đoán rằng, Lan và Vân giống nhau về quan niệm bạn bè: Chơi với nhau rất thân mật, thẳng thắn, không để ý tới chuyện tình cảm trai gái. Lăng nghe Bình nói, gật đầu tỏ ý chấp nhận lời khuyên của bạn. Nhưng khi trở về nhà, ngồi một mình, Lăng lại nhớ nhung Lan dữ dội, mơ ước chiếm được trái tim của nàng. Khi gặp Lan, Lăng vẫn tiếp tục thái độ cũ, nghĩa là biểu lộ tình yêu qua lời nói âu yếm, qua hành động sốt sắng đầy đam mê, trong bụng định ninh rằng, Lan thế nào cũng trở thành người yêu của mình. Tuy nhiên, Lăng chưa dám tỏ tình trực tiếp, bằng lời hoặc bằng thư. Biết bao lần, Lăng đã viết viết, xé xé những cánh thư tỏ tình. Biết bao lần, câu nói "*Lan ơi, Lăng yêu Lan*" đã đậu trên môi Lăng, để rồi lại bay đi mất. Trong khi đó, Lan vẫn hồn nhiên chơi với Lăng, y như với Bình và Vân, mặc dầu họ thường chia làm hai cặp: Lan-Lăng và Vân-

Bình. Lý do chính là, cách ăn nói, hành động của Lăng hợp với Lan, và của Bình hợp với Vân. Một đằng thì ồn ào, vui nhộn. Một đằng êm đềm, bình thản. Bình rất hiểu tình trạng này, và đồng ý với quan niệm về bạn bè của Lan và Vân. Bình lo rằng, một ngày nào đó, Lăng sẽ bị vỡ mộng, mất Lan. Nhóm Lăng-Bình-Vân-Lan sẽ tan rã.

Mỗi tuần, Bình nhận được thư của Ngọc-Nga một lần. Để trả lời, Bình cố tình viết thật giản dị, trong sáng, chỉ kể những chuyện vui của các hoạt động giới trẻ tại thủ đô. Tuyệt nhiên không có ý tưởng tình tự nào trong thư. Thời gian trôi qua, thấm thoát đã gần hai tháng. Chiều nay được nghỉ học, Bình về nhà, thấy lá thư của Ngọc-Nga ở trên bàn. Lá thư ngắn, viết vội vàng. Tiếp theo mấy lời yêu đương, có đoạn: “.....Lần này, em không lên gặp anh được. Em buồn lắm, khóc rất nhiều. Trong nhà mới có hai biển cố. Thứ nhất, bà nội em qua đời tuần trước. Thứ nhì, ba em mới nhận được lệnh đổi đến một tỉnh rất xa nơi ở hiện tại, và phải đi nhận chỗ làm mới, trong tuần lễ sắp đến. Mẹ em và em dĩ nhiên phải đi theo. Nhà đang ở phải nhờ người trong họ trông coi. Chỉ đủ thì giờ thu xếp hành lý, tiền bạc, mua vé xe. Thấy ba mẹ vất vả, chạy ngược, chạy xuôi, em không dám làm phiền thêm, mặc dù em như từ trên trời rơi xuống đất. Em không viết dài được. Anh tha lỗi cho em nhé. Khi nào an cư ở tỉnh sắp tới, em sẽ viết nhiều gấp trăm lần, cho anh địa chỉ, và tính toán việc mình gặp lại nhau. Yêu anh ngàn đời. Em của anh. Ngọc-Nga.”

Bình đọc xong, gấp kỹ lá thư, xếp vào hộp, cất trong ngăn kéo đồ chơi thú bé của Bình. Mơ màng nhìn ra chân trời xa xa, Bình nửa thấy tiếc nhớ người bạn gái thân nhất, nửa thấy khoan khoái, như một kịch sĩ mới đóng

xong vở kịch khó khăn. Với tình hình tranh chấp càng ngày càng nóng bỏng giữa quân tây và quân Việt-Minh, giao thông gián đoạn khắp nơi, việc Ngọc-Nga trở lại thăm thủ đô còn gian nan hơn đi du học. Bình hy vọng, thời gian và hoàn cảnh mới sẽ giúp Ngọc-Nga qua được cơn mê, trở lại với tình bạn trong sáng khi trước. Để đánh dấu biến cố có lợi cho mình, Bình lấy xe, đạp ra bờ sông Nhị, trèo lên mặt đê. Nước sông hôm nay lên cao, lấn cả chân con đê cỏ xanh bao phủ. Các bãi cát biển mất, nhường chỗ cho làn nước đỏ hồng, mênh mông, bát ngát. Dựng xe bên cạnh khẩu đại bác cũ rỉ, của tây bỏ không dùng, Bình trèo lên ngòi trên nòng súng, ngắm khung cảnh hùng vĩ của dòng sông đầy lịch sử. Trên con đê ngoằn ngoèo chạy ra hai phía, cứ độ một trăm thước, lại có khẩu đại bác cũ, nòng súng thường chĩa ra sông. Người đi chơi mát không đông lắm, kẻ đứng, người ngồi. Bình đang nhìn kỹ xem có ai quen, chợt thấy một cô gái mặc váy đầm, từ dưới đường đi qua đám cỏ, trèo lên bờ đê, đứng cạnh khẩu đại bác gần chỗ Bình ngồi. Thấy không phải người quen, Bình quay nhìn chỗ khác. Một lúc sau, Bình thấy như có ai nhìn mình. Quay lại, Bình thấy cô gái ban nãy đang từ từ đến gần. Trong ánh mặt trời phản chiếu từ sau lưng cô gái, Bình chỉ thấy mái tóc thẳng, dài xoã quá vai, vàng óng như mật, chiếc áo chemisier cụt tay, chiếc váy ngắn đến đầu gối có xếp nhiều plis, rung rinh theo bước chân nhẹ nhàng, gần như nhún nhảy trên đôi giầy cao gót. Chiếc ví nhỏ có quai dài, đóng đưa dưới tay nàng. Đến gần Bình độ hai thước, cô gái đứng lại. Bây giờ Bình mới thấy rõ nàng là một cô đầm, mắt xanh, da trắng, mũi cao và nhọn. Cô đầm ngược mắt nhìn Bình cười, đôi môi đỏ chót, hàm răng trắng phau. Bình hơi ngạc nhiên, mỉm cười lại. Cô

dầm cất tiếng trong trẻo, nhanh gọn, như tiếng dương cầm dồn dập, nói tiếng ta hơi khó khăn:

- Cậu Bình đấy, phải không?

Bình sức nhớ, nói nhanh:

- "Moi" là Bình đây. Còn "toi" là Jacqueline hay là Jeanne ?

Cô dầm cười khanh khách, tiến sát lại chỗ Bình ngồi, khẽ hát:

- "Chaque soir...tendrement...il vient chanter...sur la fenêtre..."

Bình reo lên:

- Jacqueline! Đi đâu có một mình thế này? Jeanne đâu? Maman Thêm đâu ?

Jacqueline nắm tay Bình kéo xuống:

- Cậu xuống đây nói chuyện với em.

Bình nhảy xuống, thấy ngay mình hơi thấp hơn Jacqueline. Không để ý, nàng kéo Bình ra bờ đê:

- Cậu ngồi xuống đây. Em kể chuyện cho mà nghe.

Bình ngồi xuống thăm cỏ trên bờ đê. Jacqueline ngồi cạnh Bình, hai tay để lên đùi, mắt nhìn Bình đăm đăm, miệng mỉm một nụ cười hiền hậu. Bình cũng khoanh tay tùm tùm cười, chăm chú nhìn Jacqueline. Những nét thơ dại của nàng ngày xưa hoàn toàn mất đi. Đôi mắt sâu hơn, nhưng vẫn trong xanh. Chiếc mũi cao hơn, nhọn hơn, lỗ mũi vẫn hình nụ hoa cúc non. Hai má không còn đỏ hồng, mà phơn phớt hồng. Đôi môi mỏng vẫn đỏ tươi. Chiếc cằm hây còn chẻ đôi, nhưng bớt dài, vừa vặn với chiếc cổ cao. Hai cánh tay có lông vàng mượt. Hai người im lặng nhìn nhau một lúc. Jacqueline bắt đầu kể chuyện bằng tiếng ta hơi khó khăn, thỉnh thoảng chêm mấy tiếng tây.

- Buổi trưa hôm đó, chúng em đi học về, được "maman" cho biết nhà cậu đã dọn đi. Em không tin, chạy sang xem, rồi về nhà lên

giường đắp chăn. Con Jeanne khóc âm lên, đòi "maman" đưa đến nhà cậu ngay. "Maman" hẹn sẽ đưa chúng em đến thăm cậu cuối tuần đó. Nhưng gần cuối tuần, con Jeanne bị sưng hàm, gọi là lên quai bị. Em cũng bị sốt và đau bụng. Em khỏi trước con Jeanne, nhưng phải chờ nó mười lăm ngày. Khi con Jeanne khỏi bệnh quai bị, bà ngoại chúng em ốm nặng, rồi chết. "Maman" chúng em buồn quá, gọi người bán nhà, mang chúng em tới ở nhờ một gia đình tây quen với "papa". Gia đình này chỉ có hai vợ chồng và đứa con trai. Cậu ấy về Pháp học, nên thừa một phòng. Nhà này là cái villa lớn, ở phố đằng sau rạp ciné Ciro's, gần bờ sông. Nhờ sự dàn xếp của ông bà bạn, "papa" và "maman" làm lành với nhau. "Papa" từ Pháp sang thăm "maman" và chúng em, xin Tòa Đại sứ làm giấy tờ chính thức cho gia đình, đưa chúng em vào trường tây. Sau đó, "papa" phải trở về Pháp giải quyết vài chuyện quan trọng, trước khi thu xếp mang gia đình về nước. "Maman" em bằng lòng ngay, vì "maman" thích ở lại quê nhà thêm một thời gian. Hơn nữa, chúng em cần phải học trường tây ở đây cho thật giỏi đã. Khi trước, chúng em chỉ được học trường tư gần nhà, các bài học không đúng chương trình của Pháp, lại hay bị nghỉ học, nên mọi thứ còn kém lắm. Sang Pháp ngay lúc đó, thế nào cũng phải học từ đầu, khổ lắm. Bây giờ, cả hai chúng em đều đã khá, và mới đỗ bằng Brevet. "Papa" đã trở lại đây được hai tuần lễ. Tuần sau "maman" và chúng em sẽ theo "papa" về Pháp.

Bình nhớ ra rằng, độ trước, Bình đi học chậm hơn Jacqueline và Jeanne mất một năm. Bình hỏi :

- Jacqueline có hay ra bờ sông chơi không? "Moi" hay ra đây, sao chúng mình không gặp nhau.

Jacqueline trả lời :

- Em hay đi thẳng từ nhà ra bờ sông ở tí phía sau Viện Bác cổ, cách chỗ này khá xa. Hơn nữa, có lẽ cậu và em đi chơi không cùng một lúc. Em chỉ ra bờ sông vào buổi chiều các ngày trong tuần. Buổi sáng, em phải đi học. Cuối tuần, cả nhà đi chơi xa với hai ông bà bạn. Vì thế chúng mình không gặp nhau. Nghĩ thật đáng tiếc!

Bình sực nhớ là chàng chỉ ra bờ sông tập võ lúc sáng sớm, ở gần cầu sắt cách đây khá xa. Bình đi chơi với Lăng và Lan, Vân, ở chỗ này vào buổi sáng, hoặc ngày Chủ nhật. Chiều hôm nay, Bình ra đây vì nhà trường cho nghỉ mấy giờ để hội họp. Bình hỏi :

- Sao hôm nay "toi" lại... lạc tới đây?

Jacqueline khẽ đập vào tay Bình :

- Cậu Bình điều tra kỹ quá! Có gì lạ đâu. Hôm nay, quăng đường đặng đó, hiến binh tập luyện, biểu diễn lái xe Harley, người xem đông nghịt. Em chỉ thích chỗ nào ít người, nên lần mò tới đây...

- Chẳng may gặp "moi", phải không?

Jacqueline cười buồn :

- May chứ! Sáu năm nay mới gặp nhau, em mừng lắm. Đây là một dịp để em sẽ không còn thắc mắc gì nữa.

- Thắc mắc chuyện gì thế? Sao "toi" không tìm đến nhà "moi"?

- Trong cuộc đảo chính Pháp, gia đình em và ông bà bạn phải đi trốn. "Maman" đánh mất mảnh giấy đề địa chỉ của nhà cậu. Từ khi gia đình cậu dọn đi, cho đến ngày hôm nay, em luôn luôn muốn biết cậu có giữ lời hứa, là sẽ chơi với em mãi hay không.

Bình trầm ngâm một lúc, rồi nói chậm chạp, rõ ràng :

- Hoàn cảnh đã, và có lẽ sắp sửa, không cho chúng mình dịp tiếp tục chơi với nhau.

Nhưng lời hứa của "moi" vẫn còn đó. Trong sáu năm nay, "moi" luôn luôn nhớ đến kỷ niệm của chúng mình. Sau này, và mãi mãi, Jacqueline là người bạn gái duy nhất mà "moi" không bao giờ quên được. Tình bạn đó sẽ tồn tại mãi như bài hát mà "toi" vẫn hát cho "moi" nghe.

Jacqueline cười thật tươi, chống tay đứng dậy:

- Em hiểu và ghi nhớ những lời cậu vừa nói. Em hết thắc mắc, và sẽ rời quê hương này với tâm hồn hoàn toàn nhẹ nhõm.

Bình đứng đối diện với Jacqueline, nhìn kỹ người bạn gái lần cuối cùng. Jacqueline cũng chăm chú nhìn Bình một lúc lâu, rồi quay đi. Như chợt nhớ ra điều gì, Jacqueline bước nhanh trở lại, ôm chặt lấy Bình, gục đầu lên vai chàng. Lần đầu tiên, Bình ngửi thấy mùi thơm gây gây của người con gái mới lớn. Một tay vuốt tóc, một tay xoa lưng Jacqueline, Bình hơi cảm động, nhưng trấn tĩnh được ngay, thì thầm nói:

- Adieu! Sois heureuse!

Jacqueline cũng thì thầm:

- Adieu! Bonne chance!...

Bình về đến nhà, trời nhá nhem tối. Dắt xe vào trong sân Bình thấy Lăng ngồi chờ trên chiếc ghế dài, đầu gục xuống. Nghe tiếng động, Lăng ngửng lên, hai mắt đỏ ngầu. Bình hát nhẹ cầm. Lăng nói giọng khàn khàn :

- Bình ơi! Tao mất Lan rồi!

*(Trích trong YÊU EM TỪ THUỞ ...*

*của BÌNH HUYỀN, Paris)*

>>> Quý Độc Giả nào muốn có bản tiếng Anh hoặc tiếng Pháp của bài này, xin liên lạc với tác giả qua Cơ Sở CỎ THƠM./.

# SUY GÃM VỀ CÁC NỀN TRIẾT HỌC TRONG TAM GIÁO NHÂN MÙA PHẬT ĐẢN

## Lê Thương Thương (Tức Lê Thương)

Xét theo niên lịch, ta thấy khoảng năm, sáu trăm năm trước lịch Cơ Đốc, hai khoảng đại lục Trung Hoa và Ấn Độ đã đồng thời phát triển ba hệ thống Phật, Khổng, Lão, thường được gọi là Tam Giáo (hay Tam Giáo Đông Nguyên). Trong ba học phái này, tương đối Lão Giáo ít ảnh hưởng nhất, còn học thuyết của Phật và Khổng đã ảnh hưởng sâu đậm đến trí não và đời sống của người Á Đông.

Đứng trên phương diện nghiên cứu các nền triết học của Tam Giáo, thiết tưởng nên cần nhấn mạnh đến Phật học hơn vì lý do giản dị rằng Phật Giáo đã phát triển được một nền triết học hoàn bị và trọn vẹn hơn cả. Những kinh và luận của nhà Phật là cả một kho tàng triết học bao la trong khi bên Lão Giáo kinh sách chỉ vồn vện trong cuốn Đạo Đức Kinh và một vài cuốn của Trang Tử, còn bên Khổng học, môn học về Bản Thể Luận chỉ thu tóm trong cuốn Kinh Dịch và ít được đem ra truyền dạy, phải chờ cho tới thời nhà Tống các nho sĩ mới đem bộ sách đó ra nghiên cứu và bàn luận cho thêm rõ nghĩa.

Về Lão Giáo, người sáng lập ra học thuyết này là Lão Tử, tên Đam, sinh khoảng năm 604 trước Tây lịch, làm quan Quản thủ thư viện dưới thời nhà Chu. Trong suốt thời gian làm quan, Ngài không hề viết sách vở gì để truyền bá tư tưởng mình trong dân gian mà chỉ đem truyền dạy cho một số học trò ít ỏi. Sử chép rằng khi nhà Chu hết trị vì thiên hạ, Lão Tử bèn bỏ việc quan và đi sang lãnh thổ Tây Tạng. Khi đến biên thù, viên quan trấn biên ải nhận ra Lão Tử, vì vốn hâm mộ tiếng từ lâu nên cố giữ họ Lão lại xin truyền Đạo cho mình. Ngài ưng chịu ở lại đó một thời gian, viết xong bộ Đạo Đức Kinh, giao bản thảo cho viên quan trấn ải rồi leo lên lưng trâu tiếp tục cuộc hành trình về phía Tây Tạng, từ đó không ai được biết gì về Lão Tử nữa.

Học thuyết của họ Lão điểm màu bi quan của một kẻ sống giữa thời ly loạn. Học thuyết này hầu như dành cho một số người hết sức ít ỏi có một trình độ kiến thức siêu việt lấy đó làm phương châm tu luyện và quan niệm xuất xử. Tư tưởng của Lão Giáo là một phần yếm thế muốn coi cuộc nhân sinh trước mắt như một điều “cực chẳng đã” của thân phận con người. Theo họ Lão, yên nguyên của mọi sự vật trong

cõi đời này là một thực tại thuần nhất, vô hình, vô ảnh. Lão Tử gọi thứ bản thể tuyệt đối đó là Đạo. Cũng như nhà Phật sau này xướng nên thuyết không dùng văn tự, Lão Tử cho rằng bản chất của Đạo không thể nào diễn tả bằng ngôn ngữ của thứ nhận thức thông thường được. Quan niệm của Ngài là “đạo khả đạo phi thường đạo” (đạo mà có thể đem ra bàn được thì không phải là đạo). Ý họ Lão muốn nói thực tại tuyệt đối nằm trong một lãnh vực, một kích độ khác hẳn lãnh vực nhận thức thông thường của người đời, và sự thức giác bản thể tuyệt đối không phải do sự thức giác thông thường của ngũ quan mà là do sự trầm tư mặc tưởng, trong đó con người phóng nội tâm của mình để thăm dò và thể nghiệm bản thể tuyệt đối.

Nguyên nguyên đã là Đạo, còn cứu cánh của cuộc đời cùng phép xuất xứ của con người thì Lão Tử quan niệm rằng cứu cánh đời sống con người là phải trở về Đạo, thực hiện sự hòa đồng giữa tiểu ngã con người và đại ngã vũ trụ. Sinh hoạt của con người không phải đi sâu vào ngoại giới, chú trọng sự tổ chức cuộc nhân sinh trước mắt. Lão Tử đã đề xướng nên một thuyết gọi là thuyết “Vô Vi” để làm phương châm tu luyện cho người đời. Thuyết “Vô Vi” này không phải áp dụng vào việc tổ chức nhân sinh xã hội mà chỉ nhằm mục đích tu luyện tư tưởng và tâm linh phần nội tâm của con người tương tự như một tấm gương hoặc mặt nước đại dương, nếu vẩn bụi hay gợn sóng nhấp nhô tất nhiên không thể nào phản chiếu một cách trung thực và trọn vẹn hình ảnh của mặt trời. Nội tâm con người cũng thế, muốn phản chiếu được bản thể tuyệt đối và đạt tới trạng thái Đạo thì cần phải

binh thân, phẳng lặng. Đối với thể nhân, mỗi một hành động, mỗi tư tưởng, mỗi tình tự đều làm gợn sóng trong nội tâm và che lấp hình ảnh hoặc trạng thái thực tại tuyệt đối của Đạo. Tóm lại, thuyết “Vô Vi” của Lão Giáo cốt dạy người đời tu luyện nội tâm lúc nào cũng giữ được trạng thái bình thân, phẳng lặng. Làm mà không coi như mình làm để tránh cái chấp của người làm với đối tượng việc làm, tránh sự cách biệt giữa ngã và vô ngã, suy tư hay cảm xúc mà không để vướng bận với cái chấp về suy tư và xúc cảm. Đó là triết lý mà Lão Tử đã nêu lên để hướng dẫn người đời tu luyện bản thân mình.

Về phương diện mật giáo hay mật truyền, Lão Tử hoặc các môn đệ có lẽ có truyền dạy những phương pháp để đào luyện thể chất cùng tâm tư. Thực hành như thế, người tu Đạo sẽ dần dần đạt được trạng thái Đạo trong người, sẽ hòa đồng được với đại ngã và tiêu diệt hết mọi phiền não. Tuy nhiên, nói đúng ra, Lão Giáo nhiều khi có tính cách nghiêm ngặt của một thực nghiệm chủ nghĩa, và luân lý của đạo Lão nêu ra không phải là một thứ luân lý cho thường nhân, nó chỉ là cái luân lý dành cho một thiểu số tu luyện siêu việt, có một quan niệm Thiện, Ác khác với thông thường.

Còn về Khổng Giáo, hay Nho Giáo do Đức Khổng Phu Tử khai sáng. Khổng Tử sinh vào tháng 10 năm Canh Tuất, tức năm 551 trước Tây lịch kỷ nguyên, là năm thứ 21 đời vua Linh Vương nhà Chu. Khổng Tử người làng Xương Bình, huyện Khúc Phụ, phủ Duyện Châu, tỉnh Sơn Đông bên Trung Hoa. Ngài gốc người nước Tống, còn dòng dõi ba đời sang sống ở nước Lỗ.

Tuy được tiếng học rộng, uyên bác nhưng vua nước Lỗ vẫn không dùng Khổng Tử, phải đợi đến năm thứ 19 đời vua Kinh Vương nhà Chu mới được vua nước Lỗ vời ra làm quan với chức Trung đô tể, lúc ấy Khổng Tử đã 51 tuổi. Một năm sau được phong lên chức Đại tư khấu. Giữ chức Đại tư khấu được bốn năm, vua nước Lỗ lại phong Ngài lên chức Nhiếp tướng sự (tức là chức Hình bộ thượng thư), coi về chính trị trong nước nhờ thế mà nước Lỗ lúc bấy giờ rất thịnh trị. Về sau vua nước Lỗ ham mê tử sắc không chăm lo việc triều chính nên Ngài buồn chán rồi từ chức và bỏ đi chu du khắp thiên hạ từ nước Vệ đến nước Tần, nước Khuông, nước Tống, nước Thái, nước Diệp... cốt đem cái đạo của mình ra giúp đời.

Khi Khổng Tử mất, học trò thương khóc thảm thiết, ai cũng để tâm tang ba năm (tâm tang là thâm kín để tang trong lòng chứ không mặc tang phục). Ngài mất, mộ được chôn ở Khổng Lâm, cách huyện Khúc Phụ thuộc tỉnh Sơn Đông khoảng hai dặm. Có đến hơn 100 học trò làm nhà ở gần mộ của Ngài cho đến hết tang. Riêng thầy Tử Cống ở bên cạnh mộ Đức Khổng Tử đến sáu năm. Môn đệ của Khổng Tử thì nhiều, trong số đó có 72 người nổi tiếng tài giỏi, đạo đức, tinh thông lục nghệ mà người đời thường gọi là “Thất thập nhị hiền”. Trong số 72 người này có người nổi tiếng về đức hạnh như thầy Nhan Uyên, thầy Nhan Hồi, thầy Mặc Tử Khiên, thầy Nghiễm Bá Nguru, thầy Trọng Cung; có người nổi tiếng về đường chính sự như thầy Nhiễm Hữu, thầy Quý Lộ; có người nổi tiếng về đường văn học như thầy Tề Ngã, thầy Tử Du, thầy Tử Cống, thầy Tử Hạ...

Cái đạo của thánh hiền ngày xưa được Khổng Tử ghi chép trong các sách Dịch, Thư, Thi, Lễ, Nhạc. Ngoài ra, Ngài còn biên soạn bộ sách Xuân Thu để gởi gắm nhân sinh quan của mình về chính trị, xã hội. Sách của Khổng Tử soạn ra có tất cả là sáu bộ, thường được gọi là Lục Kinh. Sau khi Khổng Tử mất, những sách ấy cũng bị thất lạc nhiều.

Về Khổng Học, như nhiều người đã rõ, thường vụ vào sự quy định một nền luân lý thực tiễn cho sự sinh hoạt xã hội hơn là sự thiết lập một hệ thống triết học nhận thức hoặc một tôn giáo. Cuốn Kinh Dịch chỉ được san định trong lúc tuổi già của Khổng Tử để làm căn bản triết học cho một đạo sống thực tiễn. Khổng Tử cũng cho rằng uyên nguyên của vạn vật là do một thực tại tuyệt đối có những tính chất tương tự như Đạo của Lão Tử. Thực tại tuyệt đối đó được mệnh danh là Thái Cực. Nhưng trong cái trạng thái im lìm và thuần nhất của nó, Thái Cực thực ra đã chứa sẵn bên trong hai nguyên động lực tương sinh tương khắc gọi là Dương Nghi, tức âm và dương. Hai nguyên tắc âm và dương đó tương khắc lẫn nhau để tiếp tục phân hóa thành tứ tượng. Rồi cứ như thế mà lần lượt phân hóa mãi thành muôn vàn hiện tượng của vũ trụ này. Đó là quan niệm của Khổng Học về cách thức và lịch trình hiện tượng hóa mà nhiều người gọi là dịch hóa, và về vấn đề này ta phải nhận rằng Khổng Học đã giải thích rõ ràng hơn Lão Giáo. Đi sâu hơn nữa, cuốn Kinh Dịch đã dần dần kết tập sự chuyên hóa của âm dương thành 64 quẻ mà mỗi quẻ tượng trưng cho một trạng thái tương quan giữa trời, đất và con người.



Quan niệm nhận thức của họ Khổng thực ra cũng không khác biệt chi với quan niệm của họ Lão vì cả hai đều công nhận một thực tại tuyệt đối, và lý tưởng của họ Khổng cũng là sự hòa đồng giữa tiểu ngã con người với đại ngã vũ trụ. Cho nên Khổng Học có nêu lên thuyết “Thiên Nhân tương dưỡng” làm quan niệm căn bản. Nhân lý cũng chỉ là một sự phản ảnh của thiên lý. Có một điều khác với Lão Tử là Khổng Tử thường chú trọng đến vấn đề muốn chiếu rọi quan niệm về thiên lý của mình vào cuộc sống nhân sinh thực tiễn để quy định thành một nền luân lý, một phương pháp xuất xử chi phối đời sống.

Đạo làm người của nhà nho thường được thu gọn trong chín chữ “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Hai chữ “tu thân” ở đây chỉ bao hàm ý nghĩa thông thường là giữ gìn thể chất cùng tâm linh cho thanh bạch để sẵn sàng bước vào con đường “tề gia” và “trị quốc”. Hai chữ đó không có ý nghĩa mật truyền của sự tu luyện như Lão Giáo, vì sự tu luyện của họ Lão là cả một công phu phấn tỉnh nội tâm để đạt tới trạng thái im lìm, thuần nhất, mẫu nhiệm của thực tại tuyệt đối. Cũng cần ghi rõ thêm rằng, theo sách truyền lại, Khổng Tử có một đôi lần tỏ ý hết sức thán phục quan niệm của họ Lão, và đã từng ví Lão Tử như một con rồng còn ẩn mình.

Người đệ tử được Khổng Tử khen ngợi nhất là Nhan Hồi mà Nham Hồi lại là một người không hề có “trị quốc”, “bình thiên hạ” chi cả. Thầy Nhan Hồi chỉ sống trong một ngõ hẻm lầy lội với một giỏ cơm, một bầu nước nhưng đặc điểm của thầy là đạt tới trạng thái “tọa vong”. “Tọa vong” có

nghĩa là ngồi mà quên được, cũng như Lão Giáo gọi là nhập đạo và nhà Phật gọi là thiền hay nhập đại định. Nói tóm lại, mặc dù trên quan niệm nhận thức về bản thể sự vật, Khổng Học không có nhiều điểm dị biệt với Lão Giáo, song dụng tâm của Khổng Tử là muốn phục vụ ngay cuộc nhân sinh trước mắt và xây dựng lại nền xã hội loạn ly của thời Xuân Thu vì thế mà ảnh hưởng của Khổng Học sâu dày gấp bội ảnh hưởng của Lão Giáo.

Riêng về Phật Giáo, khi khảo lục địa Trung Hoa nhìn thấy sự phôi thai của Khổng Học thì khảo đại lục Ấn Độ cũng biến thành xứ sở của một nền triết học hết sức quán triệt, đó là Phật Giáo.

Đứng trên phương diện nhận thức, Phật Giáo đã đem lại một quan niệm thật hoàn bị và trọn vẹn trên các lãnh vực khác hẳn với Khổng Học và Lão Học.

Phải nói rõ rằng sự xây dựng nền triết học Phật Giáo không phải hoàn toàn do công trình riêng của Đức Thích Ca mà do công phu san định của hàng trăm triết gia thuộc hàng chục tông phái nhà Phật. Thật ra, trong suốt thời gian sinh tiền, Đức Phật chỉ thuyết pháp nhiều nhất về Tứ Diệu Đế và Thập Nhị Nhân Duyên mà hai đề tài này thuộc phần giáo lý để tu luyện hơn là triết học nhận thức, có lẽ chỉ đem mật truyền rồi về sau hàng trăm đệ tử thuộc các tông phái mới đem hoằng dương thành thiên kinh, vạn quyển.

Kinh sách đã bao la như vậy, các tông phái cũng nhiều, như nhiều người đã rõ, trước khi Phật Giáo ra đời, nền Ấn Độ Giáo đã khá thịnh hành trong cõi đại lục Ấn Độ.

Nền tôn giáo này đã lấy những cuốn sách cổ học Vedas để làm thánh kinh. Loại trừ một số tín ngưỡng nhiều phức tạp, những nghi lễ thờ phụng rắc rối để củng cố và cải thiện hệ thống thân linh, Ấn Độ Giáo tuy nhiên cũng đã bao hàm một vài quan niệm triết học rất sâu sắc mà sau này nhà Phật cũng phải thu nhận.

Tới khoảng thế kỷ thứ VI trước Tây lịch, nền Ấn Độ Giáo đã xây dựng thành một chế độ tôn giáo được chỉ đạo bởi một đẳng cấp đạo sĩ (Brahmans), song vì lễ nghi ngày một thêm phiền toái, nghiêm ngặt quá vụ về hình thức, các giáo điều ngày một thêm cứng nhắc và sự phân chia đẳng cấp ngày một thêm rõ rệt, cách biệt nên vào thời đó, một phong trào cải cách được đề xướng và người cầm đầu phong trào này là Đức Thích Ca Mâu Ni.

Các sử liệu đều chép lại rằng Đức Thích Ca vốn là Thái tử Tất Đạt Đa (Siddhartha), dù sinh trưởng vào một địa vị tột bậc cao trọng, mặc dù có vợ và một con, Tất Đạt Đa vẫn trưởng thành trong môi trường đó với một tâm tư hết sức u uất, khắc khoải. Nhiều lần Thái tử đi dạo chơi nơi các cửa thành và mỗi lần như thế đều gặp hoặc một đứa bé, hoặc một cụ già lụ khụ yếu đuối hay một người tàn tật, một người ăn mày rách rưới, một xác chết v...v... Trước những cảnh đó, Thái tử dần dần giác ngộ rằng đời là vô thường, là một bể khổ, và con người không thể tránh được sinh, lão, bệnh, tử vì thế Đạt Đa rắp tâm phát nguyện quy y để trở thành người tu sĩ.

Rồi một đêm kia rời bỏ gia đình, vợ con, rời bỏ cung điện nguy nga, lầu đài

tráng lệ, Thái tử ra đi tìm đạo giúp đời. Trong khoảng bảy năm trường cùng với năm người bạn đồng hành nữa, Thái tử đã thí nghiệm hết các phương pháp tu luyện của các tông phái đương thời. Phải nói rằng các phương pháp đó đều cực kỳ khổ hạnh, cốt diệt trừ những chấp về thể xác và đó chỉ là những bước đầu trong đạo thiên nhà Phật sau này. Tuy nhiên, sau bảy năm trời tu luyện, Thái tử vẫn thấy không làm tiêu tan nổi những khắc khoải trong lòng. Bỏ năm người bạn đồng hành lại chốn cũ, một mình bèn đi thẳng vào rừng sâu tới ngôi dưới gốc cây bồ đề phát thệ nhập đại định. Đến một ngày kia, lời thệ nguyện thấy thành tựu, Thích Ca bèn trở về chốn cũ, hợp lại năm người bạn xưa vẫn còn tu khổ hạnh, lên diễn đàn trong một khu rừng gần thành phố Benares ( Ngày nay được đổi tên là thành phố Varanasi, ở miền đông bắc Ấn Độ) để thuyết giảng giáo lý nhà Phật.

Triết lý nhà Phật có đưa ra hai quan niệm, quan niệm thứ nhất là luân hồi, tức là quan niệm về cuộc hành trình của linh hồn từ thời vô thủy đến thời vô chung, tu luyện qua hằng hà vô số kiếp, trải qua muôn ngàn thể chất và hiện thân để đạt tới trạng thái thanh tịnh siêu thoát. Quan niệm thứ hai là tính chất đồng nhất của tiểu ngã con người (Athman) và đại ngã vũ trụ (Brahma). Nhà Phật quan niệm rằng đời là một bể khổ, từ kiếp này qua kiếp khác, nước mắt chúng sinh chứa đầy bốn bể. Con người bị khổ vì đứng trước những hiện tượng vô thường huyền ảo, mỗi một huyền ảo lại phát sinh ra một huyền ảo khác và cứ như thế cho đến vô cùng tận. Tất cả những cái ác, cái khổ trong con người đều do sự cách biệt phân tán, Sự ác lấy nguyên nhân ở chỗ thức giác

con người (Tiểu ngã) tự nhận là mình khác biệt với Đại ngã và vũ trụ như một thực tại ở ngoài mình. Trái lại sự thiện là do ở chỗ cố vượt qua tất cả những gì cách biệt để tìm tới hòa đồng. Tự đem tâm hồn mình rời bỏ những cách biệt tương đối để biến vào sự hòa đồng tuyệt đối, rời bỏ sự thức giác đa nguyên để trở lại thể nghiệm đồng nhất, đó là lối siêu thoát cho con người. Nhưng làm thế nào để đạt tới trạng thái đó? Bằng cái chết chăng?. Cũng không phải vì dù có chết đi linh hồn cũng sẽ đầu thai thành một hiện thân khác, cao hơn hay thấp hơn trong tôn ti của tạo vật tùy theo cái nghiệp quả (karma) tốt hay xấu. Lối giải thoát là linh hồn cần tu luyện qua các đời kiếp để làm thanh sạch hết các nghiệp xấu. Lúc đó mới có thể đạt tới trạng thái Niết Bàn thanh tịnh được. Vì thế, Phật Giáo đã đề xướng những phương pháp thực hành như trầm tư mặc tưởng, thiền, cầu nguyện... để linh hồn có thể chóng về Đại ngã.

Riêng luận về hiện tượng giới, nhà Phật cho rằng Chân Như vốn là cõi thường tịch toàn giác song trong thường tịch toàn giác vốn có sẵn cái vô minh. Vô minh là vọng niệm hốt nhiên có vọng niệm khởi ra là bởi vô minh. Bởi tại vô minh nên đang tịnh lại làm động, đang thuần nhất lại làm sai biệt. Vô minh sinh ra vọng niệm, đã có vọng niệm thành ra có sai biệt đối lập, có chủ quan khách quan, có tự ngã, có không thời gian và chính những sai biệt đối lập phát sinh ra vạn vật. Tuy nhiên, vạn vật không thể nào tồn tại ngoài Chân Như được. Chân Như tuy bị vô minh kích thích nên sinh ra điều động, nhưng trong động vẫn có tịnh mà tịnh vẫn không rời động. Các triết gia nhà Phật thường ví Chân Như

với vũ trụ hiện tượng như nước biển với sóng. Sóng không hẳn là nước nhưng cũng không là nước được. Nên sóng có thể coi như một thứ vọng niệm của nước biển bị điều động.

Phật Học cũng còn bàn đến Giải Thoát Luận, nhưng phần này thuộc về đức lý tôn giáo và phương pháp tu luyện cho con người có thể trở về với Niết Bàn tịnh thổ. Về vấn đề đức lý và phương pháp này, mỗi tông phái chủ trương một lối. Có phái chủ trương khổ hạnh (hạnh đầu đà) để tiêu diệt hết các chấp về thể xác. Có phái vụ về hành động để gây duyên lành tương trợ cho nội tâm. Trên đại thể, giải thoát luận của nhà Phật có đặt định những phương pháp tu luyện thể chất và tâm linh, cốt diệt trừ toàn bộ các chấp về thể xác, hết thảy các vọng niệm vô minh trong nội tâm, gội rửa hết các chấp tự ngã, biến nội tâm thành một tấm gương sạch bụi để trở lại trạng thái thường tịch, toàn giác và vạn năng.

Tóm lại, xét cho kỹ các nền triết học trong Tam Giáo, nếu học thuyết của Lão dành cho một số người ít ỏi có một trình độ kiến thức siêu việt, hoặc học thuyết của Khổng thường chỉ vụ vào sự quy định một nền luân lý thực tiễn cho sự sinh hoạt xã hội thì học thuyết của nhà Phật lại rực rỡ muôn màu như những hạt kim cương lóng lánh trong lòng nhân thế, vượt hẳn lên trên Khổng Học cũng như Lão Học.

**Mùa Phật Đản 2008 - Phật Lịch 2552**  
**Lê Thương Thương (Lê Thương)**  
Richmond – Virginia

# HÀNH HƯƠNG TỬ ĐẠI DANH SƠN

NGUYỄN THỊ XUÂN NGA

Ngày mùng 6 tháng 9-2007, chùa Giác-Hoàng đã tổ chức chuyến hành hương Trung Quốc để viếng thăm bốn ngọn núi danh tiếng tại đây là: Ngũ Đài Sơn, Nga Mi Sơn, Cửu Hoa Sơn và Phổ Đà Sơn. Cuộc hành trình kéo dài 18 ngày. Chuyến đi này ngoài tôi và chị Nga, còn có con trai tôi là Trường Giang cùng đi nên chị em chúng tôi rất yên tâm về vấn đề sức khỏe vì con tôi là Bác-sĩ Y-khoa.

Ngày 6 - 9 2007 phái đoàn cùng anh Phú, khởi hành từ phi-trường Dullas ở Washington DC. Sau hơn 13 giờ bay thì tới Bắc-Kinh và được anh Diên hướng dẫn viên đón . Phái đoàn ngụ tại khách-sạn Traders Hotel Beijing hai đêm..

Ngày mùng 8 tháng 9 chúng tôi bắt đầu đi thăm thành phố.

## QUẢNG TRƯỜNG THIÊN AN MÔN.-

Quảng Trường Thiên An Môn rộng nhất thế giới, 400,000 km Đó là một khu rất rộng lớn, được lát đá xanh nhẵn bóng và sạch sẽ. Khi vừa bước tới khu vực này tôi cảm thấy bồi-hồi thương cảm khi nghĩ đến tại đây đã xảy ra cuộc biểu-tình của hàng ngàn sinh viên và họ đã bị xe tăng đàn áp, chết một cách tức tưởi! Quảng Trường Thiên An Môn rộng mênh-mông, có thể chứa cả triệu người, du khách đi nườm nượp, có chỗ chen-chúc nhau. Thiên An Môn có tường sắt vây quanh, được sơn màu vàng nhạt. và có trạm lính gác. Phái đoàn, kẻ đứng người ngồi chụp chung tám hình để kỷ-niệm tại đây. Trung Quốc có 1 tỷ 300 triệu dân.

## TỬ CẨM THÀNH.-

Cố Cung Tử Cẩm Thành là một cung điện đồ-sộ, chiếm một diện tích rộng lớn, nơi mà các

vua đời Minh và đời Thanh ngự-trị từ năm 1368 đến 1911 mà bây giờ gọi là “The Palace Museum”. Toàn thể cung điện được bao bọc bởi những bức tường thành bằng đá đỏ, cao và dày, xây rất kiên-cố. Trong thành rất nhiều cung điện được xây liên tiếp nhau, và mỗi điện lại được ngăn cách bởi những bức tường bằng đá trắng, điêu khắc tỉ-mi và thật đẹp.và có cửa ra vào gọi là môn, như Nguyệt hoa môn, Đào nghĩa môn,Ninh quang tả môn,Tĩnh quang môn, Long phúc môn, Tăng thụ môn, Thiên hòa môn, Nhân thọ môn... Chặng kiểm-soát vé ở cửa mang tên là Thị môn. Lối vào này lại chia ra làm Trung môn, Tả môn, hữu môn là lối đi riêng cho vua và quan văn, quan võ. Toàn thể cung điện có tất cả là 9,999 phòng, không kể lớn hay nhỏ, cứ 4 cây cột gọi là một phòng. Người ta giả dụ rằng nếu một đứa trẻ mới sinh ra được đem vào đó cho ngủ mỗi đêm ở một phòng , sau khi ngủ hết số phòng trong đó thì đứa trẻ đã trở thành một thanh niên 27 tuổi. Theo người Trung hoa thì con số 9 là số tốt nhất nên hai bên lối đi để vào trong Điện Thái Hòa được ngăn bởi bức tường làm nổi hình 9 con rồng trắng tức là cửu long, tượng trưng cho uy quyền của vua. Do đó có những danh từ như Cửu Môn, Cửu Đài, Cửu Phẩm...Tất cả các cung đều có mái cong lợp ngói.,có các hình thù hoa, lá hoặc con vật, đặc biệt là rất nhiều hình rồng, phượng; các cửa ra vào đều sơn màu đỏ. Toàn thể các điện đều có nhiều màu sắc rực-rỡ. Trung Chính Nhân Hòa là nơi vua ngự trong đó có ngai vàng. Điện Thái Hòa là chỗ cho vua và các quan hội họp hàng ngày. để bàn việc nước.. Phía sau điện Thái Hòa là Tam Cung Lục Viện tức nơi ở của Hoàng Hậu cùng các Cung Phi và

Cung Tần Mỹ Nữ. Lại có Dưỡng Tâm Điện là nơi Hoàng hậu và các Cung phi tới nghỉ ngơi. Ở bên bờ tường của các điện đều đặt vô số những vạc bằng đồng rất lớn, nặng cả ngàn cân, được chứa nước để dùng chữa cháy trong trường hợp cung điện xảy ra hỏa-hoạn; tổng cộng có tất cả 306 vạc đồng. Ở phía sau có vườn Thượng Uyển là nơi vua và hoàng hậu dạo chơi để ngắm hoa những lúc trời đẹp.. Trong vườn có những cây đại cổ thụ đã sống cả ngàn năm. Những cây này gốc có hình thù rất lạ, phình to ra và thân cây không có vỏ, họ đã rào chung quanh cây để bảo vệ. Trong vườn có những ngọn giả sơn, hình thù rất lạ. và cũng còn có bầy phiến đá lớn gọi là Thất Hiền, tượng trưng cho bảy người hiền. Lại có công viên gọi là Cung Viên Hoàng Gia Cảnh Sơn. Các cung điện có cái một tầng có cái tới ba bốn tầng lầu và có lan can nữa.. Trong thành cũng có Lễ Nhân Trạm là nơi tiếp đãi các Sứ Thần của các nước chư hầu đem phẩm vật đến để cống hiến. Các điện đều được xây cất trên phần đất cao nên muốn vào đó đều phải leo những bậc bằng đá, thường thường là ba khúc mỗi khúc 9 bậc.

#### THIÊN ĐÀN.-

Thiên Đàn được thiết lập vào Đời Minh, năm 1420 trên một diện tích rộng 2 vạn 730 ngàn thước vuông, làm bằng gỗ đem từ Nepal sang, hình tròn, mái có ba lớp, lợp ngói màu xanh đậm, chung quanh viền đỏ. Khoảng cách giữa các mái là những phiến gỗ màu xanh lam, khắc hình hoa lá rất tinh-vi. Màu sắc được pha trộn rất hài hòa. Bên trong gọi là Kỳ Liên Điện là nơi mà vua và các quan đến đó để tế lễ mỗi năm ba kỳ là: Tiết Tiêu Ngưu vào mùa Xuân, Tiết Đoan Ngọ vào mùa Hè, và tiết Đông Chí vào mùa Đông. Trước kỳ tế lễ ba ngày, vua phải tới đó ở để giữ trong sạch và ăn chay. Mục đích của việc tế lễ là cầu cho quốc thái dân an và có khi cầu đảo tức là cầu cho trời mưa khi bị hạn hán. Thiên Đàn được vây quanh bởi ba lớp

hàng rào chắc chắn bằng đá trắng, từ thấp lên đến cao, cách đều nhau 9 bậc. hàng rào cũng được chia ra từng khúc, mỗi khúc có 9 miếng. Có nhiều lối đi vào điện bằng những bậc thang bằng đá xanh. Toàn thể đều có tam cấp, mỗi cấp có 9 bậc thang. Điện này kiến trúc theo hình tròn, không có xà ngang, chỉ có các cột để chống đỡ.. Trong điện có 4 cột gỗ lớn nhất, sơn son thiếp vàng, tượng trưng cho bốn mùa; Xuân, Hạ, Thu, Đông. Phía ngoài có 12 cột nhỏ hơn, tượng trưng cho 12 tháng trong năm. Phía ngoài lại có 12 cột nữa tượng trưng cho 12 tiết trong một ngày. 12 cộng với 12 là 24, tượng trưng cho 24 tiết trong năm. Cộng thêm 4 cột nhỏ ở bên trên thành 28, tượng trưng cho chòm sao Nhị Thập Bát Tú. Thêm 8 cột nhỏ nữa cộng lại là 36, tượng trưng cho 36 vị tiên cang. Còn một cột nhỏ nữa ở trên đỉnh là cột chống Trời, tượng trưng cho sức mạnh của vị Thiên-Tử. Cứ nhìn cách kiến trúc các cung điện của người Trung-Hoa cả gần ngàn năm về trước thì chúng ta cũng phải thán phục là họ có trí thông minh và khéo léo, thành phần xây dựng đều có ý nghĩa.

#### CUNG ĐIỆN MÙA HÈ.-

Buổi chiều hôm đó phái đoàn đi thăm Di Hòa Viên tức là Cung Điện Mùa Hè, rộng 270 hecta, là nơi mà bà Từ Hy Thái-Hậu thường đến đây nghỉ ngơi trong những tháng Hè. Năm 1860-1900 tám nước đánh vào Trung-Quốc, Di-Hòa Viên bị phá hủy, chỉ còn cái nền. Năm 1903, Từ Hy Thái Hậu, lấy số tiền xây trường Hải-quân để xây Di Hòa viên. Ở đây có một cái hồ nhân tạo rộng mênh-mông. Trong hồ có một khúc được thả sen. Tuy lúc đó đã vào Thu rồi mà giữa những lá xen thật lớn màu xanh, thỉnh thoảng được điểm thêm những bông hoa sen to màu hồng thật dễ thương. Bà Từ Hy thích câu cá nhưng lại không muốn ngồi trên thuyền chòng chành do đó bà ta cho xây một căn nhà bằng đá xanh, hai tầng lầu, hình cái thuyền ngay trên hồ để bà ngồi trên đó câu cá.. Ở Cung Điện

Mùa Hè này trồng nhiều cây cối và hoa, nhất là trồng nhiều cây hoa . Đi dọc theo hành lang, 728m du khách được xem cung điện mùa Xuân, mùa Hạ mùa thu và mùa Đông. Một cây cầu bằng đá trắng , hình vòng cung có 17 nhịp rất vững chắc bắc ngang từ bờ đến một đảo nhỏ ở giữa hồ. Bà Từ Hy Thái Hậu cho xây một cái lầu cao để ngồi ngắm trăng gọi là Vọng Nguyệt Đài. Nơi đây có chùa để ngày rằm và mồng một đến thấp hương.

#### VẠN LÝ TRƯỜNG THÀNH.-

Ngày chủ nhật mồng 9 tháng 9 phái đoàn lên xe buýt, đi dọc theo quốc lộ 80 để tới Vạn Lý Trường Thành. Trung-Quốc có xa lộ rất rộng , đường nhựa-nhụi, được chia ra thành nhiều ‘lane.’ Trên đường đi xe buýt đã dừng lại ở một xưởng làm ngọc thạch.

Xe buýt chạy qua chỗ có con đường xe lửa xuyên lục-địa. Con đường này đi từ Hà-Nội sang tới Trung-Quốc rồi qua nước Nga và tới tận thành phố Paris của nước Pháp. Vạn Lý Trường Thành được xây dựng vào thế kỷ thứ 3 trước Công Nguyên., sau khi vua Tần Thủy Hoàng thôn tính được nhiều nước lân cận. Thành chiếm một diện-tích thật rộng lớn tới một vạn sáu trăm ngàn dặm., được xây dựng trên những ngọn núi cao chót-vót, hình uốn éo như con rồng lượn. Thành được xây bằng những viên gạch thẻ già, rất kiên-cố, cao 7.8 m, dày 6.5 m và rộng 5.8m. Cứ 500 thước lại xây một lô cốt cao hơn thành để làm chỗ canh gác, đóng quân, có hầm để chứa khí-giói và lương-thực. Trên mỗi lô-cốt đều có đài phóng hỏa là nơi quân lính dùng đốt lửa lên để báo hiệu khi thấy quân địch tới. Từ thấp lên cao có tất cả là năm lô-cốt. Lô-cốt thứ năm ở trên đỉnh một ngọn núi cao nhất. Lối đi hẹp mà người đông nên chen chúc nhau.

Lúc 17 giờ rưỡi chiều phái đoàn được chở ra phi-trường để đáp máy bay Hainan Airline đi Thái Nguyên.và ngụ tại khách-sạn Eden International Hotel.

#### NGŨ ĐÀI SƠN.

Ngày 10 tháng 9 phái đoàn đi Ngũ Đài Sơn bằng xe buýt có khoảng cách là 250km. Ngũ Đài Sơn, nơi Đức Văn Thù Sư Lợi hành đạo. Tỉnh Thái Nguyên nằm ở lưu vực sông Hoàng-Hà, ba phía núi non bao bọc, có nhiều than đá, khí hậu mát-mẻ. Ngũ Đài Sơn là nơi danh lam thắng cảnh bậc nhất, đỉnh bằng phẳng thoải-thoải, gồm 5 ngọn núi có độ cao từ 2,700m đến 3,058m, một ngọn ở phía Bắc, một ở phía Nam, một ở phía Đông, một ở phía Tây và một ngọn ở chính giữa. Ngọn núi ở phía Bắc cao nhất Đường đi có nhiều chỗ đang được sửa chữa nên bị sóc. Thời nhà Đường có hơn 300 ngôi chùa và có tới 3 ngàn vị sư tu ở đây. Đồi Đường Vũ Tông hai lần chùa bị đốt phá. Đến đời Tống Nguyên Thanh, dần dần được khôi phục lại có 104 ngôi. Đến cuối đời Thanh tổng cộng có 122 ngôi. Ngày nay chỉ còn hơn 50 ngôi chùa mà thôi.. Sở dĩ có tên là Ngũ Đài Sơn vì ở đó có năm ngọn núi mà đỉnh bằng tựa như cái đài vậy. Một Cái công thật lớn để chữ Phúc Tướng Thiên Nhiên dẫn vào Ngũ Đài Sơn.. Khi đến nơi thì mọi người được ngồi xe cáp để lên đến đỉnh Đại Văn Thù Điện cao 3000m.

Sau khi rời khỏi xe cáp, chúng tôi phải đi bộ một quãng để đến chùa chính của Ngũ Đài Sơn là Đại Hiển Thông Tự. Phái đoàn được Hòa-Thượng hướng dẫn làm lễ tại Đại Văn Thù Điện. Trong điện có tượng Đức Văn Thù mạ vàng, tứ diện, mặt quay tứ phía để có nhìn được khắp mọi phương và có rất nhiều tay xòe ra chung quanh. Từ Đại Lâu Đỉnh phải đi 108 bậc để xuống phía dưới. Ngồi trên xe cáp nhìn xuống phía dưới thấy cây cối rậm-rạp xanh tốt, nhà cửa và những ngôi chùa chiếm một diện tích 43,700m<sup>2</sup>, cạnh khu nhà cửa và chùa chiền, sừng-sững một cái tháp hình tròn bằng đá trắng muốt, phía đáy có cái đài màu lam điểm màu đỏ và trên nóc tháp có một cái lọng , chóp nhọn, chung quanh có những dải pha trộn hai màu vàng và lam, tua vàng ,màu nhũ và đẹp mắt.. Ở

Ngũ Đài Sơn có một ngôi chùa của Tây-Tạng lớn nhất. Có những bức đá để dẫn vào chùa, có hai con sư-tử bằng đá trắng ngồi chầu. Cửa vào hình vòng cung, trạm hoa lá màu trắng. Chùa được lợp mái ngói vàng, tường được xây bằng đá xám, chắc chắn, có lầu. Bên trong thì bàn thờ và tượng đều có màu sắc rất rực-rỡ. Chùa có một vật giống như khúc cây lớn màu vàng nhạt trên đó có khắc những chữ Tây Tạng và những hình tượng, đặt trên cái trục quay. Ai muốn cầu điều gì thì vừa cầu vừa xoay quanh trục. Chùa cũng còn có một bức tường đá lớn, cao khoảng 10m, ở hai mặt bức tường cũng được khắc chữ và hình tượng, đó cũng là chỗ để cầu nguyện. Phái đoàn ngụ tại khách-sạn Wufeng Hotel ở ngay chân núi.

Sáng ngày 11 tháng 9, phái đoàn rời khách sạn, đi xe buýt trở lại Thái-Nguyên. Và sau đó ra phi trường để đi Thành-Đô. Thành Đô thuộc tỉnh Tứ-Xuyên, thành phố sản xuất vải, tơ lụa. Dân cư ở đây sống nhàn hạ cho nên có rất nhiều “Tea House” ( Nhà Trà) là chỗ cho người dân đến đó ăn, bánh uống trà. Ở Thành Đô thường có bệnh phong thấp do đó người dân thường ăn cay để chống bệnh.nên món ăn nào cũng đều có ớt. Tối đó phái đoàn ngụ tại Enjoyable Stars Hotel.

#### NGA- MI- SON.

Ngày 12 tháng 9 đi Nga-Mi-Son bằng xe buýt. Nga Mi Son là đạo tràng của Đức Vă-Thù..

Khi đến chân núi Nga-Mi , phải dùng xe buýt địa phương để đến chỗ xe cáp vì xe buýt thường lớn quá không leo nổi núi. Đường lên núi hẹp nhưng tài xế thạo nên phóng nhanh và tránh nhau rất giỏi. Suốt dọc đường đi thấy có treo nhiều đèn lồng màu đỏ chót. Ngồi trong xe cáp nhìn ra ngoài thấy những cây thông xanh mọc xít nhau rậm-rạp trên sườn núi và có chỗ vách núi nhẵn nhụi, đứng thẳng-tắp. Tất cả cảnh vật được bao phủ bởi một lớp sương mù dày đặc trở nên mờ ảo thật đẹp, tưởng như cảnh Tiên. Sau khi ra khỏi xe cáp còn phải đi bộ 7,8

trăm bực mới tới chùa Vạn Niên tức ngôi chùa đã có từ 10 ngàn năm. Mái chùa lợp ngói giả hình vẩy ốc và bị rêu bám thành màu đen tối. Con đường đi toàn là những bậc bằng đá, hẹp,thỉnh thoảng có rêu bám, nhưng đôi khi cũng gặp một vài chỗ bậc được ghép lại bởi nhiều phiến đá trắng nhẵn bóng, rộng cả thước. Rồi tới Di-Lạc Bảo Điện, thờ Đức Di-lạc. Điện này có hai tầng lầu, mái ngói cong, màu xám nhưng chắc cũng lâu năm nên bị rêu xanh bám đầy. Từ Di-lạc Bảo Điện dẫn đến Thánh Cảnh Phổ Hiền nơi thờ Đức Phổ-Hiền.là một con đường tráng xi-măng, hai bên có một dãy tượng voi bằng đá trắng 6 ngà, được đặt trên những bệ đá trắng . Trong điện, trên một bệ thờ cao đặt một con voi bằng đá trắng rất lớn , có 6 cái ngà. Voi mang những đai rất đẹp, trên lưng voi là một toà sen vàng, Đức Phổ Hiền đầu đội vương miện vàng, áo toàn vàng, tay ngài cầm cái xích trượng và ngồi trên tòa sen đó. Chung quanh tường của điện, có rất nhiều bệ, trên đó đặt 3 ngàn tượng Phật có tượng lớn bằng người, còn phần lớn chỉ cao chừng mấy chục phân. Tất cả các tượng đều bằng đồng đỏ, đầu tượng sơn đen. Phía ngoài cửa điện, người ta để một cái lư hương bằng đá, hình chữ nhật, dài khoảng 2m, ngang 1m.và một cái giá sắt, đã bị han rỉ, có nhiều tầng, trên đó hàng mấy chục ngọn nến rất to, đang cháy. Trên lư hương cũng có toàn những cây hương lớn, tỏa khói mù-mịt. Trên núi Nga Mi, con đường đi qua gặp nhiều cái công lớn, mái cong có gắn những con rồng, con phượng trắng như Sơn Thủy Hữu Tình, Thanh Hương Tiên Cảnh... Trên núi lại có một phiến đá rất cao khắc chữ Đệ Nhất Sơn màu trắng, chung quanh toàn là trúc cao vút xanh già. Trên những vách núi cao, họ cũng khắc các chữ như Nga Mi Sơn, Vĩnh Hằng Đệ Nhất Sơn. Từ đây đi xuống Bạch Long Động, cách xa khoảng mấy cây số. Vì lúc lên đã phải leo tới 7,8 trăm bực rồi nên mọi người đều thấm mệt, do đó một số phải thuê cáng để xuống.. Cáng là một cái ghế

bằng tre rất thô sơ. Khi họ khiêng thì ghé dập rình nên thanh tre ở phía lưng dựa đập vào xương bàn tọa làm đau điếng. Xuống dốc cao mà họ cứ đi phẳng phẳng., nếu mà họ vấp ngã thì mình sẽ bị văng ra ngoài. Trước cửa Bạch Long Điện có một lư hương bằng đồng dài mấy thước, chung quanh được khắc hình hoa lá rất mỹ-thuật..

Sau khi lễ ở Bạch Long Động ra, hai mẹ con dắt nhau đi bộ, nhờ thế mà tôi đã được ngắm cảnh suối và thác thật đẹp. Có lúc gặp những thác lớn, nước đổ xuống ào ào tung bọt trắng xóa tỏa hơi nước ra mát rượi. Có lúc lại thấy mấy cái thác nhỏ nước chảy rì-rào, vui tai. Dọc đường đi gặp một con suối nước trong vắt. Có lúc gặp một khoảng đất trống rộng để cho người đi bộ nghỉ chân. Ở đó họ bày bán trà, măng, nấm hương, mộc nhĩ, cũng bán cả thức ăn. Những cái nấm to như cái bát múc canh. Trên đường đi xuống qua một cây cầu đá trắng, chắc chắn, khá dài, bắc qua một con suối lớn, rồi lại gặp một cái cầu treo bắc qua một cái suối nhỏ. Mặt cầu làm bằng những miếng gỗ nhỏ ghép với nhau, thành cầu gồm có một thanh sắt lớn để vịn và nhiều những sợi xích sắt nối nhau chằng thông xuống. Bước trên cầu thì thấy lắc lư khó đi nên cứ phải vịn vào thành cầu, thế mà mấy người đàn bà Dân Tộc Thiều Số đeo gùi nặng sau lưng nhưng họ đi nhanh thoăn-thoắt mà chẳng cần phải vịn gì cả. Đi bộ tuy hơi mệt nhưng lại cảm thấy lòng lâng lâng, vui thích.

Tiếp tục đi nữa thì tới

chùa Bảo Quốc Tự. Bây giờ trời bắt đầu mưa lâm lâm rồi mỗi lúc một nặng hạt nhưng cũng phải tiếp tục lội mưa gió mà đi, giày và ống quần bị ướt sũng. Rồi tới Kim Lâu là lầu để chuông vàng, lầu trống, tới Thất Phật Bảo Điện, trong thờ bảy vị Phật giát vàng. Phía sau chùa Bảo Quốc, có thờ tượng Quán Thế Âm cao lớn, áo vàng, cài hoa lá rất rực-rỡ.. Phía trước tượng Quán Thế Âm, có tượng thờ Đức Di Đà ở giữa, một bên là Đức Quán Thế Âm một bên là Đức Phổ Hiền. Có chỗ thờ Thất Phật thế Tôn như Quá Khứ Tỳ Bà Nghi, Thích Ca Mâu Ni Hàm, Tỳ Xá Phù... Các tượng đều cỡi trần chỉ mặc quần và quanh lưng quấn miếng lụa vàng. Tượng nào miệng cũng cũng rộng và mắt thì trợn to. Phái đoàn tới ngụ tại khách sạn Emeishan Hotel.

### LẠC SƠN ĐẠI PHẬT.

Ngày 13-09-07 Phái đoàn rời Nga-Mi Sơn để tới Lạc Sơn, chiêm bái Đại tượng Phật.. Từ chân núi Nga Mi đi về phía Đông cách 30km là một thị trấn nhỏ tên là Lạc-Son., nơi đây tụ hội của ba giòng sông là Mân Giang, Thanh Y Giang và Nại Độ Hà., tạo nên một vùng nước xoáy, tàu bè qua lại bị đắm rất nhiều. Hòa

Thượng cho biết vào đời nhà Đường 712, ngày nọ có một vị tu-sĩ tên là Hải Thông đi qua thấy tàu bè đi lại nguy hiểm, ngài muốn nhờ uy lực của Phật, lựa một ngọn núi đá nhìn ra sông để tạc tượng rồi quyên góp





tiền bạc để làm. Vị quan viên trông coi ở địa hạt đó thấy Ngài có tiền đòi chia chác. Ngài không chịu và nói;”Đây là tiền của bá tánh quyên góp,tôi không thể đưa cho ông.” Ngài lại nói thêm rằng “nếu cái gì của riêng tôi thì tôi không tiếc.”..Thấy thế vị quan nọ đòi xin ngài đôi mắt, nào ngờ ngài móc ngay mắt ra. Thế là vị quan đó sợ quá bỏ trốn. Việc xây dựng đến cuối đời Ngài vẫn chưa xong. Các vị trụ trì sau Ngài tiếp tục làm, mãi đến năm 803 mới hoàn tất, cả thấy là 90 năm. Tượng Phật ngồi cao 71m,dựa vào núi Long Vân, mặt nhìn ra sông, mắt dài 3.3m, tai dài 7m,vai rộng 24m, bàn chân có thể 100 người đứng vừa trên đó. Đó là tượng Phật Di-Lạc lớn nhất thế giới. Sau khi tượng Phật hoàn thành thì thuyền bè qua lại không bị đắm nữa. Trái qua bao thế kỷ mà tượng Phật không hề hấn gì, có chăng là đầu, vai và tay của Ngài đã bị rêu phủ xanh rì... Chùa Linh-bảo ở núi Long Vân có tượng thờ Ngài Hải-Thông. Nhờ có Đại Tượng Phật mà Lạc Sơn ngày nay trở nên phồn thịnh, là Trung tâm bảo tồn văn hóa vùng Nga-Mi , đã thu hút biết bao du khách. Phái đoàn chia làm hai nhóm, ai đi bộ leo lên núi Long Vân vừa đi vừa về mất 2 giờ đồng hồ, đi theo chiều núi và sẽ được sờ vào bàn chân Phật Còn nhóm thứ hai đi trên tàu để tới chỗ dòng nước xoáy và tàu sẽ dừng lại ngay trước tượng Phật để chụp hình. Do đó có thể quan sát được toàn diện từ tượng Phật và con đường lên núi ngoằn ngoèo,người đi thật đông đúc. .Đứng trên boong tàu cũng được nhìn thấy giòng sông bị chia đôi một bên nước đục, một bên trong rất rõ-rệt. Khi tàu chạy tới chỗ nước xoáy cũng còn thấy bị lắc mạnh. Người ta có câu rằng:

*Lên Nga-Mi đánh lễ Phổ-Hiền,  
Xuống Lạc-Sơn, tham bái Di Lạc.*

#### CỬU HOA SƠN.

.Ngày 14-9 phái đoàn lại phải rời khách sạn để đi Nam-Kinh.. Suốt cuộc hành trình 18 ngày

mà ở tới 13 khách sạn cho nên rất vất vả về vấn đề đổi chỗ. Phái đoàn ngụ tại khách sạn Dongya Hotel ở ngay chân núi. Hoà Thượng thuyết giảng rằng: “Cửu Hoa Sơn thuộc tỉnh An-Huy, cách Vũ Hồ khoảng 160km về phía Tây Nam, gồm 9 ngọn núi mà ngọn cao nhất là Thập Phương Phong, cao 1941m. Từ thời Tây Tấn 317-420, Cửu Hoa Sơn đã nổi tiếng là núi non đẹp, có một ngôi cổ am do một nhà sư Ấn Độ tên là Bôi Độ xây năm 401. Khoảng 7,8 năm trước thời Lý-Bạch, có một vị Hoàng-tử Triều Tiên( nay là Đại-Hàn) tên là Kim Kiều Giác, nghe danh Huyền Quang ở Trung-Quốc nên quyết tâm đến xứ này để tu học. Năm 730, thời Đường Minh Hoàng và Dương Quý Phi , nghe nói Cửu Hoa Sơn , Ngài tới đó thấy một cổ am bị bỏ hoang không người chăm sóc nên đến gặp vị chủ của Cửu Hoa thời đó là Mẫn Công rồi tung áo cà sa xin một miếng đất để xây tự viện. Sau đó con của Mẫn Công cũng xuất gia trước, ông bố xuất gia sau. Khoảng 7,8 trăm năm sau, đời nhà Minh có một vị cao tăng tên là Vô Hà, đến Cửu Hoa đánh lễ Đức Địa Tạng, thấy chùa triền hoang phế, tăng-sĩ lưu-lạc,Cửu Hoa không người trông nom, nên ở lại. Ngài Vô Hà ẩn tu 100 năm, đói ăn rễ cây, khát uống nước suối. Ngài chích máu chép bộ kinh Hoa-Nghiêm. Sau ba năm ngài viên tịch người ta khám-phá ra nhục thân của Ngài vẫn còn nguyên nên thờ ở Bách Tuế Cung. Ngài thọ 126 tuổi. Người ta cho rằng Vô Hà chính là hóa thân của Kim Kiều Giác. Trong Tứ Đại Danh Sơn, Cửu Hoa Sơn được phục hồi sớm nhất, có 56 ngôi chùa và 1,300 cổ vật gồm kinh sách, thư pháp, họa đồ...” Trên đường đi đến Cửu Hoa Sơn thường gặp những thửa ruộng nhỏ giống như ở miền Bắc Việt-Nam., có chỗ họ đốt gốc rạ. Nhà cửa được xây cất trên sườn núi. Dãy phố Cửu Hoa cao 600m trên mặt biển.

Ngày 15-9 đi bộ đến chỗ đỗ của xe buýt địa phương để đến Hóa Thành Tự là ngôi chùa

chính của Cửu Hoa Sơn, Đường đi leo dốc quanh-co. Các chùa ở Cửu Hoa Sơn, được kiến trúc rất đẹp đẽ và hùng tráng hơn Nga Mi Sơn. Hóa Thành Tự có hai tầng lầu, mái cong lợp ngói màu gạch và phía trên có gắn hình những con rồng trông đẹp mắt. Mặt tiền của chùa có một lư hương bằng đồng rất lớn, khắc chữ nổi, Hóa Thành Cổ Tự, cao chót vót tới mãi từng lầu.. Ở đây chỗ để thấp nên khá to lại có mái hai lớp màu vàng, chung quanh cũng sơn màu vàng. Trong điện, phía trước có bệ thờ cao màu đỏ, có các hình vẽ màu vàng chói; trên đó có tượng đức Địa Tạng bằng đồng rất lớn. ở phía sau chùa có tượng Đức Quán Thế Âm rất lớn, mình mặc áo màu xanh lơ. Ngoài ra còn nhiều những tượng nhỏ ở chung quanh như tượng ông quan, tượng người dân, tượng hộ pháp... Cửu Hoa Sơn là đạo tràng của Địa Tạng Bồ Tát. Hòa Thượng đã giải thích: "Địa tức là đất. Đất tượng trưng cho sự an nhiên, bất động. Đức Địa Tạng được xem là vị cứu độ cho những ai bị rơi vào địa ngục, vào những nơi tăm tối cho nên Ngài còn được gọi là U Minh Giáo Chủ.". Từ Hóa Thành Tự được dùng xe cáp để tới Bách Tuế Cung. Xe cáp này có thể chứa được hơn 50 người, kéo thẳng lên như đi thang máy. Bách Tuế Cung còn gọi là Vạn-Niên Tự, cao hai tầng lầu, nơi thờ nhục thân của Ngài Vô Hà. Bách Tuế Cung cao hai tầng lầu, cũng có mái cong lợp ngói màu xám, tường màu vàng, cột màu đỏ, các xà ngang đều khắc hình nổi, người và hoa lá rất tỉ-mỉ. Các cánh cửa cũng đều khắc hoa lá pha lẫn hai màu xám và mạ thật nhũ... Trong điện có thờ tượng của Đức Địa Tạng đứng giữa, một bên là Mẫn Công, ăn mặc theo kiểu quan, một bên là con Mẫn Công, mặc áo cà-sa. Tất cả các tượng đều được mạ vàng, sáng chói. Phía ngoài cửa có hai con sư tử trắng ngồi chầu. Bên cạnh Bách Tuế Cung là Ngũ Bách A La Hán Đường, nơi thờ 500 vị La Hán.. Ngũ Bách A La Hán Đường có hình vuông vức, chắc chắn có hai tầng lầu khang trang, các cửa sổ của tầng lầu

pha hai màu gạch và xám thật nhũ... Cổng vào hình vòng cung, chung quanh viền xám, đắp nổi hình hoa lá màu trắng. Tường màu hồng nhạt, mái ngói cong đỏ ba lớp, trên có gắn hình các con rồng trắng thật đẹp. Lối vào có nhiều bậc bằng đá trắng, hai bên có hai con voi đá cũng màu trắng, đứng chầu trên bậc đá cao. Tới đây còn phải đi thêm 7, 8 trăm bậc nữa. Lúc này đã thấm mệt nên nhiều người phải thuê cáng, giá gần 200 Yuan. Dọc theo đường đi có nhiều chùa ở rải-rác và ngoài những cây thông còn có những cây trúc rất đẹp. Tiếp tục đi thì tới Bảo Tàng Viện trưng bày các cổ vật như bát, đĩa, ấm cổ rất đẹp, nhiều tượng Phật, có cái chuông đồng nặng tới một ngàn tấn. và có cả giấy, dép và mũ của Ngài Địa Tạng. Lại tới chỗ có dấu chân Phật rất lớn. Từ đây phải đi thêm 84 bậc để lên tới Kim Đỉnh là chỗ cao nhất của Cửu Hoa Sơn.. Con đường đi rất dốc, những bậc toàn bằng đá xanh trên mặt làm sần sùi nên không sợ trơn nhưng đi cũng khá vất vả. Mỗi khi bước đều phải vịn vào cái thành chắn và gò người xuống. Có lúc đi qua những vách núi cheo-leo, nhìn xuống phía dưới thấy sâu thăm-thẳm. Trên đường đi khi gần tới nơi, ở hai bên bờ tường chắn, có dây sắt lớn, treo khít nhau hàng ngàn những ống khóa đã bị han rỉ, trên đó có viết tên. Đó là ống khóa của những đôi nam nữ, họ dẫn nhau đến đây thề bồi với nhau, sau đó viết tên chung trên ống khóa, rồi mắc ống khóa vào thanh sắt và vút chia khóa đi.. Họ làm như vậy với hy-vọng là sẽ được sống bên nhau mãi, mãi.. Ở trên Kim Đỉnh có một phiến đá nhẵn, phẳng, có thể leo lên được. Trên phiến đá này cũng có nhiều cọc sắt chằng dây xích để treo khóa. Ở Kim Đỉnh có Đại Hùng Bảo Điện cao 43m, bên trong thờ nhục thân của các vị Bồ Tát. Ở đây có một cái trống lớn lớn, đường kính khoảng 2m.. Thiên Đài Tự có các cột và xà ngang đều bằng đá xám, các cửa cũng toàn màu xám có khắc những cảnh vật, màu rực rỡ. Từ Kim Đỉnh nhìn xuống thấy có nhiều mỏm đá

nhấn nhụi, trên đỉnh mọc một cây thông xanh ngắt trông như cái dù. Ở Cừu Hoa Sơn thông mọc rậm-rạp, thành nhiều hình thù như có một chỗ cây mọc trông giống hình Phật đang nằm, rõ cả mặt mũi và lông mày nữa. Ở Kim Đài có chỗ thờ Thập Nhị Diêm Vương, phía ngoài có ba cái lư hương đồng cao ngất, có nhiều tầng, chung quanh treo rất nhiều chuông nhỏ. Từ Kim-Đỉnh phải đi 128 bậc để xuống chỗ xe cáp. Trên đường đi gặp một người đàn ông đang mang đá lên. Trên lưng ông ta đeo một tảng đá lớn dùng để sửa bậc. Vì quá nặng nên ông ta cứ khòm lưng xuống, trông thật tội nghiệp. Sau đó lại gặp một người đàn ông khác đang gò cổ gánh lên hai túi ny-lông lớn đựng đầy cát. Những người gánh lên núi còn mang theo một cái gậy có móc để khi nào muốn nghỉ thì họ móc cái gậy vào đòn gánh rồi chống xuống đất, thế là cái gậy đỡ thúng nặng còn đòn gánh vẫn ở trên vai. Mọi người được xe cáp đưa xuống khoảng lưng chừng núi để xem cây phượng hoàng tùng, đại cổ thụ đã sống 1,500 năm hình dáng giống con chim phượng hoàng.

#### HOÀNG SƠN.

Ngày 16-9 phái đoàn đi Hoàng Sơn để ngắm cảnh đẹp. Đến chân núi Hoàng Sơn mỗi người chỉ mang túi nhỏ đựng một bộ quần áo và đồ dùng cá nhân rồi đi xe buýt địa phương để đến chỗ xe cáp. Rồi xe cáp đi bộ lên North Sea Hotel. Hoàng Sơn núi trùng trùng điệp điệp, toàn đá màu nâu, có hơn 80 đỉnh núi nhọn- hoắt. Trên núi nhiều cây thông và đá có hình thù kỳ lạ, có chỗ giống như hai ông tiên đang đánh cờ. Có mỏm đá trông giống con khỉ đang ngồi, có cây lại giống như con quạ đang há mỏ chờ ăn, có cây một gốc hai ngọn chụm lại nên được gọi là "lovers' pine."

Sáng ngày 17-9 đi Hàng-Châu. Phái đoàn đi bộ khoảng 350 bậc để xuống chỗ xe cáp. Tại đây rất đông người, chen-chúc nhau xếp thành mấy hàng dài. Những người từ 70 tuổi trở lên

thì có lối đi riêng để vào xe cáp, không cần phải xếp hàng. Sau đó đi Hàng-Châu, ngụ tại Wuyang Hotel.

#### CHÙA LINH ẨM.

Ngày 18-9 đi thăm chùa Linh-Ẩm, lâu nhất Hàng châu. Lúc tới chùa thì trời mưa tầm-tã, mặc dầu vậy, cũng phải đội mưa mà đi; người nào người nấy ướt sượt ướt. Hòa Thượng thuyết giảng: "Chùa Linh-Ẩm là nơi Ngài Tế-Liên tu nhiều năm. Chùa được xây từ năm 326, cuối đời Ngũ Đại, còn được gọi là Lâm Vân Tự. Chùa có 1300 gian nhà, 1300 tu-sĩ, có 9 lầu, 18 các và 72 điện mà Thiên Vương Điện lớn nhất, rộng 7 gian, sâu 4 gian. Phía trước điện có hai tảng đá lớn, có từ đời Bắc Tống, điêu khắc rất đẹp, dùng để trừ tà cầu phúc. Thời gian Ngài Tế Liên tu ở đây, có vị giám hộ tên là Quảng Lượng. Có một lần chùa bị cháy, Quảng Lượng đổ cho Tế Liên làm cháy chùa, lên trình với Ngài Phương Trượng, bắt Tế Liên phải đi quyên góp 108 cây gỗ để sửa chùa. Ngài Tế Liên dùng thần lực, sai thần linh lục giáp, lấy gỗ từ trên rừng, thả xuống sông, trôi theo dòng nước, tới chùa Linh-Ẩm thì rẽ ngang, chui xuống giếng nước rồi trôi lên. Ngài sai thần linh lục giáp vớt lên. Khi mới vớt được 107 cây thì Ngài hỏi là đủ chưa? Quảng Lượng nói là đủ rồi. Ngài dùng thần thông bảo thần linh thôi không vớt nữa. Thế là còn một cây gỗ kẹt ở dưới giếng...Sau đếm thấy còn thiếu một cây nhưng cây kẹt dưới giếng không tài nào lôi lên được. Thế là Quảng Lượng phải tốn bao công sức và tiền của mới tìm được một cây giống như 107 cây kia. Trải qua ngàn năm, hiện nay ở giếng vẫn còn cây gỗ, người ta thắp một ngọn đèn ở dưới để du khách có thể nhìn được rõ." Giảng đã chụp được tám hình trong giếng còn cây gỗ.

Chùa chiếm một khoảng đất rộng, có cổng lớn để dẫn vào chùa. Chung quanh cây cối um-tùm, có một cái tháp lớn, 9 tầng, 8 cạnh, trên khắc truyền thuyết xây dựng Phật, pháp. Chính

điện của chùa có tượng Đức Phật Thích Ca bằng gỗ rất lớn, cao 19.6m, hai bên có tượng Hộ Pháp, có 150 pho tượng nhỏ khác nhau. Có điện thờ 500 vị La Hán bằng đồng, lớn hơn người mỗi vị đều có tư thế ngồi và vẻ mặt khác nhau. Ở chùa cũng có điện thờ ngài Tế Liên bằng đồng, còn có tên là Tế Công, tượng ngài ngồi khòm, đắp cà sa, hở một bên vai, nét mặt ngài rất tươi như đang cười. Ở chùa có Quan Âm Các, thờ Đức Quán Thế Âm. Ở đây còn có ngọn núi Phi Lai, theo truyền thuyết, núi này bay từ Ấn Độ sang..

Sau đó phái đoàn được đi du thuyền trên Tây Hồ để ngắm cảnh Hàng Châu. Hồ rất lớn, bên bờ trồng nhiều cây liễu, rủ xuống trông rất nên thơ, có cây ngô đồng. Có chỗ thả sen, những bông hoa to và trắng muốt. Trên hồ có Ngoại Lâu là nơi dựng làm chỗ họp cho các vị quốc khách.. Hồ này bị ô nhiễm nên cứ 30 ngày lại phải bơm để lọc.

Phái đoàn đi thăm vườn trà Long Tỉnh. Vua Càn Long đã đến đó uống trà đun bằng nước giếng nên mới có tên là Long Tỉnh.. ở đây có đồi trồng trà xanh ngắt. Trà Long Tỉnh là nổi tiếng tại Trung Quốc. Vì có bão nên không đi Phổ Đà Sơn được mà phải đổi chương trình và đi Tô Châu và ngụ tại Aster House Hotel hai đêm.

#### Chùa Hàn Sơn.

Lúc 8 giờ sáng ngày 19-9 đi thăm chùa Hàn Sơn thuộc tỉnh Tô-Châu.. Lúc này trời vẫn mưa to. Phía trước chùa có nhiều bia đá khắc các bài thơ ‘Phong Kiều Dạ Bạc’ của Trương Kế vịnh cảnh Hàn Sơn cùng các bài thơ của các vua, quan cùng các thi sĩ vịnh cảnh và họa bài thơ của Trương-Kế..Bài thơ Phong Kiều Dạ Bạc như sau:

*Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,  
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên.  
Cô-Tô thành ngoại Hàn Sơn Tự,  
Đạ bán chung thanh đáo khách thiên.*

Bài dịch của Tân-Đà:

*Trăng tà tiếng quạ kêu sương,  
Gió lạnh đèn thuyền đối sầu miên.  
Cố-tô thành ngoại Hàn Sơn Tự,  
Đạ bán chung thanh đáo khách thiên.*

*Lửa chài câu bến sâu vương giấc hồ.  
Thuyền ai đậu bến Cô Tô,  
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn-Sơn.*

Cô Tô đài là chỗ đốt lửa lên khi có giặc thì quân sĩ sẽ tới cứu nhưng vì muốn làm vui lòng Dương Quý Phi nên Ngô Phù Sai đã cho đốt lửa lên. Quân lính kéo đến thì mới biết là đốt lửa chơi thôi. Về sau lúc có giặc thật, đốt lửa lên không ai đến cứu do đó bị mất nước.

Chùa có một cái tháp cao hình vuông, nhiều tầng,mái màu xanh lam, chung quanh có hàng hiên sơn màu hồng nhạt, cửa màu nâu đậm, đó là Phổ Minh Bảo Tháp. Trong tháp thờ nhiều tượng Phật và Bồ Tát Quan Thế Âm. Tại đây có một tảng đá lớn gọi là Quan Âm Giáng,được khiêng từ Phổ Đà Sơn về. Hà Sơn Tự là chỗ cầu duyên, có những cột đỏ, ở trên cây và chung quanh chùa treo rất nhiều những sợi giấy đỏ chót. Đi thăm Võng Sư Viên do ông quan đời vua Càn-Long làm ra sau khi về hưu để nghỉ ngơi. Vườn có một hồ nhỏ thả sen, có giả sơn, có nhiều cây cối.. Trong vườn có nhiều lầu các, mỗi nơi có tên riêng như: Trà sảnh, Thích Thiện Đường, Thê Vân thất, Nguyệt đảo lai đình, Đại giáo sảnh... Có chỗ tường được đắp nổi hình của một ông quan và hình những người dân. Sau đó đi thăm Đồi Hồ. Trong Đồi Hồ cây cối um-tùm,có suối nước, có một hòn đá bị xẻ sâu và dài gọi là đá thử kiếm.

Từ Đồi Hồ đi bộ sang Vạn Viên Sơn Trang. Trong vườn này có 10 ngàn loại cây khác nhau. Ngoài những cây tùng, cây bách thật cao, cũng có rất nhiều cây được trồng trong các chậu bằng sành, bằng sứ, có cây chỉ cao độ một gang tay nhưng cũng có những cây cũng khá lớn, lá xum xuê, cao cả gần hai thước. Đi qua một cái cổng cuốn, tường màu vàng thì thấy hai cái giếng nước. Tương truyền rằng ngày xưa các Bà Hoàng-hậu đã lấy nước giếng này rửa thì sáng mắt lắm. Tiếp tục đi sau khi lên nhiều bậc bằng đá thì tới một cái tháp hình tròn cao rất đẹp,

ngiêng 15 độ. Tháp màu xám, chung quanh khắc những hình nổi. Phái đoàn cũng vào thăm một xưởng làm lụa lớn của Tô-Châu.

Ngày 20-9 đi ngược trở lên để đến Ninh Ba và đỗ nghỉ tại thành phố Vô-Tích. Tại đây có Thái Hồ lớn hơn Tây Hồ rất nhiều. Tại Ninh Ba, ngụ tại Victori Hotel.

Phổ Đà Sơn.

Phái đoàn được xe buýt trở đến bến tàu để đi “speedboat” sang núi Phổ Đà, là đạo tràng của Quan Thế Âm Bồ Tát. Tàu khá lớn chở được cả trăm người. Phổ Đà Sơn là một ngọn núi nổi lên trên một cái đảo nằm ở eo biển. Sau đó đi xe buýt để đến khách sạn Putuo Hotel. Trong phòng đợi của khách sạn có một cái bệ to, chung quanh màu đỏ, trên đó đặt tượng Phật Bà Quan Âm, nhiều tượng Phật và Bồ Tát, nhiều màu sắc khác nhau trông rực-rỡ. Ở đây họ cũng làm một gốc tre, trong lòng đặt tượng Quan Thế Âm. Tất cả có màu vàng giống như cây tre già, trông rất đẹp.

Ngày 21-9 bắt đầu đi thăm các chùa ở Phổ Đà. Vì chị Ngà đau nên hai mẹ con phải cắt phiên nhau để trông nom. Buổi sáng tôi đi, buổi chiều thì đến lượt Giang. Lối vào chùa có một cái cổng hình vòng cung ba lớp, tường màu vàng, mái cong bằng ngói xám, trên có gắn những chuông nhỏ và hình tượng màu vàng.. Chung quanh Phổ Đà là 33km. Các ngôi chùa ở Phổ Đà rất nguy nga và rộng lớn. Phổ Tế là ngôi chùa chính của Phổ Đà, cao 33m, tường màu vàng, mái cong lợp ngói xám, trên mái gắn hình các thú vật như khỉ, sư tử, chó sói... Ở hành lang có treo 33 miếng đá tròn màu trắng, vàng pha hồng trông rất đặc biệt.. Phía bên trái là phiến đá khá to, điêu khắc những câu chuyện của Phật tông cộng 60 bức tranh phỏng theo chứng tỏ người và động vật có giao cảm với nhau. Điện chính là Viên Thông Bảo Điện bên trong thờ Đức Quan Thế Âm và 33 vị hóa thân của Ngài. Buổi sáng đó tôi không được tới



nhiều chùa. Buổi chiều trời mưa tầm tã, Giang nói là đi cũng vất vả lắm nhưng được nhìn thấy vườn trúc tía, và được thăm rất nhiều nơi như Địa Tạng Điện, La Hán Đường, Lục Thông Viên Minh, Thiện Vương Điện, Pháp Vũ Viên Tự, bất khả khừ Quan Âm Các, dấu chân Đức Phật in trên đá và được chiêm ngưỡng tượng Đức Quan Thế Âm bằng Đồng khời công từ 29-9-1997, hoàn thành ngày 29-9-1999. Tượng nghiêng 15 độ, cao 18m, nặng 72 tấn, đài sen dưới chân cao 2m, đường kính 8m., bên trong có 97 miếng vàng, gồm 13 kí-lô, tốn phí là 33 triệu Yuan. Tượng ở ngay bên bờ biển, tà áo tung bay theo thể đang nhẩy qua biển theo thể Quan Âm quá hải. Ở đảo có một cây cầu rất dài bắc qua eo biển.

Ngày 22-9 rời Phổ Đà Sơn để đi Thượng Hải thăm Ngọc Phật Tự. Chùa có tượng Phật nằm, bằng ngọc trắng muốt. Phái đoàn ngụ đêm tại Rainbow Hotel.

Ngày 23-9, một số lớn trở lại Hoa-Kỳ, một nhóm đi Tây Tạng và Việt-Nam.

Chuyến hành hương này tuy khá mệt nhưng cũng rất thích thú vì đã được biết nhiều nơi và được Hòa-Thượng giảng cho những bài học rất quý giá.

New Jersey April 8-2008

**Nguyễn Thị Xuân-Nga**

# *Xuân Diệu*

## *Nhà Thơ Đồng Tính Luyến Ái*

### TRẦN THY VÂN

Sau mấy tháng giận nhau, vì trong gia đình có sự bất đồng chính kiến, sáng nay bà mẹ nuôi tôi nhấc tôi xuống. Chắc có chuyện cần. Vừa tới ngõ tôi thấy nơi sân trước, dựng Hồ Cũ, đời chồng sau của mẹ tôi, đang ôm hôn riu rít một người đàn ông lạ mặt. Mẹ tôi thì đứng bên cạnh, như chờ đến lượt mình, miệng cười cười nói nói huyền thiên.

Để họ khỏi bận tâm, tôi chạy lủi chiếc xe Honda ba bánh vào đậu ở góc vườn, dưới bóng râm của giàn mướp, rồi ngồi nhìn vu vơ.

Vị khách kia là ai, liên hệ thế nào, mà cứ chỉ ba người rất hồ hởi, bày đặt ôm nhau nâng nựng theo kiểu cách chủ nghĩa xã hội miền Bắc?

– Lâu quá, mình nhớ Diệu hết sức!

Nhân vật tên Diệu, tuổi trạc 60, dáng thấp, hơi mập, trắng trẻo, choàng tay lên vai dựng Cũ:

– Diệu cũng nhớ Cũ lắm! Ông bà được mấy cháu?

Dựng Cũ cười hi hi:

– Chỉ hai trai thôi. Sao biết nhà ở đây?

– Diệu từ Hà Nội vào công tác, vừa ghé thăm đồng chí Hồ Nghênh, Chủ tịch Ủy Ban Quân Quản Đà Nẵng, cũng để xin địa chỉ Cũ.

Mẹ tôi lấy miếng thuốc rê trong miệng ra và nhổ bãi nước trầu xuống gốc cây vạn thọ xong, bà quay nhìn vị khách:

– Mấy năm chiến tranh, tụi tôi nhiều lần tìm cách liên lạc ra Bắc hỏi thăm Diệu nhưng bọn địch trong này quá ác ôn...

Chợt nhớ tôi dưới giàn mướp, mẹ bỏ lửng câu nói xấu chế độ cũ miền Nam. Rồi cả ba đi vào nhà, khép kín cửa. Quả thật tôi là cái gai nhọn của gia đình.

Nghe cách xưng hô Diệu Diệu, Cũ Cũ, tôi có cảm tưởng họ đang sống lại thời son trẻ. Buồn tình tôi trở về, nằm duỗi dài trên giường, suy nghĩ lung tung.

Tức quá, sáng sớm hôm sau dù sương mù còn dày đặc, tôi vội chạy đến dừng xe ngay trước cửa. Tôi cung kính cúi đầu chào ba người đang trò chuyện nơi bàn giữa, và lết vào kéo ghế ngồi kế vị khách tên Diệu.

Mẹ tôi cười đưa:

– Hôm qua bận rộn me quên giới thiệu, đây là cậu Diệu ở Hà Nội về thăm.

Sấn bực mình lẫn thành kiến từ lâu với những tên tập kết theo giặc, nay hỏi kết, tôi cố tình giọng nhừa nhựa:

– Có gì quan trọng đâu mẹ!

Biết tôi nổi quạu, không chú tâm tới ông “cậu” ngoài Bắc về, mà ai cũng muốn tôi phải tay bắt mặt mừng, nên dựng Cũ nói:

– Thi sĩ Xuân Diệu đó Vân!...

Tôi giật mình. Cụm từ vồn vẹn có bốn tiếng nghe rất xa xăm, thuở học trò còn mơ mộng, nay bỗng đứng như có thần lực thúc đẩy, tôi xoay qua vừa nở nụ cười vừa nắm chặt tay ông một cách tự nhiên:

– Hân hạnh được gặp cậu. Thì ra... cậu là Xuân Diệu, Ngô Xuân Diệu. Vậy mà mẹ cháu chẳng hề nhắc tới.

Nhà thơ có tên tuổi trong văn học vở vai tôi:

– Vân là gì của Cũ và chị Ba nhỉ?

Dượng Cũ đáp:

– Con riêng đời chồng trước của nhà Cũ...

Mẹ tôi xen vào:

– Để khi nào tôi kể rõ Diệu nghe, chuyện dài dòng lắm! Đại khái tôi với bà nó thôi nhau, sau ảnh chết, còn Vân lưu lạc hồi nhỏ. Đến năm 1970, hai mẹ con gặp lại tại Đà Nẵng, thì Vân đã là lính “ngụy” rồi. Cứng đầu lắm, không ai nói nó nghe.

Cứng đầu, tôi cứng đầu việc gì chứ? Bà nói tắt ngang làm Xuân Diệu chau mày. Câu chuyện mẹ vừa kể quá “đại khái”, thoát nghe như bản tóm lược từ một truyện tiểu thuyết ly kỳ. Chắc bà muốn lấy lòng người em theo Cộng Sản, mà em bà con ra sao tôi chẳng rõ. Mới mất nước một năm, mẹ đã tiêm nhiễm quá nhanh, bắt chước thiên hạ hay dùng tiếng “ngụy”, ngụy quân, ngụy quyền, nhảm chán!

Xuân Diệu nãy giờ ngồi dựa ngửa, tay khoanh trước ngực, đưa mắt nhìn quanh căn phòng, và nghe mẹ nói tôi cứng đầu, tác giả tập thơ tình bất hủ “Gửi Hương Cho Gió”, ấn nhẹ cặp kính trắng gọng vàng sát

sống mũi rồi hỏi tôi bằng một giọng miền Trung nhai nhại tiếng Bắc:

– Vân sao cụt chân?

– Dạ, cháu là phế binh chế độ cũ...

– Quân hàm và lính gì?

Đã đoán trước sẽ có câu hỏi đó, thói quen của Cộng Sản, tôi đáp ngay:

– Trung úy Biệt Động Quân.

Xuân Diệu mồm mím:

– Biệt Động Quân, lính thế nào?

Tôi đang phân vân, chưa biết giải thích sao cho phải lẽ thì dượng Hồ Cũ, vốn dĩ ghét cay ghét đắng binh chủng này, vội cướp thời cơ, nói hốt, buộc miệng xen vào lảng xẹt:

– Loại lính đội mũ nâu, áo quần rằn ri, mang cái đầu cọp nhe răng, dữ lắm!

Xuân Diệu le lưỡi:

– Thế à, chỉ mang cái đầu, còn thân mình đâu?

Bị nhà thơ lãng mạn hỏi móc họng, tôi ác cảm xỏ lại:

– Cậu không biết à? Một giống cọp miền Nam chỉ thích xé nát đối thủ, không thèm ăn, nên chẳng cần bụng.

Tôi vừa dứt lời mọi người cười rồ lên. Chú em tên Hồ Trí, cùng mẹ khác cha, đang ngồi trên giường nơi góc nhà, cũng hả hợng. Họ cười phả lấp, cốt để tôi bớt giận, nhưng sẵn trớn tôi phang tiếp:

– Nhiều khi cọp còn ba chân vẫn rượt chạy trốn chết hàng trăm thàng. Dượng mẹ cháu biết mà!

Dượng Cũ ngoảnh mặt ra sân, nhìn ngọn núi bên thác Gu-ga. Chắc không ai hiểu ý tôi mượn câu chuyện Tiểu đoàn 42

Biệt Động, chỉ còn ba đại đội đánh tan một tiểu đoàn Cộng quân, khi phá vỡ ổ phục kích của chúng. Vì chiến thắng lừng lẫy đó, đơn vị được tặng biệt danh “Cọp Ba Chân” hay “Cọp Ba Đầu Rắn”, mà về sau, kẻ thù nghe đến là khiếp đảm. Tôi muốn nhắc khéo thêm vụ tái chiếm Sa Huỳnh, Quảng Ngãi, 1973. Dương Cũ biết rõ. Liên đoàn 1 Biệt Động Quân chúng tôi đã đuổi chạy dài hai trung đoàn Cộng Sản Bắc Việt khỏi trận địa, bỏ lại hàng ngàn xác chết quanh bờ đầm Nước Mặn Sa Huỳnh...

Thấy tôi dễ nổi nóng khi bị nói xấu, Xuân Diệu nhẹ nhàng hỏi lảng sang vấn đề khác:

– Vân được mấy cháu nhĩ?

– Sáu đứa, cậu!

Xuân Diệu lắc đầu:

– Miền Nam sanh đẻ quá “tiêu chuẩn”.

Tương lai kế hoạch gia đình sẽ được áp dụng triệt để. Đó là chính sách hàng đầu của Đảng và nhà nước đem lại hạnh phúc cho nhân dân, như ở Hungary, Bulgaria... mà Diệu đã đi thăm.

Xuân Diệu nói về cai đẻ một cách say mê, không ngưng miệng. Mẹ tôi nhà dưới xách ấm nước lên vừa châm trà vừa hỏi Xuân Diệu:

– Diệu bây giờ công tác ở bộ nào?

– Bên kế hoạch gia đình.

Tôi vờ ngạc nhiên:

– Thường thì đảng viên lâu năm được nắm chức vụ lớn, quan trọng. Cậu là một thi sĩ danh tiếng, theo Bác và Đảng từ đời nào tới giờ, sao lại làm bên ngành đó?

Việc kế hoạch gia đình để giới phụ nữ họ lo chứ!

Bị tôi chê, ông khó chịu:

– Vân không biết. Đó cũng là một phần vụ quan trọng...

Xuân Diệu ngưng, đưa tách trà lên miệng hớp một ngụm xong, ông hạ giọng nói khe khẽ, như để mình tôi nghe:

– Cậu đi làm cách mạng, chứ không theo Cộng Sản. Tuổi Đảng đâu cậu giữ chức vụ lớn?

Tôi khẽ cười và nhủ thầm: “Vào đảng cướp đó cho đắc tội à?”. Dương Hồ Cũ nắm được ý người bạn cố tri, mặt dưng hơi nhăn, ra chiều suy nghĩ, một giây lâu mới hỏi:

– Sao vậy, Diệu?

Nhà thơ lặng thinh, không một thoáng buồn.

Thật khó tin. Lý gì ông chối bỏ cái chủ nghĩa Marxist ông đã đeo đuổi phụng sự suốt 40 năm nay? Hay Xuân Diệu, thời trai trẻ, hẳn đã đem lòng nhiệt huyết tham gia các phong trào cách mạng dân tộc, thật sự bài phong đả thực, như bao nhà ái quốc khác. Nhưng vì mẽ lười trí trá của Cộng Sản bủa xuống cuộc đời người thi sĩ tài hoa từ khi rời bỏ xứ mẹ Vạn Gò Bồi, Bình Định, theo cha về quê nội Thanh Hóa, 1937. Tôi không rõ thật hư thế nào, chứ nơi đây có gì đáng ngại ông phải phủ nhận quá trình hoạt động suốt thời gian ông ngoài Bắc, đang lúc biết bao tay mơ, gió chiều nào xoay chiều đó.

Qua những lời tâm sự của Xuân Diệu tôi đổi hẳn thái độ, không những hết thành kiến, còn kính mến, thông cảm ông một



thời sống dưới chế độ hà khắc, bất nhân. Tôi tiếp tục gọi lòng trắc ẩn nơi ông:

– Thường thì ai cũng muốn người thân có chức phận. Tài thơ cậu đâu thua kém Tố Hữu?...

– Tài là một việc, tư tưởng trong các tác phẩm mới đáng kể. Khác với Tố Hữu, thi ca chẳng giúp cậu có địa vị, vì cậu không chịu được gò bó. Người ta cho cậu là thi sĩ lãng mạn. Nếu thật, thì càng không thể đóng khung cậu ở bất cứ lãnh vực nào.

Thấy ông cười mở tôi lạm bàn qua thơ:

– Một nhà thơ lớn từ tiền chiến như cậu, tới nay, chắc còn mãi mãi, được rất nhiều giới độc giả say mê những thi phẩm ngày xưa của cậu. Thế suốt thời gian ngoài Bắc, cậu Diệu có viết bài nào thuộc sở trường trữ tình nữa không?

Ông tháo đôi kiếng xuống, vừa lấy vạt áo lau bụi vừa đáp:

– Thỉnh thoảng thôi. Nếu giữ mãi cái “sở trường” như Vân nói thì tai hại lắm. Năm 1961, cậu làm bài “Biển”. Một lần đi bình bài thơ này, cậu được đãi ăn bữa cháo gà. Chiều cậu sẽ chép tặng Thy Vân.

Tôi lắc đầu:

– Sao buồn vậy cậu? Mười lăm năm chỉ làm được một bài thơ tình!

Mặt trời đã lên cao, chắc đói bụng nên Xuân Diệu muốn nhắc khéo cơm nước chẳng? Hay ông thèm một bữa thịt gà thơm phức khi thấy một bầy gà trống lẫn mái ú nú đang nhón nhờ rửa cỏ ngoài sân? Sau 20 năm chia đôi đất nước, lần đầu tiên, từ nơi xơ xác về nhìn lại miền Nam trù phú, Xuân Diệu tuy không nói ra chứ

trong lòng ngây ngất. Lúc sáng, mẹ tôi làm cho Xuân Diệu một tô mì cua, ông xuýt xoa bảo để dành trưa ăn với cơm. Là thi nhân, tâm tình có khác, đậm đà, chan chứa, nó cũng nhạy cảm làm sao! Hẳn Xuân Diệu đã rõ cuộc chiến vừa qua, ai giải phóng ai? Buồn ơi là buồn!

Vì sao bài thơ “Biển” Xuân Diệu được đãi ăn cháo gà để ông nhớ mãi? Tất cả văn nghệ sĩ ngoài Bắc đều học tập, sáng tác phải theo giáo điều là ca ngợi Đảng, kích động toàn dân hận thù “đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào”, đánh tới độ ai cũng chán ngấy. Bài “Biển” chắc mang một sắc thái mới, mới trong cái cũ của Xuân Diệu, vẫn thứ tình yêu lãng mạn, như giữa thập niên 30, nên được bữa cháo gà, một tiểu gia súc rẻ rề trong Nam, nhưng quý như con bò ngoài Bắc.

Dượng Cũ bảo mẹ tôi đi chợ Phú Hội gần đó để mua thức ăn. Trước khi ra khỏi nhà, mẹ nhắc Xuân Diệu:

– Hôm qua Diệu nói muốn xem thác Gu-ga. Kìa, Vân đưa Diệu đi. Thác gần đây, rồi về ăn cơm trưa.

Xuân Diệu cười:

– Diệu vào Nam chỉ mục đích thăm gia đình và Gu-ga.

Bà quay qua tôi:

– Con lấy Honda ba bánh chở cậu. Coi cẩn thận!

Tôi ra trước nhà. Xuân Diệu bước theo, đứng ngắm nghía chiếc Honda Sport, 72 phân khối, thấp nhỏ, màu xanh nước biển bóng láng. Xe được biến cải ba bánh, cỡ niên Spring, có thể chở thêm hai người nặng tổng

cộng 200 ký lô, và chạy 60 cây số một giờ. Do đó, dù cụt hai chân tôi vẫn bay vùn vụt, tỉnh này sang tỉnh nọ, từng phóng lên đèo Hải Vân ra Huế, từ Đà Lạt đổ dốc theo Quốc lộ 20 vào Sài Gòn, và ngược lại. Con “Rồng” của tôi cũng bao phen chọc tọt tụi bộ đội ngồi chồm hổm bên đường, nó thổi tung bụi bặm lẫn khói đen mù mịt, chúng gầm gừ: “Me, bọn nguỵ lắm kiểu xe!”.

Xuân Diệu dán mắt vào chiếc Honda đang rục rở:

– Chở cậu được chứ nhỉ?

– Dư sức qua cầu. Nhờ con “Rồng” xanh vĩ đại này, cháu hiên ngang đi khắp nơi...

– Chớ nói “vĩ đại”, hai chữ này đặc biệt chỉ được kèm sau tên Bác!

– Vậy sao, chỉ đi kèm theo tên Hồ Chí Minh?

Xuân Diệu rống to:

– Hai chữ nằm kế sau tên Bác! Nghe chưa? Không có nói trống trống Hồ Chí Minh. Coi chừng người ta ghép tội...

Tôi vờ nhún vai:

– Khó ghê nhỉ?

– Khó thì phải tập! Tập ăn, tập nói cho thích hợp với chủ trương, đường lối...

– OK, cậu ngồi “kèm” sau đây, hai chân bỏ một bên, lên vị trí này, tay nắm chặt khung sắt dựa lưng...

Tôi chỉ các chỗ cần thiết. Xuân Diệu se se ngồi xuống như sợ chiếc xe nó cắn.

– Vân rành đường đến Gu-ga không?

– Cháu là ông Thổ Địa. Thác nằm phía trước nhà cháu.

Xong, tôi nổ máy. Ra khỏi ngõ tôi tà tà chạy trên Quốc lộ 20 cũ, đầy ổ gà. Nhiều người với mặt tư lự lữ lượt đi ngược chiều

về hướng trụ sở xã Phú Hội. Hôm nay, nếu không có ông “cậu”, chắc tôi cũng đến hội trường nghe cán bộ huyện nói việc thành lập “hợp tác xã lao động”. Tôi đã dự một buổi họp khởi đầu. Rồi đây chúng sẽ sung công đất đai, trâu bò, cả máy móc sản xuất của tư nhân, và bắt dân làm ăn tập thể. Cứ mỗi buổi sáng một hồi kiểng thúc mọi người vác cuốc ra đồng, chiều một hồi kiểng tả tơi quay về, áp dụng giống các vùng “kinh tế mới”. Mặt ai nấy xanh dờn...

– Sao im lặng thế?

Xuân Diệu hỏi, tôi giật mình:

– À, cháu đang nghĩ thiên hạ sắp thành lập hợp tác xã lao động. Nghe đâu Đảng sẽ tái diễn vụ “Cải Cách Ruộng Đất” rất ác liệt như ở ngoài Bắc những năm 1953-1956. Lần này, không những tiếp tục triệt hạ địa chủ, họ còn bóp họng luôn giới “tư sản mại bản”. Nghĩa là làm cho dân chúng miền Nam phải tàn mạt mới thôi. Một bộ đội Sư 304 kể, ông nội chú bị giết vì tội nhà hơi khá, chữ của cải không bao nhiêu. Phải chi ruộng vườn cò bay thẳng cánh cho đàn ông. Đó là vật chất, tinh thần cũng sẽ tắt tiếng. Bằng cơ sách báo quý giá thời chế độ trước họ đã tịch thu hết. Rồi cũng sẽ đến “Trăm hoa héo tàn” cho giới văn học như sự cố Nhân Văn Giai Phẩm 1956-57 đó, cậu Diệu! Ông dưỡng Cũ có đưa cháu một đống sách, quyển nào quyển nấy dày cộm, viết về Karl Marx, Lénine, Engel và có cả sách ca ngợi ông Bác nữa... Đọc chết luôn!

Xuân Diệu đập vai tôi:

– “Ông” Bác nào?

– Bác Hồ!

– Tầm bậy! Bác là Bác, chứ “ông” gì trong đó? Chị Ba nói đúng: Vân ngang bướng thật!...

Tôi lắc đầu:

– Không biết hoàn cảnh tàn phế như cháu sẽ ra sao. Chắc đói. Hoan hô chủ nghĩa xã hội, cậu Diệu hả?

– Đừng có hoan hô tầm bậy giữa đường họ cười và đề cập đến mấy chuyện cấm kỵ đó!

– Cấm cái gì, cậu?

– Vụ “Cải Cách Ruộng Đất” và “Nhân Văn Giai Phẩm” (8).

Quở xong, ông hạ giọng tâm sự:

– Vân biết không, 40 năm trước thân sinh cậu kể ông có đi thăm Gu-ga, cậu ao ước lắm...

– Sao mấy lúc cậu không thăm?

– Ở ngoài Bắc làm sao đi, hỏi ngõ ngẩn?

Tôi cười hì hì:

– Kia, cậu nhìn bên trái, dòng sông thơ mộng khởi nguồn từ một hồ nước thiên nhiên mệnh mông, cao lừng trời tại Đa Nhim, quận Đơn Dương, phía đông thành phố Đà Lạt. Trước khi chảy nhập vào sông Đồng Nai, nó băng qua Liên Khương tạo thành thác Liên Khàng, không mấy hùng vĩ, nhưng khi tới ngang đây thì đổ quặp xuống một trũng sâu, dốc đứng là Gu-ga. Cậu nghe không? Tiếng thác đang ì ầm với bụi nước tung cao như màn sương trước mặt. Cậu Diệu sẽ tha hồ ngắm và làm thơ.

Ông cậu thi sĩ cười khật khật:

– Bảo làm thơ mà Vân tả cảnh dùng chữ “quặp”, làm mất hứng. Sao không nói “trúc” hoặc “trút” có hay hơn không?

Tôi cười:

– Hay lắm! Lát nữa cậu “trút”, nghen!

Tới ngã ba tôi rẽ trái, theo con đường đất đỏ ngoằn ngoèo vào đậu xe gần bờ dốc cuối mỏm. Xuân Diệu đi nhón người đến nhìn cây nước khổng lồ như điên cuồng nhào lộn xuống vực sâu, xoáy tròn, trắng xóa...

Ông reo lên:

– Đẹp quá, Vân ơi! Coi chừng, đừng lết ra nữa, đất sập!

Tôi ôm chặt một gốc cây bên mép đồi:

– Cậu Diệu tới chỗ tảng đá to kia, xem rõ hơn!

Tuy phong cảnh tuyệt vời, đẹp nhất Lâm Đồng, nhưng dân địa phương quen gọi Gu-ga là “ổ gà”. Lời nói trại này ẩn ý không tốt. Trước 1975, nơi đây xảy ra nhiều án mạng rừng rợn. Các cặp trai gái đến làm tình xong, có mấy nàng bị đập xuống thác, hoặc tự tử. Mới tháng trước, một anh bộ đội một đơn vị của Sư 304 Cộng Sản Bắc Việt, đóng ở Đại Ninh, siết cổ một thiếu nữ miền Nam ném vào kẹt đá. Một chú Thượng R’Chai ngồi câu cá cũng bị bắn vì nghi Fulro. Đa số chết bất đắc kỳ tử, nên các am miếu thờ trong khu vực Gu-ga này rất linh thiêng...

Tôi chưa dám kể mấy chuyện thuộc cõi trên như vậy cho người thi sĩ dư tìm mà thiếu gan này nghe, chờ ông làm xong bài thơ.

Xuân Diệu nhìn say mê bức tường nước mãi gằm gừ vang động một góc núi. Chiếc áo trắng ông mặc nổi bật giữa rừng xanh. Tôi chưa thấy Nhà thơ cầm bút. Ông đứng ngắm hoài, thế đứng kỳ lạ, như anh lính bị phạt phơi nắng, đôi bàn tay đan nhau để sau gáy, hai cánh tay thì cung ra thành

hình tam giác. Thỉnh thoảng mắt ông nheo lại, đầu gật gật, như đắc ý một điều gì.

Trời nắng kinh khủng, cái sọ muốn nứt, tôi định thức giục thì đúng lúc ông lấy giấy bút hí hoáy viết. Bây giờ ông mới bắt đầu sáng tác.

– Chiều cao cây nước bao nhiêu thước, Vân?

– Chà, có đo đâu mà biết?

– Thì ước khoảng thôi!

– Khoảng trên dưới 30 mét!

Trả lời xong tôi nhủ thầm: “Làm thơ chứ đâu phải làm thợ mộc mà hỏi thước tấc nhỉ?”.

– Xong rồi, về!

– Lẹ vậy cậu?

Xuân Diệu im lặng, vừa quay lui vừa liếc nhìn cái am thờ cô gái bị siết cổ chết, nhang khói lạnh tanh, bên mé đồi.

Thấy mặt trời chưa đứng bóng, tôi chạy ngược lên hướng xóm Thượng Jirong Tambor, vòng qua đoạn Quốc lộ 20 mới, gần thôn Lam Sơn người Nùng, để Xuân Diệu xem rừng bắp xa tắp chân trời phía tây. Xuân Diệu bảo dừng xe. Lần này ông ghi ghi chép chép rất nhanh vào quyển sổ.

Cơm trưa xong, nhân lúc gia đình đầy đủ, ngồi trò chuyện quanh bàn nước, Xuân Diệu nói:

– Mời Cũ, chị Ba, các cháu Vân, Tâm, Trí nghe Diệu đọc hai bài thơ. Trước hết, bài BẮP:

*Ba cây số chiều ngang hương bắp  
Hương đồng pha hăng hắc hương rừng  
Phấn bắp tỏa ngạt ngào sức lực  
Cờ bắp lay ngọn gió trong thung  
Vừa tới cao nguyên rạo rục lòng*

*Lại say hoa bắp nắng vàng ong  
Một mùa bắp mới xua chưa thấy  
Làm má non sông cũng ửng hồng.*

**Xuân Diệu**

**Phú Hội 13/06/1976**

Đọc xong, tác giả cùng mọi người đều im lặng, chẳng ai ý kiến, khen hay chê. Tôi cũng vậy, dù cảm thấy mình vừa bị cú sốc. Thường thức thơ của thi sĩ tài danh mà tưởng đâu tôi nghe một bài phóng sự chiến trường. Tôi muốn hỏi vì sao thơ ông “xuống cấp” dữ vậy. Ý thơ không do sự rung động của con tim, chỉ là tiếng cào cuộn từ bao tử đỏi phát ra thành lời. Câu đầu của bài, ông phang ngang, câu 3 khập khểnh...

Xuân Diệu vừa thắm thì bên tai dưng Cũ điều gì, vừa lật qua lật lại mấy trang giấy chẳng chịt chữ, rồi ông đặng hăng:

– Để Diệu đọc bài THÁC GU-GA:

*Đổ ào ào đổ Gu-ga  
Sông Đa Nhim đến đây òa thành bông  
Thành tơ trắng xóa một vùng  
Bạc tuôn đổ xuống vô cùng thời gian  
Cao ba chục thước nước tràn  
Ào ào binh mã nghe vang tháng ngày  
Cây xanh, thác trắng, xinh thay  
Chạy trời trên suối đổ mây sau rừng  
Thác Gu-ga đó, tiếng lừng  
Trong ta bình giậy khí hùng thiên nhiên.*

**Xuân Diệu,**

Gu-ga 13/06/1976

(Còn tiếp một kỳ)

Trích trong truyện dài *Tiếng Hồn Chân Mây*

**TRẦN THY VÂN**

# ĐỌC "NON NƯỚC ĐÁ VÀNG" của Nguyễn Thị Ngọc Dung

## TÂM MINH NGŨ TẦNG GIAO

"NON NƯỚC ĐÁ VÀNG" là một tuyển tập văn xuôi và hình ảnh. Có thể gọi là "du ký", "bút ký", vì sách ghi lại các cuộc "đi chơi xa", sinh hoạt văn học của tác giả. Sách dày khoảng 300 trang, gồm tất cả 7 phần. Phần đầu tiên là "Non Nước Đá Vàng" được tác giả chọn làm tiêu đề chung cho toàn bộ cuốn sách.

### Phần 1: NON NƯỚC ĐÁ VÀNG

Tác giả say mê tường thuật lại chuyến du lịch của vợ chồng mình vào tháng 9 năm 2000 bằng xe buýt từ Mount Rushmore qua Yellowstone Park, rồi Grand Teton Park và dừng lại tại Salt Lake City. Chuyến du lịch kéo dài 10 ngày. Đây là điều mà tác giả mong ước từ 30 năm qua, "*tính từng ngày, náo nức từng giờ*". Độc giả được lần lượt giới thiệu: thoát tiên là 4 khuôn mặt tổng thống Mỹ biểu tượng cho nền dân chủ Hoa Kỳ được

tạc thành tượng trên núi đá là George Washington, Thomas Jefferson, Theodore Roosevelt và Abraham Lincoln (tại Mount Rushmore). Rồi đến vùng Yellowstone Park có hàng ngàn giếng phun nước nóng và nhiều dã cầm, dã thú. Đặc biệt là Old Faithful Geysir (Giếng Trung Thành) cứ cách nhau khoảng 80 phút lại phun nước lên một lần kéo dài từ 3 đến 5 phút, hơn 120 năm nay giếng cứ phun đều đều như vậy nên được mang tên là "Trung Thành". Qua Grand Teton với núi non trùng điệp như "*những bộ ngực mỹ nhân*". Cuối cùng là Salt Lake City với hồ rộng mênh mông bát ngát.

Trong suốt chiều dài của chương du ký, ngao du sơn thủy này, tác giả cũng bộc lộ và đề cao hạnh phúc gắn bó với vị phu quân đã gần 30 năm tình nghĩa đá vàng.

### Phần 2: NGÀN DẶM DU CA

Tác giả tường thuật lại một ngày đại hội của các cựu học sinh hai Trường Trưng Vương và Chu Văn An vào tháng 4 năm 2001 tại Toronto, Canada. Tác giả cùng

một nhóm bạn đã bỏ công việc nội trợ, quên sở làm, cùng ca hát, truyện trò vui chơi bên nhau những giờ phút hồn nhiên, tươi trẻ trong cuộc hành trình hào hứng bằng xe buýt từ Virginia tới đại hội và tham gia chương trình văn nghệ trong đại hội. Tác giả dĩ dỏm kể lại tỉ mỉ vì chính mình là một thành viên trong phái đoàn. Sau đó trên đường về là chuyến ghé thăm Thác Niagara.

### Phần 3: THƯ GỬI BẠN QUÊ NHÀ

Tình bạn học, nghĩa đồng môn trải dài hơn nửa thế kỷ từ Bắc vào Nam, từ Sài Gòn tới Hoa Kỳ đã thể hiện trong chương bút ký này. Từ hải ngoại Ngọc Dung bắc nhịp cầu tâm tình cho những đồng môn trường trung học Trưng Vương từ Hà Nội trước năm di cư 1954, từ Sài Gòn trước năm di tản 1975, còn ở lại quốc nội. Tác giả kể lại một số sinh hoạt với hình ảnh của thân hữu Trưng Vương hải ngoại và gửi về cho các bạn học cũ nơi quê nhà.

### Phần 4: LẠC VÀO KHUNG TRANH

Vào mùa Xuân năm 2004 tác giả cùng chồng đi xem triển lãm Beyond The Frame tại Viện Bảo Tàng Corcoran Gallery of Art trong Washington, D.C. Những tượng cảnh ba chiều (paintings in three-dementions) được tạo dựng y hệt

tranh của một số họa sĩ lừng danh thời xa xưa như ba danh họa phái “ấn tượng” Pháp là Renoir, Monet và Manet, cùng danh họa Hòa Lan, Van Gogh... Công trình tạc tượng theo tranh, đặc biệt chưa từng có này của một điêu khắc gia người Mỹ tên là J. Seward Johnson, Jr. Người xem tranh có thể đi vào bức tranh sờ mó các bức tượng, leo lên giường nằm, lên ghế ngồi v.v... Được thưởng ngoạn công trình tạc tượng này với người bạn đường cũng là một điều may mắn, hạnh phúc trong cuộc sống lứa đôi của tác giả.

### Phần 5: THEO DẤU CHÂN ẤN TƯỢNG

Tháng 10 năm 2004 tác giả thích thú cùng chồng đi xem “vườn tượng” Ground For Sculpture của họa sĩ điêu khắc gia người Mỹ J. Seward Johnson, Jr. tại Tiểu Bang New Jersey. Nơi đây là một công viên rộng lớn trưng bày ngoài trời những tác phẩm của ông và của nhiều nhà điêu khắc khác. Các tác phẩm này là những pho tượng và những cảnh phỏng theo các “bức tranh danh tiếng nghệ thuật thế giới, thần tượng Hollywood và danh nhân lịch sử Hoa Kỳ...” Một lần nữa, người đọc được thấy hạnh phúc của tác giả trong một cuộc đi chơi và thưởng thức nghệ thuật này.

## Phần 6: NHỮNG NGỌN CỎ THƠM

Tác giả kể lại về sự tham gia của mình với tạp chí văn học Cỏ Thơm. Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm góp mặt trong làng báo văn học hơn một chục năm trước đây. Thoạt tiên Ngọc Dung là “*một trong những tác giả đã ủng hộ hiện kim và đóng góp bài vở*” cho tạp chí này (tr.245). Hiện nay Ngọc Dung là chủ nhiệm kiêm chủ bút tập san. Ngọc Dung ghi lại một số sinh hoạt của tạp chí cùng các cây bút cộng tác, nhất là những buổi họp mặt “*kỷ niệm ngày sinh nhật hằng năm*” của báo Cỏ Thơm. Nhiều giai thoại văn chương, nhiều tên tuổi trong giới văn học, nghệ thuật vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn, khắp Mỹ Quốc và Âu, Á đã được nhắc tới trong chương bút ký “*Những Ngọn Cỏ Thơm*”.

## Phần 7: HÌNH ẢNH GIỚI THIỆU

Tác giả ghi lại một số hình ảnh cùng sinh hoạt trong những lần ra mắt các tác phẩm văn học của chính mình:

- *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* được ra mắt sách tại Virginia vào tháng 5 năm 1995. Sau đó tại Nam California vào tháng 7 năm 1995. Tác phẩm này đã được tái bản lần thứ hai.

Đây là tập hồi ký thứ nhất, tác giả ghi lại cuộc đời mình từ thời thơ ấu sống yên vui đầm ấm bên cha mẹ anh chị em tại Hà Nội. Những kỷ niệm của Ngọc Dung gắn liền với các danh lam, phố cổ của đất ngàn năm văn vật. Gót son của thiếu nữ Hà Thành đó đi bên những dấu ấn lịch sử cho tới ngày đất nước chia đôi. Hình bóng một thanh niên Hà Nội đã làm tập hồi ký thêm phần thơ mộng và lãng mạn.

Tuy là tác phẩm đầu tay, nhưng tập hồi ký *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* đã được công nhận là một tác phẩm văn chương được chú ý trên văn đàn.

- “*Sài Gòn Nhớ Mưa Thương*”. Hồi ký. Ra mắt sách tại Virginia vào tháng 9 năm 1996. Sau đó tại Bắc California rồi tại Nam California vào tháng 10 năm 1996. Cuối cùng là tại Philadelphia vào tháng 11 năm 1996.

Tập hồi ký thứ hai ghi lại cuộc đời của tác giả từ lúc rời Hà Nội, cùng gia đình di cư vào Sài Gòn năm 1954 đến khi quen biết và lập gia đình với một nhà văn nổi tiếng, rồi chia tay sau vài năm. Trước khi Sài Gòn sụp đổ, tác giả kết hôn với một nhà ngoại giao Hoa Kỳ và đem con về sống hạnh phúc tại vùng Hoa Thịnh Đốn cho tới nay.

Tập hồi ký đã gây sôi nổi vì tính chất thành thật, vì các nhân vật nổi tiếng có thật ngoài đời, vì trong lịch sử văn chương Việt Nam chưa có cây viết nữ nào dám kể cái tôi thật sự trong tác phẩm, mà theo thành kiến là “cái tôi đáng ghét”. Tác phẩm *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* cũng đã được tái bản.

- “*Điểm Trang Làm Dáng Cuộc Đời*”. Thơ. Ra mắt sách tại Virginia vào tháng 6 năm 2000. Rồi sau đó tại Bắc California vào tháng 7 năm 2001. Đây là một số bài thơ tâm tình đã được Nguyễn Thị Ngọc Dung ôm ấp, cất giữ từ thuở học trò và một số bài thơ viết ở hải ngoại, tác giả kể nỗi lòng sau ngày Sài Gòn sụp đổ.

- “*Một Thoáng Mây Bay*”. Tập truyện. Ra mắt sách tại Virginia vào tháng 9 năm 2001. Đây là những truyện được tác giả viết như có thật về nhiều hoàn cảnh của Người Việt di cư trên đất Mỹ sau tháng 4 năm 1975. Nhiều độc giả tưởng như Nguyễn Thị Ngọc Dung viết về họ, viết cho họ, để thông cảm và chia sẻ nỗi vui buồn với họ.

\*

Trong suốt cuốn sách *Non Nước Đá Vàng* tác giả đã giới thiệu với bạn đọc nhiều nơi triển lãm, nhiều thắng cảnh nổi tiếng, vài buổi họp mặt sinh hoạt của

người Việt hải ngoại và nhất là một số hoạt động cùng các “khuôn mặt” quen thuộc trong làng văn học, nghệ thuật, hội họa, âm nhạc v.v... Một tập sách giới thiệu về du lịch hoặc các bài tường thuật dưới ngòi bút của một phóng viên cũng đều có thể làm được như thế. Nhưng dàn trải giữa những dòng chữ của tác giả, người đọc cảm nhận được phần nào “tâm sự” của Ngọc Dung.

\*

Ngọc Dung viết: “*Chuyến này quyết định bỏ hết chuyện đời, đi chơi một chuyến xa hơi!*”. Sau đó trích dẫn hai câu thơ của Nguyễn Bình Khiêm: “*Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ, Người khôn người tới chốn lao xao*” (tr.23).

Viết khi ngắm nhìn thung lũng Old Faithful khói sương tiên cảnh: “*Tìm cô đơn giữa thiên nhiên vắng vẻ, xa lánh chốn lao xao, ồn ào náo nhiệt, may mắn và hạnh phúc lắm thay!*” (tr.81). Phải chăng đây là cái “tâm sự” đầu tiên của tác giả, người muốn lánh xa cái “bụi bặm trần gian” của những nơi hội họp đông “nhân vật” và đây... “thiên hạ sự” trong một xã hội mà hầu như “vật chất” được coi trọng hàng đầu?



Tình quê hương luôn vương vấn trong tâm hồn và theo chân tác giả tới khắp nẻo “du hành”: “Cảnh đời hoang cổ đại mênh mông ấy trông quen thuộc quá, như đã thấy ở Đà Lạt hay ở đâu?” (tr.38). “Phong cảnh tựa như một làng quê Việt Nam, mái tranh tỏa khói bếp nấu cơm của người dân trước khi đi chợ hay ra đồng cày bừa buổi sớm” (tr.81).

Theo cả đến cách chọn đồ ăn thức uống: “Tôi gọi tô mì xiên ớt, hành, nắm nướng và ăn với cơm. Chưa đi được ba ngày đã nhớ cơm, nhớ gạo rồi đấy, quý đồng hương thông cảm chứ?” (tr.44).

Tình quê phảng phất trong đồ vật: “Một mùi quen thuộc đưa vào khứu giác tôi. A, mùi da bò, cái mùi bay ra từ các cửa tiệm giấy, ví, va-li trên Đường Lê Thánh Tôn, trước cửa Thư Viện Quốc Gia Sài Gòn cũ”. Cứ muốn lưu giữ mãi cái hơi hướm quê hương: “Đến chỗ xa lạ hẳn với khung cảnh Việt Nam mà vẫn nhận được mùi quê hương thoang thoảng ấy, tôi mua một cái ví nhỏ với mùi da bò... chỉ để nhớ để thương.” (tr. 45).

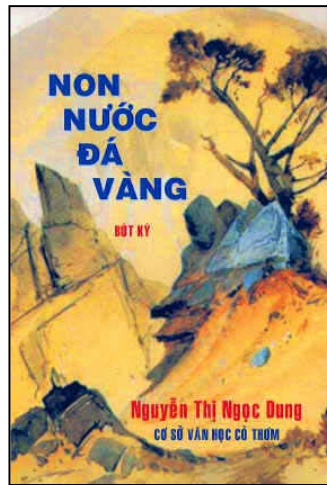
Lúc nào cũng có ý thức đề cao dân tộc mình như khi ngợi ca một nữ họa sĩ gốc Việt Nam: “Người đồng hương của mình

thơm, thì mình cũng thơm lây. Nên tôi không bỏ qua những dịp có thể giới thiệu về sự vẻ vang dân Việt của mình.” (tr.120).

Trong hành trình du lịch, ngắm nhìn cảnh vật và sinh hoạt của quê người, tác giả chợt nổi lên một vài suy tư đượm màu triết lý. Khi thì về chính trị: “Tiến tới một nước Mỹ giàu mạnh, thanh bình, an lạc như

ngày hôm nay, con người đã phải tranh đấu liên tục, bỏ hận thù chịu phục thiện và phải có người chỉ huy tài giỏi, nhân đạo, vì dân, vì nước thực sự.” (tr.55). Khi thì nặng về mặt tâm linh, phảng phất cái quan niệm “luân hồi”: “Nước chảy ra sông, ra biển, gặp nắng bốc thành hơi, thành mây, gặp lạnh biến thành mưa, thành

tuyết rồi lại rơi về vùng núi non đất đá này. Thôi thì nguồn cao, suối cạn ơi! Hãy kiên trì đợi chờ, gió sẽ đưa mây mưa băng tuyết trở lại với người nhé! Nước sẽ trở về nguồn!” (tr.84). Và từ đó có ý tưởng muốn một ngày nào có thể theo phương pháp làm cho tâm hồn mình lắng đọng: “Trước phong cảnh trong lành, tinh khiết làm tinh thần sáng khoái, tươi vui, tôi mong ước có ngày trở lại, ở lâu hơn để tịnh thiền với



*cảnh vật thiên nhiên có một không hai trên trái đất này”* (tr.81).

Cuối cùng chân lý đã tỏ rạng, một quan niệm nhân sinh được tác giả đề cao sau khi đi thăm một cuộc triển lãm: *“Hạnh phúc là nơi tự mình tạo ra, tự mình tìm thấy. Hãy ‘make time for your happiness’ ”* (tr.210).

Ngòi bút của Ngọc Dung đôi khi cũng không kém phần dí dỏm. Viết sau khi trông lén qua ống nhòm về một người đàn ông: *“Tôi co vai, nháy mắt với Robert. Ông chồng tôi cười hiền từ về cái trò tiêu khiển vô thưởng vô phạt của tôi”*... Viết sau vài suy nghĩ vắn vớ của mình trong trò vui: *“Và chỉ nghĩ thầm thôi, chút hờ môi hờ miệng ra như thế với chàng của tôi thì đừng hòng được đi đâu một mình nữa!”* (tr.64).

Giọng văn đôi lúc vừa dí dỏm vừa ồm ờ như khi ngắm giếng nước nóng Old Faithful biểu diễn phun nước *“Ngày đêm, người đã phun ‘nhiệt chất’ bao nhiêu lần mà vẫn không biết mệt ư? Những vị dững mãnh, phá kỷ lục thế giới, làm như vậy được bao nhiêu năm, bao nhiêu tuổi nhỉ?”* (tr.79).

Tả cảnh lúc giếng phun yếu: *“phì hơi như ông già mệt nhoài, hết gân cốt”* (tr.82).

Tác giả kể có một bà du khách reo váng lên *“Có con bò rừng, bên tay trái. Con bò đực!”*

Thời một bà du khách khác lên giọng khôì hài: *“Hê! Sandra, bà có con mắt tốt lắm đấy nhé”* *“Bà nhìn thoáng mà đã thấy ngay cái đực của nó!”* Cả đoàn du khách cười lớn (tr.84).

Khi nói về một anh chàng ham leo núi, tuy nói là nguy hiểm: *“Nhưng bây giờ nếu có dịp, hẳn lại muốn được leo lên nữa, như các bà đau đẻ thê không bao giờ đẻ nữa nhưng ba tháng sau lại có bầu”* (tr.100).

Nhìn ông chồng ăn một món ăn sáng, Ngọc Dung viết: *“Ngày nào chàng cũng ăn được như thế. Tôi thì chịu, trông cái bát oatmeal như cám cho heo ăn, chẳng hấp dẫn chút nào, nhưng bỏ lăm đấy các cụ ạ”* (tr.173).

Khi đi xem triển lãm, nhìn vào một pho tượng nữ khỏa thân, tác giả trêu chọc hỏi chồng: *“Nhìn cô nàng Olympia, anh có hứng gì không?”*. Ông chồng gạt phắt đi: *“Anh không có hứng với tượng.”* Tác giả viết: *“Robert đỏ mặt trả lời và bóp chặt bàn tay trái của tôi. Cái nhẫn cắn vào ngón tay làm tôi đau điếng và kêu lên oai oái, chàng mới chịu buông tay tôi”* (tr. 184).

Khi nhìn tượng cảnh một cặp nam nữ ngồi bên nhau trong một tiệm ăn tác giả tả: *“Tay chàng quàng qua lưng ghế của nàng, mắt đắm đuối nhìn nàng như săn sóc thăm hỏi: ‘Em đã bớt mỗi chân chưa? Chúng mình đi bộ hơi nhiều nhỉ. Em muốn*

anh bóp chân cho em không? Em muốn dùng coffee, ice cream hay bánh ngọt?””. Rồi tác giả dí dỏm thổ lộ: “Nhưng chính chàng Robert đã hỏi nàng Ngọc Dung như vậy.” Tác giả trả lời: “Cho anh nợ đến tối về nhà. Bây giờ em muốn uống cà phê, ăn kem và cả bánh ngọt nữa” (tr.241).

Nhưng điểm nổi bật nhất trong toàn bộ tác phẩm có lẽ là cái “tình vợ chồng”, cái “nghĩa phu thê”. Lúc nào Ngọc Dung cũng muốn thổ lộ điều này và tỏ ra trân quý rất mực.

Sự quán quýt của vợ chồng tác giả khiến cho một cặp vợ chồng du khách khác phải hỏi: “Hai ông bà mới cưới nhau hả?”. Tác giả thổ lộ: “...những kẻ thích ôm eo nhau, nắm tay dung dăng dung dẻ, hay ngồi dựa sát vào nhau... Người ta cứ tưởng chúng tôi còn trong thời kỳ trăng mật nóng hổi, nên cắt đi 29 năm đá vàng của chúng tôi” (tr.72). “Tôi hôn nhẹ trên má Robert và cảm ơn chàng đã giữ lời hứa, đưa tôi tới vùng Non Nước Đá Vàng này. Đôi mắt chàng đã hết trong xanh tuổi trẻ, nhưng vẫn long lanh xúc cảm như bao giờ. Chàng đáp lại với chiếc hôn trên vầng trán đã hơn nửa cuộc đời suy tư của tôi, vầng trán không khác chi hình vẽ những lớp nham thạch trong lòng giếng Trung Thành” (tr.75-76).

Tác giả đề cao tình cảm của một bà vợ cùng đi du lịch với ông chồng ngồi xe lăn: “Cái nghĩa Non Nước Đá Vàng thực sự thể hiện ở cặp vợ chồng này. Họ đã keo sơn gắn bó cho tới lúc gối mỗi chân chôn, thực hiện lời nguyện ước cùng du lịch những nơi đã hứa hẹn với nhau tự bao giờ. Và cũng như những cặp vợ chồng đầu bạc răng long khác, trong đó có chúng tôi...” (tr.77).

Tỏ ra luôn quý trọng chồng mình, tác giả viết khi thăm thác nước Niagara: “Đây là lần thứ hai tôi đứng trước cảnh thần thoại này. Lần đầu tiên tôi tới đây kỷ niệm 25 năm bạc... đầu với Robert, người bạn đường đáng yêu của tôi” (tr.138). Khi hai vợ chồng đi xem triển lãm tranh, ngồi trên xe: “Nét mặt tươi rạng, Robert nhìn sang tôi đắm đuối, và bỗng cũ sao lại, chàng đưa tay tôi lên môi hôn: “Anh rất sung sướng, chúng mình có date với nhau hôm nay. Anh cảm thấy như ngày chúng ta mới quen nhau. I love you, baby” (tr.174). Khi đề nghị đi xem một công viên, ông chồng sốt sắng đồng ý ngay: “Có điều gì tôi yêu cầu mà chàng từ chối đâu!” (tr.206).

Khi rời một cửa hàng bán đồ kỷ niệm: “Trên đường ra xe, Robert ôm tôi sát người, vừa đi vừa mơ mộng: ‘Vĩa hè này làm anh chợt nhớ tới hè đường Thống Nhất, trước cửa Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ngày nào, đã

nhiều lần chúng mình hẹn hò đi trên đó nhỉ?’ ” (tr.209). Sau đó lúc lên xe ông chồng nói: “Cảm ơn cưng đã cho anh một buổi hẹn hò thật hạnh phúc. I love you, my dearest” (tr.210).

Có lúc tác giả viết say sưa về hạnh phúc của mình: “Những cặp vợ chồng già như chúng tôi đến vùng cao nguyên Yellowstone được dịp suy nghiệm về trời cao đất cả, đầy uy quyền linh biến, được dịp thừa hưởng cái đẹp tinh túy, linh diệu của thiên nhiên ban cho loài người. Chúng tôi đã ghi lại một lần nữa những hạnh phúc bên nhau và cảm ơn nhau cái tình thủy chung, cái nghĩa đá vàng đã cho nhau hơn nửa cuộc đời” (tr.82).

Viết trong một đoạn khác, sau khi đi xem triển lãm về: “Tôi tắt máy sưởi nóng, xuống kính xe, hít thở không khí trong lành khi qua dòng Sông Potomac mênh mông tràn đầy như hạnh phúc chúng tôi đang có và đã có từ ba mươi mấy năm qua” (tr.210).

Lời ca tụng hạnh phúc không lúc nào dứt: “...tình nghĩa đá vàng đã cho chúng tôi chia sẻ hạnh phúc quý giá bên nhau giữa thiên nhiên tuyệt vời, vũ trụ huyền bí, đất trời cao cả, vĩ nhân, thiên tài đã được ghi danh, tạc tượng đời đời kiếp kiếp” (tr.125).

Cuối cùng tác giả tâm sự: “Ở tuổi đá vàng, hãy mau mau giữ lời thề non nước, kẻ không còn cơ hội! Quý vị ơi!” (tr.67). “Trong đám du khách, xem ra có nhiều cặp kể cả chúng tôi đã mãn nguyện giữ được lời hẹn non thề nước, vợ chồng đã mấy chục năm, nay đưa nhau tới đây cùng thiên nhiên ghi tạc tình nghĩa đá vàng” (tr.70). Đến đây người đọc hiểu rõ lý do tại sao Ngọc Dung lại chọn cho tác phẩm của mình là: *Non Nước Đá Vàng*.

\*

Ngay từ đầu tập sách tác giả đã thổ lộ ý muốn: “chia sẻ kinh nghiệm có thể lợi ích cho các độc giả đi sau” (tr.23). Người đọc quả đã tiếp thu được không những chỉ lợi ích về kinh nghiệm du ngoạn, sinh hoạt đây đó mà còn lĩnh hội được cả cái thông điệp về tình người nói chung hay tình yêu vợ chồng chung thủy “đá vàng” nói riêng của cá nhân Ngọc Dung. Trọn vẹn cả tình lẫn nghĩa! Đó quả thật là một điều đáng quý!

Virginia, miền đất của Tình Nhân,

Tháng 6 năm 2007,

**Tâm Minh NGÔ TẶNG GIAO**  
(Virginia)

# MỘT VÀI KỶ NIỆM VỚI NHẠC SĨ TRỊNH HƯNG (1924-2008)

Tôi được làm quen với nhạc sĩ Trịnh Hưng nhân dịp anh đi từ Lyon lên Paris đến dự buổi họp Bích Xuân ra mắt sách *Bao Giờ Anh Đi* ngày mùng một tháng 06-1997 tại Viện Pháp Việt - đường Saint Jacques, quận 05 của thủ đô nước Pháp. Ngay giây phút đầu, chúng tôi đã có cảm tình với nhau, anh ngồi bên cạnh tôi trong suốt chiều sinh hoạt văn học nghệ thuật để hàn huyên về đủ mọi vấn đề, và nhất là về Trăng Mờ Bên Suối. Sau khi trở lại Lyon ( Số 10, Avenue des Frères Lumière), anh viết thư chúc Tết (đề ngày 06 th.02-1998), chắc vì một khoảng thời gian bất tin nên xin tôi thông cảm « vì nhiều việc lẩn cẩn quá, ít có thì giờ nên không thư thăm anh được, mong anh thứ lỗi cho... ». Trịnh Hưng cho tôi biết nhạc sĩ Lê Dinh, chủ trương báo Nghệ Thuật « Đợi những bài mới của anh về Lê Mộng Nguyên (tác giả TMBS) và Mạnh Bích (tác giả Thôn Trăng)... ». Trong thư đề ngày 14 tháng 03-1998 gửi từ Lyon cho tôi, NS Trịnh Hưng kể lại trong trường hợp nào anh làm quen với TMBS :

« ... Tôi vẫn ngưỡng mộ anh về tài nhạc từ lúc tôi chưa thành danh, nay tôi đọc thư

tôi lại phát hiện ra anh viết văn cũng hay và còn làm thơ rất cảm xúc và ướm át quá. Năm 1951, tôi còn là Bộ Đội Việt minh, làm Văn Công, tôi đã được nghe họ hát nhiều bản nhạc TMBS của anh. Không biết từ đâu nó lại lọt ra vùng Kháng Chiến và được phổ biến mạnh. Lúc đó thời KC, già Hồ cấm tất cả mọi người hát các bản nhạc ủy mị và lãng mạn. Chỉ được phép hát các bài Hùng Ca do KC làm mục đích chống Pháp mà thôi, còn các loại nhạc ủy mị thì họ cho là giảm tinh thần chiến đấu của Quân Đội đi. Nhưng ở đời, thì bất cứ nơi nào, bất cứ ở trình độ nào, dù có học hay thôn quê nông dân, họ vẫn là con người và con người thì cần có tình lãng mạn, do vậy ta thấy ở các cụ ngày xưa đã cho ra hết ca dao tình tứ còn lưu truyền đến ngày nay. Bởi thế cho nên là con người ai cũng có tâm hồn lãng mạn, mà đã khổ sở về cuộc sống, đánh giặc đói khát gian khổ rồi mà cả ngày chỉ toàn nghe nhạc chém giết nó đâm nhàm chán và họ thêm những ca khúc tình tứ để giải sầu nỗi lòng họ. Vì thế mà tuy họ cấm gặt gao, nhưng các bài hát lãng mạn nào hợp với tâm trạng họ là họ in sâu vào đầu óc họ, họ không có hát ở tập thể hay chỗ đông thì họ ca một mình hoặc có hai ba người cùng chí hướng để giải tỏa nỗi lòng của họ.

Do vậy tôi nghĩ như bài TMBS được họ hoan nghênh và âm thầm phổ biến một cách mau lẹ, họ hát theo nhau chứ đâu có biết bài nhạc Solfège ra làm sao. Tụi tôi ở Văn Công cũng vậy, cứ nghe họ hát là mình đờn thổi và tự chép ra nốt nhạc, có khi sai một vài nốt gì đó, vì họ hát sai nên mình ghi đề đờn cũng sai luôn, nhưng đâu có quan trọng.

Năm 1952 tôi về Thành, về Hà Nội, tôi đi đờn ở Dancing cho lính Tây nhảy, họ cũng có chơi ở đó cho ai nhảy Slow, và tôi về nhà có dạy một số em học sinh đờn Hawaii, họ học được ba tháng là thể nào cũng bắt tôi dạy họ bài TMBS của anh, vì vậy tôi cứ tưởng anh nhiều tuổi lắm. Khi đó tôi mới ngoài 20, tôi tưởng là một người làm được bài nhạc đó chắc là đã lớn rồi, chứ đâu có ngờ anh còn quá trẻ và làm nhạc thành công quá sớm, lúc đó tôi chưa làm được một bài nhạc ngắn nào cả nên càng khâm phục. Rồi vào Sài Gòn thì bài nhạc đó cũng thịnh hành. Không một thanh niên hay thiếu nữ nào chả biết đến nó và hát nó... »

Tôi rất cảm động khi Trịnh Hưng viết trong thư – sau khi đọc qua những tài liệu về đời tôi - ... « Thơ văn của anh quá ướm át và cảm xúc lắm. Tôi thì cũng yêu thơ yêu nhạc, *nhưng tôi bắt đầu là làm nhạc*, mãi đến năm 1989 tôi bị Cộng Sản bắt đi tù 8 năm, vào tù họ không cho mình chơi nhạc, nên tôi bắt đầu làm thơ... » Anh viết tiếp, khiêm tốn, dịu dàng : « Thơ tôi làm không có lãng mạn tình tứ gì, mà chỉ có nói lên cảm xúc thấy các bà vợ sĩ quan Cộng Hòa lặn lội nuôi chồng tù 13 năm, thể chồng nuôi con nên người... »

Như tôi đã nhắc nhở (trên Đài VNTD ngày thứ tư 14 th.05-2008, và theo nhạc sĩ Lê Dinh (Nghệ Thuật Số 2): « ... Nhờ ở tù anh phát triển được khả năng làm thơ và anh đã được các báo xuất bản ở Hoa kỳ cũng như ở Canada đăng nhiều bài thơ của anh rất được độc giả chú ý».

Trong thư ngày 14 th.03-1998, có kèm theo bài thơ « Xin Cám Ơn em, Người Vợ Hiền » Mến tặng NS Lê Mộng Nguyên bài thơ đầu tay làm trong Trại Tù CS, 1998 - Trại Hàm Tân, Thuận Hải - Hàm Tân. *Kính tặng những người vợ hiền mười mấy năm thay chồng nuôi con:*

Xin cám ơn em, cám ơn đời  
Cám ơn người vợ của tôi ơi  
Em là Tiên nữ trời sai xuống  
Trả nợ cho Anh, trả nợ Đời

Từ dạo ấy !  
Em trở về vùng biển mặn  
Vung đôi tay, níu chặt cuộc sống còn  
Anh đi trả nợ nước non  
Em về lặn lội nuôi con thể chồng

Chừ đây !  
Tóc em không còn đen  
Như dạo nào bên thôn Vỹ  
Mắt em không còn xanh  
Như giòng Hương Giang thuở nợ

Nhưng!  
Lòng em đẹp lắm  
Đẹp như ánh trăng rằm  
Tươi như hoa thắm  
Mát dịu như gió đầu thu  
Là muôn ngàn tinh tú  
Lấp lánh trên trời cao

Là Tiên Đào  
Của hai chàng Nguyễn – Lưu thuở trước  
Là Ô Thước  
Nhịp cầu tình của Chức Nữ Ngưu Lang  
Bá Nha có một tiếng đàn  
Trương Lương tiếng sáo, còn nàng là thơ  
Nàng là thơ mà ta đang hát  
Nàng là nhạc mà ta đang ca

Nàng cô đơn lòng ta thương tiếc  
Ta thương nàng hay ta thương ta  
Thời gian lặng lẽ trôi qua  
Lung còng một gánh tuổi già theo sau  
Thấy người mình luống thương đau  
Nhìn mình, mình thấy thân sầu héo khô

Em ơi vịn nẻo sông Hồ  
Mười ba năm biệt bây giờ là đây  
Tiếc thương một tấm thân gầy  
Kiếm buông hoe ri ra tay vuốt hờn

Gió từng cơn, gió từng cơn  
Lá rừng, rừng lá hoàng hôn gọi sầu  
Xa vời thế sự bể dâu  
Tháng năm điểm bạc mái đầu phù cương

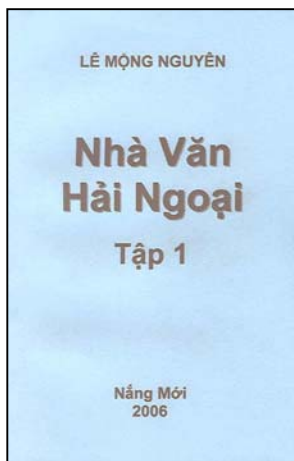
Bài thơ này, trái lại với nhận xét của tác giả, thật quá lãng mạn, vì Trịnh Hưng đã sáng tác với nhiều cảm giác, kích động và tha thiết trong tâm hồn. Một thi phẩm tuyệt vời!

## LÊ MỘNG NGUYỄN

(Paris)

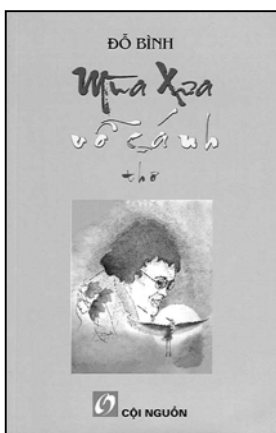
Nhạc sĩ Lê Mộng Nguyễn *tâm tình với qui đồng hương trên Đài Việt Nam Tự Do, (Washington D.C – New Orleans) ngày thứ tư 25 th.06-2008.*

## NHÀ VĂN HẢI NGOẠI (tập I),



của Nhạc Sĩ,  
Nhà văn  
**LÊ MỘNG  
NGUYỄN**,  
bình luận thơ  
văn của 38 văn  
thi sĩ  
Việt Nam.  
Sách dày  
300 trang, do  
Nắng Mới,  
Paris,  
xuất bản.

## MÙA XUA VỖ CÁNH, 82 bài thơ của



nhà thơ  
**ĐỖ BÌNH.**  
Nhạc Sĩ  
Lê Mộng  
Nguyễn giới  
thiệu.  
Cội Nguồn  
xuất bản.  
Liên lạc tác giả  
Đỗ Bình:  
151 La Croix  
Saint Sylvere

Bat M, 95000 Cergy, France;  
email: <dobinh@hotmail.fr>.

# THƠ CHỮ HÁN CỦA NGUYỄN DU

## 望夫石

石耶人耶彼何人

獨立山頭千百春

萬劫杳無雲雨夢

一貞留得古今身

淚痕不絕三秋雨

苔篆長銘一段文

四望連山渺無際

獨教兒女擅彝倫

## VỌNG PHU THẠCH

Thạch da? nhân da? bi hà nhân?  
Độc lập sơn đầu thiên bách xuân  
Vạn kiếp diêu vô vân vũ mộng  
Nhất trinh lưu đắc cổ kim thân  
Lệ ngân bất tuyết tam thu vũ  
Đài triện trường minh nhất đoạn văn  
Tứ vọng liên sơn diêu vô tế  
Độc giao nhi nữ thiện di luân

## NGUYỄN DU

## HÒN VỌNG PHU

Đá chăng? Người chăng? Ai đó chăng?  
Đầu núi muôn năm trơ một thân  
Vạn kiếp sớm thôi ân ái mộng  
Cổ kim lưu lại tấm trong ngần  
Lệ rơi, không dứt mưa thu chảy  
Rêu phủ, in hoài một đoạn văn  
Bốn hướng mịt mù núi tiếp núi  
Luân thường riêng tặng gái, sao cân?

## THẢO NGUYÊN



### Bình Chú:

Nước ta có nhiều Hòn Vọng Phu, bài này Nguyễn Du tả Hòn Vọng Phu Tô Thị ở Lạng Sơn. Năm 1803, nhà thơ đã qua nơi đây nhân đi đón tiếp sứ Thanh.

Nước Trung Hoa cũng có nhiều hòn vọng phu. Dưới đây là một bài thơ rất nổi tiếng:

Vọng Phu Thạch của Vương Kiến (768-830?).

Vọng phu xứ  
Giang du du  
Hóa vi thạch  
Bất hồi đầu  
Sơn đầu nhật nhật phong phục vũ  
Hành nhân quy lai thạch ứng ngữ.

Nơi ngóng chồng  
Sông rung rung  
Hoá làm đá  
Chẳng quay đầu  
Đầu núi ngày ngày mưa rồi gió  
Khi người về, đá nói đó.

Khi người chồng về, nhìn tảng đá sẽ thấu hiểu tấm lòng của người vợ: Cả hai người sẽ cùng đau khổ đến vô tận. Tất cả chỉ còn một chữ “Vọng”. Những *hy vọng gặp lại nhau đã hoàn toàn hết rồi*. Việc nàng *thành đá* nói lên tất cả những đau đớn này.

Bài Vọng Phu Thạch của Nguyễn Du là một bài thơ đầy tính chất nhân bản.

Chỉ cần đọc câu thơ đầu, ta đã thấy tấm lòng nhân hậu, xót thương người của thi hào. Đó là ba câu hỏi liên nhau đi từ nông tới sâu, từ xa tới gần, khiến người đọc hiểu rằng:

Người đá là hình ảnh một con người rất thật, rất gần ta, ở ngay quanh ta.

Thi nhân thương xót cho thân phận đau khổ của người thiếu phụ đã thành đá. Cái đau sâu xa của nàng muôn đời không biến đổi:

Trông đợi muôn năm là thế, nhưng dù người đi có về hay không cũng đã quá muộn rồi. Có người đợi chờ, nhưng không còn người gặp gỡ. Thành đá rồi, nàng không quay đầu trở lại được nữa.

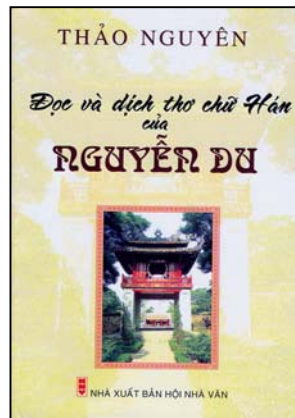
### Vạn kiếp sớm thôi ân ái mộng

Điều này thê thảm hơn cả khi nàng còn sống, còn trông đợi, còn hy vọng.

Nhưng tại sao nàng phải gánh chịu hết mọi khổ ải trên thế gian này, chỉ để làm tấm gương cho hậu thế? hay để nhận lấy những lời khen ngợi thơ phú hão?

Câu kết phản kháng sự bất công:

Thế mà xã hội lại thương mến trao tặng riêng nàng, thật ra là bắt buộc người đàn bà như nàng, gánh lấy tất cả sức nặng của luân thường đạo lý độc ác một mình.



THẢO  
NGUYỄN

Theo cuốn  
*Đọc và Dịch  
thơ chữ Hán  
của Nguyễn  
Du,*  
2007.

# PHẠM TRỌNG LỆ

sứ khảo và dịch

## BÔNG HỒNG DÙ GỌI TÊN NÀO:

### Thiên Tình Sử Romeo và Juliet

*“What’s in a name? That which we call a rose  
By any name would smell as sweet.”*

(Shakespeare’s **Romeo and Juliet**,  
Act II, scene ii)

*Bông hồng dù gọi tên nào,  
Thì hoa cũng vẫn ngọt ngào thơm tho.*

(Tiếp theo Cỏ Thơm 41 và hết)

#### IV. Hai cảnh đáng nhớ của vở bi-kịch:

Hồi II, cảnh ii, câu 1-106: Cảnh ở bao lớn  
ngoài phòng ngủ của Juliet (*Trong khi Juliet  
nói một mình, thì Romeo nghe lén.*)

[Act II, Scene ii, lines 1-106 ]

ROMEO (*coming forward*)

He jests at scars that never felt a wound.

[*Enter Juliet above at a window*]

But soft! What light through yonder window  
breaks?

It is the East, and Juliet is the sun.

Arise, fair sun, and kill the envious moon,

Who is already sick and pale with grief  
That thou, her maid, art far more fair than she.  
Be not her maid since she is envious.  
Her vestal livery is but sick and green,

And none but fools do wear it. Cast it off.



It is my lady. O, it is my love!

O, that she knew she were!

She speaks, yet she says nothing. What of that?

Her eye discourses; I will answer it.

I am too bold. ‘Tis not to me she speaks.

Two of the fairest stars in all the heaven,

Having some business, do entreat her eyes

To twinkle in their spheres till they return.

What if her eyes were there, they in her head?

The brightness of her cheek would shame  
those stars

As daylight doth a lamp; her eye in heaven

Would through the airy region stream so bright

That birds would sing and think it were not night.

See how she leans her cheek upon her hand.

O that I were a glove upon that hand,

That I might touch that cheek!

ROMEO

[*Từ vườn cây của gia đình Capulet, Romeo bước ra, thoáng nghe nói nàng yêu mình.*

(Mercutio) diễu về những vết thương lòng mà chưa từng bị trúng tên của thần ái tình Cupid.

[*Lúc đó Juliet bước ra bao lơn nhìn xuống vườn*]

Nhưng hãy yên lặng! Ánh sáng nào le lói trên cửa sổ kia?

Đó là phương đông, và Juliet là mặt trời mới mọc. Nhô lên đi! Mặt trời yêu dấu, và hãy sáng lòa lên để che mặt trăng ghen tuông đang bệnh và xanh xao vì buồn [Thần mặt trăng Diana tượng trưng sự trinh trắng và là thần hộ mệnh cho các trinh nữ; Romeo ví Juliet như trinh nữ theo hầu Diana.]

Mặt trăng lu mờ đi vì em đẹp hơn.

Em đừng làm trinh nữ hầu hạ thần mặt trăng vì nàng ghen tức.

Tấm áo trinh trắng của nàng làm nàng trông bệnh hoạn và xanh xao.

Chỉ có những tên hề mới bận tấm áo đó. Hãy bỏ áo ấy đi!

Chính là Juliet của ta kìa. Ôi, người ta yêu dấu! Ôi, giá nàng biết vậy!

Nàng đang nói mà ta không nghe thấy gì cả. Thế nghĩa là gì?

Mắt nàng nhìn quanh; ta phải lên tiếng với nàng.

Ta liều quá. Nàng đâu có nói với ta.

Khi hai vì sao sáng nhất bầu trời nài xin mắt nàng chiếu sáng thay cho chúng trên quỹ đạo để chúng phải chạy đi lo chuyện khác. [Theo hệ thống thiên văn Ptolemy, mà người thời đó tin tưởng, thì tinh tú được mang trên quỹ đạo vòng quanh trái đất ở trung tâm vũ trụ bằng những tinh cầu thủy tinh.]

Ví thử như mắt nàng ở trên bầu trời và tinh tú ở trên đầu nàng?

Hào quang trên đôi má nàng sẽ làm lu mờ tinh tú

Như ánh sáng ban ngày làm mờ ánh đèn dầu le lói.

Mắt nàng trên bầu trời sẽ tỏa sáng thật rõ khiến chim chóc cất tiếng hót vì tưởng ánh sáng của nàng là ban ngày.

Hãy nhìn xem nàng đang dựa má trên bàn tay.

Ôi, ước sao ta là chiếc bao tay của nàng để ta có thể vuốt ve đôi má đó!

JULIET

Ay me.

ROMEO [*aside*]

O, speak again, bright angel, for thou art  
As glorious to this night, being o' ver my head,  
As is a wingèd messenger of heaven  
Unto the white-upturnèd wond'ring eyes  
Of mortals that fall back to gaze on him  
When he bestrides the lazy puffing clouds  
And sails upon the bosom of the air.

JULIET

Chao ói!

ROMEO [*Nói một mình*]

Nàng cất tiếng.

Ôi, hãy nói lên nữa đi, nàng tiên rạng ngời hào quang,

Vì đêm nay nàng lộng lẫy, phía trên đầu ta,

Như thiên thần có cánh từ trời phái xuống

Đoái nhìn kẻ phàm trần ngửa ra đằng sau

để ngược mắt trắng kinh ngạc nhìn lên,

Khi thiên thần cưỡi mây nhẹ lãng đăng

Lướt trong lòng khí quyển.

JULIET

O Romeo, Romeo, wherefore art thou Romeo?

Deny thy father and refuse thy name,

Or, if thou wilt not, be but sworn my love,

And I'll no longer be a Capulet.

ROMEO [*aside*]

Shall I hear more, or shall I speak at this?

JULIET

'Tis but thy name that is my enemy.  
Thou art thyself, though not a Montague.  
What's Montague? It is not hand, nor foot,  
Nor arm, nor face, nor any other part  
Belonging to a man. O, be some other name!  
What's in a name? That which we call a rose  
By any other word would smell as sweet.  
So Romeo would, were he not Romeo called,  
Retain that dear perfection which he owes  
Without that title. Romeo, doff thy name,  
And, for thy name, which is no part of thee,  
Take all myself.

JULIET

Romeo, chàng hỡi, Romeo! Tại sao chàng lại mang tên Romeo?

Hãy từ cha chàng, hãy khước họ chàng;  
Hay, nếu chàng không muốn vậy, thì chỉ cần thể yêu em,  
Là em sẽ không còn là đứa con của dòng họ Capulet nữa.

ROMEO [*nói riêng mình nghe*]

Ta nghe thêm nàng nói, hay ta nên trả lời nàng?

JULIET

Chỉ có tên chàng là kẻ thù của em;  
Chàng vẫn là chàng, dù chàng không phải là người trong họ Montague.  
Tên Montague là gì? Tên đó đâu có phải xương thịt, như bàn tay, bàn chân,  
Cánh tay, khuôn mặt hay bất cứ bộ phận nào của người!

Chàng hãy mang tên khác! Trong tên có gì mà quan hệ vậy?

Bông hồng dù gọi tên nào,  
Thì hoa cũng vẫn ngạt ngào thơm tho.  
Nên Romeo, dù cho chàng không còn mang tên Romeo,  
Thì chàng vẫn còn giữ vẻ tuyệt-vời đáng yêu mà chàng có  
Dù không mang tên ấy. Romeo, hãy lột tên chàng đi;  
Và để đổi cái tên không thuộc về chàng,  
Xin dâng chàng toàn thân em.

ROMEO

I take thee at thy word.  
Call me but love, and I'll be new baptized.  
Henceforth I never will be Romeo.

ROMEO [*từ nãy nắp kín, bây giờ mới lộ diện.*]

Ta tin lời nàng nói.  
Chỉ cần gọi ra là người yêu, là ta sẽ được ban tên thánh lần nữa.  
Từ giờ trở đi ta sẽ từ bỏ tên Romeo.

JULIET

What man art thou, thus bescreened in night,  
So stumblest on my counsel?

ROMEO

By a name  
I know not how to tell thee who I am.  
My name, dear saint, is hateful to myself  
Because it is an enemy to thee.  
Had I it written, I would tear the word.

JULIET

Ai đó? Ai nắp trong bóng tối  
nghe trộm ý thầm của em?

ROMEO

Ta không muốn dùng tên ta cho nàng hay ta là ai.  
Tên ta, hỡi nàng tiên thân yêu, thật là cái tên  
ta cũng ghét,  
Vì tên đó là kẻ thù của nàng.  
Nếu viết tên ấy ra, thì ta cũng muốn xé phăng đi.

JULIET

My ears have yet not drunk a hundred words  
Of thy tongue's uttering, yet I know the sound.  
Art thou not Romeo, and a Montague?

ROMEO

Neither, fair maid, if either thee dislike.

JULIET

Tại em chưa được rót trăm lời chàng nói,  
nhưng em đã nhận ra giọng chàng.  
Có phải chàng là Romeo, người thuộc họ  
Montague phải không?

ROMEO

Thưa không, chẳng phải tên nào, tiểu thư yêu dấu,  
nếu hai cái tên đó đều làm nàng không ưa.

JULIET

How cam'st thou hither, tell me, and  
wherefore?  
The orchard walls are high and hard to climb,  
And the place death, considering who thou art,  
If any of my kinsmen find thee here.

ROMEO

With love's light wings did I o'erperch these walls,  
For stony limits cannot hold love out,  
And what love can do, that dares love attempt.  
Therefore thy kinsmen are no stop to me.

JULIET

Hãy nói cho em biết, làm sao chàng vào đây  
được, và sao lại làm vậy?  
Tường quanh vườn cây vừa cao vừa khó trèo.  
Chàng là người họ Montague như vậy, ngộ họ  
hàng em mà biết chàng ở đây  
thì chàng chỉ có chết.

ROMEO

Nhờ đôi cánh nhẹ của tình yêu nên ta bay qua  
những bức tường này.  
Tường đá chẳng thể ngăn không cho tình yêu  
lọt vào.  
Khi đã yêu thì tình yêu dám liều làm mọi thứ.  
Vậy nên người trong họ em chẳng thể cản  
được ta.

JULIET

If they see thee, they will murder thee.

ROMEO

Alack, there lies more peril in thine eye  
Than twenty of their swords. Look thou but  
sweet,  
And I am proof against their enmity.

JULIET

Nếu họ nhà em thấy chàng ở đây, chúng sẽ  
giết chàng.

ROMEO

Ồi, trong mắt nàng còn nhiều nguy hiểm  
Hơn hai mươi thanh gươm của người trong  
dòng họ nàng. Nàng chỉ dịu dàng nhìn ta,  
Là ta sẽ trở thành mình đồng da sắt chống mọi  
thù địch.

JULIET

I would not for the world they saw thee here.

ROMEO

I have night's cloak to hide me from their eyes,  
And, but thou love me, let them find me here.  
My life were better ended by their hate  
Than death prorogued, wanting of thy love.

JULIET

Dù cho có mọi vật trên đời này, em cũng không  
muốn chúng thấy chàng ở đây.

ROMEO

Ta có màn đêm che mắt chúng khiến chúng  
chẳng thấy được ta,  
Và, nếu như em chẳng yêu ta, thì cứ để chúng  
tìm thấy ta ở đây.  
Thà đời ta chấm dứt bằng sự hằn thù của họ,  
Còn hơn là được hoãn chết mà thiếu tình yêu  
của em.

JULIET

By whose direction found'st thou out this place?

ROMEO

By love, that first did prompt me to inquire.  
He lent me counsel, and I lent him eyes.  
I am no pilot; yet, wert thou as far  
As that vast shore washed with the farthest sea,  
I should adventure for such merchandise.

JULIET

Ai chỉ cho chàng tìm ra chốn này?

ROMEO

Tình yêu trước tiên thúc ta dò hỏi.  
Tình yêu ban cho ta lời khuyên, và ta cho tình yêu  
cặp mắt đi tìm.  
Ta không phải là nhà hàng hải, nhưng để chiếm được  
em thì:  
Dù em trôi giạt bờ xa,

Biển sâu cũng lội, can qua chẳng sờn.

JULIET

Thou knowest the mask of night is on my face,  
Else would a maiden blush bepaint my cheek  
For that which thou hast heard me speak tonight.  
Fain would I dwell on form; fain, fain deny  
What I have spoke. But farewell compliment.  
Dost thou love me? I know thou wilt say "Ay,"  
And I will take thy word. Yet, if thou swear'st,  
Thou mayst prove false. At lovers' perjuries,  
They say, Jove laughs. O gentle Romeo,  
If thou dost love, pronounce it faithfully.  
Or, if thou thinkest I am too quickly won,  
I'll frown and be perverse and say thee nay,  
So thou wilt woo, but else not for the world.  
In truth, fair Montague, I am too fond,  
And therefore thou mayst think my havior light.  
But trust me, gentleman, I'll prove more true  
Than those that have more coying to be strange.  
I should have been more strange, I must confess,  
But that thou overheard'st ere I was ware  
My true-love passion. Therefore pardon me,  
And not impute this yielding to light love,  
Which the dark night hath so discoverèd.

JULIET

Chàng biết bóng đêm che khuôn mặt em,  
Nếu không thì chàng sẽ thấy má em đỏ bừng  
Vì thấy chàng nghe được những lời em thổ lộ  
đêm nay.  
Em cũng muốn giữ tư cách và sẵn sàng chối những  
điều em đã nói,  
Nhưng mà thôi, bỏ qua tư cách lịch sự.  
Chàng yêu em không? Em biết chàng sẽ nói "Có,"  
Và em sẽ tin lời chàng. Tuy nhiên, nếu chàng  
thề với em,  
thì chàng có thể bị chứng tỏ là thề dối.

Người ta nói, khi những kẻ yêu nhau thề như “cá trê chui ống,”  
 thì thần Jupiter phá lên cười. Ôi, chàng Romeo phong nhã,  
 Nếu thực lòng yêu em, hãy nói thật cho em biết.  
 Còn nếu chàng nghĩ em dễ bị xiêu lòng,  
 thì em sẽ cau mày nhăn mặt, làm khó, từ chối  
 để chàng phải theo đuổi, nài nỉ tán tỉnh.  
 Nếu không thì dù có mọi vật trên đời, em cũng chẳng làm vậy.  
 Nói thật chàng nghe, chàng Montague yêu dấu, vì em quá yêu  
 chàng nên chàng có thể cho rằng tư cách em không đoan trang.  
 Nhưng tin em đi, chàng ơi, em sẽ chứng tỏ còn chung thủy hơn  
 những cô gái vờ e-lệ để ra vẻ dè dặt.  
 Em thú nhận, lẽ ra em nên dè dặt và làm cao hơn,  
 Nhưng chàng đã nghe lời thổ lộ tình yêu chung thủy của em,



trong khi em không biết chàng nghe thấy. Nên hãy tha lỗi cho em,  
 và đừng nghĩ lầm rằng em xiêu lòng dễ dàng,  
 chỉ vì tình yêu phóng túng mà đêm tối đã tiết lộ.

=> Đêm Vĩnh Biệt

(Hồi III, cảnh v, từ câu 1-40). Sau khi bí mật làm lễ cưới, Romeo được người vú nuôi của Juliet giúp, tới phòng ngủ của Juliet. Hai người qua đêm đầu tiên như vợ chồng, trước khi Romeo đi đây ở Mantua. Hai người đang đứng bên song cửa. Đoạn này là lúc sau khi hai người đã qua đêm bên nhau, Juliet lần đầu tiên gọi Romeo là “love” và Romeo gọi Juliet là “my soul.”

JULIET

Will thou be gone? It is not yet near day.  
 It was the nightingale, and not the lark,  
 That pierced the fearful hollow of thine ear.  
 Nightly she sings on yond pomegranate tree.  
 Believe me, love, it was the nightingale.

JULIET

Chàng phải đi bây giờ ư? Trời chưa sáng đâu.  
 Đó là tiếng chim họa mi, chứ không phải tiếng chim sơn ca  
 Làm chói tai chàng và làm chàng lo.  
 Đêm nào nó cũng hát trên cây lựu ngoài kia.  
 Người yêu ơi, hãy tin em, đó là tiếng chim họa mi.

ROMEO

It was the lark, the herald of the morn,  
 No nightingale. Look, love, what envious streaks  
 Do lace the severing clouds in yonder east.  
 Night's candles are burnt out, and jocund day  
 Stand tiptoe on the misty mountain tops.  
 I must be gone and live, or stay and die.

ROMEO

Đó là tiếng chim sơn ca, con chim hót báo trước ban mai,  
Chứ không phải tiếng chim họa mi. Này, em hãy xem, người yêu hối,  
Ánh sáng ban ngày hiem độc xuyên qua những áng mây ở phía Đông đằng xa.  
Những ngôi sao đã lặn, và ngày vui tươi đang nhón gót trên đỉnh núi mờ sương.  
Ta phải đi thì mới sống, chứ ở lại thì chết.

JULIET

Yond light is not daylight, I know it, I.  
It is some meteor that the sun exhaled  
To be to thee this night a torchbearer  
And light thee on thy way to Mantua.  
Therefore stay yet. Thou need'st not to be gone.

JULIET

Ánh sáng ấy không phải là ánh sáng ban ngày đâu, em biết mà.  
Đó là một vì sao băng từ mặt trời bốc ra, là kẻ mang đuốc  
Soi đường cho chàng đi đây ở Mantua.  
Nên xin chàng nán lại. Chàng không cần phải đi ngay.

ROMEO

Let me be ta'en; let me be put to death.  
I am content, so thou wilt have it so.  
I'll say yon gray is not the morning's eye;  
'Tis but the pale reflex of Cynthia's brow.  
Nor that is not the lark whose notes do beat  
The vaulty heaven so high above our heads.  
I have more care to stay than will to go.  
Come death, and welcome. Juliet wills it so.  
How is't, my soul? Let's talk. It's not day.

ROMEO

Thôi, cứ để chúng bắt ta! Cho chúng giết ta!  
Ta bằng lòng chấp nhận, nếu em muốn vậy.  
Ta muốn nói là tia sáng mờ ở đằng xa kia không phải là ánh ban mai;  
Đó chỉ là ánh trăng mờ phản chiếu.  
Và đó chẳng phải là tiếng con sơn ca vút lên tận bầu trời, trên đỉnh đầu chúng ta.  
Ta muốn ở lại hơn là muốn đi.  
Thần chết, hãy lại đây! Ta đón người! Juliet muốn ta nán lại.  
Người yêu ơi, em thấy trong người thế nào? Mình hãy trò chuyện. Chưa sáng đâu.

JULIET

It is, it is. Hie hence, begone, away!  
It is he lark that sings so out of tune,  
Straining harsh discords and unpleasing sharps.  
Some say the lark makes sweet divison.  
This doth not so, for she divideth us.  
Some say the lark and loathed toad changed eyes.  
O, now I would they had changed voices too,  
Since arm from arm that voice doth us affray,  
Hunting thee hence with hunt's-up to the day.  
O, now be gone! More light and light it grows.

JULIET

Sáng thật rồi! Chàng hãy đi đi! Đi ngay đi!  
Đó là con chim sơn ca hót lạc điệu, với những âm chói tai.  
Có kẻ nói chim sơn ca hót những tiếng êm dịu;  
Con chim này thì không, vì nó chia cách đôi ta.  
Có kẻ bảo chim sơn ca đã đổi mắt nó với mắt con cóc đáng ghét;  
Em ước sao bây giờ chúng đổi giọng cho nhau nữa.  
Vì tiếng chim sơn ca phân cách đôi tay chúng ta,  
Tiếng chim sơn ca thúc chàng đi như tiếng ca ban mai đánh thức thợ săn.  
Ồi, chàng đi ngay đi. Trời mỗi lúc một sáng rồi.



ROMEO  
More light and light, more dark and dark our woes!  
[Enter Nurse hastily]

ROMEO  
Bình minh đã ló rạng rồi,  
Sầu thêm dằng dặc chẳng nguôi chút nào.

[Enter Nurse hastily]  
NURSE  
Madam!

JULIET  
Nurse!

NURSE  
Your lady mother is coming to your chamber.  
The day is broke; be wary, look about. [She exits]

JULIET  
Then window, let day in, and let life out.

BÀ VÚ NUÔI [*chạy vội vào phòng*]  
Tiểu thư ôi!

JULIET  
Chuyện gì thế, vú?

BÀ VÚ NUÔI  
Lệnh bà sắp đến phòng tiểu thư. Sáng rồi. Coi chừng. [*Bà vú nuôi ra khỏi phòng*]

JULIET  
Vậy thì, cửa sổ ới!  
Mở ra cho ánh sáng vào,  
Để cho mạch sống dạt-dào thoát đi.

V. Chú Thích Thêm

-Kịch chuyển rất nhanh: Các biến cố xảy ra trong vòng một tuần. Romeo và Juliet gặp nhau hôm chủ nhật, ngày hôm sau bí mật làm lễ thành hôn ở nhà thờ, và chết vào hôm thứ sáu. Từ một chàng trai mê gái (nàng Rosaline), Romeo trở thành một người tình, một người chồng (nhận đi đây, chịu trách nhiệm). Truyện tình bi thảm của hai người đã giúp cho hai họ quên thù xưa.

-Nhạc phổ theo kịch:

Người ưa nhạc cổ điển thường nghe: “Romeo and Juliet” của Hector Berlioz làm năm 1838, và bản hòa tấu của P.I. Tchaikovsky “Romeo and Juliet Fantasy Overture,” viết năm 1864. Độc giả ưa thích ballet có thể xem vũ cổ điển do Serge Prokofiev soạn năm 1936.

-Thăm Verona: Du khách sang Ý chơi --nếu đến thăm Verona, không nên đi trùng vào “Ngày Tình yêu” Valentine’s Day vì đông du khách--nhân tiện, có thể thăm những nơi đáng chú ý như căn nhà có bao lớn bên ngoài phòng của Juliet và cái quách của Juliet (sarcophagus) bằng đá đỏ, xây từ thế kỷ 13. Tên tiếng Ý của Juliet là Guilietta. Muốn xem 40 tấm hình màu thắm cảnh ở Verona, xin vào địa chỉ trên Internet

<http://www.virtourist.com/europe/verona/index.html>

-Những câu đáng nhớ trong vở kịch:

-A pair of star-crossed lovers (Trong phần Đồng ca Mở đầu): Một cặp tình nhân mệnh yếu.

-Lady, by yonder blessèd moon I vow,  
That tips with silver all these fruit-tree tops—  
(Lời Romeo, hồi II, cảnh ii, câu 107-108)  
Thưa tiểu thư, kẻ này xin thề trước vầng trăng sáng

Đang đổ ánh bạc trên những ngọn cây ăn quả này--

-O, swear not by the moon, th' inconstant moon,  
That monthly changes in her circled orb,  
Lest that thy love prove likewise variable.  
(Lời Juliet, Hồi II, cảnh ii, câu 109-111)  
Xin đừng thề trước vầng trăng, vầng trăng  
thay lòng đổi dạ,  
Mỗi tháng một lần, nó thay đổi trong quỹ đạo  
tròn của nó.  
Em sợ tình chàng cũng đổi thay như vậy

-Good night, good night! Parting is such a  
sweet sorrow  
That I shall say good night till it be morrow.  
(Lời Juliet, Hồi II, cảnh ii, câu 185-186)  
Chúc chàng ngủ yên, chúc chàng ngủ yên!  
Chia tay thật là một nỗi sầu êm dịu  
Khiến em muốn chúc chàng ngủ yên từ giờ  
đến sáng.

-Then window, let day in, and let life out.  
(Lời Juliet, Hồi III, cảnh v, câu 41)

- For never was a story of more woe  
Than this of Juliet and Romeo.  
(Lời Ông Hoàng Escalus, hồi V, cảnh iii,  
câu 309-310)  
Chưa từng thấy có truyện tình nào thảm  
thương hơn,  
Truyện của nàng Juliet và chàng Romeo.

-Sách tham khảo để kiểm:  
Boyce, Charles. Shakespeare A to Z.  
New York: Bantam Doubleday Dell  
Publishing  
Company, 1990. Giá \$7.95.

Crystal, David and Ben Crystal.  
Shakespeare's Words: Glossary & Language  
Companion. London: Penguin Books, 2002.  
Shakespeare, William. The Tragedy of  
Romeo and Juliet, edited by Barbara A.  
Mawat and Paul Werstine. New York:  
Washington Square Press, 1992. Giá \$18.95  
Shakespeare, William. Romeo and Juliet,  
edited by Jill L. Levenson.  
Oxford, UK: Oxford University Press,  
2000. Giá \$10.95.

(Viết xong tại Virginia, 1/1/97; sửa lại  
10/2/07 – PTL)

### NGƯỜI VIỆT NÍN LẶNG, sách nhận định

về chiến tranh

Việt Nam

của nhà văn

William Hoàng.

Giới thiệu:

Cựu Chuẩn Tướng

Trần Quang Khôi.

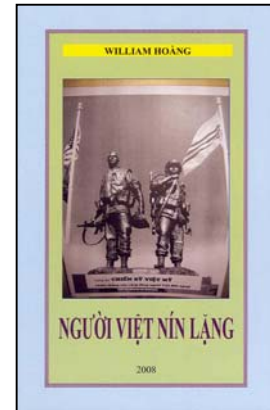
Nhận xét:

Dr. Nguyễn Văn

Bá

Cựu Đại Tá

Bùi Trọng Huỳnh.



222 trang.

ấn phí \$20 Mỹ kim. Liên lạc:

(480) 471-8659;

binhoang684@yahoo.com;

## L' ISOLEMENT

Souvent sur la montagne, à l'ombre du  
vieux chêne,  
Au coucher du soleil, tristement je  
m'assieds;  
Je promène au hasard mes regards sur la  
plaine,  
Dont le tableau changeant se déroule  
à mes pieds.

Ici gronde le fleuve aux vagues écumantes,  
Il serpente et s'enfonce en  
un lointain obscur;  
Là, le lac immobile étend ses eaux  
dormantes  
Où l'étoile du soir se lève dans l'azur.

Au sommet de ces monts couronnés de  
bois sombres,  
Le crépuscule encor jette un dernier rayon ;  
Et le char vaporeux de la reine des ombres,  
Monte, et blanchit déjà les bords de  
l'horizon.

Cependant, s'élançant de la flèche gothique  
Un son religieux se répand dans les airs ;  
Le voyageur s'arrête, et la cloche rustique  
Aux derniers bruits du jour mêle  
de saints concerts.

Mais à ces doux tableaux mon âme  
indifférente  
N'éprouve devant eux ni charme,  
transports;  
Je contemple la terre ainsi qu'une âme  
errante;  
Le soleil des vivants n'échauffe plus  
les morts.

De colline en colline en vain portant ma vue,  
Du Sud à l'aquillon, de l'aurore au  
couchant,  
Je parcours tous les points de l'immense  
étendue;  
Et je dis : Nulle part le bonheur ne  
m'attend...

Mais peut-être au delà des bornes de sa  
sphère,  
Lieu où le vrai soleil éclaire d'autres cieux,  
Si je pouvais laisser ma dépouille à la terre,  
Ce que j'ai tant rêvé paraîtrait à mes yeux.

Là, je m'enivrerais à la source où j'aspire :  
Là, je retrouverais et l'espoir et l'amour,  
Et ce bien idéal que toute âme désire,  
Et qui n'a pas de nom au terrestre séjour.

Que ne puis-je porter sur le char de  
l'aurore,  
Vague objet de mes vœux, m'élancer  
jusqu'à toi.  
Sur la terre d'exil pourquoi resté-je  
encore ?  
Il n'est rien de commun entre  
la terre et moi.

Quand la feuille des bois tombe  
dans la prairie,  
Le vent du soir s'élève et  
l'arrache aux vallons  
Et moi, je suis semblable à la feuille flétrie:  
Emportez-moi comme elle,  
orangeux aquilons!

**A. DE LAMARTINE**

## CÔ ĐƠN

Tôi thường ngồi lặng khi chiều xuống,  
Trên đỉnh non cao, dưới bóng sồi ;  
Mắt vẫn vợ nhìn đồng bát ngát,  
Cảnh đồng biển hiện dưới chân tôi.

Đầy sông gằm sóng, xô bàng bạc,  
Uốn lượn chìm trong bóng tối xa:  
Kìa, hồ tĩnh mạch nằm êm ả  
Một ánh sao chiều đáy nước sa.

Rừng nhỏ âm u vòng chóp núi,  
Hoàng hôn gieo nhẹ nắng sau cùng;  
Chị Nguyệt như xe êm nhẹ lướt  
Đỉnh trời tuôn bạc giải mệnh mộng.

Rồi tự góc nhà thờ chót vót  
Thu âm đồng vọng khắp nơi xa :  
Lãng du ngừng bước nghe yên lặng  
Chuông giáo đường hòa khúc thánh ca.

Trước cảnh êm đêm, tôi lãnh đạm  
Chẳng hề cảm xúc luyến thương qua;  
Tôi ngắm đất trời, hồn lạc lõng:  
Nắng đời chẳng ử ập thân ma.

Lơ đãng mắt nhìn Nam lại Bắc,  
Núi đồi lại tiếp núi đồi xa,  
Phương kia phương nọ quanh vô tận;  
Tôi nhủ : Nào đâu hạnh phúc chờ...

Nhưng biết đâu ngoài biên vũ trụ,  
Có trời nắng rọi khắp muôn phương,  
Nếu tôi gửi xác trong lòng đất,  
Mơ sẽ về nơi mắt mở giương.

Tôi sẽ say sưa nguồn khát vọng :  
Nào nguồn hy vọng, suối yêu đương,

Lý tưởng bao người hoài bão mãi,  
Không tên chi gọi ở trần gian.

Sao chẳng cho tôi theo ánh sáng,  
Ruổi niềm mơ ước tới xa xăm  
Giữ tôi đây ải trần gian mãi?  
Tôi vương tình chi với thế nhân?

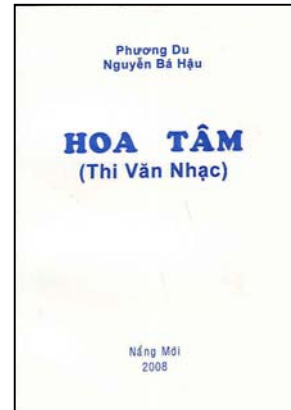
Khi lá rừng rơi trên nội cỏ,  
Gió chiều lên, cuốn lá về thung.  
Còn tôi như lá khô tàn úa :  
Mang kiếp tôi cùng, hỡi Bắc-phong!

## HOANG SONG LIEM

dịch (1953)

**HOA TÂM**, của Nhà văn Bác Sĩ **Phương Du Nguyễn Bá**

**Hậu**, Pháp.  
Gồm 10 bài  
biên khảo,  
nhiều thơ  
xướng họa, thơ  
tâm linh, 10 bài  
thơ dịch, 12 bài  
thánh ca.  
Lời giới thiệu:  
văn thi nhạc sĩ  
Lê Mộng  
Nguyên và Nguyễn Thúy.



## BIỆT CA

Ta tưởng Người đi về phương Đông  
Ta rót cho Người chén rượu hồng  
Rượu sẽ mềm môi Người sẽ khóc  
Ta cười, Người có hiểu gì không?  
Ta tưởng Người đi về phương Tây  
Ta rót cho Người chén rượu đầy  
Rượu sẽ làm cay đôi mắt ướt  
Ta nhìn, lệ rót giữa lòng tay  
Ta tưởng Người đi về phương Nam  
Ta rót cho Người chén rượu tràn  
Rượu sẽ làm hoen thân áo bạc  
Người về. Khặt khuôn dưới trăng tan  
Ta tưởng Người đi về phương Bắc  
Ta rót cho Người chén rượu ngọc  
Rượu sẽ vì ta nói với Người:  
Vĩnh biệt. Đừng quay nhìn ngõ trúc!  
Ta tiễn Người. Ồ. Ta tiễn Người  
Rừng phong không gió trời không mây  
Hoa đâu, để ngát thơm vườn ngự  
Ta tiễn Người mà Ta tiễn Người!

## VI KHUÊ

180

## PARTING RHAPSODY

Here's to You who set out to the East  
Here's for You a glass of wine red  
Wine-softened lips You shall weep  
I laugh, do you understand why?  
Here's to You who set out for the West  
Here's for You a glass filled to the top  
Wine-stung eyes You shall weep  
I look, tears drop down my hand...  
Here's to You who depart down the South  
Here's for You an over-filled glass  
Wine-bleached shirt You shall walk  
swaying under the bleary moon  
Here's to you who's going up North  
Here's for you a jade glass of port  
On my behalf, to You it will bid  
farewell, Don't look back at the bamboo gate  
Good bye. Hey, Good bye.  
No wind through the woods, cloudless sky  
No hyacinth for this scentless night  
Good bye to You Good bye!  
(Chuyển ngữ)

## CNA

CỎ THƠM

## GENERAL REVIEW OF THE SEX SITUATION

Dorothy Parker (1893-1967)  
American

Woman wants monogamy;  
Man delights in novelty.  
Love is woman's moon and sun;  
Man has other forms of fun.  
Woman lives but in her lord;  
Count to ten, and man is bored.  
With this the gist and sum of it,  
What earthly good can come of it?

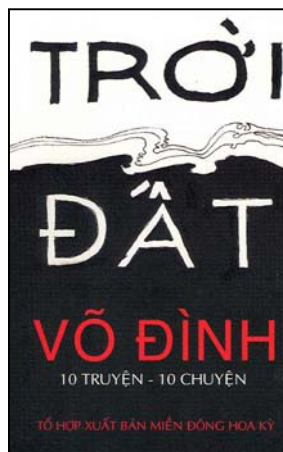
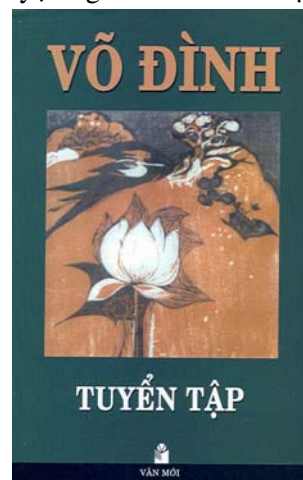
## XÉT CHUNG VỀ TÌNH HÌNH GIỚI TÍNH

Kim-Vũ dịch

Đàn bà thì thích một chồng;  
Đàn ông thì chỉ trông mong mới hoà.  
Tình yêu nữ giới biển trời;  
Còn nam đủ cách vui chơi giải sầu.  
Chồng nàng là chúa tình yêu;  
Còn chàng thì chán rất mau, thói đời.  
Xét xem toàn bộ cuộc chơi,  
Hai người xấp lại thì vui nổi gì?

Tuyển tập 30 truyện ngắn của văn thi họa  
sĩ **VÕ ĐÌNH**.

Ấn phí \$16  
Mỹ kim. Liên  
lạc nhà xuất  
ban Văn Mới:  
P.O. Box 287,  
Gardena, CA  
90248.  
Điện Thoại:  
(310) 366-  
6867.



**TRỜI ĐẤT**,  
20 truyện ngắn  
của văn thi họa  
sĩ **Võ Đình**.  
Ấn phí \$10 Mỹ  
kim. Liên lạc:  
Tổ Hợp Xuất  
Bản Miền  
Đông Hoa Kỳ  
2607 Military  
Rd, Arlington,  
VA 22207,  
USA

Tel. & Fax: (703) 525-4538,  
Email: [canhnam@dc.net](mailto:canhnam@dc.net)

## POÈME À TOI

O Chemin d'antan  
Perdu dans les grands bois,  
Pourquoi ce silence  
Pèse-t-il sur l'homme  
Qui pense à toi.  
O lac! ô chalet aux feux éteints  
Où tout ce qui se passait  
N'y laisse qu'un souvenir lointain  
O cerisier jadis fleuri  
Pourquoi restes-tu là  
Frémi!  
Sais-tu qu'à ton pied  
Un homme vient  
Désespéré!  
Est-ce bien toi Chérie  
Dont la voix m'appelle  
Et dans le murmure du vent  
J'ai trouvé ton âme  
Immortelle...

**PHONG**

**VŨ**

(Đà Lạt)



## BÀI THƠ GỬI EM

Ôi con đường thưở xa xưa  
Uốn mình khuất bóng rừng mơ ngút ngàn,  
Giờ sao tĩnh lặng vô vàn  
Ru hồn người đứng mơ màng dáng Em.  
Hồ ơi sóng nước im lim!  
Thảo trang tàn lửa, lặng yên ngâm ngợi  
Chỉ còn kỷ niệm tuyệt vời  
Dư âm di vãng một thời vắng xa  
Đào xưa khoe thắm muôn hoa  
Nay run theo gió dáng nhòa trong sương!  
Nào hay dưới góc yêu thương  
Một người tuyệt vọng bên đường dừng chân!  
Phải chăng Em chợt hiện thân  
Tên ta Em khê gọi thâm thiết tha  
Thoảng trong lời gió vờn hoa  
Hồn Em bất tử chan hòa tim ta...

**Tâm Minh**

**NGÔ TĂNG GIAO**

(chuyển ngữ)

Hình ảnh  
xứ Hoa Đào  
luôn bất diệt  
trong tâm hồn  
người Đà Lạt!

## HÌNH ẢNH SINH HOẠT CỎ THƠM



Cỏ Thơm trong buổi đón tiếp văn thi nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên và thi sĩ Đỗ Bình từ Pháp tới Virginia 4/17/2008. Từ trái - hàng ngồi: Nhà văn Trương Anh Thụy, Bà Phan Tú Anh, Chủ nhiệm Cỏ Thơm Nguyễn Thị Ngọc Dung, chị Thái Đoan, nhà báo Hoài Thanh, ..., nhà truyền thông Bùi Dương Liêm - Bé Bẩy; hàng đứng: học giả Nguyễn Ngọc Bích, nhà thơ Đỗ Bình, nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên, nhà văn Nguyễn Lâm.



Tại tư gia nhà báo Hoài Thanh, trong buổi hội ngộ cùng Bác Sĩ Nhà Văn Nguyễn Bá Hậu và phu nhân từ Pháp sang. Từ trái – Hàng ngồi TS Nguyễn Huy Long, Ô. Vũ Văn Khiên, nhà văn Nguyễn Bá Hậu, học giả Nguyễn Ngọc Bích, nữ sĩ Vi Khuê, Bà Phan Tú Anh, nhạc mẫu Ô. Hoài Thanh, phu nhân BS Nguyễn Bá Hậu, nhà thơ Hoàng Bạch Mai; Hàng đứng: Ô. Nguyễn Bá Vũ, Ô. Phan Việt Thắng, Nhà biên khảo Tâm Linh Ninh Văn Lợi, chủ nhiệm báo Sóng Thần, Ô. Hoài Thanh và phu nhân Thái Đoan, nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung, nữ sĩ Trương Anh Thụy.



CỔ THƠM tham dự Buổi Tưởng Niệm Nhạc Sĩ Nhật Bằng, 5/2/2008.



Ban nhạc The Night với Nhật Huấn, Nhật Hùng, Nhật Hải, Nhật Hào (ca sĩ) hậu duệ Nhạc Sĩ Nhật Bằng.



Phan Anh Dũng,  
Tâm Hảo,  
Hong Thủy,  
Tường Huệ,  
Nguyễn Thị Ngọc Dung,  
Trương Anh Thụy.

# HỌP MẶT THƯỜNG NIÊN NĂM THỨ 13 CỦA CƠ SỞ CỎ THƠM

**PHAN ANH DŨNG**

Mỗi năm cứ vào đầu Xuân, khi tuyết miền Đông Bắc Hoa Kỳ ngừng rơi và hoa Manh đào sắp nở, thì lòng tôi lại "nao nao", (lấn hồi hộp) vì Ngày Họp Mặt Thường Niên của Cỏ Thơm đã cận kề! (viết theo nhà văn Thanh Tịnh trong bài "Tôi Đi Học"). Không hồi hộp thế nào được vì trên cương vị người phối hợp cho chương trình văn nghệ, tôi phải suy nghĩ làm sao cho chương trình được phong phú với một ngân quỹ Cỏ Thơm eo hẹp! Tuy nhiên, tôi tự nhủ phần văn nghệ chỉ là phụ vì mục đích chính của Ngày Họp Mặt là tiếp tục truyền thống nối dây liên lạc giữa Ban Điều Hành của Cỏ Thơm và các văn, thi, nhạc, họa sĩ, thân hữu, độc giả dài hạn và mạnh thường quân. Chị Chủ Nhiệm Ngọc Dung đã nhắc nhở tôi liên lạc với các nghệ sĩ và ban nhạc từ đầu năm vì vé sẽ được in và giao trong ngày họp mặt Tết tại tòa soạn Cỏ Thơm. May mắn thay, năm nay tuy có nhiều hoạt động cận ngày tổ chức nhưng các bạn văn nghệ của tôi vẫn tham gia nhiệt tình!

Ngày Họp Mặt được tổ chức vào ngày 13 tháng 4, 2008, vẫn ở nơi quen thuộc là nhà hàng Harvest Moon, trên đường Arlington Blvd, tỉnh Falls Church của tiểu bang Virginia, gần Trung Tâm Thương Mại Eden Center nổi tiếng của người Việt vùng Hoa Thịnh Đốn.

Năm nay, nhờ trời thương, nên khí hậu tốt, không mưa gió như năm ngoái!



Từ trái: Phan Khâm, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Việt Bằng, Bùi Thanh Tiên, Phan Anh Dũng Tâm Hảo.

**Hình Phạm Văn Tuấn.**

Khoảng 3 giờ, tôi đến nhà hàng để chuẩn bị, đã thấy hai anh Tiến Kèn và Sĩ Thành đem dụng cụ âm thanh và đàn "keyboard" vào sắp xếp. Có hai anh đảm trách phần kỹ thuật này tôi cũng yên tâm phần nào! Trong lúc đó, tôi và Ông Richard Hsu, chủ nhà hàng (cũng là chuyên viên ánh sáng & thu video) thử chiếu vài hình ảnh lên 6 màn hình chung quanh phòng ăn. Phòng này đã được dọn dẹp ngăn nắp, 25 bàn thật lịch sự với khăn bàn và khăn ăn trắng phau.



**Vietnamese American Television:  
Trung Chi, Anh Thư, Thùy Lan**

Vợ chồng Nhà Thơ Ý Anh (Đỗ Tràng Mỹ Hạnh và Bằng) cũng đã đến để sửa soạn bàn "reception" tiếp đón quan khách. Trên bàn có với một bình hoa hồng thật tươi sáng và những quyển Cổ Thơ số 42 Mùa Xuân 2008, trang bìa màu sắc hòa hợp với tranh "Gái Xuân" của Họa Sĩ Vũ Thái Hòa (Tranh vẽ ba cô gái Việt Nam



Từ trái- Hàng ngồi: Hoàng Dung, Ý Anh, Hà Bình Trung, Vũ Hối, Trương Anh Thụy, Vi Khuê, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Hoàng Hải Thủy, Nguyễn Văn thành, Hồng Thủy;  
Hàng đứng: Phạm Xuân Thái, Đặng Nguyên, Uyên Thao, Nguyễn Lân, Trần Bích San, Phan Khâm, Nguyễn Phú Long, Bùi Thanh Tiên, Đỗ Ngọc Phú, Phan Anh Dũng, Phạm Văn Tuấn. **BUDDY PHOTO.**





Hoàng Tiếp:  
Buddy Photo.

với áo lụa tha thướt,  
hoa trên mái tóc,  
hoa trong vòng tay,  
nón lá và khăn  
choàng cổ lãng  
mạn. Cả ba đang  
hưởng Xuân yên  
bình trên đồi xanh,  
chim bồ câu bay lượn, xa xa  
một cổng chùa và những hàng



Huy Lãm. Buddy Photo.

dừa cao vút). Xin ghi chú nơi đây: Cổ Thơm hân hạnh được Họa Sĩ Vũ Thái Hòa (Pháp), Họa Sĩ Đinh Cường (Virginia) và Nhạc Sĩ Thanh Trang (California) nhận lời mời gia nhập vào Ban Biên Tập kể

từ số 42.

Nhà Thơ Bùi Thanh Tiên cũng đến sớm hơn mọi khi để trình làng quyển thơ "Khúc Vô Thanh" của anh do Cơ Sở Cổ Thơm vừa xuất bản. Bà Nguyễn Thị Nga, hiền thê của cố nhạc sĩ Lê Trọng Nguyễn cũng không quản ngại đường xá xa xôi từ



Từ trái – Hàng ngồi: Minh Trân, Phương Nga, Tâm Hảo, Asa Trinh, Bạch Mai, Kim Oanh, Thái Ninh, Thái Phượng, Hiếu Thuận, Kiều Nga, Kiều Thu, Trúc Mai;  
Hàng đứng: Phan Anh Dũng, Huy Lãm, Đàm Xuân Linh, Phạm Dương Hiển, Nguyễn Lân, Hoàng Tiếp, Richard Hsu, Hoàng Cung Fa, Tiến Kèn, Sỹ Thành, Đèo Văn Sách, TJ, Nguyễn Thị Ngọc Dung. **Buddy Photo.**



Tâm Hảo.  
**Buddy Photo**

California đến thăm Lễ Hội Hoa Anh Đào và tham dự ngày Họp Mặt. Một số "Tuyển Tập Nhạc Lê Trọng Nguyễn" và CD "Lá Rơi Bên Thềm" cũng được bày bán ở bàn tiếp tân.

Lần lượt các quý vị trong Ban Điều Hành và một số



Phạm Dương Hiến.  
Hình Phạm Văn Tuấn.

quan khách đã đến: Nhà Văn Nguyễn Thị Ngọc Dung và con trai Trường Sơn; Biên Khảo Gia Phạm Văn Thành, Phạm Văn Tuấn và Trần Bích San; các Thi Sĩ Vi Khuê, Đặng Nguyên, Quỳnh Anh (Phạm Ánh Bích), Phan Khâm, Lý Hiểu, Hoàng Song Liêm, Dương Đình Hưng ...; các Nhà Văn Uyên Thao, Hoàng Hải Thủy, Nguyễn Lân, Hồng Thủy, Hoàng Dung, Nguyễn Phú Long, Đỗ Hùng, Trương Anh Thụy, Đỗ Ngọc Phú, Phạm Văn Hải, Phạm Thành Châu (Chủ Bút Đặc San Quảng Nam & Đà Nẵng vùng Hoa Thịnh Đốn)...; các Nhạc Sĩ Huy Lâm, Phạm Tuấn, Nguyễn Tường Vân, Hoàng Cung Fa, Đàm Xuân Linh ...; ÔB Bác Sĩ Dương Quang Hớn (Chủ Tịch Hội Thân Hữu Quảng Trị), Nhà Thơ Lâm Thúy (Chủ Tịch Văn Bút Miền Đông Bắc Hoa Kỳ), Thi Họa Sĩ Vũ Hối,



Từ trái: Đèo Văn Sách, Hoàng Tiếp, Hoàng Cung Fa, Hiếu Thuận, Thái Ninh, Thái Phượng, Tâm Hảo. **BUDDY PHOTO.**



Bạch Mai ngâm thơ với đàn tranh Kim Oanh, keyboard Hoàng Cung Fa, tiếng sáo Thanh Hà. **Buddy Photo.**

Nhà Thơ Hà Bình Trung (Chủ Tịch Câu Lạc Bộ Văn Học Nghệ Thuật), Nhà Văn Nguyễn Đức Nam (Chủ Nhiệm Nguyệt San Kỷ Nguyên Mới), Nhà Báo Trần Việt Tân (Chủ Nhiệm Tuần Báo Đời Nay), Nhà Báo Phạm Bá

Vinh (Chủ Nhiệm Báo Sóng Thần), Nhà Văn Phạm Xuân Thái (Chủ

Biên website VietDC.org), nhóm cựu nữ sinh của Trưng Vương... Hình chụp lưu niệm sẽ do anh Phạm Văn Tuấn và Buddy Photo đảm nhiệm.

Năm nay, Cỏ Thơm được bốn người bạn mới: Thùy Lan, Bảo Lộc, Anh Thư và Trung Chi của Đài Truyền Hình VATV (Vietnamese American Television) đến chụp hình, thu hình và phỏng vấn. Thùy Lan là một người hoạt động nhiều trong Cộng Đồng Người Việt vùng Hoa Thịnh Đốn. Cô là người giới thiệu một nghệ sĩ đa tài: Vũ Sư Asa Trinh Thorp, cho chương trình văn nghệ. Tôi cũng thử phào nhẹ nhõm vì



Thái Ninh: Cỏ Hồng. **Buddy Photo.**

các bạn nghệ sĩ của tôi đã có mặt đầy đủ.



Nguyễn Lân và Asa Trinh: Tây Thi Phạm Lãi. **Hình Phạm Văn Tuấn.**

Chương trình được khai mạc vào khoảng 6 giờ 30. Nhà Thơ Ý Anh đọc qua các tiết mục. Phó Chủ Nhiệm Cỏ Thơm Phan Khâm cùng quan khách thông qua nghi lễ chào quốc kỳ Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa. Chị Ngọc Dung đã ngăn gọn chào mừng quan khách đến tham dự và giới thiệu anh Trần Bích San. Anh thay mặt Cỏ Thơm và Ban Tổ Chức gửi lời chào nồng nhiệt đến quý vị



quan khách, nhất là quý vị ở xa xôi. Anh nói qua về quyển Cỏ Thơm số mùa Xuân với bài vở phong phú của hơn 60 tác giả. Nhân dịp này, anh cũng thông báo một sự thay đổi trong việc tổ chức và điều hành của Cỏ Thơm: chức vụ Chủ Bút sẽ được một nhóm 5 người chịu trách nhiệm, đó là: Phạm Văn Tuấn, Ngô Tăng Giao, Bình-Huyền (Pháp), Trần Bích San và Nguyễn Thị Ngọc Dung.



Hiếu Thuận: Riêng Một Góc Trời. Hình **Phạm Văn Tuấn**.



Đèo Văn Sách:  
Hình **Phạm Văn Tuấn**

Tiếp theo, Nhà Văn Hồng Thủy đã mời Ban Điều Hành Cỏ Thơm cùng các văn, thi, họa, nhạc sĩ và các nghệ sĩ

đóng góp cho chương trình văn nghệ lên chụp hình lưu niệm trước khi vào tiệc. Trong lúc ăn tối với những thức ăn chọn lọc của nhà hàng, hình ảnh sinh hoạt của Cỏ Thơm 13 năm qua đã được chiếu trên các màn hình, kể cả những hình vẽ: cuộc họp mặt tháng 4, 2007; chiếu ra mắt sách của Hồ Trường An và Nguyễn Thị Ngọc Dung tháng 10, 2007; và trưa họp mặt Tết 2008 tại tòa soạn Cỏ Thơm.



Từ trái: Hoàng Dung, Đàm Xuân Linh, Kim Oanh, Hiếu Thuận, Hoàng Cung Fa, Sỹ Thành, Phạm Dương Hiển. Hình **Phạm Văn Tuấn**.



Hàng ngồi: thân hữu, TJ, Mẫu Đơn, Lani, Phương Nga, Trúc Mai. Hàng đứng: Thúy Diễm, Kiều Thu, Thanh Minh, Minh Trân. **Buddy Photo.**

Chương trình văn nghệ do hai MC linh động, khả ái Thái Phượng và Đàm Xuân Linh điều khiển. Bản "Ra Đi Khi Trời Vừa Sáng", một trong những sáng tác đầu tay của Nhạc Sĩ Phạm Đình

Chương, đã mở đầu và hâm nóng cho chương trình văn nghệ qua trình diễn vui vẻ, điêu luyện của Ban Hợp Ca gồm có: Hoàng Tiếp, Cung Fa, Đèo Văn Sách, Thái Ninh, Tâm Hảo và Thái Phượng.

Kế tiếp, Phan Anh Dũng cảm ơn các nghệ sĩ đã bỏ công tập luyện và đóng góp trong chương trình văn nghệ tối nay. Trong chiều hướng duy trì và phát triển văn học nghệ thuật hải ngoại, những tác phẩm nổi tiếng cũng như những tác phẩm tạm gọi là mới của các tác giả Cổ Thơm và thân hữu sẽ được trình bày trong phần văn nghệ. Với nhạc đệm của Sĩ Thành (keyboard), Tiến Kèn (saxo), Cung Fa (keyboard), Hoàng Tiếp (saxo), Đàm Xuân Linh (violin), Phạm Dương Hiển (violin), các ca sĩ



Line dancing - Từ trái, hàng trước: Phương Nga, TJ, Ngọc Dung; hàng sau: Trúc Mai, Ngọc Tú, Minh Trân, Kiều Thu. **Hình Phạm Văn Tuấn.**





Văn Thi Sĩ Vi Khuê, Hà Bình Trung,  
Phạm Văn Tuấn, Ca Sĩ Kiều Nga,  
Thùy Hương và thân hữu. Buddy Photo.

Hoàng Tiếp, Bạch Mai, Tâm Hảo, Thái Ninh, Hoàng Cung Fa, Đèo Văn Sách, Hiếu Thuận đã lần lượt hát đơn ca hay song ca các nhạc bản: "Áo Trắng Thôi Bay" (nhạc: Phạm Tuấn, thơ: Dương Đình Hưng); "Tuổi 13" (Ngô Thụy Miên, thơ: Nguyễn Sa); "Đố Ai" (Phạm Duy); "Hạ Trắng" (Trịnh Công Sơn); "Cỏ Hồng" (Phạm Duy); "Giọng Hát Năm Xưa" (Nhạc: Nguyễn Đức Nam, thơ: Hoàng Anh Tuấn); "Riêng Một Góc Trời" (Ngô Thụy Miên); "Tiệc Cho Một Cuộc Tình" (nhạc: Văn Sơn Trường, thơ: Hồng Thủy); và "Em Qua Chốn Này" (Nhạc: Nguyễn Tường Vân, thơ: Dương Đình Hưng).



ÔB Nguyễn Huy Long, ÔB Nguyễn Văn Thành



Vũ Hối, Đặng Nguyên, Phan Khâm,  
Lý Hiếu và thân hữu. Buddy Photo.



Thái Phượng, (ngồi đầu từ trái)  
và quan khách. Buddy Photo



Từ phải: Lê Thi Ngọc, Bích Vân, Tường Huệ,  
Hong Yến, Kim Phượng, Trần Trọng Toàn,  
Kim Oanh và phu quân. Buddy Photo



Bàn cựu nữ sinh Gia Long Lý Kim Hà.  
Buddy Photo.

Hà và tiếng đàn tranh của GS Kim Oanh, Nhà Thơ Bạch Mai đã ngâm hai bài thơ tiêu biểu của Vương Đức Lệ và Hoàng Trùng Dương để tưởng nhớ hai nhà thơ vừa vĩnh biệt cõi trần. Các tiết mục đặc biệt trong chương trình năm nay được nhiều người khen ngợi gồm có:

- Ca sĩ Hoàng Tiếp thổi kèn saxophone bài "Hạ Trắng" khi Tâm Hảo hát; Huy Lâm độc tấu tây ban cầm flamenco bài "Soleares" và Phạm Dương Hiến độc tấu vĩ cầm "Bài Không



Nhà Thơ Quỳnh Anh (thứ hai từ trái) và thân hữu. Buddy Photo.



**Thái Phượng, Kiều Thu, Trúc Mai, Ngọc Dung.**  
Sonny Photo.

Asa Trịnh trình diễn.

Không khí văn nghệ được sống động và vui vẻ hơn khi những đóa hoa hồng được thân hữu và người ái mộ trao tặng đến các nghệ sĩ, như một lời cảm ơn họ đã đem niềm vui đến cho mọi người.

Như mọi năm, sau chương trình văn nghệ là đến màn khiêu vũ với sự góp mặt của các ca sĩ thân hữu: Thái Phượng, Bùi Thanh Tiên, Kiều

Tên Số 2 (Vũ Thành An)". Đây là lần đầu tiên Hiến đến sinh hoạt với Cổ Thơm, anh học Trường Quốc Gia Âm Nhạc Sài Gòn và là người sáng lập dàn nhạc giao hưởng "Prelude Chamber Ensemble".

- Kịch "Tây Thi và Phạm Lãi" do nhà văn, kịch sĩ Nguyễn Lân viết và diễn với Asa Trịnh.

- Múa quạt dân tộc do Vũ Sư



**Phan Anh Dũng, Tâm Hảo, Trần Bích San, Ngọc Dung.** Sonny Photo.





Mỹ Hạnh, Việt Bằng, Uyên Thao, Anh Chị Hoàng Song Liêm, Ngọc Dung, Trường Sơn, Buddy Photo.

Nga, Bạch Mai, Phương Nga, Minh Trân ... Mở đầu với "line dancing" do vũ sư T.J cùng với Ngọc Dung, Kiều Thu, Phương Nga, Minh Trân và Ngọc Tú trình diễn. Mục đích của "line dancing" là để khuyến khích nghệ sĩ, nhất là quý vị có tuổi, ngoài "vận động đầu óc" cũng nên bỏ thì giờ để vận động cơ thể. Trong lúc khiêu vũ, một số thân hữu của tôi đến chúc mừng cuộc họp mặt đã được tổ chức tốt đẹp, khung cảnh ấm cúng, thức ăn ngon, âm thanh tốt và chương trình văn nghệ phong



Từ phải: Hoàng Hải Thủy, Trần Bích San, Nguyễn Đức Thụy, Đỗ Hùng, và quan khách. Buddy Photo.

phú hơn năm ngoái! Còn gì vui hơn khi mọi chuyện đã diễn biến tốt đẹp! Riêng tôi, rất vui vì có dịp gặp lại một số quý vị đã không đến chung vui với Cỏ Thơm từ nhiều năm; được quen biết thêm một số nghệ sĩ mới vùng Thủ Đô và cảm thấy ấm lòng với thân tình gắn bó của những người yêu văn học nghệ thuật. Tôi cũng rất cảm động khi thấy nhiều thân hữu và các gia đình nghệ sĩ (như gia đình của Phạm Dương Hiến, gia đình tôi và cụ bà Phùng Thị Nhật) đã bỏ thì giờ quý báu đến ủng hộ và chung vui. Đây là những nghĩa cử thật đẹp không ngoài mục đích khích lệ các con cháu cố gắng hoạt động duy trì văn học nghệ thuật Việt Nam ở hải ngoại.

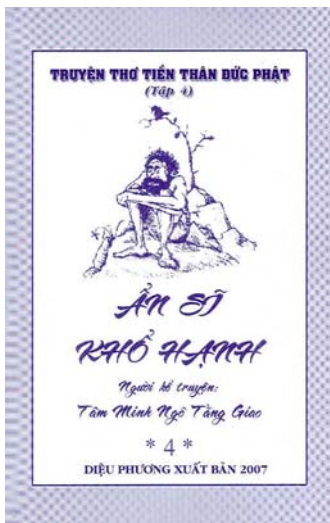


Bàn gia đình Phan Anh Dũng  
- Tâm Hảo. Buddy Photo.

## PHAN ANH DŨNG

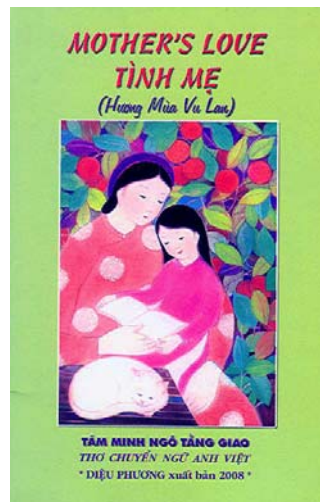
Richmond, Virginia – Đầu Hạ 2008

**ẨN SĨ KHỔ HẠNH**, truyện thơ tiền thân Đức Phật. **NGÔ TĂNG GIAO** kể. 168



trang. Diệ  
Phươg xuất  
bản. Sách  
ấn tống,  
không bán.  
Tác giả  
không giữ  
bản quyền,  
hoan nghê  
tái bản hoặ  
phổ biến  
dưới bất cứ  
hình thức  
nào.

## MOTHER'S LOVE, TÌNH MẸ.



thơ chuyể  
ngữ Anh  
Việt. Tác  
giả **NGÔ  
TĂNG  
GIAO** .  
144 trang.  
Diệ Phươg  
xuất bản.  
Sách ấn tống  
để biể,  
không bán.  
Liên lạc:

[giaongo@msn.com](mailto:giaongo@msn.com)

## CƠ SỞ VĂN HỌC CỔ THƠM

11 623 CHAPEL CROSS WAY, RESTON, VA 20194, USA

Tel. (703) 471-1271, Fax (703) 471-1196

Email: dsenser@yahoo.com

### ĐÃ XUẤT BẢN

TAM CÁ NGUYỆT SAN CỔ THƠM (Từ năm 1996)

VÙNG CAO NƯỚC ẤN (1999) - Thơ LƯU NGUYỄN ĐỆM

ĐIỂM TRANG LÀM ĐÁNG CUỘC ĐÒI (1999) -

Thơ NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

ÁO MÀU XANH (1999) - Thơ CAO MỸ NHÂN

TRĂNG NHỚ ĐÊM RẪM (2000) - Thơ BÙI THANH TIÊN

NHƯ GIẤC MỘNG SAY (2000) - Thơ phổ nhạc NGÔ THY VÂN

TÁC PHẨM ĐẸP CỦA BẠN (2000) - Nhận định văn học của HỒ TRƯỜNG AN

VĂN LUẬN (2000) - LƯU NGUYỄN ĐỆM

VĂN KHẢO (2000) - TRẦN BÍCH SAN

MỘT THOÁNG MÂY BAY (2001) - Tập truyện NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

HỒN NƯỚC (2002) - Thơ LƯU NGUYỄN ĐỆM

BÊN DÒNG THẠCH HẪN (2002) - Thơ PHAN KHÂM

SÔI NỔI (2002) - Tập Truyện NGUYỄN LÂN

HOÀI CẢM (2003) - Thơ xướng họa của HỒ TRƯỜNG AN, CAO MỸ NHÂN,

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG, PHAN KHÂM, VĂN NƯƠNG,

TRẦN QUỐC BẢO, VI KHUÊ, HUỆ THU, NGÔ TĂNG GIAO.

VƯỜN CAU QUÊ NGOẠI (2003) - Thơ HỒ TRƯỜNG AN

ĐÁ KHÔ DÒNG LÊ (2004) - Thơ ĐẶNG NGUYỄN

HÌNH ẢNH TRỜI ĐI (2005) - Thơ VIỆT BẰNG

GIAI THOẠI VĂN CHƯƠNG (2006) Bút đàm của HỒ TRƯỜNG AN với Việt Bằng, Dư Thị Diễm Buồn,

Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Vi Khuê, Vũ Nam, Trần Bích San, Tiểu Thu.

ĐỒNG SỐNG THAO THỨC (2007) - Thơ - PHAN KHÂM

NON NƯỚC ĐÁ VÀNG (2007) - Bút ký - NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

NÁO NƯỚC HỘI TRĂNG RẪM (2007) - Bút khảo - HỒ TRƯỜNG AN về các tác giả

Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội, Bình Nguyên Lộc, Vi Khuê, Trương Anh Thụy, Nguyễn Thị Thụy Vũ,

Trần Bích San, Nguyễn Thị Ngọc Dung,

THƠ TÌNH HOÀNG TRÙNG DƯƠNG (2007)

KHÚC VÔ THANH (2008) - 90 bài thơ - BÙI THANH TIÊN.



US\$5.00